

Phía sau Bảng Cân đối Kế toán

Bộ Công cụ của IFC về Minh bạch và Công bố Thông tin



LE GOUVERNEMENT
DU GRAND-DUCHÉ DE LUXEMBOURG
Ministère des Finances



**International
Finance Corporation**
WORLD BANK GROUP

Creating Markets, Creating Opportunities

Phía sau Bảng Cân đối Kế toán

**Bộ Công cụ của IFC về Minh bạch và
Công bố Thông tin**



© 2018 Tổ chức Tài chính Quốc tế. Bản quyền tác phẩm được bảo hộ.

2121 Pennsylvania Avenue, NW
Washington, DC 20433 USA
Internet: www.ifc.org

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ. Việc sao chép và/hoặc trích dẫn một phần hoặc toàn bộ nội dung của cuốn sách mà không được phép có thể vi phạm pháp luật. IFC khuyến khích việc phổ biến các ấn phẩm của IFC và cho phép người sử dụng sao chép nội dung của cuốn sách cho mục đích giáo dục và phi thương mại, và không phải trả phí, nhưng phải tuân thủ việc ghi nguồn và thông báo mà chúng tôi có thể yêu cầu.

IFC không đảm bảo tính chính xác, tin cậy, hay hoàn chỉnh của nội dung ấn phẩm này, hoặc về các kết luận hoặc nhận định được mô tả trong ấn phẩm này, và không chịu trách nhiệm đối với mọi thiếu sót hoặc sai sót (bao gồm, nhưng không giới hạn, lỗi đánh máy và lỗi kỹ thuật) trong nội dung hoặc do dựa trên nội dung trong ấn phẩm này. Đường biên giới, màu sắc, tên gọi và các thông tin khác thể hiện trên các bản đồ trong ấn phẩm này không hàm ý bất kỳ nhận định nào về phía Ngân hàng Thế giới liên quan đến địa vị pháp lý của bất kỳ vùng lãnh thổ nào và cũng không thể hiện bất kỳ sự ủng hộ hoặc chấp nhận nào của Ngân hàng đối với những đường biên giới đó. Các phát hiện, diễn giải và kết luận đưa ra trong ấn phẩm này không nhất thiết phản ánh quan điểm của các Giám đốc Điều hành Ngân hàng Thế giới hoặc các chính phủ mà họ đại diện.

Nội dung ấn phẩm này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tổng thể và không nhằm mục đích cấu thành tư vấn pháp lý, chứng khoán hoặc đầu tư, quan điểm liên quan đến sự phù hợp của bất kỳ khoản đầu tư nào, hoặc chào mời dưới bất kỳ hình thức nào. IFC hoặc công ty con của IFC có thể đầu tư, cung cấp tư vấn hoặc dịch vụ khác, hoặc có lợi ích tài chính theo cách khác trong doanh nghiệp và các bên nhất định (bao gồm các bên có tên trong tài liệu này).

Tất cả các câu hỏi khác về quyền và giấy phép, bao gồm tác quyền liên quan, để nghị gửi đến Phòng Quan hệ Doanh nghiệp của IFC, 2121 Pennsylvania Avenue, NW, Washington, DC 20433 Hoa Kỳ.

Tổ chức Tài chính Quốc tế là tổ chức quốc tế được thành lập theo Điều khoản Thỏa thuận giữa các quốc gia thành viên và là thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Mọi tên, logo và thương hiệu là tài sản của IFC, và quy vị không được sử dụng bất kỳ tài liệu nào như vậy cho bất kỳ mục đích nào nếu không được IFC chấp thuận rõ ràng bằng văn bản. Ngoài ra, "Tổ chức Tài chính Quốc tế, và "IFC", là thương hiệu đã đăng ký của IFC và được bảo vệ theo luật pháp quốc tế.

Khuyến cáo

Bộ Công cụ này được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế tốt, các quy định và quy chuẩn quốc gia, và kinh nghiệm của nhiều chuyên gia và người hành nghề về một chủ đề rất phức tạp và không phải là Bộ Công cụ toàn diện. Ấn phẩm này cũng không cung cấp một đánh giá hoàn chỉnh về các vấn đề được xem xét.

Ấn phẩm này xem xét số lượng lớn các báo cáo thường niên của doanh nghiệp ở các thị trường phát triển và mới nổi. IFC không đưa ra nhận xét về kết quả hoạt động của những doanh nghiệp này. Các trích đoạn từ các báo cáo thường niên chỉ được sử dụng để minh họa cho các phần khác nhau của báo cáo thuộc phạm vi của ấn phẩm này và IFC không bảo đảm về tính chính xác của thông tin hoặc kết quả hoạt động hiện tại hoặc tương lai của các doanh nghiệp.

Nội dung của bên thứ ba: IFC không nhất thiết sở hữu mỗi cấu phần của nội dung ấn phẩm này, đặc biệt là ví dụ trích dẫn từ các báo cáo thường niên của doanh nghiệp. Do đó, IFC không đảm bảo rằng việc sử dụng bất kỳ cấu phần nào riêng biệt thuộc sở hữu của bên thứ ba đó hoặc bất kỳ phần nào trong ấn phẩm này sẽ không vi phạm quyền của các bên thứ ba đó. Rủi ro bị khiếu nại do các vi phạm như vậy do quý vị tự chịu trách nhiệm. Nếu muốn sử dụng lại bất kỳ thành phần nào của ấn phẩm, quý vị có trách nhiệm tự xác định về việc có cần phải xin phép sử dụng lại hay không và thực hiện việc xin phép đó.

Mục lục

Lời tựa	ix
Lời cảm ơn	x
Tóm tắt Tổng quan	xi
0. Giới thiệu	1
0.1. Lợi ích của Công bố Thông tin và Minh bạch	1
0.2. Cách tiếp cận Toàn diện và Tích hợp đối với Báo cáo Doanh nghiệp	4
Phần I: Khung Công bố Thông tin	15
1. Chiến lược	18
1.1. Mô hình và Môi trường Kinh doanh	18
1.2. Mục tiêu Chiến lược	22
1.3. Phân tích và Ứng phó với Rủi ro	24
1.4. Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững	26
1.5. Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính	49
2. Quản trị Công ty	55
2.1. Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG	55
2.2. Cơ cấu và Hoạt động của HĐQT	58
2.3. Môi trường Kiểm soát	68
2.4. Đối xử với Cổ đông Thiếu số	81
2.5. Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan	92
3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động	97
3.1. Báo cáo Kết quả Hoạt động	97
3.2. Báo cáo Tài chính	102
3.3. Báo cáo Phát triển Bền vững	109
Phần II: Hướng dẫn Báo cáo	123
Tính Trọng yếu	123
Chất lượng Thông tin	124
Phạm vi Công bố Thông tin	124
Yêu cầu về Công bố Thông tin	124
Ai Nên Tham gia Chuẩn bị Báo cáo Thường niên?	125
Định dạng Báo cáo	125
Công nghệ và Báo cáo	126
Phát hành Báo cáo Thường niên	126

Phụ lục	129
Phụ lục A: Đánh giá Tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững...	129
Phụ lục B: Câu hỏi HĐQT nên Đặt ra về Quản lý và Công bố Thông tin ESG....	132
Phụ lục C: Lập Kế hoạch Nội bộ để Chuẩn bị Báo cáo Thường niên	133
Phụ lục D: Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty của IFC cho Công ty Niêm yết (Lồng ghép các Vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty).....	136
Phụ lục E: Các Khung chính cho Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững	145
Phụ lục F: Các Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững Sử dụng trong Bộ công cụ	148
Thuật ngữ	150
Tài liệu tham khảo	158

Hộp

Hộp 0.1: Lợi ích của Quản lý ESG.....	3
Hộp 0.2: Các yếu tố thúc đẩy Báo cáo ESG.....	4
Hộp 1.1: Quy trình Tạo ra Giá trị của IIRC	20
Hộp 1.2: Định nghĩa về Tính Trọng yếu	30
Hộp 1.3: Mục tiêu Phát triển của IFC	42
Hộp 2.1: Yêu cầu của Nhà nước về Công bố Thông tin Sở hữu	84
Hộp A.1: Nguyên tắc Hướng dẫn của Khung <IR> về Tính trọng yếu.....	130
Hộp A.2: Bài Kiểm tra Tính Trọng yếu bao gồm Năm Yếu tố của SASB	131

Ví dụ

Ví dụ 1.1: Môi trường Kinh doanh - Báo cáo Thường niên của Gold Fields 2016 ..	19
Ví dụ 1.2: Mô hình Kinh doanh - Báo cáo Thường niên của Chugai Pharmaceutical 2016	20
Ví dụ 1.3: Mô hình Kinh doanh - Báo cáo Thường niên Ngân hàng thương mại Ceylon 2016	21
Ví dụ 1.4: Môi trường Kinh doanh - Báo cáo Thường niên Astellas Pharma 2016...	22
Ví dụ 1.5: Sáng kiến Chiến lược - Báo cáo Thường niên Tích hợp Santova Limited 2016	23
Ví dụ 1.6: Trọng tâm Chiến lược - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Nedbank 2015...	24
Ví dụ 1.7: Chiến lược - Báo cáo Tích hợp của Kumba Iron Ore Limited 2017 ..25	
Ví dụ 1.8: KPI cho Thiết lập Mục tiêu - Báo cáo Thường niên Tích hợp của EnBW 2017	26
Ví dụ 1.9: Đánh giá Rủi ro - Báo cáo Thường niên Astellas Pharma Inc. 2016...	27
Ví dụ 1.10: Xếp hạng Rủi ro còn lại - Báo cáo Tích hợp Kumba Iron Ore Limited 2017	27
Ví dụ 1.11: Giảm nhẹ Rủi ro - Báo cáo Thường niên CLP Group 2015.....	28
Ví dụ 1.12: Xác định tính Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Africa) 2017.....	30
Ví dụ 1.13: Xác định tính Trọng yếu - Báo cáo Thường niên Tích hợp Sasol 2017	31
Ví dụ 1.14: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo phát triển bền vững của Tata Motors 2015-2016	33

Ví dụ 1.15: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo Trách nhiệm Doanh nghiệp Deutsche Bank 2016	34
Ví dụ 1.16: Ma trận Trọng yếu - Nestlé trong Xã hội 2016	34
Ví dụ 1.17: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp CEMEX 2017	35
Ví dụ 1.18: Quản lý các Vấn đề Bền vững Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp Kumba Iron Ore Limited 2017	36
Ví dụ 1.19: Phát thải KNK - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016.....	38
Ví dụ 1.20: Đa dạng hóa - Báo cáo Thường niên Takeda 2016	38
Ví dụ 1.21: Phát thải Tránh được - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016..	39
Ví dụ 1.22: Thu hồi Sản phẩm - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016..	40
Ví dụ 1.23: Tác động theo Giai đoạn Sử dụng - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016.....	40
Ví dụ 1.24: Hóa chất trong Sản phẩm - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016	41
Ví dụ 1.25: Đóng góp cho Tăng trưởng Kinh tế Bền vững - Tóm tắt Bền vững của Standard Chartered 2015.....	44
Ví dụ 1.26: Đóng góp cho Kinh tế Xã hội - Báo cáo Tích hợp Eskom 2016	44
Ví dụ 1.27: Thành tựu Chính trong Phương thức Chữa trị Ung thư - Báo cáo Thường niên Roche 2016	45
Ví dụ 1.28: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo AkzoNobel 2016	46
Ví dụ 1.29: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo tích hợp CEMEX 2017	46
Ví dụ 1.30: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Takeda 2016.....	47
Ví dụ 1.31: Mục tiêu Chiến lược và KPI - Báo cáo Thường niên Tích hợp Gold Fields 2015.....	50
Ví dụ 1.32: Mục tiêu cho Tác động môi trường - Báo cáo Thường niên Takeda 2016	50
Ví dụ 1.33: Chiến lược Phát triển Bền vững và KPI - Tóm tắt Báo cáo Phát triển Bền vững của Standard Chartered 2015.....	51
Ví dụ 1.34: KPI - Báo cáo Thường niên RioTinto 2017	53
Ví dụ 2.1: Mô hình Quản trị Công ty - Báo cáo Thường niên của Telekom Malaysia 2015.....	56
Ví dụ 2.2: Xếp hạng Quản trị Công ty - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015 ...	58
Ví dụ 2.3: Thủ tục Đề cử HĐQT - Báo cáo Thường niên Ngân hàng Thương mại Siam 2016	61
Ví dụ 2.4: Quy trình Đề cử - Tuyên bố Ủy quyền của Công ty Coca-Cola 2016 ..	61
Ví dụ 2.5: Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT - Báo cáo Thường niên BHP Billiton 2016.....	62
Ví dụ 2.6: Trình độ Chuyên môn của Thành viên HĐQT - Tuyên bố Ủy quyền Prudential 2016	63
Ví dụ 2.7: Cơ cấu thành viên và Tính Độc lập của HĐQT - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015.....	64

Ví dụ 2.8: Giải trình về tính Độc lập của Thành viên HĐQT - Báo cáo Thường niên của BHP Billiton 2016.....	64
Ví dụ 2.9: Sự Đa dạng của HĐQT - Báo cáo Thường niên Natura 2016	65
Ví dụ 2.10: Thành viên HĐQT và Ban Điều hành - Báo cáo Thường niên Aggreko 2015	66
Ví dụ 2.11: Mô tả Ủy ban - Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Africa) 2015 ...	67
Ví dụ 2.12: Ủy ban Phát triển Bền vững trực thuộc HĐQT - Báo cáo Thường niên BHP Billiton 2016	68
Ví dụ 2.13: Kiểm soát Nội bộ - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015.....	72
Ví dụ 2.14: Kiểm toán Nội bộ - Báo cáo Tích hợp Nedbank Group 2014	72
Ví dụ 2.15: Ủy ban Kiểm toán - Báo cáo Thường niên Aggreko 2015.....	73
Ví dụ 2.16: Kiểm toán Độc lập - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CLP 2015.....	74
Ví dụ 2.17: Rà soát và Bảo đảm về Dữ liệu Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Tích hợp Gold Fields 2016	75
Ví dụ 2.18: Khẩu vị Rủi ro và Hồ sơ Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CLP 2015	77
Ví dụ 2.19: Mục tiêu Định lượng về Khẩu vị Rủi ro - Báo cáo Thường niên UBS 2016	77
Ví dụ 2.20: Quản lý Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CPL 2015.....	78
Ví dụ 2.21: Quản lý Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tích hợp Công ty TNHH Santova 2016	78
Ví dụ 2.22: Tuân thủ - Báo cáo Thường niên Công ty TNHH Li & Fung 2015....	80
Ví dụ 2.23: Quyền sở hữu Hưởng lợi - Báo cáo Thường niên Tập đoàn True Thái Lan 2015.....	81
Ví dụ 2.24: Phân phối cổ phần - Báo cáo Thường niên Telekom Malaysia 2015... 83	
Ví dụ 2.25: “Coi như có Sở hữu” - Báo cáo Thường niên Telekom Malaysia 2015	83
Ví dụ 2.26: Chuỗi Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Itau Unibanco Braxin 2014.. 84	
Ví dụ 2.27: Cổ đông Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Tập đoàn True Thái Lan 2015.....	85
Ví dụ 2.28: Quyền Biểu quyết và Quyền của Cổ đông Thiểu số - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015.....	86
Ví dụ 2.29: Thay đổi Quyền Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015.....	87
Ví dụ 2.30: Chính sách Thù lao - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi) 2015.....	88
Ví dụ 2.31: Thù lao Thực tế - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015	89
Ví dụ 2.32: Quản lý GDBLQ - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015	90
Ví dụ 2.33: Thông tin Chi tiết về GDBLQ - Báo cáo Tài chính Tập đoàn Sappi 2016	91
Ví dụ 2.34: Thông tin Tóm tắt về GDBLQ - Báo cáo Thường niên Reliance Limited 2015	92
Ví dụ 2.35: Xác định các bên có quyền lợi liên quan - Báo cáo Thường niên Vopak 2016.....	94

Ví dụ 2.36: Các Bên có Quyền lợi liên quan và Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Tata Motors 2015	96
Ví dụ 3.1: Kỳ vọng Tương lai - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016.....	99
Ví dụ 3.2: KPI Tài chính - Báo cáo Thường niên Rio Tinto 2017	100
Ví dụ 3.3: Tổng quan về KPI: Mục tiêu Tài chính, Thương mại và Chiến lược - Báo cáo Thường niên SAB Miller 2016	101
Ví dụ 3.4: KPI Nòng cốt về Phát triển Bền vững - Báo cáo Tích hợp của Cemex 2016.....	102
Ví dụ 3.5: Báo cáo Thu nhập - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016	103
Ví dụ 3.6: Bảng Cân đối Kế toán - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016 ..	104
Ví dụ 3.7: Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ - Báo cáo Tích hợp Sasol 2017	105
Ví dụ 3.8: Báo cáo Thay đổi Vốn chủ sở hữu - Báo cáo Tích hợp của Liberty Holdings 2015	106
Ví dụ 3.9: Báo cáo Kiểm toán Độc lập - Báo cáo Tích hợp Liberty Holdings 2015.....	107
Ví dụ 3.10: Báo cáo Kiểm toán Độc lập - Báo cáo AkzoNobel 2016.....	107
Ví dụ 3.11: Báo cáo theo Phân khúc - Báo cáo Tích hợp Liberty Holdings 2015....	108
Ví dụ 3.12: Báo cáo theo Phân khúc - Báo cáo Tích hợp BASF 2017.....	108
Ví dụ 3.13: Kết quả trên Cổ phần - Báo cáo Thường niên Tích hợp Santova Limited 2016.....	109
Ví dụ 3.14: Báo cáo Thuế - Báo cáo Tích hợp Telefonica 2016	110
Ví dụ 3.15: Báo cáo Phát triển Bền vững Hợp nhất - Báo cáo AkzoNobel 2016.....	111
Ví dụ 3.16: Chỉ số Người lao động - Tóm tắt Phát triển Bền vững Standard Chartered 2015	111
Ví dụ 3.17: Tóm tắt Thông tin Phi tài chính - Báo cáo Thường niên Tập đoàn Westpac 2016.....	112
Ví dụ II.1: Thông điệp của TGD Amazon gửi Cổ đông năm 2017 - Đoạn trích... 127	

Hình

Hình 0.1: Lộ trình Tích hợp các Vấn đề Môi trường và Xã hội	5
Hình 0.2: Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC.....	7
Hình 0.3: Sử dụng Bộ Công cụ làm Hệ thống Quản lý Thông tin và Truyền thông.....	10
Hình 0.4: Quy trình Đối thoại của các Bên có quyền lợi liên quan	12
Hình 1.1: Tính Trọng yếu: Đánh giá Khả năng xảy ra và Mức độ Ảnh hưởng của Sự kiện.....	33
Hình 1.2: Rủi ro, Cơ hội và Tác động Tài chính liên quan đến Khí hậu.....	39
Hình 1.3: Mục tiêu Phát triển Bền vững	43
Hình 1.4: Khung Đo lường và Giám sát Tác động Dự kiến của IFC.....	48
Hình 2.1: Mô hình Ba Tuyến Phòng vệ.....	79

Bảng

Bảng 0.1: So sánh Bộ Công cụ với các Khung và Tiêu chuẩn Công bố Thông tin Chính	8
Bảng 0.2: Ma trận Quản trị Công ty của IFC.....	9
Bảng 0.3: Tương ứng giữa các Mô-đun của Kim tự tháp và Bộ Công cụ.....	10
Bảng 0.4: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Công bố Thông tin và Minh bạch..	13
Bảng 1.1: Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên	15
Bảng 1.2: Các Vấn đề Môi trường và Xã hội Cốt lõi.....	37
Bảng 2.1: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Cam kết đối với Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty (Lãnh đạo và Văn hóa)	57
Bảng 2.2: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Cơ cấu và Hoạt động của HĐQT....	59
Bảng 2.3: Quản trị Công ty theo IFC - Môi trường Kiểm soát (Hệ thống Kiểm soát Nội bộ, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Tuân thủ).....	69
Bảng 2.4: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Đối xử với Cổ đông Thiểu số	82
Bảng 2.5: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.....	93
Bảng 3.1: Chỉ số Cốt lõi về Phát triển Bền vững - Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC	113
Bảng 3.2: Các Chỉ số Quản trị Mẫu.....	116
Bảng 3.3: Chỉ số E&S được Báo cáo Phổ biến Nhất.....	117
Bảng 3.4: Liên kết giữa các Chỉ số ESG và SDG	120
Bảng C.1: Nguồn lực Nội bộ cho Báo cáo Thường niên, và những Câu hỏi Chính cần Đặt ra.....	133

Lời tựa

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc đã giúp gắn kết cộng đồng toàn cầu trong công cuộc chấm dứt nghèo đói, chống lại bất bình đẳng, và giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu vào năm 2030. Để đạt được những mục tiêu này ở các thị trường mới nổi, cần tới khoản đầu tư hàng năm 4 nghìn tỷ USD - một khoản tiền vượt rất xa tiềm lực của các chính phủ và đối tác phát triển. Nhiều trong số thị trường vốn ở các nước đang phát triển vẫn trong giai đoạn sơ khai, có tiềm năng rất lớn trong định hướng dòng vốn tư nhân vào các nhu cầu phát triển ưu tiên.

Thị trường vốn nội địa mạnh mẽ có vai trò thiết yếu trong thúc đẩy sự thịnh vượng của khu vực tư nhân, vì sẽ hỗ trợ cá nhân và doanh nghiệp có được sự tài trợ dài hạn. Thị trường này khuyến khích các doanh nghiệp chấp nhận rủi ro trong khởi nghiệp kinh doanh, nhờ đó thúc đẩy khả năng đổi mới sáng tạo, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế. Thị trường vốn còn có thể bảo vệ toàn bộ nền kinh tế trước tình trạng biến động và thiếu ổn định tại các thị trường tài chính quốc tế.

IFC có vai trò quan trọng trong cải thiện các thị trường vốn địa phương, giới thiệu các công cụ sáng tạo để giải phóng nguồn vốn của khu vực tư nhân nhằm đạt được nhiều mục tiêu phát triển quan trọng và thiết lập các chuẩn mực. Chúng tôi thường là tổ chức quốc tế phi chính phủ đầu tiên phát hành trái phiếu nội tệ ở các nước đang phát triển, góp phần tạo điều kiện cho thị trường trong nước tăng trưởng và thịnh vượng. Chúng tôi hỗ trợ các nước đang phát triển soạn thảo chính sách và quy định để xây dựng thị trường vốn lành mạnh hơn.

Một yếu tố cũng quan trọng khác là thị trường hoạt động tốt phải dựa trên sự tin tưởng. Nhà đầu tư muốn biết chắc rằng thị trường đáng tin cậy, và thông tin được công bố là thông tin chính xác, đầy đủ, và đã được xác minh, và có thể dựa trên những thông tin đó để ra quyết định kinh doanh. Việc công bố thông tin hữu ích, kịp thời, đáng tin cậy, và dễ tiếp cận góp phần cải thiện tính thanh khoản và hiệu quả của thị trường vì nhà đầu tư có thể ra quyết định dựa trên thông tin trọng yếu. Việc tuân thủ tiêu chuẩn cao về công bố thông tin và minh bạch có thể giảm thiểu một số rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào các thị trường sơ khai và mới nổi, nơi quản trị và thể chế nhà nước còn yếu, rủi ro xã hội và môi trường còn cao, và các công ty nhỏ có sở hữu của cổ đông có quyền kiểm soát.

IFC xây dựng Bộ Công cụ về Minh bạch và Công bố Thông tin này để thúc đẩy chuẩn mực cao trong công bố thông tin và minh bạch ở các thị trường vốn mới nổi. Bộ Công cụ được thiết kế để hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị báo cáo thường niên toàn diện và tốt nhất, phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp của doanh nghiệp và phù hợp với bối cảnh hoạt động - cung cấp thông tin mà nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác có thể sử dụng để ra quyết định.

Điểm mới và khác biệt của Bộ Công cụ này là sự phản ánh quan điểm của nhà đầu tư ngày nay về những yếu tố thúc đẩy giá trị doanh nghiệp. Những yếu tố này bao gồm tác động của rủi ro môi trường và xã hội đối với chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Những yếu tố này ảnh hưởng đến cách thức quản lý cơ hội và rủi ro chính trong khuôn khổ quản trị công ty.

Bộ Công cụ này được xây dựng dựa trên phương pháp tích hợp mới và toàn diện của IFC để đánh giá các hoạt động môi trường, xã hội và quản trị liên quan đến các khoản đầu tư của IFC ở các thị trường mới nổi. Ngoài việc áp dụng phương pháp này để đánh giá các công ty tiềm năng cho các khoản đầu tư, IFC còn sử dụng phương pháp này khi tư vấn cho các cơ quan quản lý và sở giao dịch chứng khoán để áp dụng cho hoạt động niêm yết, các yêu cầu báo cáo, nghĩa vụ công bố thông tin, và các hoạt động khác.

Chúng tôi hy vọng Bộ Công cụ này sẽ giúp tạo động lực trên các thị trường vốn - kết nối doanh nghiệp có trách nhiệm ở các thị trường mới nổi với các nhà đầu tư tổ chức. Các sở giao dịch chứng khoán, cơ quan quản lý, và tổ chức phát triển là đối tác chính của chúng tôi trong việc đẩy mạnh các chuẩn mực về công bố thông tin và minh bạch nhằm góp phần xây dựng sự tin tưởng và niềm tin của nhà đầu tư vào các thị trường mới nổi.

Thay mặt IFC, tôi trân trọng cảm ơn Bộ Tài chính Luxembourg đã hỗ trợ để Bộ Công cụ này được thực hiện.

*Ethiopia Tafara
Phó Chủ tịch kiêm Luật sư Chính của IFC, phụ trách Pháp chế,
Rủi ro Tuân thủ và Bền vững*

Lời cảm ơn

Vào tháng 4 năm 2016, Nhóm Quản trị Công ty của IFC đã tập hợp 50 đại diện từ các tổ chức quốc tế và định chế tài chính phát triển, các khung báo cáo, nhà đầu tư, cơ quan quản lý tài sản, viện hội đồng quản trị và hiệp hội quản trị công ty, thị trường chứng khoán và cơ quan quản lý, chuyên gia ngành trong các lĩnh vực, và thành viên của Nhóm Cố vấn Khu vực Tư nhân về Quản trị công ty của IFC.

Các thành viên đã nghiên cứu những thay đổi chính trong chuẩn mực và các bộ nguyên tắc quản trị công ty quốc tế theo thông lệ tốt nhất diễn ra sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây và cách thức những thay đổi này thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp đến các vấn đề về bền vững và cải thiện công bố thông tin và minh bạch. Ấn phẩm này được chuẩn bị dựa trên các vấn đề và thông tin từ những thảo luận này và dựa trên các ấn phẩm và nghiên cứu trước đó.

Nhóm dự án trân trọng cảm ơn các thành viên tham gia hội nghị vào tháng 4 năm 2016. Chúng tôi biết ơn mọi thành viên đã tham gia hội nghị Nhóm Thực hành về Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty, Chuẩn mực, Công bố Thông tin và Minh bạch và cung cấp cho chúng tôi hiểu biết và thông tin chi tiết. Tất cả các câu trả lời đều có vai trò quan trọng để chúng tôi xây dựng cơ sở và các luận điểm quan trọng cho ấn phẩm này.

Vào tháng 1 năm 2018, trong một sự kiện đồng tổ chức cùng với Sáng kiến các Sở giao dịch Chứng khoán Bền vững của LHQ do Sở giao dịch Chứng khoán Luân Đôn tổ chức, Bộ Công cụ đã được giới thiệu với sự tham gia của đại diện 15 sở chứng khoán trên thế giới, các nhà đầu tư, cơ quan quản lý tài sản, và đối tác phát triển, là một công cụ để hoàn thiện các điểm thiếu hụt về môi trường, xã hội và thông tin quản trị.

Ấn phẩm này do một nhóm dự án thực hiện, với sự chủ trì của Ralitza Germanova, cộng tác với Charles Canfield, thuộc Ban Quản trị Công ty của IFC.

Nhóm dự án bao gồm Ralitza Germanova, Jerome Lavigne-Delville, Charles Canfield, và Atiyah Curmally.

Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Jerome Lavigne-Delville, tác giả của ấn phẩm này. Nhóm đặc biệt cảm ơn những cán bộ sau đây của IFC vì những đóng góp quý báu của họ: Amira El Saeed Agag, Stefanus Handoyo, Boris Janjalia, Zhaowen (Maggie) Lin, Nguyễn Thị Nguyệt Anh và Chinyere Almona.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn đóng góp của những người sau đây (theo thứ tự bảng chữ cái): Anar Aliyev, Philip Armstrong, Francisco Avendano, Susan Blesener, Bistra Boeva, Ivan Choi, Kathlyn Collins, George Dallas, John Graham, Sunita Kikeri, Monika Kumar, Mary Jo Larson, Irina Likhachova, Soe Michaelsen, Anthony Miller, Anne Molyneux, Peter Montagnon, Abhijit Pai, Jean Pesme, Neil Puddicombe, David Robinett, Debra Sequeira, and Erik Vermeulen.

Chúng tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn (theo thứ tự bảng chữ cái) tới những thành viên tham gia hội nghị Nhóm Thực hành ở Vienna vì đã hỗ trợ rà soát dự thảo Bộ Công cụ: Fiorella Amorrortu, Rosario Carmela Austria, Swapan Kumar Bala, Willem Bartels, Pietro Bertazzi, Andrei Busuioc, Mark Eckstein, Hebatallah El Sera, Jaime Gornsztejn, Tiffany Grabski, Rudina Nallbani Hoxha, Vladimir Hrle, Qendresa Isu, Ann Marie Jourdan, Joseph

Kania, Cristina Tébar Less, Irina Likhachova, Ian Mackintosh, Tarfa M. C. Makyur, Miguel Marques, Piotr A. Mazurkiewicz, Jean-Baptiste Morel, Louis Philippe Mousseau, Paul Muthaura, Valeria Piani, Gorazd Podbevsek, Oleksandr Panchenko, Ansie Ramalho, James Christopher Razook, Ting Ting Ru, Vladislava Ryabota, David Shammai, Patricio Rojas Sharovsky, Christian Strenger, Michael Tang, Jorge Villegas, Marco Antonio Zaldivar, Bashar Abu Zarour, và Madina Zhanuzakova. Trân trọng cảm ơn Shannon Roe đã hỗ trợ chỉnh sửa và Wendy Kelly đã thiết kế ấn phẩm.

Tóm tắt Tổng quan

IFC phát hành Bộ Công cụ này trong khuôn khổ nỗ lực rộng hơn nhằm cải thiện công bố thông tin và minh bạch tại các quốc gia và doanh nghiệp mà chúng tôi có quan hệ hợp tác, trong vai trò nhà đầu tư hoặc cố vấn. Công bố thông tin và minh bạch ngày càng trở thành vấn đề được IFC quan tâm vì lĩnh vực quản trị công ty đã mở rộng không chỉ là những vấn đề liên quan đến hội đồng quản trị mà còn bao gồm cả tương tác với nhiều bên có quyền lợi liên quan ngoài doanh nghiệp.

Bộ Công cụ và nỗ lực của IFC nhằm thúc đẩy hơn việc công bố thông tin và minh bạch là hoạt động trong khuôn khổ **IFC 3.0** – một chiến lược mới tập trung vào việc tạo dựng thị trường và huy động vốn tư nhân, đặc biệt ở các quốc gia thu nhập thấp và trong FCS (các tình huống mong manh và xung đột).

Bộ Công cụ này được xây dựng dựa trên **Chính sách Tiếp cận Thông tin của IFC**, nhằm cung cấp thông tin chính xác và kịp thời liên quan đến hoạt động đầu tư và dịch vụ tư vấn của IFC cho khách hàng, đối tác và các bên có quyền lợi liên quan.

Tập trung Xây dựng Thị trường ở các Nền kinh tế Mới nổi

Ở các nước đang phát triển, việc phát triển kinh tế và xã hội thường bị hạn chế do không đủ dòng vốn tư nhân. Tình trạng này một phần do các quốc gia này được cho là có rủi ro cao, kết hợp với tình trạng thiếu thông tin hoặc minh bạch hoặc hạn chế trong công bố thông tin về giá.

Bộ Công cụ này được thiết kế để giúp các công ty ở các nền kinh tế mới nổi tiếp cận thị trường vốn trên toàn cầu và giúp nhà đầu tư toàn cầu định giá được rủi ro đầu tư vào những thị trường này. Bộ Công cụ cũng được thiết kế để hỗ trợ cơ quan lập pháp và đơn vị quản lý thị trường ở các quốc gia đang phát triển cải thiện hạ tầng thị trường trong nước.

Cách Tiếp cận Toàn diện và Tích hợp cho Báo cáo Doanh nghiệp

Mục tiêu của Bộ Công cụ là hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị báo cáo thường niên tích hợp cho các nhà đầu tư. Bộ Công cụ cung cấp hướng dẫn về công bố các thông tin trọng yếu - về

chiến lược, quản trị, và kết quả hoạt động của doanh nghiệp - là những thông tin hữu ích để ra quyết định đầu tư.

Bộ Công cụ này thường có yêu cầu cao hơn yêu cầu của pháp luật về công bố thông tin và minh bạch, đi tiên phong trong việc báo cáo về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và đảm bảo để việc báo cáo này được tích hợp trong chiến lược, văn hóa và quản lý rủi ro của công ty, và thông tin được xác minh và bảo đảm độc lập.

Tích hợp Thông lệ Quốc tế Tốt nhất

Bộ Công cụ này kết hợp các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất trong quản trị công ty, các hệ thống quản lý môi trường và xã hội, và công bố thông tin và minh bạch, bao gồm:

- Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty cho các Công ty Niêm yết của IFC¹ (Lồng ghép các Vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty) - gọi là Ma trận Quản trị Công ty của IFC, hay Ma trận
- Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC
- Khung toàn cầu về quản lý và công bố thông tin bền vững

Khuôn khổ Linh hoạt

Việc thực hiện công bố thông tin và minh bạch không phải là hoạt động tuân thủ. Thực chất, đây là một quá trình có tính đến quy mô và mức độ phức tạp của tổ chức. Phương thức tiếp cận theo mô-đun khiến Bộ Công cụ có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp với quy mô, mức độ phức tạp về cơ cấu tổ chức, và bối cảnh hoạt động khác nhau.

Ví dụ: doanh nghiệp nhỏ và thuộc sở hữu gia đình ban đầu có thể tập trung vào các nội dung sau: Mục tiêu Chiến lược, Phân tích và Ứng phó với Rủi ro, Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị, và Báo cáo Tài chính. Công ty niêm yết và công ty toàn cầu cần cân nhắc công bố các báo cáo toàn diện hơn, với những thông tin như để cập trong các mục về Quản trị Bền vững, Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, và Báo cáo Phát triển Bền vững.

¹ Việc sử dụng Ma trận không giới hạn cho công ty niêm yết. Bất kỳ tổ chức nào, dù có niêm yết hay không, và trong mọi ngành, đều có thể áp dụng các khái niệm của Ma trận. Để biết thêm chi tiết, xem **Phụ lục D** của Bộ Công cụ này.

Cấu trúc Bộ Công cụ

Nội dung cốt lõi của Bộ Công cụ là **Khung Công bố Thông tin** với các hướng dẫn chi tiết, thông lệ tốt nhất, và ví dụ trong ba lĩnh vực của báo cáo thường niên tích hợp: Chiến lược, Quản trị Công ty và Kết quả Hoạt động.

Bộ Công cụ cũng cung cấp **Hướng dẫn Báo cáo** tổng thể và những nội dung cần cân nhắc khi chuẩn bị và trình bày thông tin, bao gồm cả nội dung về chất lượng thông tin, tính trọng yếu và mức độ cụ thể.

Người Sử dụng chính của Bộ Công cụ

Bộ Công cụ được thiết kế để hướng dẫn doanh nghiệp ở các thị trường mới nổi chuẩn bị báo cáo thường niên tích hợp, bao gồm thông tin về chiến lược, quản trị, và kết quả hoạt động một cách phù hợp với quy mô của doanh nghiệp và mức độ phức tạp của tổ chức, đồng thời phù hợp với bối cảnh hoạt động. Bộ Công cụ cũng có thể được doanh nghiệp ở các thị trường phát triển sử dụng để xây dựng các báo cáo thường niên có chất lượng cao, với việc tích hợp các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường.

Từ viết tắt

BBG	Hội đồng Quản trị Phát thanh và Truyền hình Hoa Kỳ
CDP	Dự án Công bố Thông tin Khí hậu
CDSB	Hội đồng Tiêu chuẩn Công bố Thông tin về Khí hậu
CSO	Tổ chức Xã hội Dân sự
DJSI	Chỉ số Phát triển Bền vững Dow Jones
DVFA	Hiệp hội Phân tích Tài chính và Quản lý Tài sản Đức (Deutsche Vereinigung für Finanzanalyse und Anlagenberatung)
E&S	Môi trường và Xã hội
EBITDA	Lợi nhuận trước lãi vay, thuế, và khấu hao
ECM	Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài
EFFAS	Hiệp hội các Nhà Phân tích Tài chính châu Âu
ESG	Môi trường, xã hội và quản trị
ESMS	Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội
FASB	Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Tài chính
FSB	Hội đồng Ổn định Tài chính
FRC	Hội đồng Báo cáo Tài chính
G20	Nhóm 20 quốc gia trong một diễn đàn quốc tế dành cho chính phủ và thống đốc ngân hàng trung ương
GAAP	Nguyên tắc Kế toán được Chấp nhận Chung
HĐQT	Hội đồng Quản trị
KNK	Khí Nhà kính
GRI	Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu
IAS	Chuẩn mực Kế toán Quốc tế, một chuẩn mực thuộc IFRS
IASB	Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế
ICGN	Mạng lưới Quản trị Công ty Quốc tế
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
IIRC	Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế
Khung <IR>	Khung Báo cáo Tích hợp của IIRC
ISA	Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế
ISO	Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế
JSE	Sở giao dịch Chứng khoán Johannesburg
KPI	Chỉ số Hoạt động Chính
NGO	Tổ chức phi chính phủ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PRI	Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm
QTCT	Quản trị Công ty
GDBLQ	Giao dịch bên liên quan
SASB	Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững
SDGs	Mục tiêu Phát triển Bền vững
SEC	Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch
TCFD	Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính liên quan đến Khí hậu
TSR	Tổng lợi nhuận của cổ đông

O. Giới thiệu

Sự cần thiết phải **công bố thông tin và minh bạch** là rõ ràng: Cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho khách hàng, nhà đầu tư và người lao động, qua đó có thể tăng doanh thu hoặc khả năng tiếp cận nguồn nhân lực hoặc nguồn vốn tài chính cho công ty. Công bố thông tin và minh bạch cũng thúc đẩy thị trường vốn hiệu quả hơn nhờ bảo đảm “công bố thông tin công bằng” cho tất cả các nhà đầu tư và khắc phục tình trạng thông tin bất cân xứng. Những lợi ích này được gia tăng khi công ty xem xét đến những vấn đề rộng hơn về phát triển bền vững, như các nội dung về môi trường, xã hội và quản trị, và công bố về cách thức doanh nghiệp đang quản lý và giải quyết các vấn đề về môi trường và xã hội và lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan.

0.1. Lợi ích của Công bố Thông tin và Minh bạch

Ngày càng nhiều **nghiên cứu học thuật khẳng định kết quả tích cực của việc cải thiện công bố thông tin** của doanh nghiệp. Nghiên cứu tại các thị trường phát triển về việc công bố thông tin - bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính (trong đó có quản trị công ty) - cho thấy có tương quan chặt chẽ giữa việc cải thiện chất lượng công bố thông tin với 1) chi phí vốn (thấp hơn), 2) khả năng tiếp cận tài chính (tốt hơn), và 3) giá trị định giá công ty (cao hơn).² Ngoài ra còn có các lợi ích khác như cải thiện phân bổ vốn, cải thiện và tăng trưởng thu nhập và chứng khoán của công ty có tính thanh khoản tốt hơn. Nhiều nghiên cứu gần đây cũng cho thấy mối liên hệ tương quan tương tự ở các thị trường mới nổi.³

Nghiên cứu học thuật thường chỉ ra sự thiên lệch trong lựa chọn mẫu (hay lựa chọn đối nghịch) của mọi nghiên cứu về mối liên hệ giữa công bố thông tin và kết quả hoạt động, vì các công ty hoạt động tốt hơn có xu hướng báo cáo nhiều hơn. Điều đó dẫn tới quan điểm rằng hoạt động công

bố thông tin và minh bạch là hoạt động liên tục phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp và là cơ chế giúp kết quả hoạt động được phản ánh trong định giá tài chính doanh nghiệp.

Một số nghiên cứu đã tìm được bằng chứng về mối liên hệ tương tự trong từng doanh nghiệp, bất kể mức độ công bố thông tin và minh bạch của các công ty trên thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp được hưởng lợi khi mức độ minh bạch của toàn thị trường tăng lên. Trên thực tế, tình trạng bất cân xứng thông tin có thể dẫn đến tình huống lựa chọn đối nghịch, khi những nhà đầu tư có ít thông tin về công ty hơn thường yêu cầu lợi nhuận cao hơn hoặc thoái vốn không tham gia thị trường nữa, dẫn tới chi phí vốn cao hơn hoặc chứng khoán của công ty đó có mức thanh khoản thấp hơn. Nghiên cứu cũng chỉ ra tác động tích cực của minh bạch thông tin đối với thanh khoản của thị trường vốn và lợi ích liên quan mà một công ty trên thị trường có thể nhận được dưới hình thức chi phí vốn rẻ hơn (Garay et al. 2013).

Đồng thời, nghiên cứu học thuật cũng cho thấy hiệu quả tích cực, khác biệt của việc công bố thông tin và minh bạch trên thị trường hoặc với những chủ đề mà mức độ phổ biến của công bố thông tin còn thấp. Ví dụ, một nghiên cứu gần đây về các doanh nghiệp ở năm thị trường lớn nhất Mỹ Latinh dựa theo số liệu thống kê cho thấy hệ số tương quan lớn giữa mức độ công bố thông tin với Hệ số Q của Tobin (hệ số giá trị sổ sách/giá trị thị trường) và với lợi nhuận trên vốn. Kết quả nghiên cứu này đặc biệt chính xác trong trường hợp công bố những thông tin chưa thường xuyên được phổ biến rộng rãi tại các thị trường này, như thông tin về HDQT, quản lý rủi ro, và trách nhiệm với khách hàng, nhà cung cấp và cổ đông (Davila và Vasquez 2015).

² Đối với nghiên cứu về Hoa Kỳ và các nền kinh tế phát triển khác, xem Khurana, Pereira và Martin (2006); Lang và Lund-holm (1993); Leuz và Verrecchia (2000); và các bài báo được tóm tắt trong Bushman và Smith (2003) và Leuz và Wysocki (2008).

³ Đối với nghiên cứu về các nền kinh tế mới nổi, xem Durnev và Kim (2005); Klapper và Love (2004); Leuz, Lins, và Warnock (2009); Francis, Khurana, và Pereira (2005); và Aggarwal, Klapper, và Wysocki (2005).

0.1.1. Lợi ích của việc Quản lý và Công bố Thông tin ESG

Các nghiên cứu học thuật cũng thấy có sự liên hệ chặt chẽ giữa báo cáo ESG và kết quả tài chính: Doanh nghiệp thực hiện quản lý hiệu quả và công bố thông tin về các vấn đề phát triển bền vững có xu hướng có chi phí vốn thấp hơn, đạt được giá trị định giá cao hơn, và mang lại lợi nhuận tốt hơn cho cổ đông.⁴ Một nghiên cứu gần đây của Trường Kinh doanh Harvard đã phân biệt giữa các yếu tố bền vững trọng yếu và không trọng yếu và phát hiện rằng doanh nghiệp có hiệu quả tốt ở các vấn đề trọng yếu, theo khung của Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (SASB), và hiệu quả thấp ở các vấn đề không trọng yếu đạt được hệ số alpha hàng năm (kết quả hoạt động cao hơn chỉ số thị trường hoặc mốc so sánh chuẩn) ở mức 6,01% (Kahn, Serafeim và Yoon 2015). Kết luận này cũng đúng ở các thị trường mới nổi. Một nghiên cứu gần đây về thị trường này cho thấy các yếu tố ESG đã giúp các nhà đầu tư đạt được kết quả cao hơn đáng kể (Cambridge Associates 2016).

Mối liên hệ này cũng được xác nhận trong một nghiên cứu tiếp theo đối với 1.333 công ty Hoa Kỳ đại diện cho 56% vốn hóa thị trường Hoa Kỳ, không bao gồm các công ty trong ngành tài chính và ngành tiện ích, cho giai đoạn 2007-2014. Nghiên cứu cho thấy việc công bố thông tin ESG trọng yếu (theo định nghĩa của SASB) dẫn tới việc giá cổ phiếu phản ánh tốt hơn về thông tin cụ thể của công ty, do đó có sự trùng hợp (hay hệ số tương quan) thấp hơn với mức lợi nhuận của thị trường và ngành. Phát hiện này cung cấp thêm bằng chứng về liên hệ giữa giá cổ phiếu và việc tích hợp ESG trong chiến lược và hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả (Grewal, Hauptmann, và Serafeim 2017).

Một báo cáo ESG ý nghĩa có thể cung cấp thông tin chi tiết về **chất lượng quản lý của công ty**, bao gồm năng lực thực hiện những hoạt động sau:

- Hiểu rõ ưu tiên của các bên có quyền lợi liên quan chính;
- Đánh giá rủi ro và cơ hội trong từng giai đoạn khác nhau;
- Xây dựng và thực thi chiến lược nhằm đạt được nhiều mục tiêu, cả về tài chính và phi tài chính;
- Quản lý được các mối quan tâm và ưu tiên khác nhau của nhiều bên có quyền lợi liên quan khác nhau.

Báo cáo ESG có thể giúp các công ty đại chúng niêm yết, hoặc những công ty đang dự định niêm yết, **tuân thủ các yêu**

cầu niêm yết ngày càng cao về ESG của các sở giao dịch chứng khoán, đặc biệt ở các thị trường mới nổi (xem 0.1.3. **Các yếu tố thúc đẩy Báo cáo ESG** dưới đây).

0.1.2. Lợi ích của Công bố Thông tin ESG tích hợp

Khi tích hợp vào báo cáo chiến lược và tài chính, thông tin ESG có thể mang lại lợi ích cho nội bộ công ty và cả bên ngoài. Sau đây là một số lợi ích nội bộ:⁵

- Hiểu về việc tạo ra giá trị trong ngắn, trung và dài hạn;
- Cải thiện chất lượng dữ liệu nội bộ và quy trình ra quyết định;
- Xác định các điểm yếu trong hoạt động ESG và cải thiện quản lý rủi ro;
- Nâng cao nhận thức cho HĐQT về những rủi ro trọng yếu mới hoặc mới nổi, và nâng cao hiệu quả phối hợp với ban điều hành.

Đối với nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan bên ngoài, báo cáo ESG tích hợp cung cấp bối cảnh và **cái nhìn rộng hơn về chiến lược và kết quả hoạt động** và có thể tạo sự tin tưởng về **khả năng tồn tại lâu dài của mô hình kinh doanh**. Một số khía cạnh phi tài chính trong kết quả hoạt động, như tỷ lệ nhân sự nghỉ việc hoặc chất lượng sản phẩm, có thể được coi là các chỉ số chỉ báo về kết quả tài chính hoặc có tính dẫn dắt về kết quả tài chính dài hạn. (Xem Hộp 0.1.)

Việc báo cáo tích hợp ESG cũng có thể giúp các bên có quyền lợi liên quan bên ngoài và nhà đầu tư đánh giá xem công ty đang tạo ra giá trị như thế nào theo thời gian và công ty đó có **đóng góp tích cực cho xã hội** hay không, một yếu tố đang ngày càng trở nên quan trọng cùng với sự gia tăng của hình thức đầu tư tác động⁶ và nâng cao nhận thức về việc các công ty cần tham gia phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDG). Báo cáo này liệt kê tất cả những đóng góp của một công ty, không chỉ về mặt tài chính và kinh tế, mà còn bao gồm nguồn nhân lực, các mối quan hệ, và việc tàn phá hoặc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cũng như ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với các khía cạnh khác của phúc lợi xã hội.

0.1.3. Các yếu tố thúc đẩy Báo cáo ESG

Một nghiên cứu gần đây của HSBC, được thực hiện đối với 1.000 công ty và nhà đầu tư tổ chức trên toàn cầu, phát hiện rằng yếu tố chính thúc đẩy công bố ESG là áp lực từ các nhà đầu tư (83%), và tiếp đó là việc tuân thủ quy định quốc tế (77%) (HSBC 2017).

⁴ Xem Dhaliwal et al. (2011); Goss và Roberts (2011); El Ghoul et al. (2010); El Ghoul et al. (2014); Khan, Serafeim, và Yoon (2015); và Deutsche Bank (2012).

⁵ Trong một khảo sát đối với 66 công ty là những công ty đầu tiên áp dụng Khung Báo cáo Tích hợp của IIRC, trên 90% số người trả lời khảo sát cho biết có sự nâng cao hiểu biết trong nội bộ công ty về cách thức công ty tạo ra giá trị, kể cả hiểu biết của HĐQT (Black Sun 2014).

⁶ Đầu tư tác động: các khoản đầu tư nhằm tạo ra tác động xã hội hoặc môi trường có thể đo lường được, cùng với (hoặc thay thế) lợi nhuận tài chính.

Hộp 0.1: Lợi ích của Quản lý ESG

Quản lý các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị có thể tác động đến nhiều yếu tố tạo dựng giá trị doanh nghiệp:

- Tạo doanh thu:
 - Đổi mới sáng tạo*
 - Nhu cầu tiêu dùng mới*
 - Tiếp cận thị trường mới*
 - Gia tăng sự trung thành của khách hàng*
- Tiết kiệm chi phí:
 - Tối ưu hóa sử dụng tài nguyên thiên nhiên (nước, năng lượng và nguyên liệu đầu vào khác) trong sản xuất*
 - Thiết lập quan hệ đối tác và phát triển nhà cung cấp*
- Năng suất và vốn tri thức:
 - Thu hút và giữ chân nhân tài*
 - Nâng cao năng suất lao động*
- Giảm thiểu rủi ro:
 - Giảm mức độ rủi ro môi trường và xã hội*
 - Tác động đến rủi ro hoạt động, thị trường, tài chính và rủi ro khác*
- Tuân thủ và dự báo các quy định pháp lý
- Nâng cao danh tiếng và xây dựng hình ảnh

Nguồn: BM&F Bovespa (2016).

Nhu cầu của nhà đầu tư

Có bằng chứng thực nghiệm về việc nhà đầu tư **đánh giá cao thông tin ESG**, vì vậy nhu cầu được cung cấp loại thông tin này tăng lên nhanh chóng.⁷ Theo một khảo sát toàn cầu đối với các tổ chức đầu tư chính thống, do Trường Kinh doanh Said thuộc Đại học Oxford và Trường Kinh doanh Harvard (HBS) thực hiện, “Đa số người trả lời khảo sát (82%) cho rằng họ sử dụng thông tin ESG vì những thông tin đó có vai trò trọng yếu ảnh hưởng đến tài chính và hiệu quả đầu tư” (Amel-Zadeh và Serafeim 2017).

Nhà đầu tư muốn biết về các yếu tố ESG vì nhiều mục đích khác nhau, nhưng mục tiêu chính là quản lý rủi ro và phân tích mức độ tín nhiệm. Nghiên cứu của Said/HBS trích dẫn trên đây cho thấy thông tin ESG được cho là cung cấp thông tin cơ bản về rủi ro. Tương tự, khảo sát của Viện CFA (Chartered Financial Analyst) thấy rằng 73% số nhà đầu tư có cân nhắc đến các vấn đề về ESG trong phân tích và ra quyết định đầu tư, chủ yếu để hỗ trợ quản lý rủi ro đầu tư (CFA 2017). Một báo cáo của PRI (Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm) về các yếu tố ESG trong phân tích rủi ro

tín nhiệm cho thấy các nhà đầu tư và tổ chức xếp hạng tín nhiệm ngày càng nỗ lực xem xét nhiều hơn tới các yếu tố ESG trong phân tích rủi ro tín nhiệm, chủ yếu tập trung vào các vấn đề môi trường (PRI 2017b).

Tuy nhiên, việc tích hợp ESG vào phân tích tài chính còn khó khăn do chất lượng thông tin ESG còn thấp. Trong nghiên cứu của HSBC năm 2017, 56% các nhà đầu tư mô tả mức độ công bố thông tin hiện tại là “rất thiếu”. Trong một khảo sát gần đây, Viện CFA thấy rằng yếu tố cơ bản hạn chế khả năng sử dụng thông tin phi tài chính của nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư là thiếu thông tin định lượng phù hợp về ESG (55%), tiếp theo là thiếu thông tin có thể so sánh giữa các doanh nghiệp (50%) và chất lượng thông tin có vấn đề và thiếu cơ chế bảo đảm (45%) (CFA 2017).

Một trong các nguyên nhân lý giải cho tình trạng này là khoảng cách giữa kết quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ công bố thông tin. Khảo sát của HSBC cho thấy 53% số công ty hiện có chiến lược môi trường, tuy nhiên chỉ 43% chủ động công bố về chiến lược này. Một lý do khác là sự khác biệt trong quan điểm của nhà đầu tư và doanh nghiệp. Một nghiên cứu gần đây của PwC đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp và báo cáo ESG cho thấy chỉ 29% số nhà đầu tư cho rằng thông tin mà doanh nghiệp báo cáo có chất lượng cao, trong khi 100% số doanh nghiệp đánh giá các thông tin đó đạt chất lượng cao (PwC 2016b). Một nghiên cứu khác của Trường Quản lý Sloan của MIT thấy rằng 75% số nhà đầu tư nhất trí rằng kết quả phát triển bền vững có vai trò quan trọng trọng yếu đối với quyết định đầu tư, so với 60% số cán bộ quản lý ở các công ty đại chúng (Unruh et al. 2016).

Áp lực từ các quy định pháp lý

Các quy định mang tính pháp lý hoặc tương tự cũng tạo áp lực để doanh nghiệp công bố thông tin phù hợp cho các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm nhà đầu tư, khách hàng và người lao động. Ví dụ, trong các điều kiện để niêm yết cổ phiếu tại các thị trường mới nổi, nơi thị trường vốn là yếu tố thúc đẩy thực hiện báo cáo, thường bao gồm yêu cầu về công bố thông tin và minh bạch và ngày càng nhiều yêu cầu công bố thông tin về phát triển bền vững. (Xem Hộp 0.2 trang tiếp theo.)

Ngoài áp lực từ quy định pháp lý, trong báo cáo của Nhóm Chuyên gia Cấp cao về Tài chính Bền vững của EU phát hành ngày 31/1/2018, một trong những khuyến nghị chính là nâng cao quy định về công bố thông tin để rủi ro phát triển bền vững được công bố minh bạch, bắt đầu với thông tin về biến đổi khí hậu. Báo cáo này cũng khuyến nghị các cơ quan niêm yết thúc đẩy công bố thông tin về ESG.

⁷ Phân tích chính thức về nhu cầu ngày càng tăng đối với các thông tin về môi trường, xã hội và thông tin liên quan khác của Ecère, Krzus và Serafeim (2011).

Hộp 0.2: Các yếu tố thúc đẩy Báo cáo ESG

Quy định. Ngày càng có nhiều quy định ở cấp quốc gia yêu cầu công bố thông tin ESG. Ví dụ:

- **Ấn Độ.** Cơ quan quản lý chứng khoán quy định 500 công ty niêm yết lớn nhất phải báo cáo về trách nhiệm doanh nghiệp trong báo cáo tài chính thường niên, dựa trên *Nguyên tắc Tự nguyện Quốc gia về Trách nhiệm Xã hội, Môi trường và Kinh tế của Doanh nghiệp*. Bộ nguyên tắc khuyến khích công bố số tiến chi tiêu cho các chương trình cộng đồng, tham gia của các bên có quyền lợi liên quan về các vấn đề cụ thể, và quản lý chuỗi cung ứng.
- **Nam Phi.** Kể từ năm 2010, các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Johannesburg (JSE) phải lập báo cáo tích hợp tài chính và phát triển bền vững hoặc giải trình lý do không tuân thủ.
- **Braxin.** Năm 2011, Sở giao dịch Chứng khoán Braxin sửa đổi yêu cầu về báo cáo phát triển bền vững để cho phép công ty niêm yết quyết định nên lập báo cáo phát triển bền vững hay báo cáo tích hợp.
- **Peru.** Năm 2015, Cơ quan Quản lý Thị trường Chứng khoán ban hành nghị quyết yêu cầu công ty đại chúng lập báo cáo ESG cùng với báo cáo thường niên.
- **Liên minh châu Âu.** Chi thị của EU về công bố thông tin phi tài chính và sự đa dạng trong cơ cấu HĐQT (2014/95/EU) quy định các công ty lớn (có trên 500 người lao động ở EU) phải công bố thông tin phi tài chính, bao gồm chính sách, rủi ro chính và kết quả liên quan đến môi trường, xã hội và các vấn đề về người lao động, tôn trọng nhân quyền, vấn đề về chống tham nhũng và hối lộ, và sự đa dạng của cơ cấu HĐQT.

Bộ nguyên tắc quản trị công ty. Ngày càng nhiều quốc gia áp dụng các bộ nguyên tắc quản trị công ty, trong đó thường bao gồm quy định cụ thể về quản lý và báo cáo công khai về phát triển bền vững (Braxin, Kenya, Malaysia và Nam Phi, và các quốc gia khác).

Bộ quy tắc áp dụng cho nhà đầu tư tổ chức (stewardship codes). Hiện nay, nhiều quốc gia, bao gồm Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, bắt đầu áp dụng bộ quy tắc dành cho các nhà đầu tư tổ chức, hướng dẫn ủy quyền biểu quyết và ủy quyền tham gia, và hướng dẫn về kỳ vọng của nhà đầu tư đối với quản trị công ty.

Sở giao dịch Chứng khoán. Sở giao dịch Chứng khoán ở nhiều quốc gia yêu cầu hoặc chủ động khuyến khích báo cáo phát triển bền vững. Ví dụ, các sở giao dịch chứng khoán ở Braxin, Malaysia và Nam Phi đã áp dụng phương thức “tuân thủ hoặc giải thích”, yêu cầu lập báo cáo phát triển bền vững hoặc báo cáo tích hợp hoặc giải thích đối với trường hợp không tuân thủ. BVL (Sở giao dịch Chứng khoán Lima) ban hành hướng dẫn chi tiết cho công ty niêm yết về thông tin ESG cần báo cáo và cách thức báo cáo.

Doanh nghiệp nhà nước. Yêu cầu về quản lý và báo cáo phát triển bền vững đối với doanh nghiệp nhà nước hiện được áp dụng tại hơn mười quốc gia, bao gồm Trung Quốc, Ecuador, Indonesia và Nga.

Chuỗi cung ứng. Khi các công ty lớn, đa quốc gia ngày càng chịu nhiều sức ép về việc phải báo cáo và quản lý rủi ro chuỗi cung ứng, những doanh nghiệp này đề nghị hoặc yêu cầu các nhà cung cấp lớn báo cáo về chính sách và kết quả hoạt động bền vững.

Nguồn: IFC.

0.2 Cách tiếp cận Toàn diện và Tích hợp đối với Báo cáo Doanh nghiệp

Trong khuôn khổ các nỗ lực cải thiện công bố thông tin và minh bạch, IFC khuyến khích áp dụng cách tiếp cận toàn diện và tích hợp trong báo cáo doanh nghiệp, để hỗ trợ phân tích về những yếu tố hiện đại tạo dựng giá trị doanh nghiệp mà không phải lúc nào cũng được đề cập trong báo cáo thường niên.

Cách tiếp cận này trình bày thông tin về chiến lược và quản trị công ty cùng với kết quả tài chính - cung cấp cho nhà đầu tư hiểu biết tốt hơn về cách thức công ty có thể hoạt động trong tương lai. Cách tiếp cận này cũng khuyến nghị công bố thông tin về tác động của các vấn đề môi trường và xã

hội đối với chiến lược, hồ sơ rủi ro và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, và cách thức quản lý cơ hội và rủi ro chính trong khuôn khổ quản trị công ty.

0.2.1 Phát triển Bền vững được Tích hợp vào Báo cáo Chiến lược, Quản trị và Kết quả Hoạt động

Phát triển bền vững đề cập đến cả cơ hội và rủi ro cho doanh nghiệp, và nên được tích hợp vào tất cả các mục chính của báo cáo thường niên, bao gồm:

- **Chiến lược phát triển bền vững.** Trong mục Chiến lược của Báo cáo thường niên, doanh nghiệp nên trình bày tổng quan về các vấn đề phát triển bền vững chính và phương pháp lựa chọn các vấn đề đó.

- **Quản trị phát triển bền vững.** Các quy trình quản lý và quản trị liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững, dù được coi là mục tiêu chiến lược hay rủi ro, đều phải được công bố trong mục về *Quản trị*.

Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên

1. Chiến lược

- Mô hình và Môi trường Kinh doanh
- Mục tiêu Chiến lược
- Phân tích và ứng phó với Rủi ro
- Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững
- Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

2. Quản trị Công ty

- Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG
- Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Môi trường Kiểm soát
- Đối xử với Cổ đông Thiếu số
- Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

- Báo cáo Kết quả Hoạt động
- Báo cáo Tài chính
- Báo cáo Phát triển Bền vững

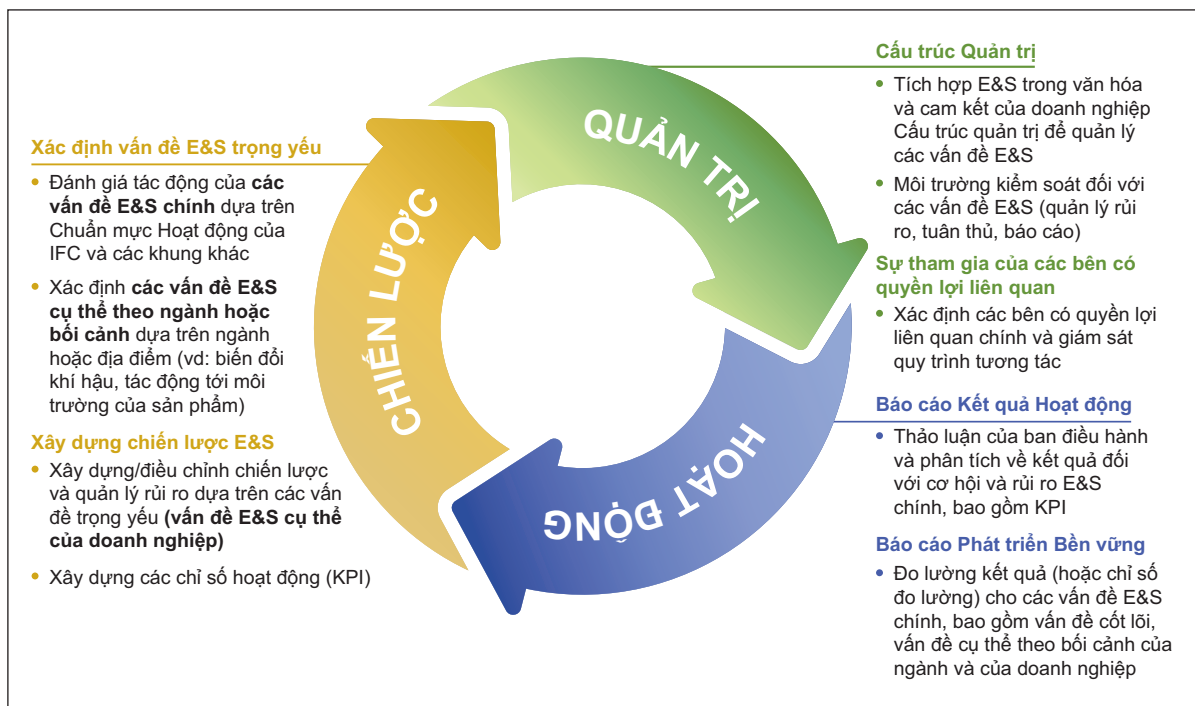
- **Kết quả phát triển bền vững.** Trong mục *Kết quả hoạt động* của báo cáo thường niên, doanh nghiệp phải báo cáo về kết quả công tác quản lý các vấn đề phát triển bền vững mà doanh nghiệp xác định là trọng yếu. Mục này bao gồm nội dung về kết quả hoạt động và các chỉ số hoạt động chính (KPI) trong *Báo cáo kết quả hoạt động* cũng như công bố các chỉ số đo lường về phát triển bền vững mang tính định lượng, có thể so sánh, và nhất quán trong *Báo cáo phát triển bền vững*.

Hình 0.1 cung cấp lộ trình để tích hợp các vấn đề môi trường và xã hội (E&S) trong chiến lược của doanh nghiệp.

Việc tích hợp báo cáo về chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động phản ánh quá trình đổi mới lâu dài trong báo cáo doanh nghiệp. Theo cách này, các báo cáo vốn tách biệt được kết hợp với nhau, và kết hợp nội dung công bố thông tin có tính bắt buộc ở hầu hết các thị trường (như báo cáo tài chính và các yếu tố quản trị công ty) với nội dung công bố thông tin tự nguyện ở hầu hết các thị trường (như phát triển bền vững).

Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quốc tế gần đây về báo cáo tích hợp, mở rộng phạm vi báo cáo tài chính truyền thống và tích hợp thông tin phi tài chính về những yếu tố vô hình như môi trường, xã hội và quản trị. Các ứng dụng thực tế khác nhau của ý tưởng này đã được đề xuất, bao gồm Khung Báo cáo Tích hợp (<IR>) của Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC).

Hình 0.1: Lộ trình Tích hợp các Vấn đề Môi trường và Xã hội



Nguồn: IFC.

Bộ Công cụ khuyến khích việc báo cáo tích hợp, kết hợp những nội dung trọng yếu nhất của thông tin hiện có trong các báo cáo riêng biệt, như tài chính, giải trình về quản lý, quản trị và thù lao, và bền vững, thành một tài liệu tổng hợp toàn diện.

Bộ Công cụ được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế tốt nhất và khuyến khích áp dụng một tập hợp các nguyên tắc về công bố thông tin và minh bạch của doanh nghiệp, đặc biệt phù hợp với các thị trường mới nổi.

Nguyên tắc Công bố Thông tin và Minh bạch trên các Thị trường Mới nổi

- **Kết nối.** Liên kết thông tin chiến lược, quản trị và tài chính
- **Tích hợp.** Phát triển bền vững là một trong những nội dung trọng tâm của chức năng quản lý và quản trị công ty
- **Cởi mở.** Thúc đẩy văn hóa cởi mở và minh bạch trong và ngoài tổ chức, dựa trên việc đối thoại và phản hồi thường xuyên và hệ thống quản lý thông tin năng động
- **Bao trùm.** Hỗ trợ đối thoại và học hỏi lẫn nhau giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan
- **Trọng yếu.** Có liên quan, dựa trên bối cảnh hoạt động, đặc biệt ở các thị trường mới nổi
- **Đáng tin cậy/xác thực.** Quy trình quản lý hiệu quả để kịp thời thu thập dữ liệu nội bộ và bên ngoài, bao gồm thông tin ESG

0.2.2 Tích hợp Thông lệ Tốt và Tiêu chuẩn Toàn cầu về ESG

Hướng dẫn công bố thông tin về các vấn đề ESG chủ yếu dựa trên Ma trận Quản trị Công ty và Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC, cũng như các chuẩn mực khác được công nhận trên toàn cầu, như Khung <IR> của IIRC và Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI).

Thuật ngữ sử dụng trong Bộ công cụ này

Phát triển Bền vững hoặc **doanh nghiệp bền vững** đề cập đến các yếu tố môi trường và xã hội có tác động đến kết quả hoạt động dài hạn của doanh nghiệp. (Xem 1.4. **Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững**, trang 26 của Bộ công cụ này, để tham khảo định nghĩa đầy đủ hơn về bền vững doanh nghiệp.)

ESG là sự kết hợp các yếu tố môi trường và xã hội với quản trị công ty.

Ma trận Quản trị Công ty của IFC

Bộ Công cụ sử dụng Ma trận Quản trị Công ty của IFC, một công cụ đánh giá và cải thiện quản trị công ty - bao gồm nội dung quản trị các chính sách và quy trình quan trọng về môi trường và xã hội - để xác định, giảm thiểu và quản lý rủi ro. Ma trận không bao gồm tất cả các yêu cầu tại Tiêu chuẩn Hoạt động về Phát triển Bền vững Môi trường và Xã hội của IFC, mà chỉ bao gồm các thuộc tính quản trị cần thiết để quản lý những rủi ro này.

Ma trận này là bản cập nhật Ma trận Quản trị Công ty của IFC (2007) nhằm bổ sung những nội dung quan trọng về quản trị công ty sau cuộc khủng hoảng tài chính, và tích hợp các vấn đề môi trường và xã hội phù hợp với Chính sách Phát triển Bền vững Môi trường và Xã hội của IFC. Ma trận này mở rộng định nghĩa về các bên có quyền lợi liên quan, bổ sung thêm Cộng đồng bị Ảnh hưởng, người lao động theo thời vụ, người lao động trong chuỗi cung ứng chính, nhà cung cấp và nhà thầu, các tổ chức phi chính phủ (NGO) trong nước và quốc tế, và các tổ chức xã hội dân sự (CSO). Việc sử dụng công cụ này có thể giúp doanh nghiệp khẳng định cam kết về năng lực lãnh đạo và thúc đẩy thông lệ tốt trong quản trị công ty, môi trường và xã hội trong toàn doanh nghiệp.

Ma trận này được xây dựng dựa trên Phương pháp luận Quản trị Công ty của IFC, theo đó quản trị công ty được định nghĩa là một tập hợp các cơ cấu và quy trình để định hướng và kiểm soát công ty, bao gồm một loạt các mối quan hệ giữa cổ đông, HĐQT, và các cơ quan điều hành của công ty, nhằm mục đích tạo ra giá trị dài hạn cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Ma trận trình bày tóm tắt các điều khoản ESG chính với sáu cấu phần:⁸

- Cam kết về Môi trường, Xã hội và Quản trị (Năng lực Lãnh đạo và Văn hóa Quản trị)
- Cơ cấu và hoạt động của HĐQT
- Môi trường Kiểm soát (Hệ thống Kiểm soát Nội bộ, Chức năng Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Tuân thủ)
- Công bố Thông tin và Minh bạch
- Cổ đông Thiếu số
- Sự tham gia của các Bên có quyền lợi liên quan

Các quy định mang tính phổ quát, dựa trên thông lệ tốt quốc tế, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo quy định cụ thể của luật pháp hoặc môi trường địa phương.

⁸ Ma trận Quản trị Công ty của IFC được cung cấp tại **Phụ lục D**.

Ma trận Quản trị Công ty của IFC được sử dụng như thế nào trong Bộ công cụ này

Các trích đoạn phù hợp của Ma trận Quản trị Công ty được trích dẫn ở đầu mỗi phần về quản trị công ty để gợi ý về cách thức các công ty có thể quản lý và công bố các thông tin ESG với mức độ phức tạp ngày càng tăng.

Bộ Công cụ và mẫu báo cáo thường niên không có mục về cấu phần thứ tư của Ma trận: Công bố Thông tin và Minh bạch. Thay vào đó, những thông lệ này được tích hợp xuyên suốt trong Bộ công cụ và các khuyến nghị.

Tiêu chuẩn hoạt động của IFC

Bộ Công cụ cung cấp hướng dẫn về công bố thông tin E&S phù hợp với Tiêu chuẩn Hoạt động về Môi trường và Xã hội của IFC (2012),⁹ quy định rõ trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường và xã hội cho khách hàng của IFC. Tiêu chuẩn Hoạt động đã được xây dựng thành một khung quản lý rủi ro và đã trở thành chuẩn mực toàn cầu trong tài trợ dự án. (Xem hình 0.2.)

Khung Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững toàn cầu

Bộ Công cụ có nội dung phù hợp với các khung phát triển bền vững toàn cầu và cung cấp một công cụ linh hoạt có thể được sử dụng để tích hợp nhiều thông lệ tốt nhất về quản lý và báo cáo phát triển bền vững.

Hình 0.2: Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC



Nguồn: IFC.

TÀI LIỆU: Sổ tay Hướng dẫn Triển khai Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của IFC.

Bảng 0.1 trang tiếp theo so sánh Bộ Công cụ với các khung và tiêu chuẩn toàn cầu được sử dụng rộng rãi và có tính toàn diện nhất, tập trung vào những khác biệt về mục tiêu, đối tượng và đánh giá nội dung trọng yếu. (*Phụ lục E* cung cấp danh sách chi tiết hơn, mặc dù chưa đầy đủ, các khung cơ bản về quản lý và công bố thông tin phát triển bền vững.)

0.2.3 Các Cấp độ đánh giá Kết quả và Báo cáo ESG

Ma trận Quản trị Công ty của IFC được sắp xếp thành bốn cấp độ theo giai đoạn phát triển và mức độ phức tạp của doanh nghiệp và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải tiến liên tục hoạt động quản trị của doanh nghiệp, chuyển dần từ cơ bản tới trung bình rồi tới nâng cao:

- **Cấp độ 1.** Thông lệ ESG cơ bản mà doanh nghiệp cần xây dựng và áp dụng. Cấp độ 1 thường phản ánh doanh nghiệp mới thành lập hoặc còn non trẻ hoặc những doanh nghiệp bắt đầu triển khai hoạt động ESG.
- **Cấp độ 2.** Thông lệ ESG ở mức trung bình, lồng ghép các bước cơ bản để tăng cường ESG trong doanh nghiệp, thể hiện văn hóa cải tiến liên tục.
- **Cấp độ 3.** Thông lệ quốc tế tốt, bao gồm việc lồng ghép thông lệ ESG trung bình và các thông lệ ESG tốt khác, cho thấy doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống thực hành ESG hoàn thiện và chắc chắn.
- **Cấp độ 4.** Thông lệ quốc tế tốt nhất và có tính tiên phong, cho thấy doanh nghiệp đã đạt được ba cấp độ ESG trước đó và tuân thủ thông lệ quốc tế được công nhận.

Bảng 0.2 trang 9 minh họa chung về cách thức áp dụng các cấp độ đánh giá này. (Tham khảo Ma trận Quản trị Công ty hoàn chỉnh của IFC tại *Phụ lục D*.)

Cách Sử dụng Bộ Công cụ theo Mô-đun

Ngoài hướng dẫn báo cáo cho các cấp độ hoạt động khác nhau, Bộ Công cụ có thể được sử dụng theo mô-đun để triển khai theo mức độ báo cáo khác nhau, tùy thuộc quy mô và độ phức tạp của doanh nghiệp. Hình 0.3 trang 10 mô tả các cấu phần khác nhau của báo cáo tích hợp về chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động và gợi ý cách thức sử dụng các mô-đun khác nhau, tùy thuộc quy mô và độ phức tạp của doanh nghiệp.

⁹ Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC: http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/Topics_Ext_Content/IFC_External_Corporate_Site/Sustainability-At-IFC/Policies-Standards/Performance-Standards

Bảng 0.1 So sánh Bộ Công cụ với các Khung và Tiêu chuẩn Công bố Thông tin Chính

	IIRC	GRI	CDSB	SASB	TCFD	IFRS/IASB	Khung IFC DT
Loại Hướng dẫn	Khung	Tiêu chuẩn	Khung	Tiêu chuẩn	Hướng dẫn	Tiêu chuẩn	Khung
Áp dụng	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Bắt buộc	Tự nguyện
Mức độ bao phủ	Toàn cầu	Toàn cầu	Toàn cầu	Hoa Kỳ, có thể áp dụng toàn cầu	Toàn cầu	Toàn cầu	Toàn cầu, tập trung vào thị trường mới nổi
Mục tiêu	Giúp doanh nghiệp giải trình cho bên cấp vốn về cách thức tạo ra giá trị theo thời gian	Cho phép doanh nghiệp, bất kể quy mô, ngành, hoặc địa điểm, báo cáo thông tin bền vững quan trọng	Giúp doanh nghiệp chuẩn bị và trình bày thông tin về môi trường trong các báo cáo chính thức	Giúp công ty đại chúng công bố thông tin phát triển bền vững trọng yếu trong hồ sơ nộp cho SEC	Cho phép các bên có quyền lợi liên quan hiểu mức độ tác động lên hệ thống tài chính của các rủi ro liên quan đến khí hậu	Cung cấp thông tin tài chính hữu ích trong quá trình ra quyết định đầu tư	Cải thiện dòng vốn vào các thị trường mới nổi bằng cách giảm thiểu rủi ro thực tế và tiềm tàng
Nội dung	Tạo giá trị theo thời gian; sử dụng hoặc ảnh hưởng đến mọi nguồn vốn: tài chính, sản xuất, trí tuệ, nhân lực, xã hội & các mối quan hệ, và tài nguyên	Hoạt động và tác động kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp báo cáo	Thông tin môi trường & vốn tự nhiên	Môi trường, vốn xã hội, vốn nhân lực, mô hình kinh doanh & đổi mới sáng tạo, lãnh đạo & quản trị	Rủi ro liên quan đến khí hậu, cơ hội, tác động tài chính, và phân tích kịch bản	Kế toán tài chính	Chiến lược, quản trị, và kết quả hoạt động
Đối tượng quan tâm	Bên cấp vốn tài chính	Nhiều bên có quyền lợi liên quan	Nhà đầu tư	Nhà đầu tư	Nhà đầu tư	Bên cấp vốn, bên cho vay hiện tại/ tiềm năng	Tất cả các bên có quyền lợi liên quan; ưu tiên nhà đầu tư
Tính trọng yếu	Một vấn đề có tính trọng yếu nếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tạo ra giá trị trong ngắn, trung hoặc dài hạn của doanh nghiệp	“Khía cạnh trọng yếu” là những khía cạnh phản ánh tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp; hoặc khía cạnh có ảnh hưởng đáng kể đến đánh giá và quyết định của các bên có quyền lợi liên quan	Cho phép nhà đầu tư thấy các xu hướng chính và sự kiện biến đổi khí hậu đáng kể có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến điều kiện tài chính và/hoặc khả năng thực hiện chiến lược	Một sự kiện có tính trọng yếu nếu có “nhiều khả năng” “nhà đầu tư hợp lý” sẽ coi việc bỏ sót hoặc báo cáo sai lệch về sự kiện đó “làm thay đổi đáng kể toàn bộ nguồn thông tin”	Nghĩa vụ pháp lý về công bố thông tin của công ty đại chúng trong hồ sơ tài chính của doanh nghiệp, bao gồm cả thông tin liên quan đến khí hậu	Thông tin là trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc công bố sai thông tin đó có thể ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin tài chính về doanh nghiệp cụ thể	Kết hợp giữa trọng yếu về tài chính và trọng yếu về phát triển bền vững

Bảng 0.2: Ma trận Quản trị Công ty của IFC

Cấp độ 1 Thông lệ Cơ bản	Cấp độ 2 Thông lệ Trung bình	Cấp độ 3 Thông lệ Quốc tế Tốt	Cấp độ 4 Tiên phong
Doanh nghiệp đáp ứng quy định luật pháp của nước sở tại	Doanh nghiệp thực hiện thêm một số nội dung để bảo đảm thông lệ ESG tốt	Doanh nghiệp có đóng góp quan trọng hướng đến cải thiện ESG trong nước và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế tốt (vd: Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC)	Thông lệ quốc tế tốt nhất – doanh nghiệp được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp đi tiên phong về ESG trong nước và trên thế giới
Doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu Cấp độ 1	Doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu Cấp độ 1 + Cấp độ 2	Doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu Cấp độ 1 + Cấp độ 2 + Cấp độ 3	Doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu Cấp độ 1 + Cấp độ 2 + Cấp độ 3 + Cấp độ 4

Nguồn: IFC.

Thuật ngữ trong Bộ công cụ và Ma trận Quản trị Công ty của IFC

Các cấp độ đánh giá: Bộ công cụ hướng dẫn doanh nghiệp báo cáo về hoạt động ESG theo **thông lệ quốc tế tốt**, phù hợp với Cấp độ 1-3 của Ma trận. Trong một số trường hợp phù hợp, Bộ công cụ cũng hướng dẫn những hoạt động để doanh nghiệp có thể đi tiên phong theo Cấp độ 4 của Ma trận. Những thuật ngữ sau được sử dụng trong Bộ công cụ:

Thông lệ Phổ biến: Là Cấp độ 1 của Ma trận (Thông lệ Cơ bản) và Cấp độ 2 (Thông lệ Trung bình)

Thông lệ Tốt: Là Cấp độ 3 của Ma trận (Thông lệ quốc tế tốt).

Thông lệ Tiên phong: Là Cấp độ 4 của Ma trận (Thông lệ Tiên phong).

Thông lệ Tốt nhất: Là các thông lệ tốt khác, ngoài Ma trận Quản trị Công ty của IFC.

Ví dụ, doanh nghiệp nhỏ, thuộc sở hữu gia đình với phương thức quản lý và sở hữu cơ bản có thể báo cáo ở cấp độ cơ bản, tập trung vào mô hình kinh doanh và các mục tiêu chiến lược và môi trường, cơ cấu và chức năng của HĐQT và báo cáo tài chính. Doanh nghiệp cỡ vừa với phương thức quản lý và sở hữu phức tạp hơn có thể tập trung phân tích và quản lý rủi ro, báo cáo về môi trường kiểm soát và lập báo cáo tài chính kiểm toán. Ở mức độ cao nhất, công ty đại chúng thuộc các chuỗi giá trị toàn cầu có thể thể hiện vai trò đi đầu về ESG với việc tuân thủ các mô-đun phức tạp hơn của Bộ công cụ, bao gồm việc tích hợp nội dung phát triển bền vững trong báo cáo chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động.

Sử dụng Bộ Công cụ làm Hệ thống Quản lý Thông tin và Truyền thông

Ba trụ cột của Khung Công bố Thông tin theo Bộ Công cụ - chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động – tạo thành cấu trúc kim tự tháp tích hợp, như minh họa tại Hình 0.3 trang 10. Kim tự tháp này thể hiện cách sử dụng Bộ Công cụ làm hệ thống quản lý và truyền thông nội bộ cũng như bên ngoài.

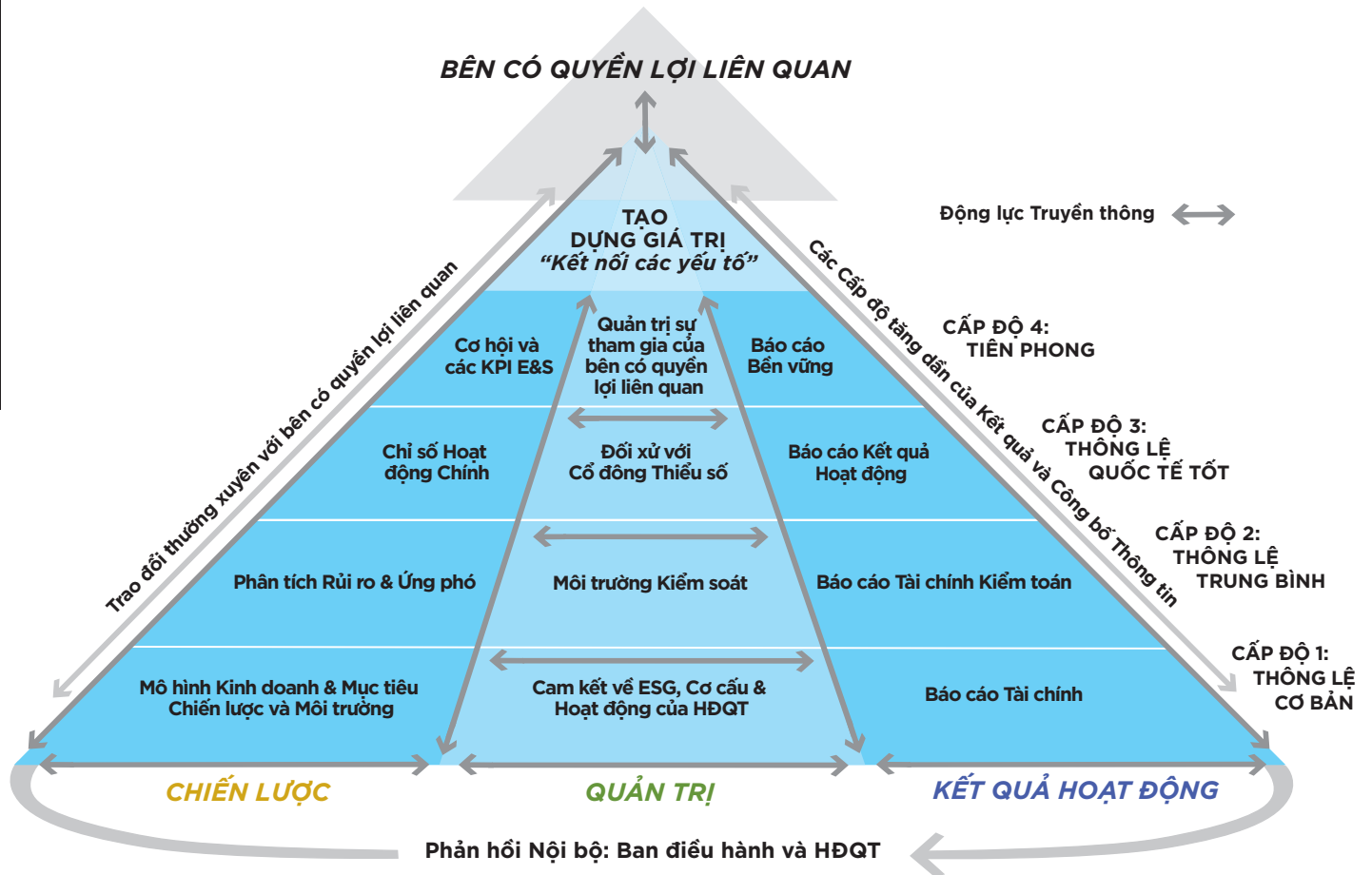
Bộ Công cụ có thể hoạt động như hệ thống quản lý thông tin nội bộ năng động, nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động cộng tác, truyền thông và vòng lặp phản hồi thường xuyên giữa các phòng ban, bộ phận, và con người trong doanh nghiệp. Như thể hiện tại Hình 0.3, Bộ công cụ đi theo cơ cấu tổ chức nội

bộ điển hình của một công ty, trong đó các bộ phận khác nhau thu thập, phân tích và cung cấp thông tin cho các cấu phần liên quan. Ở cấp lãnh đạo, ban điều hành và HĐQT kết nối và gắn chiến lược và quản trị công ty với kết quả hoạt động tài chính và phát triển bền vững.

Bộ Công cụ cũng có thể được sử dụng như hệ thống quản lý thông tin bên ngoài hoặc công cụ truyền thông để doanh nghiệp xây dựng quan hệ bền chặt và gắn kết với các bên có quyền lợi liên quan. Kim tự tháp phản ánh các cấu phần quan trọng nhất của báo cáo ESG tích hợp và thể hiện mức độ công bố thông tin theo cấp độ, từ thông lệ cơ bản đến trung bình và tốt, và đạt đến cấp độ cao nhất là Thông lệ Tiên phong về ESG. Kim tự tháp cũng dựa trên luồng thông tin hai chiều, theo đó ưu tiên thông tin của các bên có quyền lợi liên quan trọng yếu có ảnh hưởng đến chiến lược của doanh nghiệp, trong khi việc công bố thông tin phù hợp tạo ra văn hóa cởi mở và minh bạch trong doanh nghiệp, khuyến khích đối thoại chủ động và mang tính xây dựng với tất cả các bên có quyền lợi liên quan, và khuyến khích học hỏi lẫn nhau cả trong và ngoài doanh nghiệp.

Lưu ý: Các mô-đun của kim tự tháp tương ứng chính xác với các phần khác nhau của Khung Công bố Thông tin của Bộ Công cụ (Phần I). Bảng 0.3 trang 10 thể hiện sự tương ứng giữa các mô-đun của kim tự tháp và Bộ Công cụ.

Hình 0.3: Sử dụng Bộ Công cụ làm Hệ thống Quản lý Thông tin và Truyền thông



Lưu ý: Các cấp độ đánh giá kết quả hoạt động và công bố thông tin có tính tích lũy, theo đó mỗi cấp độ cũng tích hợp hoạt động của các cấp độ trước đó.
 Nguồn: IFC.

Bảng 0.3: Tương ứng giữa các Mô-đun của Kim tự tháp và Bộ Công cụ

Các Mục trong Kim tự tháp	Các Mục trong Bộ công cụ (trang #)
CHIẾN LƯỢC (trang 18)	
Rủi ro và cơ hội E&S, KPI về E&S	Mục 1.4 và 1.2 (trang 26 và 22)
Chỉ số Hoạt động Chính (KPI)	Mục 1.5 và 1.2 (trang 49 và 22)
Phân tích & Ứng phó với Rủi ro	Mục 1.3 (trang 24)
Mô hình Kinh doanh & Môi trường; Mục tiêu Chiến lược	Mục 1.1 và 1.2 (trang 18 và 22)
QUẢN TRỊ (trang 55)	
Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan	Mục 2.5 (trang 92)
Đối xử với cổ đông thiểu số	Mục 2.4 (trang 81)
Môi trường kiểm soát	Mục 2.3 (trang 68)
Cam kết về ESG, cơ cấu và hoạt động của HĐQT	Mục 2.1 và 2.2 (trang 55 và 58)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (trang 97)	
Báo cáo phát triển bền vững	Mục 3.3 (trang 109)
Báo cáo kết quả hoạt động	Mục 3.1 (trang 97)
Báo cáo tài chính kiểm toán	Mục 3.2 (trang 102)
Báo cáo tài chính	Mục 3.2 (trang 102)

Nguồn: IFC.

0.2.4. Sự tham gia của các Bên có quyền lợi Liên quan - Chia khóa để Tích hợp Nội dung Bền vững

Ngày nay doanh nghiệp hoạt động trong môi trường mà hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng của nhiều bên có quyền lợi liên quan, chứ không chỉ cổ đông. Việc tạo dựng niềm tin, lòng trung thành và sự hợp tác cao với các bên có quyền lợi liên quan chính thông qua tương tác và đối thoại thường xuyên, có tính xây dựng, và năng động có thể có tác động đáng kể đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai.

Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan là chìa khóa để tích hợp nội dung bền vững vào chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan là công cụ quan trọng để doanh nghiệp nhận dạng rủi ro và xác định cơ hội về môi trường và xã hội và xây dựng chiến lược bảo đảm lợi nhuận và tạo ra giá trị bền vững và lâu dài. Như mô tả trong Mục 1.4 và Phụ lục A của Bộ Công cụ này, việc xác định mức độ trọng yếu của các vấn đề môi trường và xã hội một phần sẽ dựa trên tác động của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội, bao gồm các bên có quyền lợi liên quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC về Đánh giá và Quản lý Rủi ro và Tác động đến Môi trường và Xã hội quy định rằng một Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS) hiệu quả cần có sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, cơ chế khiếu nại và truyền thông ra bên ngoài và báo cáo thường xuyên cho Cộng đồng bị Ảnh hưởng.

Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan cũng là nội dung không thể thiếu trong quản trị công ty, như mô tả tại Mục 2.5 của Bộ Công cụ này, và là một trong sáu trụ cột của Ma trận Quản trị Công ty của IFC. Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan bao gồm lập bản đồ các bên có quyền lợi liên quan, chính sách về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, và cơ chế khiếu nại cho người lao động và Cộng đồng bị Ảnh hưởng.

Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan là kết quả chính của báo cáo công bố thông tin và minh bạch tích hợp,

nên bao gồm các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến đánh giá và quyết định của cổ đông cũng như các bên có quyền lợi liên quan.

Do vậy, điều đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp là có giao tiếp cởi mở với các bên có quyền lợi liên quan và có cơ chế để hài hòa lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khác nhau. Giao tiếp cởi mở không chỉ bao gồm việc truyền đạt thông tin một chiều từ một bộ phận của công ty sang bộ phận khác, hoặc từ công ty ra bên ngoài, chủ yếu là nhà đầu tư; mà là đối thoại giữa các bên có quyền lợi liên quan và quá trình học hỏi “lẫn nhau”, hỗ trợ văn hóa minh bạch và cởi mở trong doanh nghiệp, với sự tương tác, tham gia và kết nối cả trong và ngoài tổ chức. (Xem Hình 0.4. trang 12.)

Ma trận Quản trị Công ty của IFC về Công bố Thông tin và Minh bạch

Cấu phần thứ tư của Ma trận - về công bố thông tin và minh bạch - cung cấp hướng dẫn chi tiết hơn về các cấp độ báo cáo khác nhau. Bảng 0.4 trang 13 trình bày một trích đoạn của Ma trận về công bố thông tin và minh bạch.

0.2.5. Cấu trúc Bộ Công cụ

Khung Công bố Thông tin (Phần I) là cốt lõi của Bộ Công cụ. Khung này sẽ hướng dẫn chi tiết cho việc thực hiện ba phần chính của báo cáo thường niên: *Chiến lược, Quản trị Công ty và Kết quả Hoạt động*. Đối với mỗi nội dung chính này, Bộ Công cụ sẽ hướng dẫn những vấn đề sau:

- *Các cấu phần* - gợi ý những nội dung nên đưa vào báo cáo và hướng dẫn cách thức báo cáo.
- *Tích hợp thông tin phát triển bền vững* - mô tả cách thức tích hợp thông tin phát triển bền vững một cách phù hợp vào các mục chính của báo cáo thường niên.
- *Ma trận Quản trị Công ty của IFC* - cung cấp bốn cấp độ kết quả hoạt động có thể được mô tả trong báo cáo thường niên khi phù hợp, cấu thành một khung đánh giá linh hoạt theo cấp độ, phù hợp với doanh nghiệp có quy mô và mức độ phức tạp khác nhau.

Thông lệ Toàn cầu và Thông lệ Trong nước

Hướng dẫn trong Bộ công cụ phản ánh các tiêu chuẩn được chấp nhận chung trên toàn cầu trong hoạt động môi trường, xã hội và quản trị công ty. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn có thể áp dụng theo cách thức khác nhau ở những nơi khác nhau trên thế giới, phụ thuộc vào văn hóa doanh nghiệp và thông lệ quản trị công ty tại địa phương. Ví dụ, những khác biệt này bao gồm thông lệ liên quan đến cơ cấu HĐQT, định nghĩa về sự độc lập của thành viên HĐQT, hoặc báo cáo về thành phần dân tộc của người lao động ở các quốc gia có quan hệ sắc tộc căng thẳng.

Trong những trường hợp này, doanh nghiệp nên tuân thủ tinh thần của hướng dẫn về công bố thông tin hơn là các quy định cụ thể. Ví dụ, đối với sự độc lập của HĐQT, doanh nghiệp có thể thảo luận về những lĩnh vực có thể ảnh hưởng đến sự độc lập và cách thức giải quyết. Về đa dạng sắc tộc, doanh nghiệp có thể báo cáo về những nỗ lực thúc đẩy hòa nhập của người lao động thuộc mọi thành phần dân tộc.

- *Tiêu chuẩn quốc tế* - tóm tắt các khung và hướng dẫn chính cho các cấu phần liên quan.
- *Ví dụ về công bố thông tin* - Cung cấp trích đoạn trong báo cáo thường niên của nhiều doanh nghiệp và quốc gia.

Hướng dẫn Báo cáo (Phần II) đưa ra các khuyến nghị và nội dung cần nhắc khi chuẩn bị và trình bày thông tin, bao gồm chất lượng thông tin, tính trọng yếu và mức độ cụ thể. Phần này cũng hướng dẫn việc tích hợp thông tin tài chính và phi tài chính.

Phụ lục

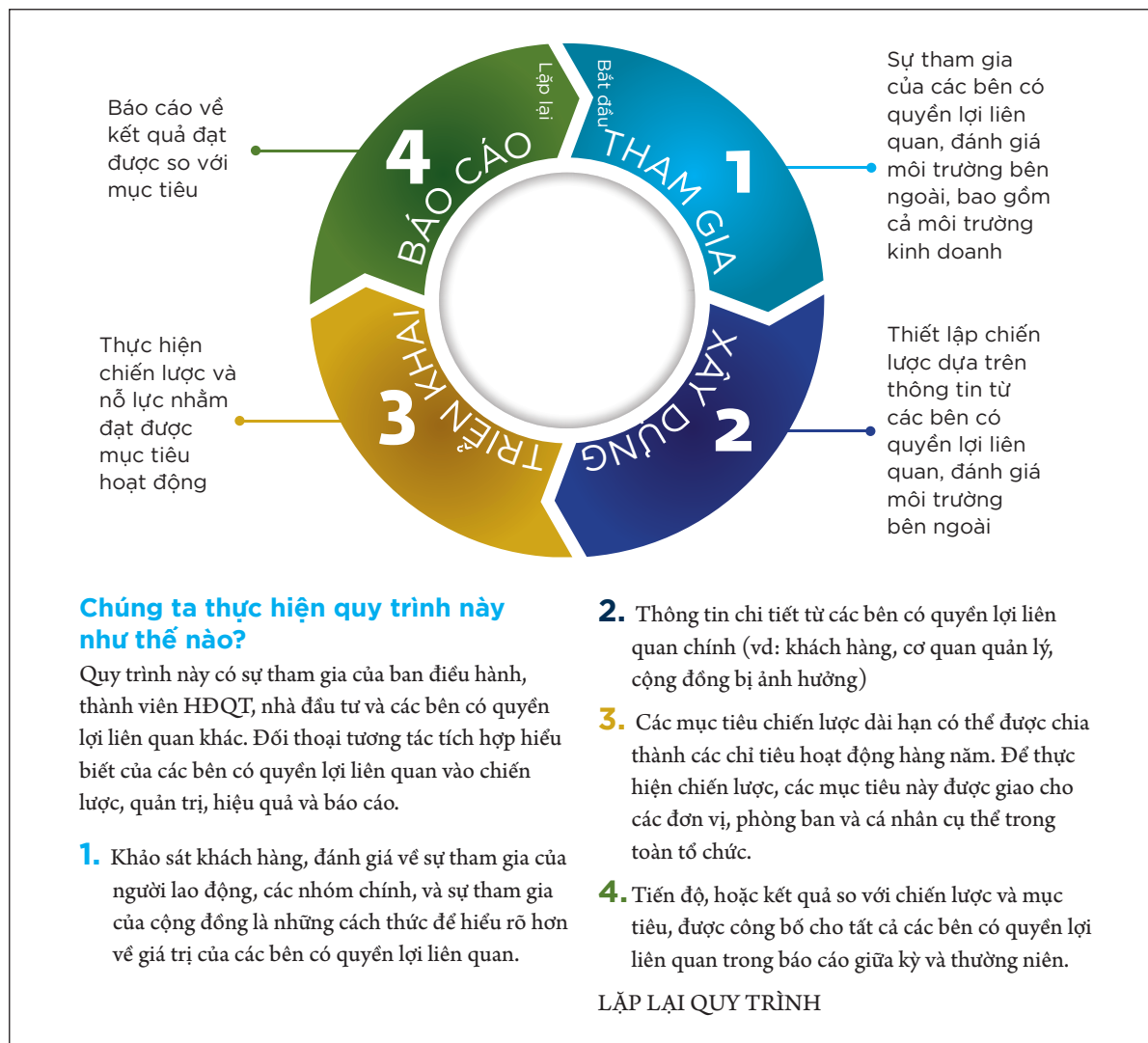
- Phụ lục A: Đánh giá tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững
- Phụ lục B: Câu hỏi HĐQT nên Đặt ra về Quản lý và Công bố Thông tin ESG

- Phụ lục C: Lập kế hoạch Nội bộ để Chuẩn bị Báo cáo Thường niên
- Phụ lục D: Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty của IFC cho Công ty Niêm yết¹⁰ (Lồng ghép các Vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty)
- Phụ lục E: Các Khung chính cho Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững
- Phụ lục F: Các Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững Sử dụng trong Bộ Công cụ

Thuật ngữ

Tài liệu Tham khảo - bao gồm các nguồn được trích dẫn trong Bộ Công cụ.

Hình 0.4: Quy trình Đối thoại của các Bên có quyền lợi liên quan



Nguồn: IFC.

¹⁰ Việc sử dụng Ma trận không chỉ áp dụng cho riêng Công ty Niêm yết. Mọi tổ chức – dù có niêm yết hay không, và trong mọi ngành – đều có thể áp dụng các khái niệm trong ma trận, để có thêm thông tin chi tiết, tham khảo **Phụ lục D** của Bộ Công cụ này.

Bảng 0.4 Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Công bố Thông tin và Minh bạch

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ Quốc tế tốt	4. Thông lệ Tiên phong
Bảo cáo Tài chính	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập được công nhận. 	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) hoặc tương đương. Báo cáo tài chính được kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA). 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban kiểm toán giám sát báo cáo tài chính, phi tài chính và báo cáo kiểm toán. Có ban hành chính sách công bố thông tin. 	
Khả năng rủi ro			<ol style="list-style-type: none"> Công ty công bố khả năng rủi ro. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố khả năng rủi ro bao gồm thông tin định tính và định lượng.
Công bố về doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ tất cả các yêu cầu công bố thông tin và quy định niêm yết. Nhà đầu tư và chuyên gia phân tích tài chính được tiếp cận thông tin như nhau. Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác và kịp thời về số lượng cổ phần của tất cả các loại do cổ đông có quyền kiểm soát và công ty con của cổ đông có quyền kiểm soát nắm giữ (tập trung sở hữu). 	<ol style="list-style-type: none"> Công ty công bố bộ quy tắc đạo đức/ ứng xử. Công bố thông tin về cổ đông có lợi ích đáng kể trong công ty. Mọi công bố thông tin và liên lạc với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan được cung cấp trực tuyến một cách kịp thời và phù hợp. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin về cổ đông có lợi ích đáng kể trong công ty. Mọi công bố thông tin và liên lạc với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan được cung cấp trực tuyến một cách kịp thời và phù hợp. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin và minh bạch về thuế. Công bố thông tin về lương thưởng của lãnh đạo cấp cao. Công bố thông tin về chính sách cổ tức.
Công bố về ESG	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo ESG/phát triển bền vững, nếu có, tuân thủ yêu cầu tối thiểu của quốc gia. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin về cổ đông có lợi ích đáng kể trong công ty. Ủy ban E&S/Phát triển bền vững soát xét thông tin ESG trong báo cáo thường niên. Dữ liệu về ESG phải được soát xét độc lập. Thông tin công bố cho Cộng đồng bị ảnh hưởng phải được thực hiện theo định dạng và ngôn ngữ dễ hiểu. Cấp nhật hàng năm cho Cộng đồng bị ảnh hưởng tại địa phương. 	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo thường niên có cung cấp thông tin ESG. Ủy ban E&S/Phát triển bền vững soát xét thông tin ESG trong báo cáo thường niên. Dữ liệu về ESG phải được soát xét độc lập. Thông tin công bố cho Cộng đồng bị ảnh hưởng phải được thực hiện theo định dạng và ngôn ngữ dễ hiểu. Cấp nhật hàng năm cho Cộng đồng bị ảnh hưởng tại địa phương. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin phi tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất (ví dụ: GRI, IIRC, SASB). Định kỳ báo cáo thông tin phi tài chính về các vấn đề ESG mà các bên có quyền lợi liên quan quan tâm. Thông tin ESG phải được một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm.

0.2.6. Người sử dụng Bộ Công cụ

Các **Doanh nghiệp** là đối tượng sử dụng chính của Bộ Công cụ, đặc biệt là những doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp **có sự tách biệt quyền sở hữu và quyền kiểm soát**, là doanh nghiệp thuộc sở hữu đại chúng hoặc thuộc sở hữu tư nhân nhưng có nhà đầu tư bên ngoài;
- Doanh nghiệp có trụ sở tại các **thị trường mới** nổi hoặc doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động đáng kể ở các thị trường này;
- Doanh nghiệp mong muốn sử dụng **kết quả ESG** vượt trội để tăng giá trị định giá trên thị trường vốn.

Nhà đầu tư và ngân hàng có thể sử dụng Bộ Công cụ và báo cáo tương ứng của doanh nghiệp để giảm rủi ro và hỗ trợ định giá và phân tích tín nhiệm.

Cơ quan quản lý và sở giao dịch chứng khoán có thể sử dụng Bộ Công cụ để xây dựng hoặc hoàn thiện yêu cầu pháp lý

liên quan đến công bố thông tin và minh bạch và để so sánh thông lệ của địa phương với thông lệ tốt toàn cầu.

Những người sử dụng khác cũng có thể thấy Bộ Công cụ hữu ích, như nhà cung cấp, khách hàng, phương tiện truyền thông cũng như các học viện, đơn vị cung cấp dữ liệu và tổ chức thiết lập tiêu chuẩn khi soạn thảo hướng dẫn về báo cáo công ty.

CẤU TRÚC BỘ CÔNG CỤ: Doanh nghiệp nhỏ Sử dụng từng Mô-đun của Bộ công cụ

Việc soạn thảo Bộ công cụ theo mô-đun giúp cho Bộ công cụ phù hợp với doanh nghiệp ở nhiều quy mô và bối cảnh hoạt động khác nhau. Ví dụ: doanh nghiệp nhỏ và thuộc sở hữu gia đình có thể sử dụng những nội dung phù hợp nhất với quy mô của mình - Chiến lược và Rủi ro, Cơ cấu và Chức năng của Hội đồng Quản trị và Báo cáo Tài chính - sau đó bắt đầu áp dụng những nội dung khác, như Đối xử với Cổ đông Thiểu số và Tương tác với các Bên có Quyền lợi Liên quan, ở giai đoạn phát triển về sau. (Để biết thêm chi tiết về việc sử dụng Bộ công cụ theo mô-đun, **xem Hình 0.3**, trang 10 của Bộ công cụ này).

Phần I: Khung Công bố Thông tin

Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên

1. Chiến lược

- Mô hình và Môi trường Kinh doanh
- Mục tiêu Chiến lược
- Phân tích và Ứng phó với Rủi ro
- Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững
- Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

2. Quản trị Công ty

- Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG
- Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Môi trường Kiểm soát
- Đối xử với Cổ đông Thiếu số
- Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

- Báo cáo Kết quả Hoạt động
- Báo cáo Tài chính
- Báo cáo Phát triển Bền vững

Phần I: Khung Công bố Thông tin

Phần I của Bộ Công cụ là *Khung Công bố Thông tin*, hướng dẫn về các chủ đề khác nhau mà doanh nghiệp cần truyền tải đến các nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác, và được trình bày trong cả báo cáo thường niên.

Bảng 1.1 thể hiện những cấu phần chính của báo cáo thường niên mẫu, được sắp xếp trong một bố cục gồm 3 nhóm chính là Chiến lược, Quản trị và Kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Bảng 1.1: Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên

CHIẾN LƯỢC	
CHIẾN LƯỢC	<p>Mô hình Kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm và dịch vụ Khách hàng Quy trình kinh doanh Mối quan hệ, nguồn lực và đầu vào <p>Môi trường Kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> Thị trường Môi trường bên ngoài Yếu tố nội bộ <p>Mục tiêu Chiến lược</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch và ý tưởng kinh doanh chính; nhu cầu tài chính Thiết lập chỉ tiêu Sử dụng KPI để đo lường chỉ tiêu
RỦI RO	<p>Phân tích Rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> Các yếu tố rủi ro Rủi ro phát triển bền vững <p>Ứng phó và Giảm thiểu Rủi ro</p>
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	<p>Đánh giá Cơ hội và rủi ro về Phát triển Bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy trình xác định cơ hội Quy trình nhận dạng rủi ro <p>Xác định tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững</p> <p>Quản lý Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> Các vấn đề cốt lõi Các vấn đề cụ thể theo ngành và bối cảnh Đóng góp cho phát triển kinh tế và xã hội Báo cáo theo phạm vi và kết quả hoạt động

(tiếp theo trang sau)

BẢNG 1.1: Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên (Tiếp theo trang trước)

QUẢN TRỊ CÔNG TY	
CAM KẾT VỀ ESG	<p>Mô tả Bộ Nguyên tắc và Chính sách ESG</p> <p>Tuân thủ Bộ Nguyên tắc và Chính sách ESG</p>
CƠ CẤU VÀ CHỨC NĂNG CỦA HĐQT	<p>Đề cử, Bổ nhiệm và Kế nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Quyền của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác Vai trò của ủy ban đề cử (không bắt buộc) <p>Trình độ chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> Kinh nghiệm và chuyên môn (công việc, đào tạo); gắn kết với vai trò của HĐQT và chiến lược công ty Chuyên môn về phát triển bền vững (trong cả cơ cấu HĐQT hoặc từng thành viên) Đào tạo thành viên HĐQT <p>Tính Độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu giữa Thành viên điều hành và thành viên không điều hành và thành viên độc lập Liên kết giữa công ty và thành viên không độc lập Cân bằng quyền lực: sự độc lập của chủ tịch HĐQT; vai trò của thành viên HĐQT độc lập <p>Sự Đa dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> Giới tính Dân tộc Tuổi tác Khác
CÔNG VIỆC VÀ ỦY BAN CỦA HĐQT	<p>Công việc của HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> Trách nhiệm và hoạt động chính Vai trò của HĐQT so với ban điều hành <p>Các ủy ban</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ và công việc của ủy ban (loại, vai trò) Thành phần, trình độ (tổng hợp), và tính độc lập <p>Đánh giá HĐQT</p> <p>Quản trị phát triển bền vững</p>
MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT	<p>Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát nội bộ: quản lý và giám sát; phạm vi Kiểm toán nội bộ: các hoạt động, thách thức và phát hiện chính Ủy ban kiểm toán: vai trò và trách nhiệm, bao gồm kế toán và báo cáo tài chính Tích hợp thông tin về phát triển bền vững <p>Quản trị Rủi ro</p> <ul style="list-style-type: none"> Khẩu vị rủi ro Đánh giá và quản lý rủi ro Giám sát rủi ro Tích hợp thông tin về phát triển bền vững <p>Tuân thủ</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống quản lý (tổ giác, chương trình tuân thủ, cán bộ chịu trách nhiệm) Tích hợp thông tin về phát triển bền vững <p>Kiểm toán Độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> Vai trò Trình độ chuyên môn Nhiệm kỳ Công việc phi kiểm toán

(tiếp theo trang sau)

QUẢN TRỊ CÔNG TY	
ĐỐI XỬ VỚI CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	<p>Quyền sở hữu và Kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cổ đông lớn trực tiếp • Quyền sở hữu gián tiếp hoặc “coi như” có quyền sở hữu • Các nhóm và chuỗi kiểm soát • Cổ đông có quyền kiểm soát (nhận diện, vai trò, chính sách kế nhiệm) <p>Quyền của Cổ đông Thiểu số</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề cử HĐQT và các quyền khác của cổ đông thiểu số • Thay đổi quyền kiểm soát • Quyền biểu quyết • Quyền được bảo vệ <p>Thù lao</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chính sách thù lao • Thù lao thực tế <p>Giao dịch Bên liên quan (GDBLQ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chính sách và quy trình quản lý • Chi tiết về GDBLQ <p>Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư</p>
QUẢN TRỊ SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN	<p>Xác định các bên có quyền lợi liên quan</p> <p>Cam kết, Chính sách và Chiến lược về các bên có quyền lợi liên quan</p> <p>Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài và Giải quyết Khiếu nại cho Người lao động và Cộng đồng bị Ảnh hưởng</p>
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	<p>Thảo luận về Kết quả Tài chính và Phát triển Bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả tài chính • Nhu cầu tài chính • Các khoản đầu tư và các dự án mới • Tài sản vô hình • Xu hướng hoặc thay đổi trọng yếu • Thông tin hỗ trợ phân tích triển vọng • Kết quả về phát triển bền vững <p>Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động Chính</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài chính • Hoạt động • Phát triển Bền vững
FINANCIAL STATEMENTS	<p>Báo cáo Tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo kết quả kinh doanh • Bảng cân đối kế toán • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ • Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu • Thuyết minh báo cáo tài chính <p>Báo cáo Tài chính Kiểm toán</p> <p>Báo cáo bộ phận</p> <p>Công bố Thông tin về Thu nhập trên Cổ phần, Cổ tức và Thuế</p>
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ KPI	<p>Các Vấn đề Cốt lõi</p> <p>Các Vấn đề cụ thể theo Ngành và Bối cảnh</p> <p>Đóng góp cho Phát triển Kinh tế và Xã hội và các Mục tiêu Phát triển Bền vững</p> <p>Liên kết Trở lại với Chiến lược</p>

Nguồn: IFC.

1. Chiến lược

Chiến lược có thể được định nghĩa là việc xác định các mục đích và mục tiêu dài hạn cơ bản của doanh nghiệp, và việc thực hiện các hành động và phân bổ nguồn lực cần thiết để thực hiện những mục tiêu này (Chandler 1962). Quản lý chiến lược liên quan đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu và sáng kiến quan trọng do lãnh đạo cấp cao nhất của doanh nghiệp đưa ra nhân danh chủ sở hữu, dựa trên những cân nhắc về nguồn lực và đánh giá môi trường bên trong và bên ngoài mà tổ chức đang cạnh tranh (Nag, Hambrick và Chen 2007).

Chiến lược tốt không chỉ đơn giản là doanh nghiệp đang làm “những gì”, mà còn là “cách thức” và “lý do” doanh nghiệp thực hiện điều đó. Cũng như việc đòn bẩy làm tăng lợi thế cơ học, chiến lược tốt tập trung các nguồn lực thuận lợi cho những thách thức cụ thể (Rumelt 2011).

Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên

1. Chiến lược

- Mô hình và Môi trường Kinh doanh
- Mục tiêu Chiến lược
- Phân tích và Ứng phó với Rủi ro
- Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững
- Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

2. Quản trị Công ty

- Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG
- Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Môi trường Kiểm soát
- Đối xử với Cổ đông Thiếu số
- Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

- Báo cáo Kết quả Hoạt động
- Báo cáo Tài chính
- Báo cáo Phát triển Bền vững

Phần *Chiến lược* của báo cáo thường niên tập trung vào các lợi thế riêng biệt, yếu tố rủi ro, và chỉ số kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Phần này cung cấp thông tin quan trọng mà các nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác tìm kiếm để ra quyết định phù hợp về giá trị thị trường và mức độ bền vững của tổ chức.

Những câu hỏi quan trọng bao gồm:

- Mục đích của doanh nghiệp là gì?
- Điều gì tạo ra sự khác biệt của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh?
- Doanh nghiệp làm thế nào để tạo ra giá trị?
- Các yếu tố rủi ro là gì? Cần cân nhắc những rủi ro môi trường và xã hội nào?
- Những chỉ số hoạt động chính của doanh nghiệp là gì?

1.1. Mô hình và Môi trường Kinh doanh

Nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác cần hiểu doanh nghiệp làm gì, hoạt động như thế nào và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp. Giữa mô hình kinh doanh, môi trường và chiến lược của doanh nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ. Môi trường kinh doanh ảnh hưởng đáng kể đến mô hình kinh doanh, và tạo ra bối cảnh và cơ sở để đưa ra các ưu tiên chiến lược.

1.1.1 Mô hình Kinh doanh

Báo cáo nên mô tả các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp, đối tượng khách hàng, và vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của ngành. Báo cáo nên mô tả các quy trình kinh doanh quan trọng nhất đối với việc tạo ra, bảo toàn hoặc nắm bắt giá trị. Điều này có thể ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình tạo ra giá trị. Ngoài ra, báo cáo nên mô tả các mối quan hệ, nguồn lực và đầu vào quan trọng đối với thành công của doanh nghiệp. Báo cáo cũng nên mô tả về cơ cấu tổ chức của công ty, thị trường hoạt động và cách công ty tương tác với những thị trường đó.

Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, báo cáo nên trình bày những gì công ty thực hiện để tạo ra giá trị, và cách thức công ty thực hiện những điều đó.

Những bước nào trong kinh doanh - đầu vào, quy trình và kết quả - có vai trò quan trọng nhất đối với việc tạo ra và bảo toàn giá trị? Các ví dụ dưới đây minh họa cách thức ba doanh nghiệp tập trung vào các lợi thế trong quy trình kinh doanh, tùy thuộc vào ngành, sản phẩm và dịch vụ và những thách thức của doanh nghiệp.

Trong Ví dụ 1.1, Gold Fields, một công ty khai mỏ Nam Phi, giải thích về mô hình kinh doanh - đầu vào, quy trình và kết quả - thông qua các thông tin tài chính và phi tài chính.

Ví dụ 1.2 trang tiếp theo thể hiện mô hình kinh doanh phù hợp với hoạt động đổi mới sáng tạo liên tục trong quy trình phát triển dược phẩm tại công ty Dược Chugai, một công ty Nhật Bản. Công ty tập trung vào các đầu vào quan trọng, các mối quan hệ và kết quả. Việc phát triển sản phẩm bao gồm tìm kiếm hoạt chất, bằng chứng về giá trị, và tối ưu hóa giá trị trong các lĩnh vực tiếp thị. Quá trình này giúp công ty có những đóng góp nhất định cho công cuộc chăm sóc sức khỏe toàn cầu.

Trong Ví dụ 1.3 ở trang tiếp theo, Ngân hàng Thương mại Ceylon mô tả mô hình kinh doanh trên góc độ các yếu tố tạo ra giá trị, dựa trên các loại nguồn lực khác nhau, bao gồm sản xuất, xã hội và cộng đồng, trí tuệ, nhân lực và tự nhiên. Các lợi thế chiến lược tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối của ngân hàng. Quản trị và Quản lý Vốn và Rủi ro được coi là các vấn đề ưu tiên.

Ví dụ 1.1: Môi trường Kinh doanh - Báo cáo Thường niên của Gold Fields 2016



Nguồn: Gold Fields.

Ví dụ 1.2: Mô hình Kinh doanh - Báo cáo Thường niên của Chugai Pharmaceutical 2016

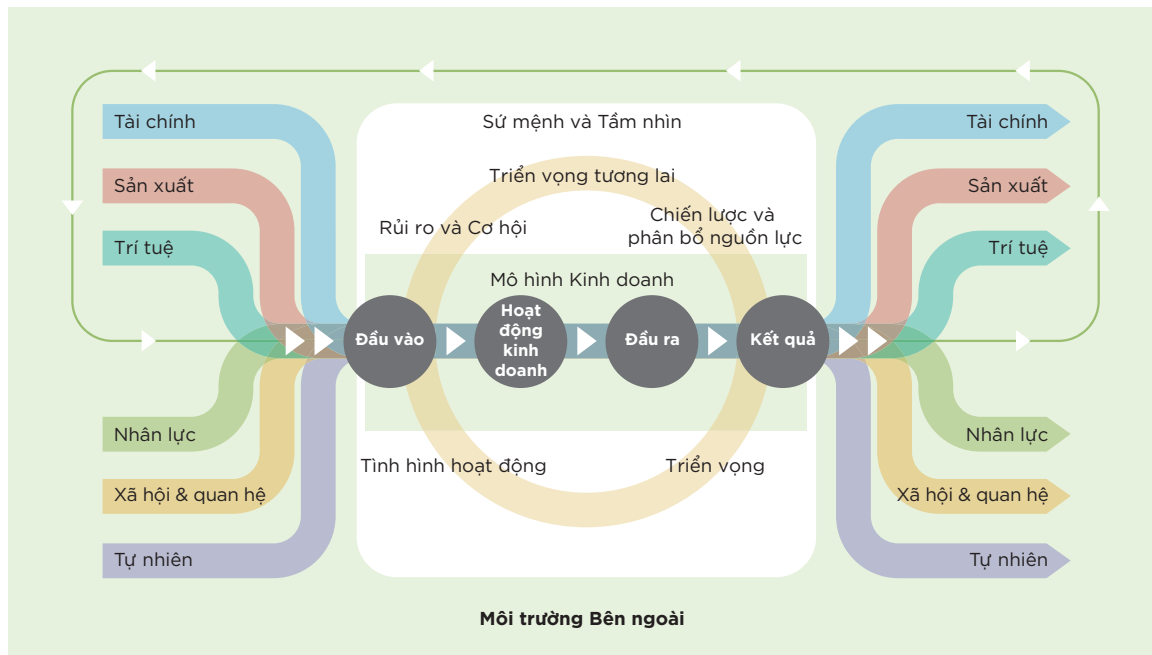


Nguồn: Công ty Chugai Pharmaceutical.

Hộp 1.1: Quy trình Tạo ra Giá trị của IIRC

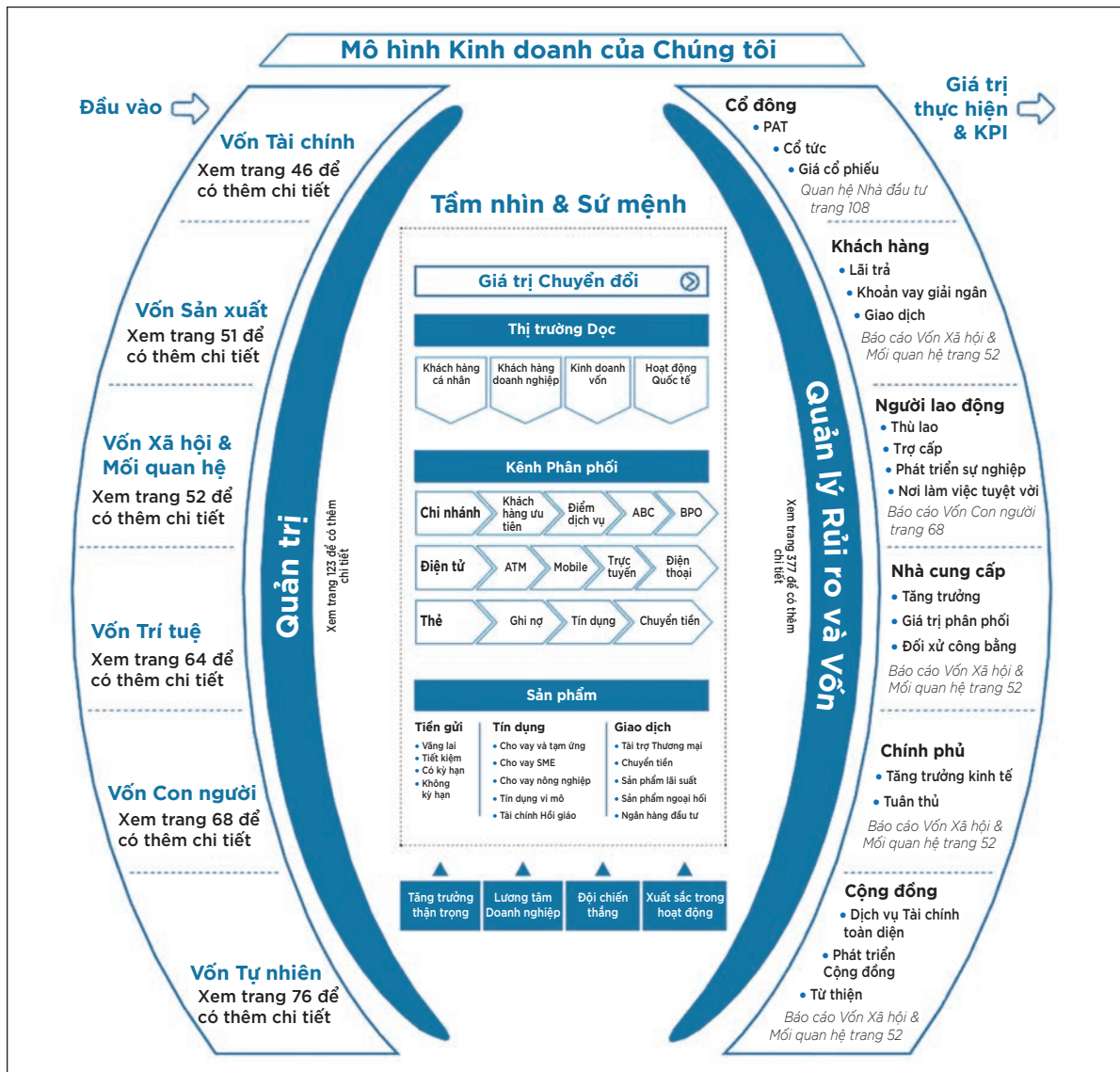
Theo Khung <IR> Quốc tế của IIRC, giá trị được tạo ra thông qua mô hình kinh doanh của tổ chức, lấy đầu vào từ các nguồn lực và chuyển đổi nguồn lực thông qua các hoạt động kinh doanh và tương tác để tạo ra đầu ra và kết quả, mà trong ngắn, trung, và dài hạn, sẽ tạo ra hoặc làm sụt giảm giá trị của tổ chức, các bên có quyền lợi liên quan, xã hội, và môi trường.

Mô hình kinh doanh của một tổ chức lấy các yếu tố đầu vào hoặc nguồn lực dưới hình thức này hay hình thức khác từ vốn, được xác định trong nghiên cứu cơ sở về vốn (IIRC và EY 2013) như tài chính, sản xuất, trí tuệ, nhân lực, xã hội và quan hệ, và vốn tự nhiên.



Nguồn: Khung <IR> của IIRC

Ví dụ 1.3: Mô hình Kinh doanh - Báo cáo Thường niên Ngân hàng thương mại Ceylon 2016



Nguồn: Ngân hàng thương mại Ceylon.

Khung <IR> của Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế mới đây đã đưa ra định nghĩa toàn diện hơn về khái niệm “tạo dựng giá trị”, có tính đến những đầu vào và đầu ra không chỉ bao gồm nguồn lực tài chính mà còn cả nguồn lực sản xuất, trí tuệ, nhân lực, xã hội và quan hệ, và nguồn lực tự nhiên. (Xem Hộp 1.1 trang 20.)

1.1.2. Môi trường Kinh doanh

Báo cáo về môi trường kinh doanh cung cấp bối cảnh cho mô hình kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Báo cáo này cũng cung cấp thông tin về mối liên hệ chính giữa chiến lược, rủi ro, và kết quả hoạt động. Việc phân tích chi tiết về môi trường kinh doanh có thể xác định xem liệu công ty có thể tạo ra giá trị một cách bền vững hay không.

Hướng dẫn báo cáo về môi trường kinh doanh:

- **Thị trường của doanh nghiệp:** Từ thông tin về mô hình kinh doanh làm rõ những thay đổi và xu hướng chính ở các thị trường mà doanh nghiệp đang hoạt động.

Nội dung này bao gồm giá sản phẩm và giá nguyên liệu và các yếu tố đầu vào, các yếu tố thúc đẩy nhu cầu và nguồn cung của đối thủ cạnh tranh, và công nghệ.

- **Môi trường bên ngoài:** Mô tả các yếu tố kinh tế vĩ mô, pháp lý, quy định, môi trường và xã hội có thể ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. Xác định các vấn đề môi trường và xã hội theo ngành và trong từng bối cảnh cụ thể (như biến đổi khí hậu, tác động tới môi trường của sản phẩm). Công nhận nhu cầu và lợi ích hợp pháp và hợp lý của các bên có quyền lợi liên quan.
- **Các yếu tố nội bộ:** Mô tả những nguồn lực, cơ cấu, và quy trình có thể ảnh hưởng đến khả năng của doanh nghiệp trong thực hiện chiến lược. Nội dung này bao gồm các yếu tố nội bộ chi phối chi phí, năng suất và cơ hội tiếp cận thị trường. Ghi nhận tác động tiềm tàng của các dự án và khoản đầu tư lớn, bao gồm phát triển sản phẩm và dịch vụ mới.

Trong Ví dụ 1.4, Astellas Pharma Inc., một công ty dược phẩm Nhật Bản, mô tả môi trường bên ngoài và các xu hướng chính trên thị trường thuốc kê đơn và thuốc generic. Báo cáo dự báo về thị trường thuốc theo toa toàn cầu và mô tả các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm dân số đang già hóa và phát triển kinh tế. Báo cáo cũng đề cập những thách thức đối với ngành, như áp lực của các bên liên quan trong hạn chế chi tiêu chăm sóc sức khỏe và các yêu cầu pháp lý chặt chẽ hơn khi phê duyệt thuốc mới. Cơ hội của doanh nghiệp gắn liền với các khoản đầu tư dài hạn và phù hợp, các loại thuốc tiên tiến, và giải pháp điều trị tốt hơn.

1.2. Mục tiêu Chiến lược

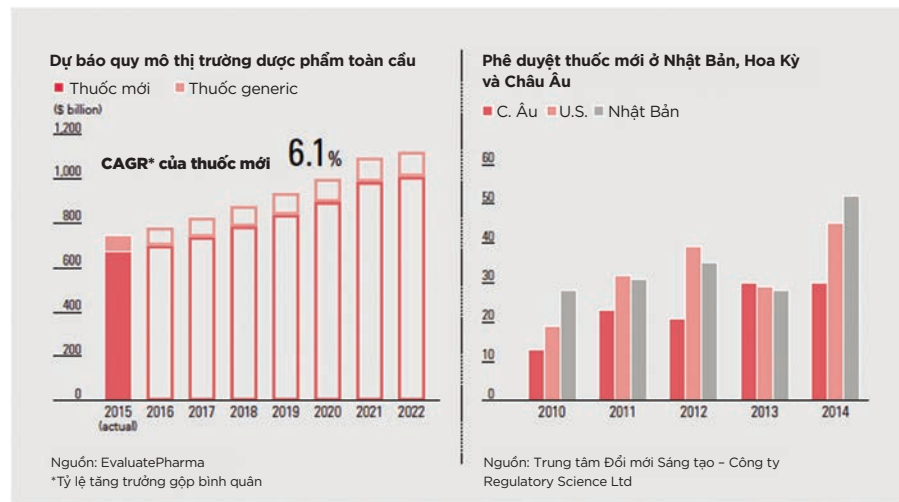
Báo cáo cần mô tả các mục tiêu chính của doanh nghiệp, gắn với mô hình kinh doanh. Báo cáo cũng nên mô tả cách thức doanh nghiệp dự kiến đạt được các mục tiêu chiến lược trong điều kiện môi trường kinh doanh, kết quả hoạt động và triển vọng tương lai. Nội dung này bao gồm kế hoạch và sáng kiến kinh doanh cũng như tài chính và các nguồn lực khác cần thiết cho các khoản đầu tư cụ thể.

Báo cáo nên chỉ ra cách thức doanh nghiệp có thể tích hợp cơ hội và rủi ro về phát triển bền vững trong mục tiêu chiến

Ví dụ 1.4: Môi trường Kinh doanh — Báo cáo Thường niên Astellas Pharma 2016

Môi trường Kinh doanh

Việc mở rộng thị trường được thúc đẩy bởi dân số già hóa và phát triển kinh tế



Xu hướng trên thị trường thuốc kê đơn

Vẫn còn nhiều loại bệnh với nhu cầu y tế chưa được đáp ứng và bệnh nhân đang tìm kiếm các loại thuốc mới để chữa trị. Cùng với những tiến bộ về khoa học và công nghệ, các chính phủ đang thiết lập khuôn khổ để công nhận đổi mới sáng tạo và tạo ra hệ thống quy định có thể đẩy nhanh việc xét duyệt các loại thuốc mới. Hơn nữa, thị trường thuốc theo toa toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng trong bối cảnh dân số già hóa và phát triển kinh tế.

Thách thức và cơ hội tăng trưởng

Khi thị trường mở rộng, cũng có những vấn đề phải khắc phục để phát triển bền vững. Các biện pháp nhằm kìm hãm tốc độ tăng trưởng nhanh của chi tiêu y tế ngày càng được thúc đẩy dưới hình thức cắt giảm giá bảo hiểm và quảng bá thuốc generic. Với việc các nhà chi trả bảo hiểm tham gia ngày càng nhiều hơn

vào quá trình ra quyết định, yêu cầu để một thuốc mới được phê duyệt và giữ được giá bảo hiểm ở mức hợp lý cũng trở nên phức tạp và chặt chẽ hơn. Vì vậy, trong quá trình phát triển dược phẩm, việc chứng minh được giá trị cộng thêm của một thuốc mới so với các thuốc và phác đồ điều trị hiện có lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh đó, bệnh nhân ngày càng kỳ vọng rằng sự phát triển của các loại dược phẩm tiên tiến và các giải pháp điều trị tổng quát tốt hơn có thể nâng cao chất lượng y tế. Trong những năm gần đây, việc phát triển và ứng dụng các phương thức điều trị mới và công nghệ tìm kiếm hoạt chất mới, bao gồm cả liệu pháp gen và tế bào, đã có những bước tiến khá nhanh, và những tiến bộ này dự kiến sẽ được áp dụng trong lĩnh vực y tế trên nhiều phương diện.

Môi trường y tế phát triển này cũng tạo cơ hội cho Astellas phát triển. Astellas sẽ tiếp tục mang lại giá trị mới cho bệnh nhân bằng cách tạo ra đổi mới với việc thực hiện các khoản đầu tư dài hạn hợp lý.

Nguồn: Astellas Pharma Inc.

lược. Báo cáo có thể đưa ra mục tiêu phát triển bền vững, trong một số trường hợp được gắn với các mục tiêu tài chính hoặc phi tài chính khác.

Các vấn đề phát triển bền vững có thể tạo thành những cơ hội lớn. Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, những vấn đề này nên là một khía cạnh không tách rời trong quá trình xây dựng chiến lược của doanh nghiệp. (Để có hướng dẫn chi tiết hơn, tham khảo mục 1.4. Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững, trang 26 Bộ Công cụ này.)

Ví dụ 1.5 trình bày các sáng kiến chiến lược trung đến dài hạn của Santova, một công ty kho vận ở Nam Phi, được thể hiện qua những yếu tố chính tạo nên khác biệt của công ty.

Ví dụ 1.6 trang tiếp theo liệt kê các định hướng chiến lược quan trọng đối với Nedbank Nam Phi, bao gồm những cân nhắc về môi trường và xã hội liên quan đến chiến lược của doanh nghiệp, và mối liên hệ của chúng với hiệu quả kinh tế, cơ hội và rủi ro về môi trường xã hội của công ty, trong cả ngắn và dài hạn.

Ví dụ 1.7 trang 25 cung cấp tổng quan về chiến lược, liên kết

giữa mục tiêu lợi nhuận với phát triển bền vững của Kumba Iron Ore Limited.

Thiết lập Mục tiêu

Mục tiêu và thiết lập mục tiêu được coi là đại diện cho quản lý điều hành tốt. Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, doanh nghiệp cần chuyển mục tiêu chiến lược thành mục đích hoặc chỉ tiêu cụ thể và đo lường được. Một cách tiếp cận là áp dụng SMART (S – Specific – Cụ thể; M- Measurable – Đo lường được; A – Assignable – Có thể giao nhiệm vụ; R – Realistic – Thực tế; T – Time related – Xác định được thời gian) trong việc thiết lập mục tiêu, do chuyên gia tư vấn quản lý George T. Doran (Doran 1981) xây dựng:

- **Cụ thể:** Hướng tới lĩnh vực cụ thể cần cải thiện.
- **Đo lường được:** Định lượng, hoặc ít nhất đề xuất một chỉ số thể hiện tiến độ.
- **Có thể giao nhiệm vụ:** Xác định người thực hiện.
- **Thực tế:** Nếu kết quả có thể đạt được một cách khả thi với nguồn lực sẵn có.
- **Gắn với thời gian:** Xác định rõ thời gian đạt được kết quả.

Ví dụ 1.5: Sáng kiến Chiến lược—Báo cáo Thường niên Tích hợp Santova Limited 2016

YẾU TỐ CHÍNH TẠO KHÁC BIỆT

 TOÀN CẦU Hạ tầng quốc tế (hiện diện toàn cầu) mang đến đại diện của địa phương ở các trung tâm thương mại chính, cho phép thực hiện các giải pháp thương mại liền mạch, đảm bảo trách nhiệm giải trình và khả năng thích ứng giữa các tuyến thương mại	 GIẢI PHÁP Năng lực tri thức và chuyên môn trong công ty về chuỗi cung ứng mang lại cho khách hàng cơ hội tiếp cận các giải pháp và hệ thống chuỗi cung ứng đẳng cấp thế giới	 DỊCH VỤ Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ hậu cần quốc tế cạnh tranh là cấu phần chính của chuỗi cung ứng được tùy chỉnh theo nhu cầu riêng của khách hàng. Những nhu cầu này bao gồm bảo đảm và mua sắm, dự án đặc biệt, dịch vụ chuyển phát, hàng hóa và tài chính	 CÔNG NGHỆ Quản lý chuỗi cung ứng ảo, công nghệ thông minh và hệ thống thông tin quản lý mang lại cho khách hàng lợi thế cạnh tranh với kiểm soát dựa trên web, thông tin rõ ràng và chính xác theo thời gian thực
--	--	---	---

SÁNG KIẾN CHIẾN LƯỢC TỪ TRUNG ĐẾN DÀI HẠN BAO GỒM:

TĂNG TRƯỞNG Tăng trưởng cân bằng Vốn Tài chính Cổ đông Đạt được tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đều đặn qua các năm thông qua kết hợp cân bằng giữa tăng trưởng hữu cơ và mua bán sáp nhập chiến lược.	ĐỔI MỚI Đổi mới công nghệ Vốn Trí tuệ Khách hàng và Nhà cung cấp Dịch vụ CNTT Liên tục đầu tư và phát triển hơn nữa công nghệ thông tin và dữ liệu có ý nghĩa, cho phép khách hàng đạt được lợi thế cạnh tranh và nhờ đó đảm bảo giữ chân khách hàng lâu dài.	HIỆU QUẢ VÀ HIỆU LỰC Hiệu quả và Nhất quán Vốn Xã hội và Quan hệ Khách hàng và Người lao động Sử dụng thông lệ tốt nhất của ngành và liên tục thúc đẩy hiệu quả hoạt động và sự nhất quán của các hệ thống và quy trình ở tất cả đơn vị kinh doanh và khu vực.
Toàn cầu hóa Vốn Sản xuất Khách hàng Liên tục tăng trưởng và mở rộng các tuyến thương mại và phạm vi ảnh hưởng toàn cầu của Tập đoàn để có văn phòng ở cả hai đầu của tất cả các tuyến cung ứng cho khách hàng chính, nhằm kiểm soát toàn bộ chuỗi cung ứng từ đầu đến cuối và nhờ đó tăng gấp đôi doanh thu.	Đổi mới chuỗi cung ứng Vốn Nhân lực và Trí tuệ Người lao động và Khách hàng Liên tục đầu tư và phát triển nguồn lực và năng lực Tư vấn Chuỗi Cung ứng của Tập đoàn cả trong nước và quốc tế.	
	Nhân tài Vốn Nhân lực Người lao động Thiết lập thương hiệu Santova thành thương hiệu việc làm hàng đầu trong ngành hậu cần, nhờ đó thu hút và duy trì người lao động lành nghề và có kinh nghiệm.	

Nguồn: Santova Limited.

Ví dụ 1.6: Trọng tâm Chiến lược - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Nedbank 2015

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	RỦI RO		CƠ HỘI	
	Ngắn hạn	Trung đến dài hạn	Ngắn hạn	Trung đến dài hạn
Điều kiện kinh tế khó khăn và triển vọng tương lai chưa rõ ràng	↑	↑	↓	→
Sự phù hợp của ngành ngân hàng trong bối cảnh chủ nghĩa tiêu dùng và cạnh tranh tăng cao	→	↑	→	→
Gia tăng nhu cầu về quản trị, quy định, và quản lý rủi ro	↑	↑	→	→
Cơ hội tăng trưởng ở khu vực còn lại của châu Phi	↑	→	↓	→
Cải cách xã hội trên phạm vi toàn cầu	↑	↑	↑	↑
Kỹ năng hiếm	↑	↑	→	→

Rủi ro/ Cơ hội giảm đi
 Rủi ro/ Cơ hội hầu như không đổi
 Rủi ro/ Cơ hội tăng lên

Nguồn: Tập đoàn Nedbank.

Sử dụng KPI trong Quy trình Xây dựng Chiến lược

Doanh nghiệp có thể sử dụng chỉ số hoạt động chính (KPI) để đo lường hiệu quả chiến lược của doanh nghiệp và đánh giá kết quả hoạt động. KPI có thể được sử dụng để thiết lập các mục tiêu và chỉ tiêu SMART trong Quy trình xây dựng chiến lược.

Ví dụ 1.8 trang 26 thể hiện cách thức xây dựng và sử dụng KPI như một hệ thống chỉ tiêu liên quan đến cam kết môi trường và xã hội của công ty.

Để có hướng dẫn chi tiết hơn, tham khảo mục 1.5. Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính, trang 49, 3.1.2. Chỉ số Hoạt động Chính, trang 99 và 3.3.2. Chỉ số Khuyến nghị cho KPI và Báo cáo Phát triển Bền vững, trang 110 của Bộ Công cụ này.

1.3. Phân tích và Ứng phó với Rủi ro

Một nội dung quan trọng của quy trình thiết lập chiến lược là nhận dạng rủi ro bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Nhiệm vụ này bao gồm đánh giá rủi ro và xác định cách thức ứng phó với rủi ro.

Công tác phân tích và ứng phó với rủi ro nên do ban điều hành thực hiện. Tuy nhiên, HĐQT cần giám sát các hệ thống quản lý rủi ro và tiếp nhận báo cáo thường xuyên về

hiệu quả của các hệ thống này. Thông thường, ủy ban kiểm toán hoặc ủy ban chuyên môn khác có chuyên môn về rủi ro và bao gồm phần lớn thành viên HĐQT độc lập chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. (Để có hướng dẫn chi tiết hơn về quản trị rủi ro, thông qua kiểm soát nội bộ và chức năng giám sát của HĐQT, tham khảo mục 2.3. Môi trường Kiểm soát, trang 68 của Bộ Công cụ này.)

1.3.1. Phân tích Rủi ro

Đánh giá rủi ro liên quan đến việc phân tích xác suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tiềm tàng và rủi ro còn lại - là những rủi ro không thể tránh được - là cơ sở để xác định cách thức quản lý và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp.

Các Yếu tố Rủi ro

Báo cáo cần mô tả các yếu tố rủi ro chính có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp. (Xem Ví dụ 1.9 trang 27.) Cụ thể là những nội dung sau đây:

- Các sự kiện rủi ro: mô tả các sự kiện rủi ro đáng kể và cách những sự kiện rủi ro này có thể xảy ra;
- Phân tích rủi ro: xác suất và mức độ ảnh hưởng của các sự kiện rủi ro quan trọng đối với kết quả hoạt động và kết quả tài chính.

Ví dụ 1.7: Chiến lược - Báo cáo Tích hợp của Kumba Iron Ore Limited 2017



Nguồn: Kumba Iron Ore Limited.

Ở Ví dụ 1.10 trang 27, Kumba Iron Ore Limited sử dụng bản đồ nhiệt (*risk heat map*) để thể hiện các yếu tố rủi ro của công ty, thể hiện xác suất và mức độ ảnh hưởng, và tích hợp cả rủi ro tài chính và rủi ro phát triển bền vững.

Tích hợp Rủi ro Phát triển Bền vững




Các vấn đề về phát triển bền vững có thể tạo thành rủi ro lớn cho doanh nghiệp. Do đó, Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, những vấn đề này cần trở thành khía cạnh không tách rời trong phân tích, giám sát và quản lý rủi ro. (tham khảo mục 1.4. Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững, trang 26 Bộ Công cụ này.)

1.3.2. Ứng phó và Giảm thiểu Rủi ro

Ứng phó với rủi ro là cách thức hành động mà doanh nghiệp chọn thực hiện khi sự kiện rủi ro xảy ra. Hành động này phải gắn với khẩu vị rủi ro và mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp. Ứng phó với rủi ro bao gồm *chấp nhận, tránh, giới hạn/giảm thiểu và chuyển giao*. Cụ thể, báo cáo cần bao gồm các nội dung sau:

- Giảm thiểu rủi ro đối với mỗi rủi ro trọng yếu;
- Kế hoạch phục hồi kinh doanh sau thảm họa và Kế hoạch kinh doanh liên tục.

Ví dụ 1.8: KPI cho Thiết lập Mục tiêu - Báo cáo Thường niên Tích hợp của EnBW 2017

Mục tiêu	Chỉ số Kết quả Hoạt động chính	2017	Mục tiêu năm 2020	
Mục tiêu khách hàng và xã hội				
Danh tiếng	Chỉ số Danh tiếng	52,1	55,4	Cùng với việc tái cơ cấu mô hình kinh doanh, EnBW có mục tiêu liên tục cải thiện danh tiếng.
Hỗ trợ khách hàng	Chỉ số hài lòng của khách hàng EnBW/Yello	143/161	> 136/ > 159	Khách hàng của EnBW và Yello hài lòng và có mức độ trung thành cao. EnBW và Yello có định hướng là doanh nghiệp vì khách hàng, đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng thông qua giải pháp và sản phẩm phù hợp.
Nguồn cung đáng tin cậy	SAIDI (điện) đo bằng phút/năm	19	< 25	Duy trì chất lượng cấp điện cho khách hàng có vai trò quan trọng nhất đối với EnBW để tiếp tục phát triển lưới điện trong tương lai. Độ tin cậy cao của nguồn cung điện lên lưới do EnBW vận hành dựa trên đầu tư toàn diện vào lưới điện, nhà máy, và đội ngũ chuyên gia phong phú.
 Mục tiêu khách hàng và xã hội > Trang 69		Xu hướng dự kiến > Trang 89	Báo cáo về cơ hội và rủi ro > Trang 91	
Mục tiêu nhân viên				
Cam kết của người lao động	Chỉ số cam kết của người lao động (ECI) ²	60	65	Người lao động cam kết mạnh mẽ với EnBW và tin tưởng vào sự tồn tại trong tương lai của công ty
An toàn lao động	LTIF ²	3,0	≤ năm trước	Số tai nạn tại nơi làm việc và số ngày vắng mặt do tai nạn giữ nguyên hoặc giảm đi
 Mục tiêu nhân viên > Trang 72		Xu hướng dự kiến > Trang 90	Báo cáo về cơ hội và rủi ro > Trang 91	
Mục tiêu môi trường				
Mở rộng năng lượng tái tạo (NLTT)	Đầu ra NLTT lắp đặt trong GW và tỷ trọng (%) NLTT trong tổng công suất sản xuất	3,4 / 25,9	5,0 / >40	Tỷ trọng NLTT trong tổng công suất sản xuất đã tăng gấp đôi kể từ năm 2012. Điện gió và thủy điện trong đất liền và ngoài khơi dẫn đầu trong sự phát triển này.
Bảo vệ môi trường	Cường độ CO ₂ g/kWh	556	-15% đến -20%	EnBW chủ động góp phần bảo vệ môi trường với việc liên tục giảm cường độ CO ₂ trong hoạt động sản xuất điện (trừ năng lượng hạt nhân) từ 15 đến 20% vào năm 2020 so với mức 606 g/kWh trong năm 2015.
 Mục tiêu môi trường > Trang 77		Xu hướng dự kiến > Trang 90	Báo cáo về cơ hội và rủi ro > Trang 91	

Nguồn: EnBW.

Ở Ví dụ 1.11 trang 28, CLP Group, một công ty điện lực ở Hồng Kông, mô tả những rủi ro chính của công ty, cách thức những rủi ro đó biến đổi trong năm tài chính vừa qua và nỗ lực của công ty để giảm thiểu các rủi ro chính.

1.4. Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững

Các vấn đề về phát triển bền vững có thể tạo thành cơ hội và rủi ro lớn cho doanh nghiệp và do đó phải là một khía cạnh không tách rời trong quá trình xây dựng chiến lược và quản lý rủi ro của doanh nghiệp. Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC nhấn mạnh tầm quan trọng của **Hệ thống Quản lý Môi trường và xã hội (ESMS)** hiệu quả, bao gồm các bước sau:

- Chính sách
- Nhận dạng rủi ro và ảnh hưởng của rủi ro đó
- Các chương trình quản lý

- Năng lực và khả năng của tổ chức
- Mức độ sẵn sàng và khả năng ứng phó trước tình huống khẩn cấp
- Giám sát và xét duyệt
- Sự tham gia của các bên liên quan
- Cơ chế truyền thông ra bên ngoài và giải quyết khiếu nại
- Báo cáo thường xuyên cho Cộng đồng bị Ảnh hưởng

Trong phần này, Bộ Công cụ hướng dẫn báo cáo về các yếu tố quan trọng của Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội trong mục *Chiến lược* của báo cáo, bao gồm các nội dung sau:

- Quy trình đánh giá cơ hội và rủi ro chính về phát triển bền vững của doanh nghiệp, và cách thức doanh nghiệp xem xét bản chất thường xuyên biến đổi của các vấn đề phát triển bền vững;

Ví dụ 1.9: Đánh giá Rủi ro - Báo cáo Thường niên Astellas Pharma Inc. 2016

Rủi ro Kinh doanh
 Những rủi ro chính có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn Astellas được nêu dưới đây.

Sự không chắc chắn - Một rủi ro cố hữu trong hoạt động Nghiên cứu và Phát triển ngành dược phẩm
 Nhìn chung, xác suất phát hiện ra một hoạt chất tiềm năng thông qua hoạt động nghiên cứu tìm kiếm thuốc là không cao. Hơn nữa, cần một khoản đầu tư đáng kể và rất nhiều thời gian để ra mắt thành công sản phẩm mới sau khi phát hiện ra hoạt chất mới. Tuy nhiên, cũng có thể phải dừng phát triển lâm sàng nếu hiệu quả của thuốc không được chứng minh như dự kiến ban đầu, hoặc nếu có vấn đề về an toàn. Ngoài ra, dược phẩm phải tuân thủ các quy định pháp lý chặt chẽ ở mỗi quốc gia, do đó giấy phép của cơ quan quản lý quốc gia là điều kiện tiên quyết để ra mắt sản phẩm ở quốc gia đó. Khó có thể dự báo chính xác khả năng và thời gian sản phẩm mới được phê duyệt.
 Hoạt động R & D của Tập đoàn Astellas phải chịu những rủi ro cố hữu này.

Rủi ro liên quan đến bán hàng
 Ngành dược phẩm hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao với đặc trưng là đổi mới công nghệ nhanh chóng. Tập đoàn Astellas đối mặt với cạnh tranh khốc liệt từ các nhà sản xuất dược phẩm và thuốc generic ở Nhật Bản hoặc nước ngoài. Việc ra mắt sản phẩm cạnh tranh của các đối thủ có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Astellas.

Rủi ro Sở hữu Trí tuệ (SHTT)
 Hoạt động kinh doanh dược phẩm của Tập đoàn Astellas được hưởng lợi từ việc bảo vệ bằng sáng chế. Mặc dù Tập đoàn Astellas quản lý quyền SHTT một cách phù hợp và thận trọng, chống lại hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba, nhưng khả năng có việc vi phạm bản quyền vẫn có thể xảy ra và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Astellas. Kết quả kinh doanh của Tập đoàn Astellas cũng tùy thuộc vào kết quả khởi kiện của Tập đoàn Astellas để bảo vệ bằng sáng chế trong trường hợp có vi phạm.
 Mặc dù Tập đoàn Astellas nỗ lực để không vi phạm quyền SHTT của các bên khác, vẫn có nguy cơ kiện tụng trong trường hợp vô tình vi phạm. Những kiện tụng như vậy cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Astellas.

Rủi ro liên quan đến tác dụng phụ & an toàn của sản phẩm
 Mọi vấn đề phát sinh do tác dụng phụ nghiêm trọng hoặc các vấn đề an toàn khác do sản phẩm của Tập đoàn Astellas gây ra đều có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro liên quan đến môi trường
 Tập đoàn Astellas thận trọng trong tuân thủ luật pháp và quy định liên quan đến các vấn đề môi trường hoặc sức khỏe và an toàn và thiết lập tiêu chuẩn nội bộ cao hơn mức yêu cầu của hầu hết các quy định pháp luật. Mặc dù có biện pháp phòng ngừa như vậy, và ít khả năng xảy ra sự cố liên quan đến kinh doanh dẫn tới vi phạm nghiêm trọng về tuân thủ trong lĩnh vực này, nhưng chi phí liên quan nếu sự kiện xảy ra có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Astellas.

Biến động tỷ giá hối đoái
 Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn Astellas chịu tác động của biến động tỷ giá do hoạt động trên phạm vi toàn cầu của Tập đoàn.
 Ngoài các rủi ro nêu trên, Tập đoàn Astellas còn chịu nhiều rủi ro liên quan đến kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn (1) kiện tụng thương mại chung, (2) chậm trễ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất do thiên tai hoặc khác các yếu tố và (3) phụ thuộc một phần vào việc cấp phép hoặc hợp đồng bán hàng liên quan đến dược phẩm do các công ty khác phát triển.

Nguồn: Astellas Pharma Inc.

Ví dụ 1.10: Xếp hạng Rủi ro còn lại - Báo cáo Tích hợp Kumba Iron Ore Limited 2017

XẾP HẠNG RỦI RO CÒN LẠI

Xác suất	Mức độ ảnh hưởng				
	Không đáng kể	Nhỏ	Trung bình	Cao	Nghiêm trọng
Gần như chắc chắn			8 7 6	1	
Có khả năng xảy ra				5 4 3 2	
Có thể xảy ra				10 9	
Ít khả năng xảy ra					
Hiếm khi					

RỦI RO

- 1 Biến động thị trường hàng hóa và tỷ giá →
- 2 An toàn và sức khỏe ↑
- 3 Hạ tầng của bên thứ ba ↑
- 4 Tuân thủ luật pháp và quy định về khai thác mỏ ↑
- 5 Thách thức về quản trị hiện tại và Kinh tế - Xã hội (rủi ro mới) ↑



RỦI RO

- 6 Quan hệ bên liên quan và giấy phép xã hội ↓
- 7 Thực trạng trao quyền tại SIOC (công ty con của Kumba) ↓
- 8 Rủi ro an ninh mạng (cyber) ↑
- 9 Cạn kiệt tài nguyên & bảo đảm tăng trưởng (rủi ro mới) ↓
- 10 Quản lý thay đổi (chuyển đổi kinh doanh) (rủi ro mới) ↓

Bản đồ nhiệt trên đây thể hiện xếp hạng rủi ro còn lại đối với mỗi rủi ro trọng yếu của Kumba. Rủi ro còn lại là mức độ rủi ro sau khi áp dụng tất cả các biện pháp giảm thiểu rủi ro đã xác định. Các yếu tố bên ngoài nằm ngoài phạm vi kiểm soát của ban điều hành là yếu tố chính trong việc đánh giá xếp hạng rủi ro còn lại.
 Nhờ cải thiện về xếp hạng rủi ro, rủi ro sau đây không còn thuộc nhóm 10 rủi ro cao nhất:
 - quan hệ lao động.

Nguồn: Kumba Iron Ore Limited.

Ví dụ 1.11: Giảm nhẹ Rủi ro - Báo cáo Thường niên CLP Group 2015

Mô tả rủi ro	Thay đổi trong năm 2015	Biện pháp chính để giảm thiểu rủi ro
<p>Rủi ro pháp lý vẫn là thách thức chính của hầu hết các đơn vị kinh doanh. Đáng chú ý là ở Hồng Kông đang có kêu gọi hạ thấp tỷ suất lợi nhuận, tập trung nhiều hơn vào năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng trong Hiệp định SoC tiếp theo, trong đó Chính phủ và Công ty Điện lực CLP Hong Kong đã bắt đầu tiến hành thảo luận. Thị trường năng lượng Úc tiếp tục đối mặt với các thay đổi luật pháp trên nhiều mặt từ mục tiêu các-bon, mục tiêu năng lượng tái tạo, trách nhiệm phục hồi mỏ cho đến điều chỉnh giá bán lẻ. Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy định cải cách thị trường điện lực, và hiện vẫn khó đánh giá việc thực hiện trong thực tế.</p>		
<p>Rủi ro pháp lý và chính trị của hoạt động kinh doanh ở Hồng Kông</p> <p>Có rủi ro trung hạn do thay đổi bất lợi về cơ cấu pháp luật sau năm 2018. Kết quả tham vấn người dân của Chính phủ Hồng Kông về phát triển trong tương lai của thị trường điện lực đã công nhận giá trị của SoC và ủng hộ việc tiếp tục xây dựng khuôn khổ pháp lý, mặc dù có một số ý kiến về tỷ suất lợi nhuận cũng như kỳ vọng cao hơn về việc gia tăng năng lượng tái tạo, hiệu quả và tiết kiệm năng lượng và cải thiện hơn nữa chương trình thưởng/phạt theo chế độ quy định mới.</p>	<p></p> <p><i>Tư vấn phát triển thị trường điện kết thúc và kết quả được công bố</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kế hoạch toàn diện để tương tác với các bên có quyền lợi liên quan nhằm tạo điều kiện thảo luận phù hợp và có đầy đủ thông tin về chế độ luật pháp sau 2018. Tập trung vào hiệu quả hoạt động, dịch vụ khách hàng và xây dựng thương hiệu để tăng cường hiệu quả và cam kết của CLP với khách hàng và cộng đồng.
<p>Biến động pháp lý có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của EnergyAustralia</p> <p>Kết quả hoạt động của EnergyAustralia vẫn chịu ảnh hưởng của các thay đổi trong quy định pháp luật như giảm thiểu các-bon, mục tiêu năng lượng tái tạo, thay đổi quy tắc thị trường giao ngay, nghĩa vụ tài sản về kỹ thuật & quy định quản lý, thay đổi tiềm tàng của quy định về phục hồi mỏ, chương trình giảm phát thải khí nhà kính, điều chỉnh giá bán lẻ v.v.</p>	<p></p> <p><i>Mục tiêu Năng lượng Tái tạo (RET) được điều chỉnh giảm xuống 33TWh vào năm 2020 (giảm từ mức 41 TWh trước đó)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận tuân thủ và quy định tập trung để quản lý vị thế của EnergyAustralia đối với các thay đổi luật pháp dự kiến. Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và chính phủ để vị thế của doanh nghiệp được ủng hộ khi có thay đổi pháp luật.

Nguồn: Tập đoàn CLP.

- Có hệ thống quản lý để giải quyết những rủi ro và cơ hội chính về phát triển bền vững;
- Những rủi ro và cơ hội chính về phát triển bền vững mà doanh nghiệp cần giám sát và quản lý - trong điều kiện mô hình kinh doanh, ngành, và địa điểm hoạt động và thị trường của doanh nghiệp.

1.4.1. Đánh giá Cơ hội và Rủi ro chính về Phát triển Bền vững

Cơ hội và rủi ro về phát triển bền vững có tính đặc thù của mô hình kinh doanh, ngành và địa điểm hoạt động và thị trường của doanh nghiệp. Những cơ hội và rủi ro trọng yếu có thể khác biệt đáng kể giữa các doanh nghiệp.

Trong mục *Chiến lược*, báo cáo cần mô tả phương thức mà doanh nghiệp đánh giá cơ hội và rủi ro trọng yếu về phát triển bền vững. Báo cáo cũng cần đề cập đến tần suất thực hiện đánh giá và vai trò của ban điều hành và HĐQT trong giám sát việc đánh giá.

Tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững

Ban đầu, tính trọng yếu được định nghĩa là ngưỡng cho phép công bố thông tin tài chính, nhưng khái niệm này đã thay đổi để phản ánh các thông tin phi tài chính khác - như thông tin về môi trường và xã hội - là những thông tin hữu ích để đánh giá về triển vọng tương lai của doanh nghiệp. (Tham khảo Hộp 1.2 trang tiếp theo về định nghĩa trọng yếu.)

NGUỒN THÔNG TIN TRONG BỘ CÔNG CỤ: Hướng dẫn Báo cáo Chi tiết về Quản trị và Kết quả về các Vấn đề Phát triển Bền vững

Báo cáo về Quản trị Phát triển Bền vững: Mục Quản trị của Bộ công cụ hướng dẫn chi tiết hơn nội dung báo cáo về quản trị rủi ro và tác động của phát triển bền vững. (Tham khảo **2.1. Lãnh đạo và Văn hóa Quản trị: Cam kết về ESG**, trang 55; **2.2. Cơ cấu và Chức năng của HĐQT**, trang 58; và **2.5. Quản trị sự tham gia của các Bên có quyền lợi Liên quan**, trang 92.)

Báo cáo về Kết quả trong Giảm thiểu Rủi ro và Tác động: Trong báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo phát triển bền vững, Bộ công cụ hướng dẫn báo cáo về công tác quản lý các vấn đề môi trường và xã hội trọng yếu, bao gồm các nỗ lực giảm thiểu rủi ro và kết quả của những nỗ lực đó. (Để biết thêm thông tin, tham khảo **3.1. Báo cáo Kết quả Hoạt động**, trang 97 và **3.3. Báo cáo Phát triển Bền vững**, trang 109 của Bộ công cụ này.)

Định nghĩa về sự Phát triển Bền vững của Doanh nghiệp

“**Phát triển bền vững** là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không gây tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.” - Ủy ban Brundtland

Khi áp dụng cho doanh nghiệp, *phát triển bền vững* (hay *doanh nghiệp bền vững*) đề cập đến việc tạo ra giá trị kinh tế, có tính đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khác nhau của doanh nghiệp, bao gồm người lao động, khách hàng, Cộng đồng bị Ảnh hưởng tại địa phương, và môi trường. Nội dung này thường bao gồm các tác động xã hội và môi trường mà doanh nghiệp có thể gây ra và có thể ảnh hưởng đến kết quả dài hạn của doanh nghiệp:

- *Các yếu tố xã hội* bao gồm những yếu tố có thể ảnh hưởng đến phúc lợi của người lao động, khách hàng, và cộng đồng địa phương và thuộc kiểm soát hoặc ảnh hưởng của doanh nghiệp. Nội dung này bao gồm đối xử công bằng với người lao động, sức khỏe và sự an toàn của người lao động và người tiêu dùng, cơ hội tiếp cận và khả năng chi trả cho các dịch vụ cơ bản, tác động kinh tế đối với cộng đồng địa phương và điều kiện tái định cư và phục hồi sinh kế cho các cộng đồng tái định cư.
- *Các yếu tố môi trường* bao gồm ảnh hưởng của các hoạt động của doanh nghiệp đối với môi trường hoặc tài nguyên thiên nhiên mà doanh nghiệp sử dụng để hoạt động. Tác động đối với môi trường bao gồm phát thải có hại, như phát thải khí nhà kính (KNK), ô nhiễm không khí, và chất thải, cũng như sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất (ví dụ như nước, năng lượng, khoáng sản) có ảnh hưởng bất lợi đến những người sử dụng tài nguyên khác.

Các vấn đề phát triển bền vững được coi là trọng yếu khi tạo thành xu hướng, cơ hội hoặc rủi ro có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động và tài chính của doanh nghiệp.

Tác động trọng yếu cũng có thể phát sinh từ các vấn đề ít có tác động tài chính trực tiếp hơn (như tổn hại đến danh tiếng hoặc giấy phép hoạt động, tác động đối với vốn phi tài chính) nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng giá trị dài hạn và để nhà đầu tư đánh giá được triển vọng trong tương lai của doanh nghiệp.

Các khung hoạt động về kế toán và báo cáo tài chính và bền vững toàn cầu (IFRS, GRI, SASB, IIRC) đưa ra những định nghĩa khác nhau nhưng có liên quan về tính trọng yếu theo khía cạnh liên quan đến phát triển bền vững, tập trung vào tác động của doanh nghiệp đối với bên ngoài, tác động đối với bản thân doanh nghiệp và việc tạo ra giá trị trong dài hạn.

Trọng tâm bên ngoài. GRI tập trung vào tác động bên ngoài của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội và định nghĩa vấn đề trọng yếu là vấn đề phản ánh tác động đáng kể lên nền kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức hoặc ảnh hưởng đáng kể đến đánh giá và quyết định của các bên có quyền lợi liên quan.

Trọng tâm bên trong. IFRS và SASB tập trung vào tác động của các yếu tố môi trường và xã hội lên kết quả hoạt động của doanh nghiệp và định nghĩa thông tin là trọng yếu nếu nhà đầu tư hợp lý coi thông tin đó là quan trọng trong quá trình ra quyết định đầu tư hoặc biểu quyết, dựa trên khả

năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng tới điều kiện hoạt động hoặc tài chính của một đơn vị cụ thể.

Ở mức độ nào đó, tác động bên trong và bên ngoài đều có liên quan đến nhau, vì tác động bên ngoài đối với các bên có quyền lợi liên quan hoặc môi trường có thể chuyển thành các yếu tố bên trong ảnh hưởng tới kết quả hoạt động như danh tiếng, quy định, giấy phép hoạt động, và khả năng chi trả, khả năng tiếp cận và chất lượng nguồn vốn.

Trọng tâm tạo dựng giá trị lâu dài. Dựa trên khái niệm về tương tác hai chiều giữa doanh nghiệp và môi trường và cộng đồng xung quanh, IIRC đề xuất cách tiếp cận tích hợp dựa trên việc tạo ra giá trị lâu dài. IIRC định nghĩa vấn đề trọng yếu là “vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tạo ra giá trị của tổ chức trong ngắn, trung và dài hạn”, và việc tạo ra giá trị không chỉ liên quan đến nguồn lực tài chính mà còn bao gồm cả nguồn lực sản xuất, trí tuệ, con người, xã hội và mối quan hệ, và tài nguyên thiên nhiên (IIRC 2013).

Ví dụ 1.12 và 1.13 trang 30 và 31 thể hiện quy trình mà hai công ty Nam Phi - Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi) và Sasol - sử dụng để xác định các vấn đề trọng yếu. Trong mỗi ví dụ, công ty định nghĩa các vấn đề trọng yếu là những vấn đề có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tạo ra giá trị trong ngắn, trung và dài hạn của doanh nghiệp, theo định nghĩa của IIRC.

Để tham khảo hướng dẫn sử dụng khái niệm về tính trọng yếu trong báo cáo thường niên, tham khảo mục Trọng yếu trong **Phần II: Hướng dẫn Báo cáo**, trang 123 của Bộ Công cụ này.

Hộp 1.2: Định nghĩa về Tính Trọng yếu

Tính Trọng yếu theo các Khung Kế toán và Báo cáo Chính

IFRS: “Thông tin được coi là trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc báo cáo sai lệch thông tin đó có thể ảnh hưởng đến quyết định mà người sử dụng thông tin đưa ra trên cơ sở thông tin tài chính về doanh nghiệp cụ thể. Nói cách khác, trọng yếu là khía cạnh liên quan cụ thể dựa trên bản chất hoặc mức độ, hoặc cả hai, của những hạng mục mà thông tin có liên quan trong bối cảnh của báo cáo tài chính của đơn vị đó” (Khung khái niệm IFRS).^a

IIRC: “Báo cáo tích hợp cần công bố thông tin về các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của tổ chức trong việc tạo ra giá trị trong ngắn, trung và dài hạn”.

SASB (tham khảo Tòa án Tối cao Hoa Kỳ): Thông tin được coi là trọng yếu khi việc bỏ sót thông tin đó có khả năng cao sẽ được nhà đầu tư hợp lý coi là đã thay đổi đáng kể các nguồn thông tin tổng hợp sẵn có (Tòa án Tối cao Hoa kỳ, TSC Industries, Inc., kiện Northway, Inc, 426 US 438, 449, 1976). Tính trọng yếu được xác định bằng cách cân bằng giữa khả năng một sự kiện có thể xảy ra với tác động tiềm tàng của sự kiện đó trong tổng thể các hoạt động của công ty (Basic Inc. kiện Levinson, 485 U.S. 224, 1988).

GRI: “Báo cáo cân bao gồm các yếu tố: phản ánh tác động kinh tế, môi trường, hoặc xã hội quan trọng, của tổ chức; hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến đánh giá và quyết định của các bên có quyền lợi liên quan.”

^a Tháng 9 năm 2017, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) gửi lấy ý kiến công chúng đối với đề xuất sửa đổi định nghĩa của IFRS về “trọng yếu” như sau: “Thông tin là thông tin trọng yếu nếu việc bỏ sót, báo cáo sai lệch hoặc không rõ ràng thông tin đó có thể ảnh hưởng đến việc ra quyết định của người sử dụng chính của báo cáo tài chính của một đơn vị cụ thể dựa trên cơ sở báo cáo tài chính đó. Tính trọng yếu phụ thuộc vào bản chất hoặc mức độ thông tin, hoặc cả hai.”

Ví dụ 1.12: Xác định tính Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Africa) 2017

Tính Trọng yếu

Thông tin được đưa vào báo cáo tích hợp dựa trên nguyên tắc về tính trọng yếu. Vấn đề trọng yếu là những vấn đề đã hoặc có thể có ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của chúng tôi trong ngắn, trung, và dài hạn khi chúng tôi theo đuổi mục tiêu tạo ra những tác động tích cực đối với xã hội và mang lại giá trị cho cổ đông.

Khả năng tạo ra giá trị của chúng tôi chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, từ môi trường hoạt động và cách ứng phó với rủi ro và cơ hội [16] cho đến mô hình kinh doanh và chiến lược đã chọn [24]. Thông qua báo cáo này, chúng tôi cung cấp bối cảnh về những vấn đề được coi là trọng yếu và cách chúng tôi quản lý và định hướng các biện pháp ứng phó. Thẻ điểm Cân bằng (Balanced Scorecard) của chúng tôi cung cấp khung báo cáo phù hợp về hiệu quả hoạt động và được trình bày cùng với cơ cấu rủi ro, quản trị và thù lao, là những yếu tố hỗ trợ việc tạo ra giá trị. Các vấn đề trọng yếu của chúng tôi về cơ bản vẫn tương tự năm 2016, Dự án tách khỏi Barclays Africa (Dự án Chia tách) là vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến tất cả các yếu tố của Thẻ điểm Cân bằng.

Công ty	Khách hàng	Đồng nghiệp	Quyền công dân	Quy tắc ứng xử
Doanh thu tăng trưởng bền vững và mang lại lợi nhuận phù hợp cho cổ đông trong khi quản lý được các rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh cũng như Dự án Chia tách.	Hiểu nhu cầu của khách hàng, đồng thời đảm bảo sự tin nhiệm, an toàn, và cung cấp các dịch vụ mang lại giá trị cho khách hàng thông qua mô hình phân phối cân bằng được thiết kế cho tương lai.	Duy trì lực lượng lao động đa dạng bao gồm những người lao động có năng lực, tận tâm và nhiệt tình và đội ngũ lãnh đạo được trao quyền và tập trung thực hiện mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.	Có tác động tích cực đối với xã hội thông qua đầu tư vào giáo dục, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, và dịch vụ tài chính toàn diện, trong khi quản lý tác động môi trường một cách có trách nhiệm.	Thúc đẩy hành vi phù hợp với nguyên tắc đạo đức và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phù hợp, tuân thủ quy định pháp luật và giấy phép xã hội để kinh doanh.

Nguồn: Absa Group (trước đây là Barclays Châu Phi).

Ví dụ 1.13: Xác định tính Trọng yếu - Báo cáo Thường niên Tích hợp Sasol 2017

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Vấn đề trọng yếu của chúng tôi là những vấn đề có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tạo ra giá trị của Sasol trong ngắn, trung, hoặc dài hạn do không thực hiện được chiến lược và có ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của chúng tôi.

Chúng tôi sử dụng quy trình sau đây để quản lý các vấn đề trọng yếu:



Trong năm 2017, chúng tôi xác định năm vấn đề trọng yếu:

- MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ**

Môi trường kinh tế vĩ mô đầy biến động khiến chúng tôi phải duy trì các sáng kiến tiết kiệm, đồng thời phân bổ vốn hiệu quả cho các dự án phát triển và cải thiện vị thế cạnh tranh.
- TĂNG TRƯỞNG DỰA TRÊN GIÁ TRỊ**

Thúc đẩy cải tiến liên tục, khai thác công nghệ và tài năng, phát triển danh mục đa dạng và thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật số hơn cho phép chúng tôi mang lại giá trị vượt trội cho các bên có quyền lợi liên quan và đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.
- QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC**

Thúc đẩy an toàn, đa dạng và phát triển văn hóa cũng như thu hút, phát triển và giữ chân lao động có hiệu quả cao, thu hút sự tham gia của mọi người lao động và tôn trọng nhân quyền.
- BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG**

Đảm bảo duy trì giấy phép hoạt động bằng cách thúc đẩy quản lý chất lượng không khí, chất thải, và rủi ro đất đai một cách bền vững, ứng phó với thách thức về biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng, thúc đẩy quản lý nguồn nước và đảm bảo quản lý sản phẩm có trách nhiệm.
- CAM KẾT VỚI CỘNG ĐỒNG**

Thực hiện nhất quán cam kết với các bên có quyền lợi liên quan trong cộng đồng và tối ưu hóa tác động của các chương trình đầu tư xã hội bằng cách tăng cường hoạt động tại địa phương và mở rộng hợp tác để giải quyết các thách thức phát triển kinh tế và xã hội.

Nguồn: Sasol.

Cân nhắc trong Đánh giá Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững

Quá trình xác định cơ hội và rủi ro trọng yếu về phát triển bền vững cần bao gồm những cân nhắc sau:

Dựa trên các bên có quyền lợi liên quan. Việc nhận dạng các rủi ro chính về môi trường và xã hội nên dựa trên sự tương tác thường xuyên với các bên có quyền lợi liên quan chính của doanh nghiệp, vì những mối quan tâm, lo ngại của người lao động, khách hàng và cộng đồng xung quanh có khả năng sẽ trở thành rủi ro trọng yếu.

Theo bối cảnh cụ thể. Những rủi ro chính về phát triển bền vững có tính đặc thù theo bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm ngành, loại vốn sử dụng (nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, tài chính và sản xuất) và quốc gia mà doanh nghiệp hoạt động.

Cơ hội và rủi ro. Các vấn đề về phát triển bền vững có thể mang lại cả rủi ro và cơ hội, tùy thuộc cách thức quản lý những vấn đề này. Ví dụ, việc quản lý khí thải và chất thải không tốt có thể làm phát sinh trách nhiệm pháp lý và lo ngại/phản đối của các bên có quyền lợi liên quan, trong khi việc chủ động quản lý có thể giúp tăng doanh thu và uy tín.

Tác động tích cực và tiêu cực. Hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp có thể có tác động vừa tích cực vừa tiêu cực. Ví dụ, công ty thực phẩm có thể giúp xóa đói nhưng đồng thời cũng gây ra các vấn đề về sức khỏe.

Tác động của hoạt động và tác động của sản phẩm và dịch vụ. Các vấn đề về phát triển bền vững có thể liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (như đối xử với người lao động, chất thải phát sinh) cũng như sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp (như an toàn xe hơi và tiêu thụ nhiên liệu).

Tác động “của” doanh nghiệp và “đối với” doanh nghiệp. Một số vấn đề phát triển bền vững nhất định có liên quan đến tác động của doanh nghiệp đối với môi trường và cộng đồng xung quanh, và nỗ lực của doanh nghiệp để giảm thiểu những tác động đó (ví dụ, phát thải khí nhà kính hoặc tái định cư người bản địa). Những vấn đề khác liên quan đến tác động của môi trường và xã hội đối với doanh nghiệp. Ví dụ, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến khả năng doanh nghiệp hoạt động có lợi nhuận hoặc cung cấp sản phẩm và dịch vụ đáng tin cậy hoặc quan hệ cộng đồng có thể ảnh hưởng đến giấy phép xã hội của doanh nghiệp. (Nội dung này có liên quan đến khái niệm về tác động bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, được thảo luận tại trang 29.)

Hai khía cạnh này thường có liên quan đến nhau. Theo IIRC, ảnh hưởng đối với các bên có quyền lợi liên quan bên ngoài thường sẽ “gây áp lực trở lại đối với tổ chức thông qua việc nâng cao hoặc làm giảm sút danh tiếng của tổ chức (ví dụ: sự cố tràn dầu trên biển), hoặc khả năng tiếp cận vốn, khả năng chi trả và chất lượng vốn của tổ chức (ví dụ: nguồn nước sạch) (IIRC và AICPA 2013).

Mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra. Đối với các vấn đề cấu thành rủi ro, mức độ chắc chắn của sự kiện, triển vọng tương lai, cần đánh giá mức độ ảnh hưởng và xác suất xảy ra. Như lưu ý trong Hộp 1.2, “tính trọng yếu được xác định bằng cách tổng hợp đánh giá xác suất sự kiện sẽ xảy ra với mức độ ảnh hưởng tiềm tàng của sự kiện xét đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp” (Vụ kiện giữa Basic Inc. và Levinson, 485 U.S. 224, 1988).

Các vấn đề có xác suất xảy ra nhiều hơn hoặc có khả năng gây tác động đáng kể đến tổ chức báo cáo hoặc các bên có quyền lợi liên quan được coi là có tầm quan trọng lớn hơn. (Xem hình 1.1.)

Quy trình Xác định Cơ hội và Rủi ro

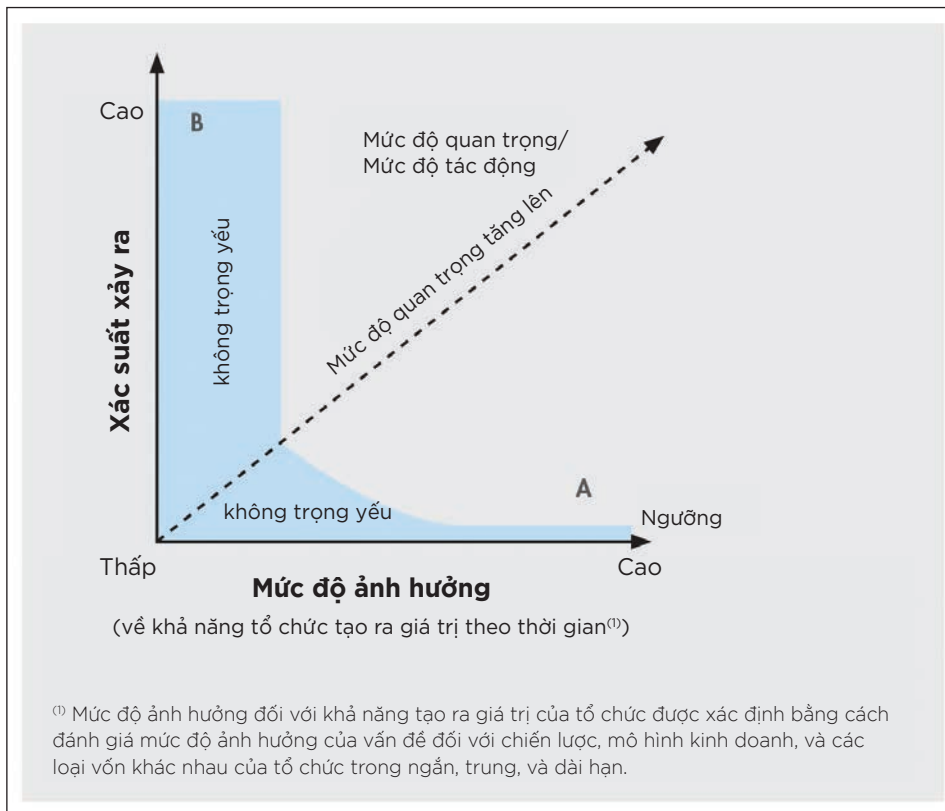
Có nhiều phương pháp khác nhau để xác định mức độ ưu tiên của các vấn đề liên quan nhằm xác định tính trọng yếu của thông tin phát triển bền vững.

Đánh giá rủi ro và cơ hội. Phương pháp phổ biến để đánh giá cơ hội và rủi ro chính về phát triển bền vững là tích hợp với quy trình thường xuyên đánh giá rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp. Theo IIRC, “để đạt hiệu quả tốt nhất, quy trình xác định mức độ trọng yếu được tích hợp vào các quy trình quản lý của tổ chức và có sự tham gia thường xuyên của đơn vị cấp vốn và các đơn vị khác để bảo đảm báo cáo tích hợp đáp ứng mục đích để ra ban đầu” (IIRC 2013). Phương pháp này đảm bảo rằng các vấn đề được xác định là trọng yếu được giải quyết một cách phù hợp trong quá trình xây dựng chiến lược, quy trình giảm thiểu và quản lý rủi ro và cơ cấu quản trị liên quan.

Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS). ESMS có thể cung cấp các nguồn thông tin quan trọng để xác định các vấn đề phát triển bền vững quan trọng của doanh nghiệp. Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC thiết lập nền tảng cho một khung ESMS năng động và do ban điều hành kiểm soát, bao gồm việc nhận dạng và đánh giá toàn diện về các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. (Để có thêm thông tin về ESMS, tham khảo **1.4.2. Quản lý Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững**, Trang 35 của Bộ Công cụ này.)

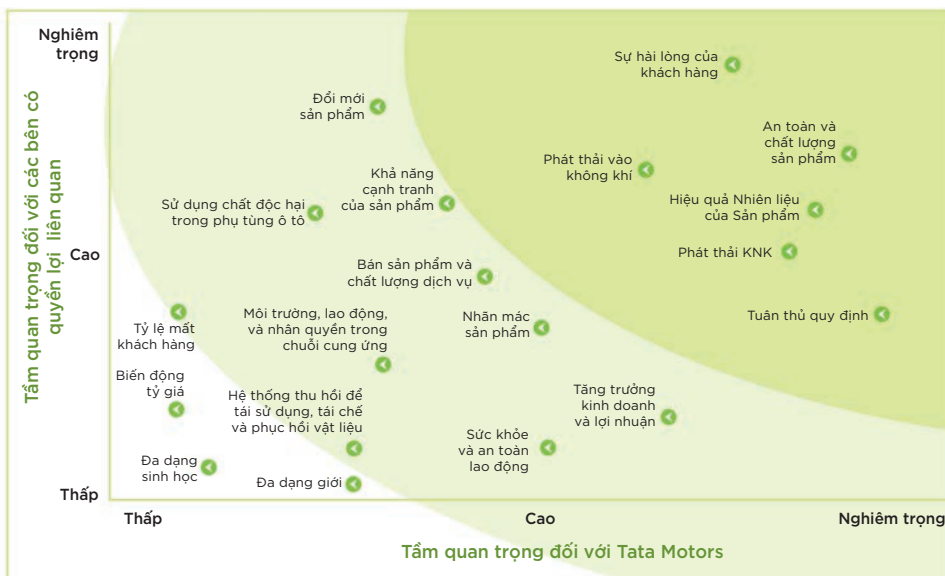
Ma trận trọng yếu. Một phương pháp phổ biến khác để thiết lập thứ tự ưu tiên các vấn đề trọng yếu là tạo ra ma trận trọng yếu để xếp hạng tầm quan trọng của các vấn đề phát triển bền vững đối với công ty trên cơ sở nhận thức của các bên có quyền lợi liên quan chính. Ví dụ 1.14-1.17 ở các trang tiếp theo thể hiện ma trận trọng yếu cho doanh nghiệp trong ngành sản xuất ô tô, dịch vụ tài chính, thực phẩm và đồ uống và các ngành chuyển đổi tài nguyên. Các vấn đề E&S phổ biến được thấy ở cả ba ma trận, nhưng giữa các doanh nghiệp và các ngành có sự khác biệt đáng kể ở những vấn đề trọng yếu nhất, từ an toàn sản phẩm và hiệu quả nhiên liệu của Tata Motors, đến sự hài lòng của khách hàng và bảo mật thông tin của Deutsche Bank, quản lý dinh dưỡng và nước của Nestlé và sức khỏe và an toàn của CEMEX.

Hình 1.1: Tính Trọng yếu: Đánh giá Khả năng xảy ra và Mức độ Ảnh hưởng của Sự kiện



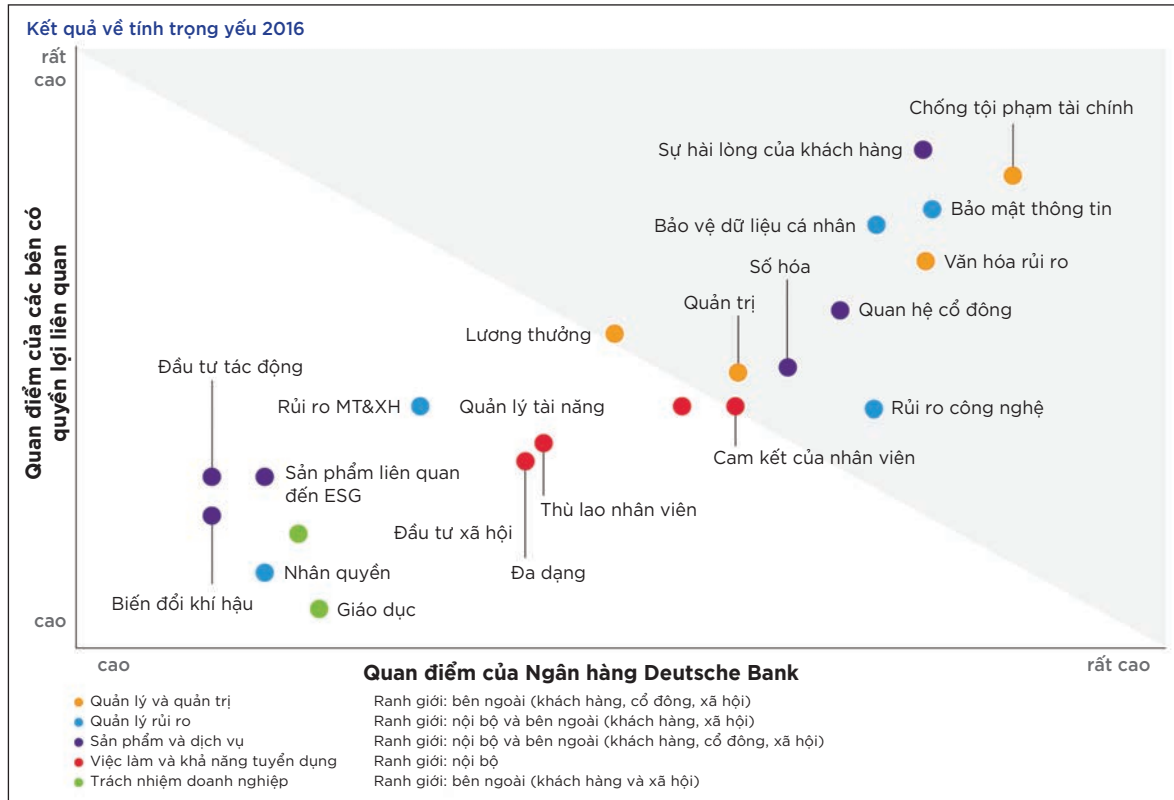
Nguồn: IIRC.

Ví dụ 1.14: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo phát triển bền vững của Tata Motors 2015-2016



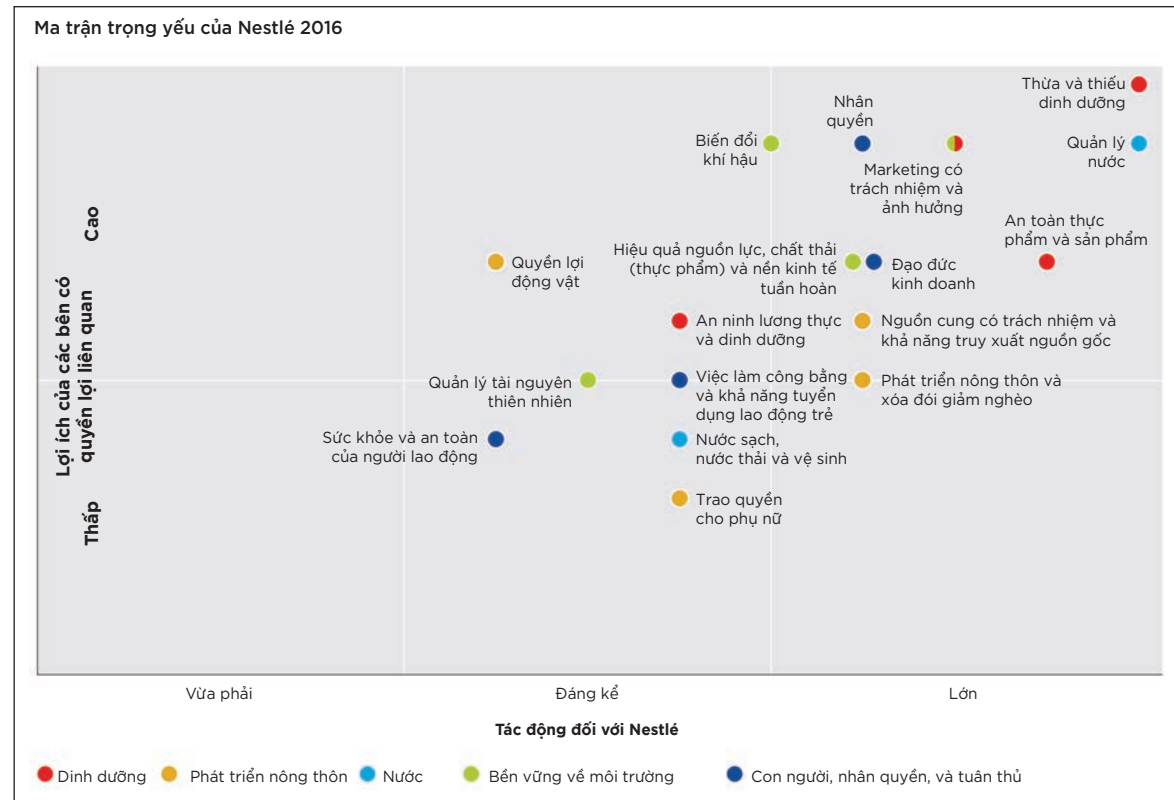
Nguồn: Tata Motors.

Ví dụ 1.15: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo Trách nhiệm Doanh nghiệp Deutsche Bank 2016



Nguồn: Deutsche Bank.

Ví dụ 1.16: Ma trận Trọng yếu - Nestlé trong Xã hội 2016



Nguồn: Nestlé.

Ví dụ 1.17: Ma trận Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp CEMEX 2017



Nguồn: CEMEX.

1.4.2. Quản lý Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững

Báo cáo cần mô tả cách thức doanh nghiệp tích hợp cơ hội và rủi ro về phát triển bền vững vào mục tiêu chiến lược, công tác quản lý hàng ngày và quản lý rủi ro. Yêu cầu này phù hợp với Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC. Khung ESMS của doanh nghiệp phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, và hệ thống cụ thể mà doanh nghiệp áp dụng cần được nêu rõ tên và báo cáo (ví dụ: ISO 14000).

Doanh nghiệp cần báo cáo về chiến lược và hệ thống quản lý được sử dụng để quản lý và giám sát các vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi. Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC quy định rằng doanh nghiệp nên áp dụng hệ thống **giảm thiểu rủi ro theo cấp bậc** để dự báo và tránh, hoặc trường hợp không tránh được thì giảm thiểu tác động, và trường hợp

vẫn còn tác động, thực hiện bồi thường hoặc bù đắp rủi ro và ảnh hưởng đối với người lao động, Cộng đồng bị Ảnh hưởng và môi trường.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Sổ tay Triển khai Khung ESMS của IFC

Sổ tay Triển khai ESMS hướng dẫn từng bước về cách thức xây dựng và triển khai hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC, giải quyết các vấn đề chung về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động (OHS), về nguồn nhân lực, và rủi ro và tác động cộng đồng mà doanh nghiệp có khả năng phải đối mặt.

Ví dụ 1.18 cung cấp chi tiết về cách Kumba Iron Ore Limited, một công ty khai thác khoáng sản Nam Phi, quản lý các vấn đề trọng yếu và thay đổi hàng năm về triển vọng.

1.4.3. Các Vấn đề Chính về Phát triển Bền vững cần Quản lý và Giám sát

Báo cáo cân liệt kê những cơ hội và rủi ro chính về phát triển bền vững mà doanh nghiệp phải đối mặt và mô tả về việc những cơ hội và rủi ro này có ảnh hưởng cụ thể thế nào đến mô hình kinh doanh, chiến lược và hồ sơ rủi ro của doanh nghiệp.

Những vấn đề điển hình thường được liệt kê trong báo cáo bao gồm những vấn đề cốt lõi về phát triển bền vững liên quan đến tất cả hoặc hầu hết các ngành (như giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu hoặc điều kiện lao động và làm việc) cũng như các vấn đề cụ thể của các ngành hoặc điều kiện hoạt động của doanh nghiệp (như tác động đối với môi trường sống quan trọng hoặc đất đai và tài nguyên thiên nhiên của người bản địa). Trong trường hợp phù hợp, báo cáo cũng nên đề cập đến đóng góp của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế và xã hội.

Các Vấn đề Môi trường và Xã hội Cốt lõi

Vấn đề cốt lõi là những vấn đề được nêu trong Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC và các khung phát triển bền vững được chấp nhận chung khác. (Tham khảo **Phụ lục E: Các Khung chính cho Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững.**)



Tiêu chuẩn Hoạt động số 1 của IFC quy định rằng quy trình nhận dạng rủi ro và đánh giá tác động cần xem xét “tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội liên quan, ... bao gồm các vấn đề được xác định trong Tiêu chuẩn Hoạt động 2 đến 8 và những người có khả năng bị ảnh hưởng của những rủi ro và tác động đó.”

Tiêu chuẩn này khuyến nghị thêm rằng quy trình cũng cần xem xét đến “phát thải khí nhà kính, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và cơ hội thích ứng và các tác động xuyên biên giới tiềm tàng, như ô nhiễm không khí, hoặc sử dụng hoặc gây ô nhiễm đường thủy quốc tế.”

Bảng 1.2 cung cấp tóm tắt về các vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi được nêu trong Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC.

Những vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi này đôi khi còn được gọi là các vấn đề xuyên suốt, có hệ thống hoặc phổ biến, áp dụng chung cho tất cả hoặc hầu hết các doanh nghiệp và các ngành.

Ví dụ 1.18: Quản lý các Vấn đề Bền vững Trọng yếu - Báo cáo Tích hợp Kumba Iron Ore Limited 2017

5. THÁCH THỨC KINH TẾ XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ			RỦI RO MỚI
NGUYÊN NHÂN GỐC RỄ	TÁC ĐỘNG LÊN GIÁ TRỊ	BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	TƯƠNG LAI
<p>Tăng trưởng kinh tế thấp ở Nam Phi làm trầm trọng thêm những thách thức hiện tại về bất bình đẳng và thất nghiệp đang phổ biến ở các cộng đồng mà Kumba hoạt động.</p> <p>Thách thức về quản trị và chính trị có thể tác động đến các bên có quyền lợi liên quan chính của công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ phụ thuộc và kỳ vọng vào các công ty khai thác khoáng sản từ phía chính phủ và cộng đồng ngày càng tăng. Hoạt động cộng đồng và việc cung cấp dịch vụ chậm chạp tại địa phương có thể gây gián đoạn hoạt động. Tăng chi phí sinh hoạt ở các cộng đồng địa phương và chi phí kinh doanh. Tác động tiêu cực đến niềm tin của nhà đầu tư ở Nam Phi và chi phí kinh doanh cao hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng lộ trình phát triển tầm nhìn và giá trị chung với cộng đồng, thanh niên, chính quyền tỉnh/thành phố, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo, công ty khai mỏ khác và doanh nghiệp địa phương. Đặt ra các mục tiêu ưu tiên mua sắm tại địa phương. Thực hiện các sáng kiến xây dựng năng lực chính quyền thành phố. 	<p>Môi trường kinh tế-xã hội bên ngoài vẫn phức tạp và đầy thách thức, vẫn có nhu cầu cao trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bao trùm và thực hành quản trị tốt ở cả khu vực nhà nước và tư nhân.</p>
			LĨNH VỰC TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC
			<p>Yếu tố quyết định</p> <ul style="list-style-type: none">  Lãnh đạo thông qua trách nhiệm công dân  Chủ động tương tác với các bên có quyền lợi liên quan chính

Nguồn: Kumba Iron Ore Limited.

Bảng 1.2: Các Vấn đề Môi trường và Xã hội Cốt lõi

NHÓM	VẤN ĐỀ
Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Chính sách môi trường và xã hội • Kế hoạch ứng phó khẩn cấp • Truyền thông ra bên ngoài • Cơ chế khiếu nại • Quản lý các yếu tố môi trường và xã hội trong chuỗi cung ứng^a
Vấn đề Môi trường	<p>Hiệu quả Tài nguyên và Phòng ngừa Ô nhiễm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phát thải KNK • Sử dụng nước • Hiệu quả tài nguyên • Phòng ngừa ô nhiễm <p>Bảo tồn Đa dạng Sinh học và Quản lý Bền vững Tài nguyên Thiên nhiên Hữu sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ hệ sinh thái • Khu vực được bảo vệ • Những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng • Môi trường sống và đa dạng sinh học • Nguồn nước
Vấn đề Xã hội	<p>Điều kiện lao động và làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bảo vệ người lao động • Cơ hội và sự công bằng • Sức khỏe và an toàn • Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em^a
	<p>Cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng • Thu hồi đất và tái định cư • Cơ sở hạ tầng và an toàn công cộng^a • Dân tộc bản địa • Di sản văn hóa

^a Cụ thể theo ngành. Để có thêm chi tiết, tham khảo 1.5. Giới thiệu Chi số Hoạt động Chính, trang 49 của Bộ Công cụ này.

Nguồn: IFC.

Tuy nhiên, việc áp dụng những vấn đề sẽ khác nhau tùy thuộc vào ngành và bối cảnh. Một số vấn đề cốt lõi (quản lý môi trường và xã hội trong chuỗi cung ứng, lao động cưỡng bức và lao động trẻ em và hạ tầng) thường được áp dụng trong các ngành cụ thể.

Ví dụ, hầu hết các công ty đều có nhân viên hoặc người lao động thời vụ, vì vậy việc quản lý các vấn đề lao động và tài năng nhìn chung đều liên quan. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tính chất từng ngành, các vấn đề này có thể khác nhau, từ điều kiện làm việc và an toàn trong ngành may mặc đến lao động trẻ em trong ngành kinh doanh nông nghiệp và phân biệt đối xử trong ngành dịch vụ.

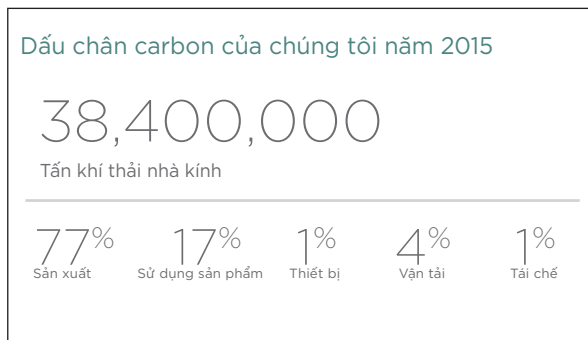
Tương tự, tác động môi trường thường có liên quan đến hầu hết các ngành, nhưng xảy ra ở các điểm khác nhau trong

chuỗi giá trị và với cường độ khác nhau. Ví dụ, doanh nghiệp sản xuất ảnh hưởng đến môi trường thông qua hoạt động sản xuất và phân phối, trong khi doanh nghiệp kinh doanh dựa trên tri thức có thể có tác động đáng kể đến môi trường do các chuyến công tác và thông qua các trung tâm dữ liệu.

Báo cáo cần để cập về việc những vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi này có liên quan cụ thể thế nào đối với doanh nghiệp - và mô tả cách thức doanh nghiệp quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan, bao gồm giảm thiểu tác động. Ví dụ 1.19 và 1.20 (trang tiếp theo) là ví dụ từ hai ngành rất khác nhau.

Để có danh sách chi số E&S được báo cáo phổ biến nhất, tham khảo Bảng 3.3 trang 117 của Bộ Công cụ này.

Ví dụ 1.19: Phát thải KNK - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016



Nguồn: Apple.

Các Vấn đề Phát triển Bền vững cụ thể theo Ngành và Bối cảnh

Ngoài các vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi được nêu trong Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC và các khung phát triển bền vững được chấp nhận chung khác, **theo THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, các vấn đề phát triển bền vững khác có thể là vấn đề trọng yếu đối với doanh nghiệp, tùy vào ngành và bối cảnh hoạt động. Những vấn đề này bao gồm chiến lược biến đổi khí hậu, tác động của sản phẩm và dịch vụ, và đóng góp cho phát triển kinh tế và xã hội. (Để tham khảo chi số KPI đo lường về phát triển bền vững và báo cáo phát triển bền vững dựa trên các chỉ số E&S được báo cáo phổ biến nhất, xem **Bảng 3.3**, trang 117 của Bộ Công cụ này.)

Ví dụ 1.20: Đa dạng hóa - Báo cáo Thường niên Takeda 2016

Quan điểm về đa dạng hóa đưa đến những giải pháp sáng suốt

Tuyên bố về nền văn hóa đa dạng và hòa nhập toàn cầu (D & I): Takeda nỗ lực xây dựng lực lượng lao động cũng đa dạng như những bệnh nhân mà chúng tôi phục vụ. Chúng tôi cam kết tôn trọng sự khác biệt, khám phá khả năng và phát triển nhân viên. Thành công của chúng tôi phụ thuộc vào việc thúc đẩy một môi trường hòa nhập, nơi mọi người lao động được chào đón, trao quyền và truyền cảm hứng để sử dụng tiếng nói và tài năng riêng của mình. Đây là cách chúng tôi tìm ra phương thức đổi mới sáng tạo để phục vụ bệnh nhân, khách hàng và cộng đồng. Đây là cách chúng tôi sẽ cùng nhau đạt được tiềm năng cao nhất.

Sự đa dạng đã chứng tỏ sẽ mang đến nhiều sáng tạo và đổi mới hơn. Doanh nghiệp có đội ngũ lãnh đạo đa dạng có cách ứng phó hiệu quả hơn với một loạt các thách thức chung. Đối với một công ty toàn cầu theo định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo như Takeda, sự đa dạng có vai trò tối quan trọng đối với thành công lâu dài của chúng tôi trong việc chăm sóc sức khỏe tốt hơn và mang đến tương lai tươi sáng hơn.

Mục tiêu cao nhất của chúng tôi là tạo cơ hội phát triển, thành đạt và thăng tiến cho mọi nhân viên Takeda dựa trên năng lực, tiềm năng và khát vọng của họ, bất kể giới tính, tuổi tác, quốc tịch, chủng tộc hoặc khuynh hướng giới tính. Chúng tôi cam kết tận dụng nền tảng, kinh nghiệm và hiểu biết độc đáo và đa dạng của toàn thể người lao động để phục vụ bệnh nhân tốt hơn trên toàn thế giới với sự liêm chính, trung thực, công bằng và kiên trì.



Source: Takeda.

Chúng tôi đang đẩy nhanh các hoạt động D&I tại Nhật Bản và nhiều nơi trên thế giới, và đã áp dụng một số sáng kiến để cải thiện **đa dạng về giới, phong cách làm việc, tuổi tác và nghề nghiệp**.

Những hoạt động này bao gồm:

- Triển khai *Hanamizuki*, là mạng lưới nơi phụ nữ có thể học hỏi lẫn nhau, chia sẻ kiến thức và thông tin và giúp nhau phát triển chuyên môn (Nhật Bản).
- Giới thiệu chương trình làm việc linh hoạt cho phép người lao động tự chọn thời gian và địa điểm làm việc cho phép họ đạt hiệu quả tốt nhất (Nhật Bản).
- Cải thiện sự đa dạng nghề nghiệp với việc khuyến khích thăng tiến nhanh hơn cho người lao động thể hiện được hiệu quả cao từ sớm hơn trong sự nghiệp (Nhật Bản).
- Tổ chức tuần Hội nghị Chuyên đề Lãnh đạo và Đa dạng Lãnh đạo Takeda, Hoa Kỳ, đầu tiên tại Deerfield, IL. Hội thảo chuyên đề này bao gồm các sự kiện của người lao động, hội thảo, và các bài thuyết trình, với diễn giả là lãnh đạo về D&I của Takeda (Hoa Kỳ).

Mục tiêu 2016 cho Nhật Bản

30%

cán bộ quản lý được bổ nhiệm mới là phụ nữ



10%

cán bộ quản lý được bổ nhiệm mới có dưới 8 năm kinh nghiệm trong sự nghiệp



Chiến lược Biến đổi Khí hậu. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến doanh nghiệp ở hầu hết các ngành và khu vực, nhưng tác động của biến đổi khí hậu có nhiều mặt và rất khác nhau, và bao gồm cả cơ hội cũng như rủi ro. Biến đổi khí hậu không chỉ liên quan đến việc doanh nghiệp phát thải KNK vào khí quyển mà còn liên quan đến cách thức vốn, tài sản và hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi tác động hữu hình do biến đổi khí hậu gây ra. (Xem Ví dụ 1.21.)

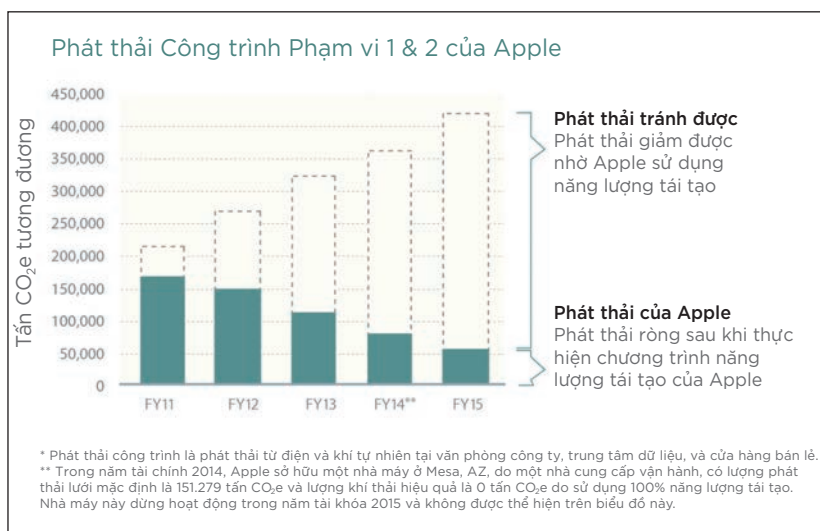
Nhìn chung, có hai loại rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu (Stern 2007):

- Rủi ro (và cơ hội) liên quan đến chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp hơn;

- Rủi ro liên quan đến tác động hữu hình của biến đổi khí hậu, bao gồm ngập lụt, hạn hán, sóng nhiệt, lở đất, xói mòn, giảm tuổi thọ cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, v.v...

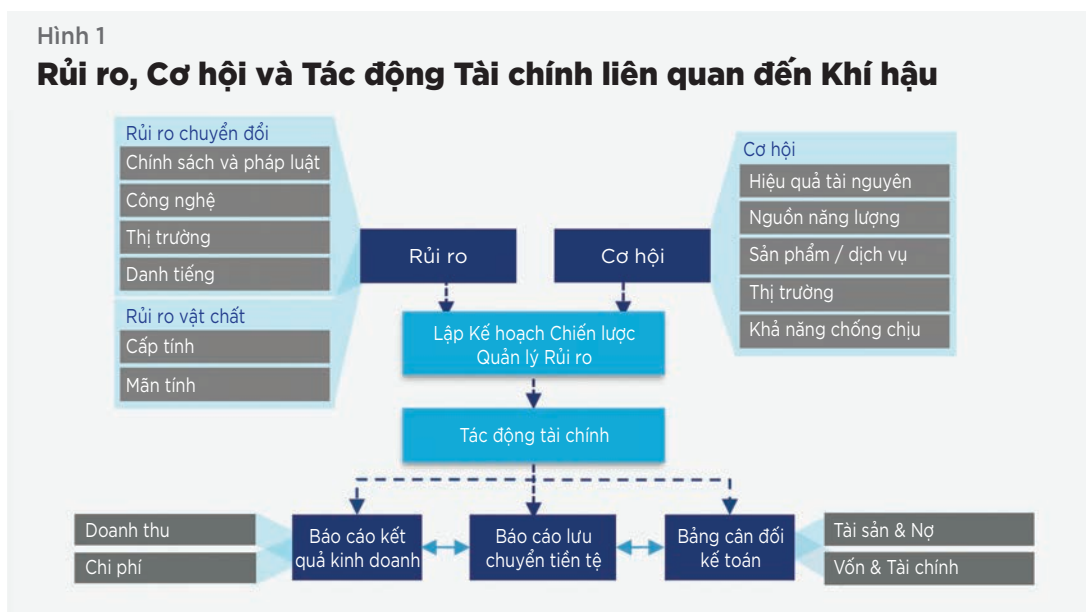
Mỗi rủi ro liên quan đến khí hậu này đều có một vài nhóm rủi ro nhỏ hơn. Ví dụ, rủi ro chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp hơn bao gồm chuyển dịch tiêu dùng (rủi ro phân khúc thị trường) cũng như rủi ro chính sách và pháp lý, như cơ chế mua bán phát thải KNK, thuế carbon và thuế áp cho doanh nghiệp, dựa trên hiệu quả năng lượng hoặc phát thải KNK (như thuế carbon). (Xem Hình 1.2).

Ví dụ 1.21: Phát thải Tránh được - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016



Nguồn: Apple.

Hình 1.2: Rủi ro, Cơ hội và Tác động Tài chính liên quan đến Khí hậu



Nguồn: TCFD (2017).

Trong báo cáo chiến lược, doanh nghiệp cần giải thích về sự phù hợp của mô hình kinh doanh với các quy định mới về khí hậu cũng như sự thay đổi thường xuyên trong sở thích người tiêu dùng và kỳ vọng thị trường. Chẳng hạn, công ty trong ngành thực phẩm cần đề cập đến những yếu tố nhạy cảm với biến đổi khí hậu trong toàn bộ chuỗi giá trị, từ cây trồng đến chế biến thực phẩm, vận chuyển và bán lẻ.

Doanh nghiệp cần báo cáo về cách thức quản lý tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động và tài sản doanh nghiệp. Nội dung này bao gồm đánh giá khả năng bị thiệt hại, ảnh hưởng liên quan đến khí hậu, cụ thể cho từng bối cảnh, ngành và địa điểm. Ví dụ, công ty có thể đề cập mức độ linh hoạt của chuỗi giá trị và khả năng giảm thiểu rủi ro khí hậu nhờ thay đổi các yếu tố trong mô hình kinh doanh, như di thuê thay vì sở hữu thiết bị hoặc thuê ngoài dịch vụ vận chuyển.

Doanh nghiệp cũng nên báo cáo về cách thức tận dụng cơ hội do đặc điểm khí hậu mang lại. Hướng dẫn trong lĩnh vực này có thể xuất phát từ cam kết của quốc gia đối với Hiệp định Paris (Đóng góp quốc gia tự quyết định NDCs - National Determined Contributions), đưa ra lộ trình chi tiết về cách thức mỗi quốc gia sẽ quản lý quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

Theo một số ước tính, Hiệp định Paris mở ra cơ hội đầu tư thông minh về khí hậu trị giá gần 23 nghìn tỷ USD ở các thị trường mới nổi đến năm 2030. Một nghiên cứu của IFC dựa trên các cam kết biến đổi khí hậu quốc gia và chính sách nền tảng của 21 nền kinh tế thị trường mới nổi, đại diện 48% phát thải toàn cầu, xác định các ngành trong từng khu vực có tiềm năng đầu tư lớn nhất (IFC 2016a).

Sản phẩm và Dịch vụ. Những vấn đề về phát triển bền vững đối với sản phẩm và dịch vụ thường bao gồm tác động môi trường và xã hội liên quan đến tiêu dùng, ví dụ như an toàn sản phẩm, hiệu quả năng lượng, và ô nhiễm trong quá trình sử dụng. Những vấn đề này cũng bao gồm những tác động phát sinh ở cuối vòng đời sản phẩm. Những vấn đề này đôi khi được gọi chung là tác động vào cuối giai đoạn sử dụng, chu kỳ, hay vòng đời sản phẩm. Ví dụ 1.22-1.24 thể hiện báo cáo của Apple về các vấn đề liên quan đến sản phẩm, bao gồm phát thải trong giai đoạn sử dụng và thu hồi, và hóa chất trong sản phẩm.

Các vấn đề phát triển bền vững liên quan đến sản phẩm có thể là **duy nhất đối với một ngành cụ thể** do công nghệ, mô hình kinh doanh hoặc sử dụng tài nguyên. Ví dụ, rủi ro và tác động liên quan đến **quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu** có thể có ảnh hưởng lớn đến công ty trong ngành công nghệ, viễn thông, truyền thông và ngành thương mại điện tử bán lẻ.

Trong một số ngành nhất định, như y tế, tài chính, giáo dục và bảo hiểm, **chất lượng dịch vụ** được cung cấp có thể trở

Ví dụ 1.23: Tác động theo Giai đoạn Sử dụng - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016

Sử dụng Sản phẩm

Năng lượng bạn sử dụng tính vào năng lượng sử dụng của chúng tôi.

Toàn bộ năng lượng cần thiết để bạn sử dụng thiết bị - từ khi mở hộp đến khi sản phẩm được tái chế - được cộng vào dấu chân các-bon (carbon footprint) của chúng tôi. Chúng tôi thậm chí còn tính cả năng lượng cần thiết để sạc thiết bị của bạn, thường dùng các nguồn sử dụng nhiều các-bon như than đá hoặc khí đốt. Vì vậy, chúng tôi luôn phát triển phương thức mới để sản phẩm tiết kiệm năng lượng nhất. Ví dụ, hệ điều hành Mac cho phép ổ cứng ở chế độ ngủ và chạy bộ xử lý ở chế độ năng lượng cực thấp khi bạn không sử dụng nhiều. Hệ điều hành này thậm chí có thể tiết kiệm năng lượng khi màn hình ở chế độ tĩnh và giữa các lần gõ phím.

MacBook Air tiêu thụ năng lượng thấp hơn 52% so với model ban đầu. Mac mini tiêu thụ năng lượng thấp hơn 40% khi không hoạt động so với thế hệ trước. Apple TV tiêu thụ năng lượng thấp hơn 90% so với thế hệ đầu tiên. Và bạn có thể sạc iPhone 6s mỗi ngày một lần trong một năm với chi phí 53 xu. Thực tế, kể từ năm 2008, chúng tôi đã giảm 64% tổng năng lượng tiêu thụ bình quân của các sản phẩm Apple, giảm dấu chân các-bon chung của chúng tôi và đồng thời giảm hóa đơn tiền điện của bạn.⁴

Nguồn: Apple.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT:
Báo cáo Liên quan đến Khí hậu

Khung Báo cáo Tiêu chuẩn Công bố Thông tin về Khí hậu (CDSB): Doanh nghiệp công bố thông tin về khí hậu có thể cân nhắc áp dụng Khung Báo cáo CDSB tự nguyện, được thiết kế để khuyến nghị các thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu của doanh nghiệp. Khung này xem xét ảnh hưởng của các yếu tố biến đổi khí hậu đến hiệu quả tài chính và việc tạo ra giá trị của doanh nghiệp.

Nhóm làm việc về Minh bạch Thông tin Tài chính liên quan đến Khí hậu (Ủy ban Ổn định Tài chính) khuyến nghị lập *kịch bản cho rủi ro khí hậu*. Hoạt động này bao gồm công bố thông tin về tác động tiềm ẩn của rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với hoạt động kinh doanh, chiến lược, kế hoạch tài chính của tổ chức theo các kịch bản tiềm tàng khác nhau trong tương lai, bao gồm kịch bản nóng lên 2 độ C. Nhóm làm việc đề xuất việc áp dụng phân tích định lượng nhiều hơn trong công bố thông tin, bao gồm các giả định nền tảng về các kịch bản liên quan đến khí hậu.

Ví dụ 1.22: Thu hồi Sản phẩm - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016

Lượng vật liệu được thu hồi để tái sử dụng thông qua các sáng kiến thu hồi năm 2015

61,357,800 lbs

Thép 23.101.000	Nhựa 13.422.360	Thủy tinh 11.945.680	Nhôm 4.518.200	Đồng 2.953.360
Niken 39.672	Chi 44.080	Kẽm 130.036	Thiếc 4.408	Bạc 6.612

Nguồn: Apple.

Ví dụ 1.24: Hóa chất trong Sản phẩm - Báo cáo Trách nhiệm Môi trường Apple 2016

Những chất độc hại nhất và những gì chúng tôi đã làm.

Sau khi xác định những chất độc hại trong sản phẩm, chúng tôi giảm bớt, loại bỏ hoàn toàn hoặc phát triển vật liệu mới an toàn hơn. Những nỗ lực này cũng loại bỏ chất độc hại khỏi quy trình sản xuất và tái chế, giúp bảo vệ công nhân và giữ chất ô nhiễm không bị thải ra đất, không khí và nước.



Beril

Có trong hợp kim đồng được sử dụng để sản xuất đầu nối và lò xo. Toàn bộ sản phẩm mới được thiết kế mà không sử dụng beril.



Thủy ngân

Loại bỏ vào năm 2009. Chúng tôi sử dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng, không thủy ngân, thay cho đèn huỳnh quang thủy ngân trong toàn bộ màn hình.



Chì

Chúng tôi loại bỏ hoàn toàn chì khỏi màn hình và chất hàn năm 2006.



Arsen

Thường được sử dụng trong thủy tinh. Màn hình của chúng tôi không có arsen từ năm 2008.



PVC và Phthalates

Cả hai vẫn được các công ty khác sử dụng trong dây nguồn và cáp tai nghe. Chúng tôi đã thay thế PVC và phthalates bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo.¹¹



Chất làm chậm cháy brom (BFR)

Loại bỏ khỏi hàng ngàn linh kiện như vỏ, bảng mạch và đầu nối năm 2008. Chúng tôi sử dụng các hợp chất hydroxit và photpho kim loại an toàn hơn để thay thế.

Nguồn: Apple.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo về Nhân quyền

Báo cáo Nhân quyền của ABN AMRO. Năm 2016, ABN AMRO là định chế tài chính đầu tiên xuất bản báo cáo nhân quyền dựa trên khung báo cáo của Bộ Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Nhân quyền của Liên Hợp Quốc.

Báo cáo tập trung vào bốn nhóm quyền con người có nguy cơ bị vi phạm trong hoạt động của ngân hàng và các công ty mà ngân hàng cho vay hoặc đầu tư nhân danh khách hàng: quyền riêng tư, phân biệt đối xử, quyền lao động và quyền con người liên quan đến đất đai.

Để giảm thiểu rủi ro vi phạm nhân quyền, ABN AMRO chủ động giám sát khách hàng hoạt động trong các ngành và quốc gia có rủi ro cao và, khi cần thiết, phối hợp với khách hàng để cải thiện.

thành vấn đề lợi ích công cộng và do đó ảnh hưởng đến giấy phép xã hội để kinh doanh của doanh nghiệp.

Đạo đức. Các vấn đề liên quan đến đạo đức thường bao gồm tham nhũng và hối lộ, quyền góp chính trị, thuế và tuân thủ quy định. (Để có hướng dẫn chi tiết đối với báo cáo về hành vi đạo đức của doanh nghiệp, tham khảo mục 2.3. **Môi trường Kiểm soát**, trang 68 của Bộ Công cụ này; và **Phụ lục E** để tham khảo tóm tắt về các khung chính áp dụng cho quản lý và báo cáo phát triển bền vững.)

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Đạo đức

Luật về nạn Nô lệ Hiện đại của Vương quốc Anh 2015: Doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của luật này phải thực hiện báo cáo hàng năm về các bước đã thực hiện trong năm tài chính nhằm đảm bảo chế độ nô lệ và buôn bán người không diễn ra trong hoạt động doanh nghiệp hoặc trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

Đóng góp cho Phát triển Kinh tế và Xã hội Bền vững

Khu vực tư nhân là khu vực có đóng góp quan trọng cho tiến bộ kinh tế và xã hội, đặc biệt khi doanh nghiệp thực hiện quản lý tác động môi trường và xã hội.

Việc cung cấp thông tin về đóng góp của doanh nghiệp cho phát triển kinh tế và xã hội trong báo cáo thường niên có thể cung cấp cái nhìn cân bằng về đóng góp chung của doanh nghiệp cho xã hội. Báo cáo có thể cung cấp thông tin về bối cảnh của những tác động E&S của doanh nghiệp và cải thiện niềm tin của công chúng vào doanh nghiệp và giấy phép xã hội để kinh doanh (SLO). Hướng dẫn lập báo cáo về lĩnh vực này được cung cấp trong hai khung phát triển liên quan: Khung Tác động Phát triển của IFC và các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc.

Khung Tác động Phát triển của IFC

Báo cáo thường niên có thể đề cập đến đóng góp trực tiếp của doanh nghiệp cho phát triển kinh tế và xã hội bằng cách sử dụng khung đo lường phát triển ở cấp doanh nghiệp của IFC, bao gồm:

- Mục tiêu Phát triển của IFC (xem Hộp 1.3).
- Kết quả Phát triển và Hệ thống theo dõi tiến độ (DOTS). DOTS đo lường lợi nhuận kinh tế và lợi ích xã hội trong những ngành quan trọng của nền kinh tế, như số lượng dịch vụ cơ bản trong y tế, giáo dục, tài chính và năng lượng cũng như số người được tuyển dụng, trả lương, chi tiêu cộng đồng, và chi trả thuế, v.v...
- Khung Đo lường và Giám sát Tác động Dự kiến (AIMM) mới. AIMM bổ sung cho DOTS với việc đo lường tác động phát triển dự kiến hoặc tiềm tàng khi bắt đầu các hoạt động của IFC (*trước*) và tập

trung vào hai khía cạnh chính: kết quả của dự án và đóng góp cho việc tạo lập thị trường. Kết quả ở cấp dự án bao gồm tác động trực tiếp của dự án (hoặc công ty), tác động gián tiếp đối với các bên có quyền lợi liên quan khác (bao gồm khách hàng, nhà cung cấp, và cộng đồng), nền kinh tế nói chung, và môi trường. (Để có thêm thông tin về AIMM, tham khảo *Báo cáo theo Bối cảnh và theo Kết quả* dưới đây.)

Hộp 1.3: Mục tiêu Phát triển của IFC

- Kinh doanh nông nghiệp: Tăng hoặc cải thiện cơ hội canh tác bền vững.
- Y tế và Giáo dục: Cải thiện dịch vụ y tế và giáo dục.
- Định chế Tài chính: Tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính cho khách hàng tài chính vi mô.
- Định chế Tài chính: Tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Cơ sở hạ tầng: Tăng hoặc cải thiện dịch vụ hạ tầng.
- Kinh doanh khí hậu: Giảm phát thải khí nhà kính.

Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)

Doanh nghiệp có thể chứng minh đóng góp của mình cho phát triển bền vững qua việc gắn các chiến lược và rủi ro về phát triển bền vững ở cấp độ doanh nghiệp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc, là bộ 17 mục tiêu chung do các quốc gia thành viên LHQ thiết lập để xây dựng lộ trình phát triển kinh tế và bền vững từ 2015 đến 2030. (Xem Hình 1.3.)

Các vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi gắn liền với nỗ lực của các quốc gia nhằm đạt được các SDG. Ví dụ, nỗ lực của doanh nghiệp trong bảo vệ đa dạng sinh học và đẩy mạnh quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên hữu sinh có liên quan trực tiếp đến Mục tiêu số 15 về “bảo vệ, khôi phục và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên bề mặt trái đất, quản lý bền vững tài nguyên rừng, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học.”

KPI cho các vấn đề phát triển bền vững cốt lõi cũng liên quan chặt chẽ đến các chỉ số SDG để đo lường tiến bộ của quốc gia trong thực hiện các Mục tiêu. Ví dụ: KPI về tỷ lệ tái chế chất thải có liên kết trực tiếp với Chỉ số SDG 12.5.1,

NGUỒN TÀI LIỆU CHO BỘ CÔNG CỤ: Ma trận ESG và Chỉ số SDG

Để tham khảo các KPI môi trường và xã hội được chấp nhận chung và có liên hệ trực tiếp với các SDG và các chỉ số SDG, tham khảo **Bảng 3.3**, trang 117

Hình 1.3: Mục tiêu Phát triển Bền vững



Nguồn: Liên Hợp Quốc.

đo lường tỷ lệ tái chế của quốc gia và lượng vật liệu được tái chế.

Ví dụ 1.25 và 1.26 ở trang tiếp theo thể hiện cách thức hai công ty Nam Phi trong các ngành khác nhau có đóng góp cho phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia. Ngân hàng Standard Chartered tập trung vào cơ hội tiếp cận tài chính và tài chính có trách nhiệm, và Eskom, công ty điện lớn nhất của quốc gia, cung cấp cơ hội sử dụng điện.

Ví dụ 1.27 trang 45 thể hiện cách công ty dược phẩm toàn cầu Roche đi đầu trong nỗ lực tìm kiếm phương pháp điều trị ung thư.

Ở Ví dụ 1.28-1.30 trang 46 và 47, Akzo Nobel, công ty hóa chất Hà Lan, CEMEX, công ty chuyển đổi tài nguyên Mehico, và Takeda, công ty dược phẩm Nhật Bản, áp dụng cách tiếp cận khác với việc thực hiện các hoạt động phù hợp với SDG.

Báo cáo theo Bối cảnh và theo Kết quả

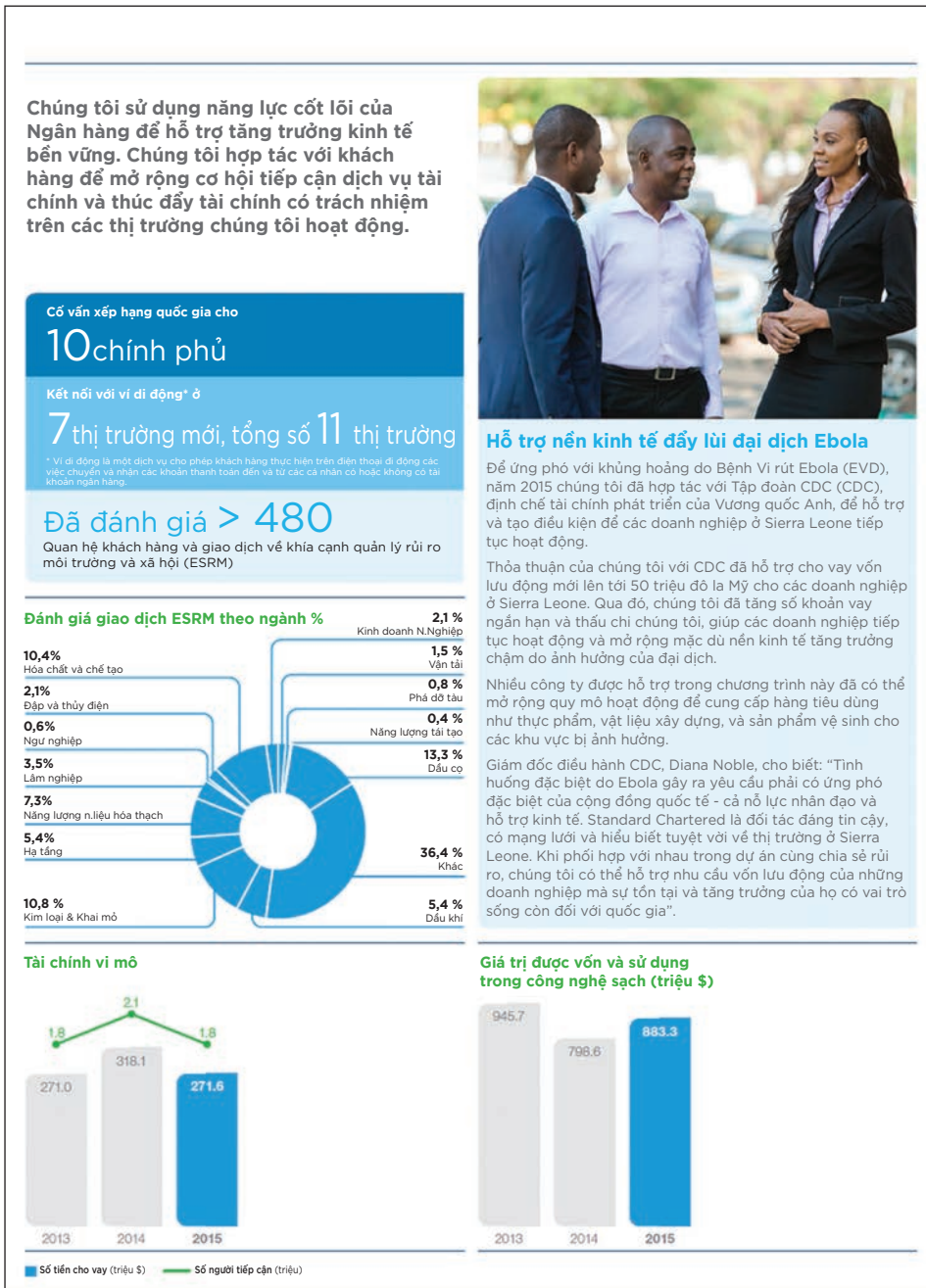
Với sự gia tăng của đầu tư tác động và sự quan tâm ngày càng nhiều của các nhà đầu tư tổ chức đến tác động của các khoản đầu tư, doanh nghiệp ngày càng được kỳ vọng sẽ báo cáo về hiệu quả môi trường và xã hội những giới hạn và khả năng chịu đựng của nguồn lực mà doanh nghiệp phụ thuộc. Doanh nghiệp cũng cần đo lường kết quả đạt được về môi trường và xã hội của các hoạt động, ngoài các yếu tố đầu vào và đầu ra trực tiếp.

Báo cáo theo Bối cảnh

Báo cáo theo bối cảnh là khái niệm phát sinh từ khái niệm báo cáo tích hợp, khi doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ giải thích quá trình tạo ra giá trị về việc sử dụng - và tác động đến - các loại nguồn vốn. Theo Khung <IR>, “Tổng lượng vốn không cố định theo thời gian. Luôn có một sự luân chuyển giữa các nguồn vốn và trong nội tại nguồn vốn khi vốn tăng lên, giảm đi hoặc chuyển đổi” (IIRC 2013). Để làm rõ hơn khái niệm này, một nghiên cứu cơ sở của IIRC về việc tạo ra giá trị gợi ý rằng “giá trị cuối cùng sẽ được thể hiện bằng cách tham chiếu đến các ngưỡng và thông số được thiết lập thông qua sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và bằng chứng về giới hạn và khả năng chịu đựng của nguồn lực mà các bên có quyền lợi liên quan và doanh nghiệp dựa vào đó để có quyền lợi và lợi nhuận, cũng như bằng chứng về kỳ vọng xã hội” (IIRC và EY 2013).

Báo cáo theo bối cảnh cũng được đề cập trong Hướng dẫn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI, trong phần Nguyên tắc về Bối cảnh Bền vững, theo đó “Vấn đề nền tảng của báo cáo phát triển bền vững là cách tổ chức đóng góp, hoặc hưởng đến việc đóng góp trong tương lai, cho việc cải thiện hoặc làm suy giảm các điều kiện, sự phát triển và xu hướng kinh tế, môi trường và xã hội ở địa phương, khu vực hoặc toàn cầu.” Hướng dẫn cũng nêu rõ rằng báo cáo cần đề cập đến “kết quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh các giới hạn và nhu cầu đặt lên các nguồn lực môi trường hoặc xã hội ở cấp ngành, địa phương, khu vực hoặc toàn cầu” (GRI 2016c).

Ví dụ 1.25: Đóng góp cho Tăng trưởng Kinh tế Bền vững - Tóm tắt Bền vững của Standard Chartered 2015



Nguồn: Standard Chartered.

Ví dụ 1.26: Đóng góp cho Kinh tế Xã hội - Báo cáo Tích hợp Eskom 2016

Tối đa hóa đóng góp kinh tế - xã hội của chúng tôi

Đo lường và đơn vị	Mục tiêu 2020/21	Mục tiêu 2016/17	Mục tiêu 2015/16	Thực tế 2015/16	Thực tế 2014/15	Thực tế 2013/14	Đạt mục tiêu?
Đầu tư xã hội mà doanh nghiệp cam kết, R triệu ¹	953.6	225.3	98.6	103.6	115.5	132.9	●
Đầu tư xã hội của doanh nghiệp, số lượng người thụ hưởng ¹	1 810 000	400 000	300 000	302 736	323 882	357 443	●
Tổng số đầu nối điện, số lượng ^{1,2}	1 010 000	160 000	194 374	158 016	159 853	201 788	●

1. Mục tiêu 2020/21 là số liệu tích lũy hướng tới trong năm năm tới.
 2. Ranh giới báo cáo cho số lượng đầu nối được thay đổi vào tháng 3 năm 2014, không bao gồm đầu nối với hộ nông dân. Tổng số 296 đầu nối với hộ nông dân được hoàn thành trong năm, nhờ đó đạt được tổng số 158 312 đầu nối.

Nguồn: Eskom.

Ví dụ 1.27: Thành tựu Chính trong Phương thức Chữa trị Ung thư - Báo cáo Thường niên Roche 2016

Di sản vững mạnh Tiến bộ trong nghiên cứu về ung thư và khoa học thần kinh

Đi đầu về phương pháp chữa bệnh ung thư

Trong hơn 50 năm, Roche luôn đi đầu trong phát triển các giải pháp y học chống lại bệnh ung thư. Năm 1962, “5 FU” đã được tổng hợp, đây là thuốc chống ung thư đầu tiên của Roche ức chế sự phát triển của tế bào. Năm 1986, Roferon-A, sản phẩm công nghệ sinh học đầu tiên của Roche, đã được chấp thuận để điều trị một dạng ung thư máu trước đó bị coi là loại bệnh chết người.

Trong 20 năm qua, Roche đã mang lại 14 loại thuốc mới cho bệnh nhân ung thư. Đối với một số bệnh ở giai đoạn cụ thể, các loại thuốc này đã có thể giúp bệnh thuyên giảm trong thời gian dài và thậm chí chữa khỏi. Ví dụ, Herceptin được chứng minh đã làm giảm số ca mắc ung thư vú di căn dương tính với HER2 khi được sử dụng ở giai đoạn đầu,¹ và đối với những người mắc ung thư hạch ác tính, Mabthera/Rituxan cùng với hóa trị liệu được chứng minh là chữa lành bệnh ở đa số bệnh nhân.² Tuy nhiên, có trên 200 loại ung thư và vẫn cần tiến bộ đáng kể để vượt qua thách thức của căn bệnh này.

Mục tiêu của chúng tôi là đi đầu trong việc tìm ra phương pháp chữa ung thư, bằng chứng là gần đây

chúng tôi đã đưa ra bốn loại thuốc trị ung thư mới giúp cải thiện đáng kể kết quả của bệnh nhân: Tecentriq (ung thư bàng quang và phổi), Venclexta (bệnh bạch cầu lymphocytic mãn tính), Alecensa (ung thư phổi) và Cotellic (ung thư da).

Điểm nổi bật vào năm 2016 là việc Hoa Kỳ ra mắt thuốc trị liệu miễn dịch ung thư đầu tiên của chúng tôi, Tecentriq. Liệu pháp miễn dịch ung thư đang cách mạng hóa phương thức điều trị ung thư và chúng tôi tự hào là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực này. Chúng tôi hy vọng sẽ có được dữ liệu quan trọng cho khoảng mười điểm kiểm tra phân tử liệu pháp miễn dịch ung thư, theo phương pháp đơn trị liệu hoặc kết hợp, vào cuối năm 2017.

Việc có được phê duyệt của cơ quan quản lý không đồng nghĩa với việc mọi bệnh nhân có nhu cầu đều được điều trị ngay. Đàm phán giá trị bảo hiểm được bồi hoàn và hạ tầng chăm sóc sức khỏe đều có thể làm kéo dài thời gian chờ đợi của bệnh nhân, chậm được tiếp cận với các loại thuốc mới. Trong nhiều trường hợp, bệnh nhân không chờ đợi được.

Chúng tôi đang thực hiện nhiều nỗ lực để đẩy nhanh cơ hội tiếp cận thuốc trên khắp thế giới, một ví dụ là các mô hình hoàn trả cá nhân hóa của chúng tôi. Những khuôn khổ này cho phép thực hiện các giải pháp định giá linh hoạt hơn bằng cách cho phép các loại thuốc được định giá theo lợi ích mang lại theo các chỉ định và kết hợp khác nhau. Điều này mang lại sự linh hoạt hơn liên quan đến các quyết định bồi hoàn và đảm bảo bệnh nhân kịp thời tiếp cận các loại thuốc tân tiến.



Oncology:
roche.com/
oncology

Thành tựu quan trọng trong ung thư

- Trên 10 triệu bệnh nhân ung thư được điều trị
- 4 loại thuốc ung thư mới được giới thiệu
- 8 chỉ thị liệu pháp đột phá của FDA cho thuốc ung thư từ 2012

Nguồn: Roche.

Ví dụ 1.28: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo AkzoNobel 2016

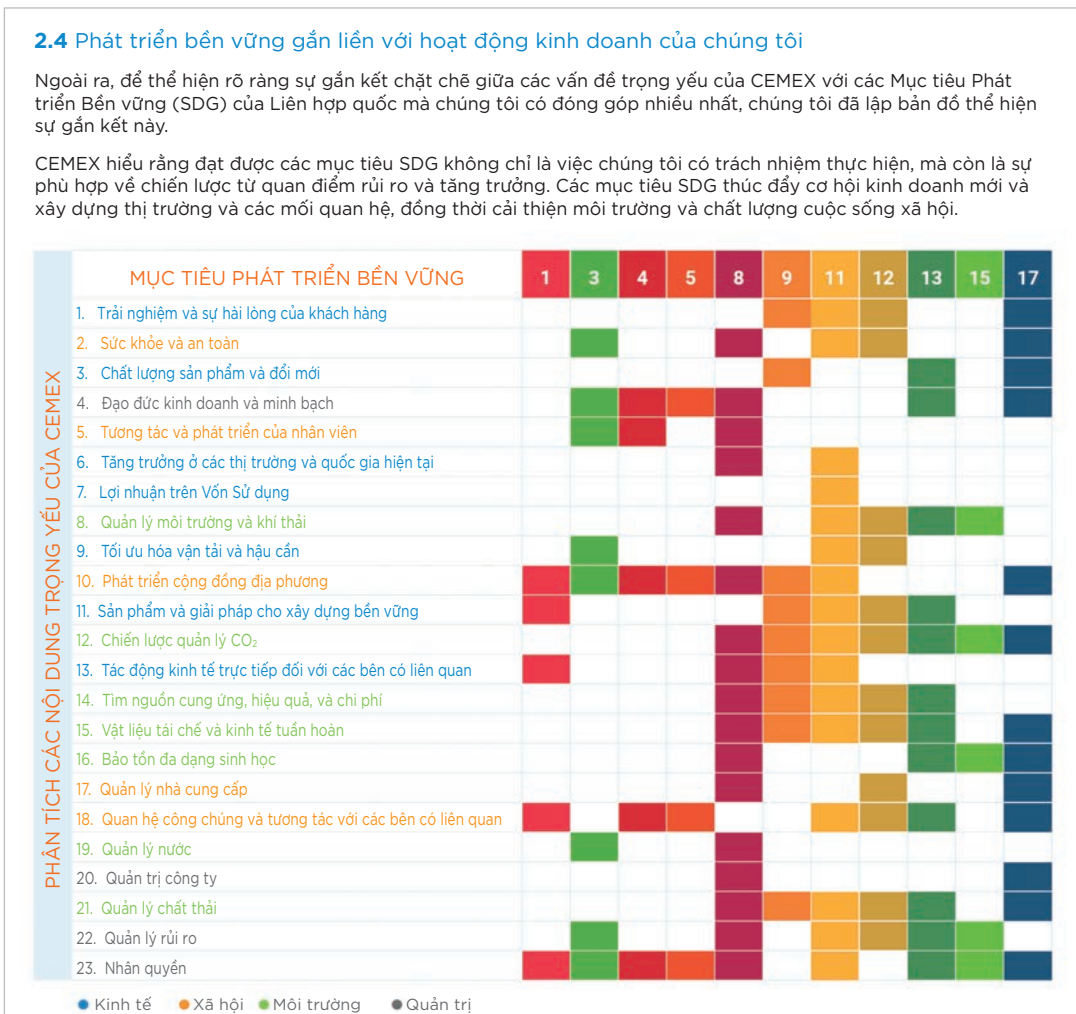
Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc
Đánh giá đóng góp của AkzoNobel

● Chính ● Trung bình ● Nhỏ

	Chuỗi cung ứng và Vận hành	Sản phẩm	Thành phố Con người
1 Xóa nghèo	●		
2 Không còn nạn đói		●	
3 Sức khỏe và có cuộc sống tốt	●	●	
4 Giáo dục có chất lượng	●		●
5 Bình đẳng giới	●		
6 Nước sạch và vệ sinh	●	●	
7 Năng lượng sạch với giá thành hợp lý	●	●	
8 Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế	●		●
9 Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng	●	●	
10 Giảm bất bình đẳng	●		
11 Các thành phố và cộng đồng bền vững		●	●
12 Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm	●	●	
13 Hành động về khí hậu	●	●	
14 Tài nguyên và môi trường biển	●	●	
15 Tài nguyên và môi trường trên đất liền	●	●	
16 Hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ	●		
17 Quan hệ đối tác vì các mục tiêu	●		●

Nguồn: AkzoNobel.

Ví dụ 1.29: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo tích hợp CEMEX 2017



Nguồn: CEMEX.

Ví dụ 1.30: Đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Takeda 2016



Lập bản đồ hành động cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)

Là một công ty đi đầu trong việc thực hiện Hiệp ước Toàn cầu của LHQ, chúng tôi đã tạo ra Bản đồ Hành động Takeda để thực hiện SDG dựa trên ma trận mục tiêu SDG theo ngành Y tế và Khoa học Đời sống. Về các chương trình trách nhiệm công dân của doanh nghiệp, Takeda đã thiết lập chiến lược trung hạn, “Y tế Dự phòng ở các Quốc gia Đang phát triển và Mới nổi”, sẽ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng quốc tế.

3 SỨC KHỎE VÀ CỐ CUỘC SỐNG TỐT



Sức khỏe và cố cuộc sống tốt

- Kinh doanh dược phẩm (Thuốc và Vắc xin)
- Các chương trình hợp tác tập trung vào y tế dự phòng ở các nước đang phát triển và mới nổi
 - Tiêm vắc xin cho trẻ em
 - Sức khỏe bà mẹ và trẻ em
- Bảo vệ môi trường

1 XÓA NGHỆO



Xóa nghèo

- Xây dựng năng lực cho nhân viên y tế về HIV/AIDS, Lao và Sốt rét (Quỹ Toàn cầu)

2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI



Không còn nạn đói

- Sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh cho dân tộc thiểu số (Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Nhật Bản)

4 GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG



Giáo dục có chất lượng

- Tổ chức Học trực tuyến về tiểu đường cho các Chuyên gia Y tế (Dự án HOPE)

5 BÌNH ĐẲNG GIỚI



Bình đẳng giới

- Đào tạo Cán bộ Y tế Cộng đồng về Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em (Tầm nhìn Thế giới)

8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



9 CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG



Đổi mới

- Quan hệ đối tác vắc-xin bại liệt (Quỹ Bill & Melinda Gates)
- Tiêm vắc-xin sởi toàn cầu cho trẻ em (Quỹ UN)

10 BÌNH ĐẲNG



13 HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU



16 CHIA ĐÓNG CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MỀ



6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH



7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ AN TOÀN HỢP LÝ



11 CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG



12 TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM



14 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN



15 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐẤT LIỀN



Khác

- Ứng phó với thảm họa tự nhiên vì một xã hội kiên cường (JVOAD)
- Tiếp sức toàn cầu vì cuộc sống (Hiệp hội Ung thư Hoa Kỳ)
- Các sáng kiến bảo tồn đa dạng sinh học (Vườn bảo tồn cây thuốc Takeda, Kyoto, Nhật Bản)

17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỚI CÁC MỤC TIÊU



Quan hệ Đối tác

Liên Hiệp Quốc Các Bộ Y tế Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) Các Hiệp hội Ngành	Quỹ Toàn cầu Quỹ GHIT Quỹ Bill & Melinda Gates Quỹ LHQ	Hiệp ước Toàn cầu LEAD Doanh nghiệp Trách nhiệm xã hội CSR châu Âu CSR châu Á	Hiệp hội Ung thư Hoa Kỳ Plan International Nhật Bản Dự án HOPE Cứu trợ Trẻ em Nhật Bản Tầm nhìn Thế giới
--	---	--	--

Nguồn: Takeda.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Công cụ Báo cáo theo Bối cảnh

Tiêu chuẩn Kinh doanh Tương lai

Bộ tiêu chuẩn xác định điểm hòa vốn bổ sung cho doanh nghiệp, được thể hiện thành một tập hợp thống nhất bao gồm 23 mục tiêu môi trường và xã hội. Mỗi mục tiêu được bổ sung bằng các chỉ số được thiết kế để hỗ trợ giám sát tiến độ một cách hiệu quả.

Thẻ điểm Đa Nguồn vốn (MultiCapital)

Thẻ điểm MultiCapital là một khung kế toán về hiệu quả nhiều loại nguồn vốn, sử dụng nguồn mở và theo bối cảnh. Thẻ điểm sử dụng các chỉ số đo lường theo bối cảnh để xác định ngưỡng hoặc khả năng chịu đựng của

vốn, và phân bổ tỷ lệ trách nhiệm phù hợp của tổ chức, để bảo đảm hiệu quả vốn và lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan.

Hướng dẫn Báo cáo 3.0 (Reporting 3.0)

Reporting 3.0, hệ sinh thái văn phòng toàn cầu để tìm kiếm và đẩy nhanh việc đổi mới báo cáo, đã chuẩn bị các Hướng dẫn Chi tiết với khuyến nghị về việc thiết kế lại các hoạt động phát triển bền vững của thế hệ tiếp theo trong các lĩnh vực 1) báo cáo, 2) kế toán, 3) dữ liệu và 4) mô hình kinh doanh mới.

Báo cáo dựa trên kết quả

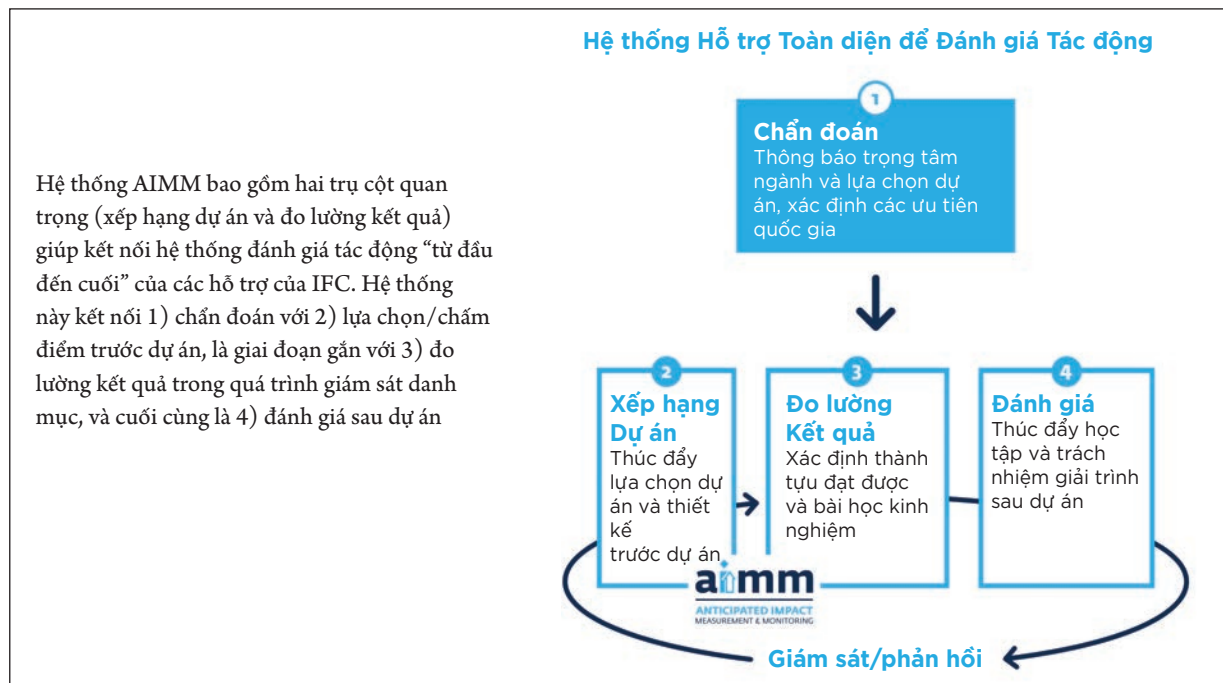
Nhà đầu tư ở cả thị trường phát triển và đang phát triển đang xây dựng các khung đo lường và báo cáo kết quả hoạt động, bao gồm hệ thống đo lường tác động mới của IFC.

Những thách thức đối với phát triển trên toàn cầu quá lớn, do vậy không thể theo đuổi cách thức kinh doanh cũ. Cần có cách tiếp cận mới để phát huy được sức mạnh của các giải pháp đến từ khu vực tư nhân nhằm mang lại tác động phát triển. Năm 2017, IFC thí điểm một công cụ đánh giá trước tác động dự kiến của dự án - hệ thống Đo lường và Giám sát Tác động Dự kiến (AIMM). Năm 2018, IFC bắt đầu sử dụng hệ thống AIMM để chấm điểm tác động phát triển cho tất cả các dự án đầu tư của IFC.

Hệ thống AIMM của IFC được thiết kế để đánh giá trước tác động dự kiến của các dự án tư vấn và đầu tư của IFC ở hai cấp: kết quả mà một dự án cụ thể dự kiến sẽ đạt được (kết quả dự án) và cách thức dự án dự kiến sẽ đóng góp vào việc tạo lập thị trường. Ở cấp độ dự án, khung AIMM dựa trên việc đánh giá 1) mức độ tác động dự kiến của khoản đầu tư và 2) khả năng hoàn thiện những thiếu hụt, chênh lệch trong đánh giá hiện trạng. (Xem Hình 1.4.)

Tương tự, Ngân hàng Thế giới đang áp dụng Chỉ số Vốn Con người (Human Capital Index – HCI) để xếp hạng các quốc gia dựa trên kết quả của các khoản đầu tư vào y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội. Chỉ số này nằm trong khuôn khổ hoạt động trọng tâm rộng hơn của Ngân hàng Thế giới nhằm đưa vốn nhân lực trở thành trọng tâm của lộ trình phát triển của các quốc gia hướng tới mức xếp hạng thu nhập cao hơn.

Hình 1.4: Khung Đo lường và Giám sát Tác động Dự kiến của IFC



Nguồn: IFC.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo Dựa trên Kết quả

Dự án Nền tảng cho Tư bản Bao trùm

Dự án này là một sáng kiến theo định hướng thị trường của các nhà đầu tư và doanh nghiệp trên toàn cầu nhằm tạo ra một cơ chế báo cáo dựa trên kết quả để các công ty đo lường và báo cáo về quá trình tạo ra giá trị cho nhiều bên có quyền lợi liên quan, bao gồm khách hàng, người lao động, cộng đồng, chính phủ và môi trường. Mục đích là để “thống nhất một tập hợp các chỉ số đo lường theo phương pháp tập trung vào kết quả cho từng nhóm cổ đông quan trọng, đo lường kết quả thực hiện chiến lược của công ty và gắn chiến lược với giá trị tài chính dài hạn cho cổ đông.”

1.5. Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

Hội đồng Chuẩn mực Kế toán (ASB) định nghĩa chỉ số hoạt động chính là “các yếu tố có thể được tham chiếu để đo lường hiệu quả tình hình phát triển, kết quả hoạt động, hoặc vị thế của đơn vị. Những chỉ số này là phép đo định lượng phản ánh những yếu tố thành công quan trọng của doanh nghiệp và thể hiện tiến độ trong quá trình thực hiện một hoặc những mục tiêu cụ thể”.

Báo cáo cần giới thiệu về các KPI tài chính và phi tài chính gắn với các ưu tiên ở cấp cao, chiến lược tổng thể và triển vọng dài hạn của doanh nghiệp. KPI cũng nên gắn với những rủi ro mà doanh nghiệp muốn giảm thiểu và những thách thức phải vượt qua.

Ví dụ 1.31 ở trang tiếp theo thể hiện cách Gold Field, một công ty khai thác khoáng sản Nam Phi, gắn KPI với một loạt các mục tiêu chiến lược tổng thể hơn.

Ví dụ 1.32 và 1.33 trang 50 và 51 thể hiện cách KPI có thể được gắn với chiến lược của công ty và được xây dựng thành các chỉ tiêu liên quan đến các cam kết môi trường và xã hội của công ty. (Để tham khảo hướng dẫn về cách sử dụng chỉ số hoạt động chính trong quy trình xây dựng chiến lược, xem 1.2. Mục tiêu Chiến lược, trang 22 của Bộ Công cụ này.)

Đặc điểm của KPI

KPI phải đủ cụ thể để phản ánh chiến lược của doanh nghiệp đồng thời, dựa vào đó có thể có những phân tích đáng tin cậy về kết quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở độc lập hoặc so sánh với doanh nghiệp khác. Một số đặc điểm chính của KPI được mô tả dưới đây.

Đo lường được. Mặc dù mục tiêu định tính có vai trò quan trọng, KPI thường phải đo lường được, và cần có đôi chút sáng tạo khi chuyển đổi mục tiêu định tính thành chỉ số đo lường.

So sánh được. Nếu có KPI được chấp nhận chung cho ngành hoặc hoạt động, các nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác có thể thấy những KPI này đáng tin cậy hơn.

Cụ thể theo ngành. Tính đặc thù theo ngành có vai trò quan trọng trong thiết lập KPI chiến lược. Ví dụ, tài năng và đổi

mới sáng tạo có vai trò quan trọng trong ngành phần mềm hoặc dược phẩm; trong khi mua quyền khai thác mỏ, quan hệ cộng đồng, sức khỏe và an toàn lại quan trọng đối với ngành khai khoáng. Những KPI đặc thù của ngành cũng có thể rất hữu ích đối với chiến lược phát triển bền vững. Ví dụ, doanh nghiệp trên thị trường protein động vật có thể sử dụng FCR (tỷ lệ chuyển hóa thức ăn) để so sánh hiệu quả của doanh nghiệp với hiệu quả của doanh nghiệp khác trong ngành. Tương tự, doanh nghiệp nông nghiệp có thể sử dụng các đại lượng thay thế như năng suất trên một héc-ta và mức tiêu thụ nước trên mỗi tấn sản phẩm để ghi nhận kết quả hoạt động.

Nhất quán. Mặc dù chiến lược có thể thay đổi, KPI cần duy trì sự nhất quán ở mức tối đa có thể, đặc biệt liên quan đến phạm vi thông tin được báo cáo, vừa thể hiện được xu hướng và vừa duy trì độ tin cậy.

Khái niệm và các giả định. Để có được sự tin cậy, các giả định để xây dựng KPI và cách thức đo lường KPI cần phải rõ ràng. Điều này đặc biệt chính xác nếu những KPI này có tính sáng tạo, KPI mới hoặc được thay đổi theo cách khác. Nếu KPI từ báo cáo tài chính được điều chỉnh, phải làm rõ cách điều chỉnh và sự phù hợp. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn ngành hoặc KPI tiêu chuẩn khác cũng cần được thực hiện tương tự.

Đặt trong bối cảnh. Doanh nghiệp có thể nâng cao vai trò của KPI trong quá trình ra quyết định bằng cách đặt KPI trong bối cảnh cụ thể. KPI thường được xây dựng để có giá trị tuyệt đối. Dưới đây là một số gợi ý về cách bổ sung bối cảnh cho các KPI về môi trường và xã hội:

- **Hiệu quả:** KPI về tài nguyên tiêu thụ (năng lượng, vật liệu) hoặc thải ra (chất thải/KNK) có thể được đặt trong mối tương quan tỷ lệ với kết quả tài chính (doanh thu, lợi nhuận) hoặc kết quả hoạt động (số lượng sản phẩm được sản xuất, bán).

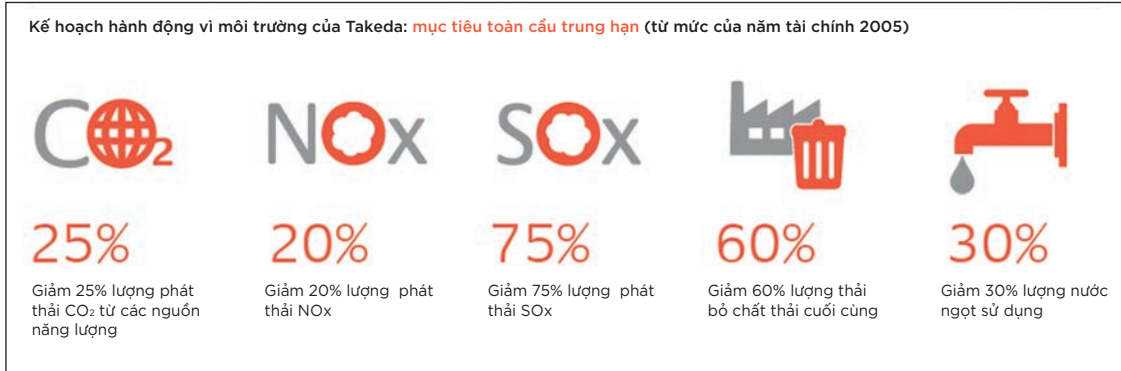
GỢI Ý: Cần nhắc thảo luận về các giai đoạn khác nhau của kết quả - với các KPI áp dụng cho các khoảng thời gian khác nhau. KPI tài chính thường ngắn hạn và dựa trên số liệu quá khứ; mặt khác, KPI phi tài chính có thể mang tính hướng đến tương lai, cung cấp thông tin về kết quả trong tương lai.

Ví dụ 1.31: Mục tiêu Chiến lược và KPI - Báo cáo Thường niên Tích hợp Gold Fields 2015



Nguồn: Gold Fields.

Ví dụ 1.32: Mục tiêu cho Tác động môi trường - Báo cáo Thường niên Takeda 2016



Nguồn: Takeda.

Ví dụ 1.33: Chiến lược Phát triển Bền vững và KPI - Tóm tắt Báo cáo Phát triển Bền vững của Standard Chartered 2015

Chủ đề	Cam kết	Mục tiêu	Thời gian	Tiến độ năm 2015	SFG
Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế bền vững	Thúc đẩy đầu tư vào sản xuất điện trên khắp châu Phi Hạ Sahara thông qua Power Africa	5 tỷ USD. Dự kiến bổ sung công suất sản xuất điện lên tới 7.500 megawatt	2013-2018	3,4 gigawatt	7, 9
Là công ty có trách nhiệm	Tăng số lượng nữ giới tham gia trong HĐQT	25% phụ nữ	2013-2017	23%	5
	Giảm cường độ sử dụng năng lượng	35% ở khu vực nhiệt đới 20% ở khu vực ôn đới	2008-2019	Giảm 22% ở khu vực nhiệt đới, 17% ở khu vực ôn đới	7, 12
	Giảm cường độ sử dụng nước	71%	2008-2019	44%	6, 12
	Giảm sử dụng giấy văn phòng	10 kg/1 người lao động toàn thời gian (FTE)	2012-2020	17,7 kg/ FTE	13, 15
Đầu tư vào cộng đồng	Đầu tư vào cộng đồng địa phương	0,75% lợi nhuận hoạt động của năm trước	Hàng năm	1.42%	17
	Gây quỹ để giảm thiểu tình trạng mù lòa có thể tránh được	100 triệu USD	2003-2020	86,3 triệu USD	3
	Trao quyền cho trẻ em gái thông qua giáo dục và thể thao	600.000 trẻ em gái	2006-2018	217.000 trẻ em gái	4, 5, 8
	Giáo dục doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ	5.000 doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, 20% do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo	2013-2018	>1.200 doanh nhân, bao gồm 71% nữ	4, 5, 8

Nguồn: Standard Chartered.

- **Mục tiêu:** KPI về E&S có thể được trình bày theo từng mục tiêu (% mục tiêu hoàn thành hoặc giảm đi).
- **Doanh nghiệp cùng ngành:** Kết quả về các vấn đề E&S có thể được so sánh với doanh nghiệp tương đương trong ngành.
- **Thời gian:** Kết quả về các vấn đề E&S có thể được so sánh giữa các năm và được phân tích thông qua tốc độ tăng trưởng.

Ví dụ 1.34 ở trang tiếp theo thể hiện cách Rio Tinto tích hợp KPI trong báo cáo thường niên.

(Để tham khảo thêm hướng dẫn về báo cáo KPI, xem mục **3.1. Báo cáo Kết quả Hoạt động**, trang 97 của Bộ Công cụ này. Đối với các ma trận chỉ số KPI về phát triển bền vững và báo cáo phát triển bền vững, xem **3.3. Báo cáo Phát triển Bền vững**, trang 109 của Bộ Công cụ này. Ngoài ra, xem **Bảng 3.3: Chỉ số E&S được báo cáo phổ biến nhất**, trang 117 của Bộ Công cụ này.



NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Xác định và Báo cáo các chỉ số KPI**Từ Báo cáo của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán (ASB): Đánh giá Hoạt động và Tài chính (2006):**

- Những KPI được các thành viên HĐQT đánh giá là có hiệu quả trong đo lường sự phát triển, kết quả và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được công bố, cùng với các thông tin khác cho phép các thành viên HĐQT hiểu và đánh giá từng KPI.
- Khả năng so sánh sẽ được cải thiện nếu KPI công bố được chấp nhận và sử dụng phổ biến, trong ngành hoặc rộng rãi hơn.

Hướng dẫn về Chỉ số Hoạt động Chính (KPI) của PricewaterhouseCoopers (2006) cung cấp mô hình để truyền thông hiệu quả về các KPI, với các tiêu chí sau:

- **Gắn với chiến lược:** Cho phép người đọc đánh giá chiến lược mà công ty áp dụng và khả năng thành công của chiến lược.
- **Khái niệm và cách tính:** Hiểu chính xác những gì được đo lường. Cho phép so sánh giữa các doanh nghiệp trong ngành.
- **Mục đích:** Đo lường tiến độ trong quá trình thực hiện một mục tiêu chiến lược cụ thể.
- **Nguồn, các giả định và hạn chế:** Xác định các nguồn, các giả định và hạn chế của dữ liệu.
- **Mục tiêu tương lai:** đánh giá tiềm năng thành công của chiến lược trong tương lai.
- **Đối chiếu với GAAP:** Trường hợp giá trị được đo lường không phải là đơn vị đo lường “truyền thống” theo quy định của các chuẩn mực kế toán.
- **Phân tích xu hướng:** Kết quả hoạt động đã được cải thiện hoặc xấu đi thế nào theo thời gian. Giải thích ý nghĩa của xu hướng thể hiện qua dữ liệu.
- **Phân khúc:** Đánh giá tiến độ hướng tới các mục tiêu chiến lược cụ thể theo phân khúc, ngoài các chỉ số đo lường toàn doanh nghiệp.
- **Thay đổi về KPI:** KPI có thể thay đổi theo thời gian khi chiến lược thay đổi hoặc có thêm thông tin. Cần giải thích về những thay đổi này.
- **So sánh chuẩn:** So sánh với nhóm doanh nghiệp tương tự, và giải thích lý do tại sao lại chọn những doanh nghiệp này.

Ví dụ 1.34: KPI - Báo cáo Thường niên RioTinto 2017

<h3>Tỷ lệ chấn thương (AIFR)</h3> <p>Mỗi 200.000 giờ làm việc</p>  <p>Phù hợp với chiến lược</p> <p>An toàn là ưu tiên số một của chúng tôi, một trong những giá trị cốt lõi và là thành phần thiết yếu trong mọi hoạt động của chúng tôi. Mục tiêu của chúng tôi là không tai nạn, và trên hết là loại bỏ các trường hợp tử vong.</p> <p>Chúng tôi cam kết củng cố văn hóa an toàn và yếu tố then chốt để đạt mục tiêu này là cải thiện khả năng lãnh đạo về an toàn và đơn giản hóa các công cụ và hệ thống được sử dụng trong các nhiệm vụ vận hành.</p> <p>Kết quả hoạt động</p> <table border="1"> <tr><td>2013</td><td>0.65</td></tr> <tr><td>2014</td><td>0.59</td></tr> <tr><td>2015</td><td>0.44</td></tr> <tr><td>2016</td><td>0.44</td></tr> <tr><td>2017</td><td>0.42</td></tr> </table> <p>AIFR của chúng tôi đã cải thiện 37% trong 5 năm qua. Ở mức 0,42, AIFR năm 2017 đã giảm so với năm 2016. Tuy nhiên, chúng tôi chưa đạt được mục tiêu không có tử vong. Năm 2017, một đồng nghiệp đã mất do sự cố an toàn khi làm việc tại nhà máy luyện kim Rio Tinto Kennecott và đã có một trường hợp tử vong liên quan đến sức khỏe của một đồng nghiệp đang thực hiện hoạt động thăm dò. Cả hai trường hợp tử vong đều xảy ra tại cơ sở vận hành do Rio Tinto quản lý.</p> <p>Định nghĩa</p> <p>AIFR được tính toán dựa trên số lượng thương tật trên 200.000 giờ làm việc, bao gồm các trường hợp phải điều trị y tế, chấn thương làm mất giờ làm việc trong ngày và mất ngày làm việc của người lao động và nhà thầu tại các cơ sở vận hành do Rio Tinto quản lý.</p> <p>Rủi ro liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro an toàn lao động, vì hoạt động của chúng tôi có nguy hiểm tiềm ẩn. - Rủi ro hoạt động, dự án và con người, bao gồm việc quản lý các khung kiểm soát rủi ro và an toàn chính. <p>Gắn với lương thưởng của Ban điều hành</p> <p>AIFR và các chỉ số an toàn khác được đưa vào kế hoạch ưu đãi ngắn hạn dành cho Ban điều hành. Tham khảo Báo cáo Lương thưởng trang 81.</p> <p>Kế hoạch tương lai</p> <p>Tập đoàn sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì quản lý rủi ro quan trọng. - Tăng cường hợp tác với nhà thầu và đối tác liên doanh để cải thiện hiệu quả an toàn. - Tiếp tục thực hiện các tiêu chuẩn chính về rủi ro với các quy trình bảo đảm mạnh mẽ. - Đơn giản hóa các công cụ an toàn quan trọng. 	2013	0.65	2014	0.59	2015	0.44	2016	0.44	2017	0.42	<h3>Cường độ phát thải khí nhà kính (KNK)</h3> <p>So với 2008 (2008 tương đương với 100)</p>  <p>Phù hợp với chiến lược</p> <p>Chúng tôi cam kết giảm cường độ năng lượng của các hoạt động và cường độ các-bon của năng lượng, kể cả thông qua phát triển và triển khai công nghệ đổi mới sáng tạo. Kết quả liên quan đến KNK của chúng tôi là một chỉ số quan trọng thể hiện cam kết này và năng lực quản lý rủi ro đối với chính sách khí hậu và chi phí pháp lý trong tương lai.</p> <p>Kết quả hoạt động</p> <table border="1"> <tr><td>2013</td><td>83.2</td></tr> <tr><td>2014</td><td>81.7</td></tr> <tr><td>2015</td><td>79.7</td></tr> <tr><td>2016</td><td>74.4^(a)</td></tr> <tr><td>2017</td><td>73.0</td></tr> </table> <p>(a) Số liệu được trình bày lại so với công bố ban đầu để đảm bảo khả năng so sánh theo thời gian</p> <p>Năm 2017, cường độ phát thải KNK giảm 2% so với năm 2016, chủ yếu nhờ cải thiện cường độ phát thải tại một số mỏ khai thác nhôm của chúng tôi. Chúng tôi đang hướng đến đạt được mục tiêu giảm 24% tổng cường độ phát thải KNK trong giai đoạn 2008 - 2020.</p> <p>Định nghĩa</p> <p>Đo lường mật độ phát thải KNK của chúng tôi là thay đổi của tổng phát thải KNK trên mỗi đơn vị sản xuất hàng hóa so với năm cơ sở. Tổng phát thải KNK là phát thải trực tiếp, cộng với phát thải từ nhập khẩu điện và hơi nước, trừ xuất khẩu điện và hơi nước và tín chỉ các-bon rừng mua hoặc bán cho các nguồn được công nhận. Đo lường này được so sánh với năm 2008 (2008 tương đương với 100).</p> <p>Rủi ro liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro chiến lược, bao gồm những rủi ro liên quan đến giao dịch mua, thoái vốn và thực hiện dự án vốn. - Rủi ro hoạt động, bao gồm việc không quản lý được các yêu cầu về năng lượng của danh mục. <p>Gắn với lương thưởng Ban điều hành</p> <p>Không có liên kết trực tiếp giữa thù lao Ban điều hành và kết quả liên quan đến mật độ phát thải KNK.</p> <p>Kế hoạch tương lai</p> <p>Tập đoàn sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục báo cáo tiến độ hướng đến chỉ tiêu về mật độ phát thải KNK. - Tiếp tục nâng cao hiểu biết, quản lý và công bố thông tin về khả năng chống chịu của danh mục và tài sản vật chất của chúng tôi trước rủi ro khí hậu trong kịch bản tăng nhiệt độ thêm hai độ C. 	2013	83.2	2014	81.7	2015	79.7	2016	74.4 ^(a)	2017	73.0
2013	0.65																				
2014	0.59																				
2015	0.44																				
2016	0.44																				
2017	0.42																				
2013	83.2																				
2014	81.7																				
2015	79.7																				
2016	74.4 ^(a)																				
2017	73.0																				

Nguồn: Rio Tinto.

2. Quản trị Công ty

Quản trị công ty có thể được định nghĩa là tập hợp các hệ thống và quy trình nhằm định hướng và kiểm soát các hoạt động của công ty. Quản trị công ty bao hàm các mối quan hệ giữa cổ đông, các bên có quyền lợi liên quan, HĐQT và các bộ phận điều hành công ty với mục đích kiến tạo giá trị dài hạn cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

Việc báo cáo về những hệ thống và quy trình này rất quan trọng đối với nhà đầu tư và những bên liên quan khác, để họ hiểu rõ cách thức quản lý và quản trị công ty, cách HĐQT và ban điều hành giám sát và kiểm soát rủi ro và bảo đảm tuân thủ các quy tắc đạo đức, cách đối xử với cổ đông thiểu số và tránh xung đột, và cách thức quản lý mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan khác.

Mẫu Cấu trúc Báo cáo Thường niên

1. Chiến lược

- Mô hình và Môi trường Kinh doanh
- Mục tiêu Chiến lược
- Phân tích và Ứng phó với Rủi ro
- Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững
- Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

2. Quản trị Công ty

- Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG
- Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Môi trường Kiểm soát
- Đối xử với Cổ đông Thiểu số
- Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

- Báo cáo Kết quả Hoạt động
- Báo cáo Tài chính
- Báo cáo Phát triển Bền vững

2.1 Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG

Mục *quản trị* của báo cáo nên bao gồm mô tả phương châm lãnh đạo và văn hóa của tổ chức, cũng như cam kết về một hệ thống quản trị công ty tốt và các thực hành quản lý đối với những vấn đề môi trường và xã hội. Nội dung này bao gồm mô tả cách thức mà cam kết này được thể hiện qua các chính sách và quy tắc, trong đó, tối thiểu phải đề cập đến vai trò của HĐQT, quyền của cổ đông và cam kết tuân thủ luật pháp và quy định, bao gồm quy định về môi trường và xã hội. Mục này cũng cần mô tả cách thức giám sát việc tuân thủ các chính sách và quy tắc nội bộ, bao gồm các thực hành kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Nếu quản trị công ty không được thực hiện tốt, sẽ không có một quy trình ra quyết định cụ thể về các vấn đề ngoài phạm vi tài chính, như cơ hội và rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội, để bảo đảm trách nhiệm giải trình và quản lý chặt chẽ trong doanh nghiệp. Do đó, việc triển khai các hệ thống quản lý môi trường và xã hội nên được đặt trong các cơ chế quản trị công ty mạnh mẽ, do một vị trí cán bộ quản trị công ty hoặc thư ký công ty chuyên trách.

THAM KHẢO MA TRẬN

Ma trận có thể được sử dụng để mức độ phát triển của công ty về phương châm lãnh đạo, văn hóa và cam kết đối với các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Bộ Công cụ khuyến nghị công bố thông tin liên quan đến Cấp độ 1-3 của Ma trận, tương ứng với các thông lệ quốc tế tốt. Bộ Công cụ cũng có hướng dẫn công bố thông tin ở cấp độ Tiên phong, tương ứng với Cấp độ 4 của Ma trận. (Xem Bảng 2.1.)

2.1.1 Quy tắc và Chính sách ESG

Báo cáo cần mô tả các chính sách hoặc quy tắc của công ty đối với quản trị công ty, các vấn đề về môi trường, xã hội và đạo đức. Báo cáo cần nêu rõ rằng các quy tắc này có đề cập đến những vấn đề sau hay không:

- Quyền và đối xử với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác;
- Vai trò của HĐQT;
- Công bố thông tin và minh bạch;
- Mục tiêu và nguyên tắc của tổ chức;
- Tuân thủ luật pháp và quy định về E&S;
- Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan;
- Tích hợp các thực hành ESG trong hoạt động và chiến lược kinh doanh;
- Bộ quy tắc ứng xử trong chuỗi cung ứng.

Báo cáo cần mô tả quy trình phê duyệt bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử, bao gồm phê duyệt của HĐQT. Theo thông lệ ở cấp độ trung bình (Ma trận Cấp 2), doanh nghiệp cần có cán bộ phụ trách quản trị công ty hoặc thư ký công ty toàn thời gian để hỗ trợ thực hiện cam kết về quản trị công ty và phát triển bền vững. Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), báo cáo cần nêu rõ rằng bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử của công ty đã tích hợp các thực hành ESG trong hoạt động kinh doanh hay chưa.

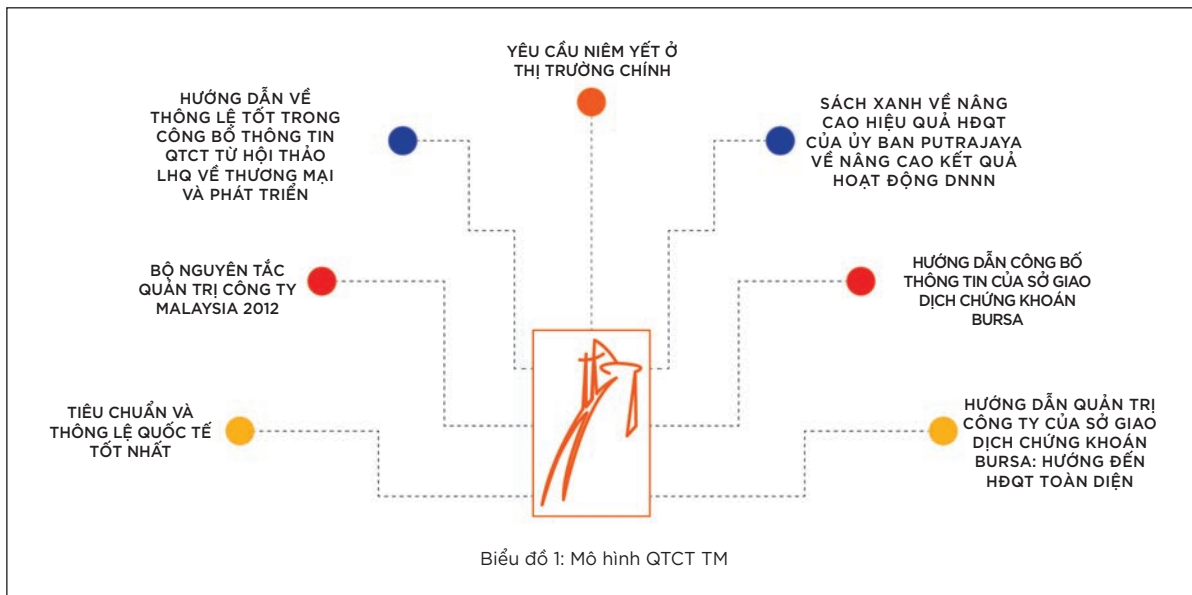
Báo cáo cũng nên đề cập đến việc các chính sách và quy tắc của công ty đã tuân thủ các điều khoản mang tính chất tự nguyện trong bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của quốc gia sở tại (nếu có) hay chưa. (Xem Ví dụ 2.1.)

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ CÁC THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Văn hóa Doanh nghiệp

Từ Doanh nghiệp đến Thị trường – Các Xu hướng Phát triển Toàn cầu trong Quản trị Công ty, một ấn phẩm của IFC về các xu hướng phát triển toàn cầu trong quản trị công ty, nêu bật tầm quan trọng mới nổi của văn hóa công ty và vai trò của HĐQT trong thúc đẩy văn hóa công ty trong toàn tổ chức.

Văn hóa theo Ủy ban - Ưu và Nhược điểm là báo cáo khảo sát của Viện Đạo đức Kinh doanh về vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT trong các công ty của Vương quốc Anh khi thực thi các trách nhiệm cấp công ty và truyền tải các giá trị trong tổ chức.

Ví dụ 2.1: Mô hình Quản trị Công ty - Báo cáo Thường niên của Telekom Malaysia 2015



Nguồn: Telekom Malaysia.

Bảng 2.1: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Cam kết đối với Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty (Lãnh đạo và Văn hóa)

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Hình thức thể hiện	<ol style="list-style-type: none"> Chính sách/bộ nguyên tắc quản trị công ty (QTCT) bằng văn bản quy định tối thiểu về vai trò của HĐQT, quyền và đối xử với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác, tuân thủ luật pháp và các yêu cầu về minh bạch và công bố thông tin, và nêu rõ các mục tiêu và nguyên tắc định hướng của công ty. Chính sách bằng văn bản quy định tối thiểu về việc tuân thủ luật pháp và quy định về E&S. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ nguyên tắc QTCT, có đề cập đến các vấn đề E&S. Công bố định kỳ cho cổ đông về quy tắc và thực hành QTCT, và việc tuân thủ bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của quốc gia sở tại. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ Quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử có tích hợp đầy đủ thông lệ ESG trong hoạt động kinh doanh. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin về tính đầy đủ của các chính sách và quy trình ESG.
Quy tắc đạo đức và văn hóa	<ol style="list-style-type: none"> Bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử được HĐQT phê duyệt. Bộ quy tắc đạo đức đưa vào nội dung chương trình giới thiệu cho người lao động mới gia nhập công ty. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ Quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử có tích hợp đầy đủ thông lệ ESG trong hoạt động kinh doanh. 	<ol style="list-style-type: none"> Văn hóa tổ chức đã bao gồm nhận thức về ESG và ý thức về kiểm soát nội bộ trong toàn tổ chức. 	
Cán bộ / Bộ phận chuyên trách	<ol style="list-style-type: none"> Có cán bộ công ty đóng vai trò thư ký công ty. Có cán bộ QTCT và/hoặc thư ký công ty chuyên trách toàn thời gian. 	<ol style="list-style-type: none"> Có chức năng tuân thủ chuyên trách, nhằm đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy trình ESG, bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với việc thực hiện các chính sách và quy trình ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Có chức năng tuân thủ chuyên trách, nhằm đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy trình ESG, bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với việc thực hiện các chính sách và quy trình ESG. 	
Mức độ được công nhận	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu quốc gia trong hoạt động ESG 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu khu vực trong hoạt động ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong hoạt động ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong hoạt động ESG.

2.1.2 Tuân thủ các Quy tắc và Chính sách ESG

Báo cáo cần mô tả các cơ chế quản lý và quản trị để đảm bảo công ty tuân thủ các chính sách hoặc bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử nội bộ, bao gồm:

- Chức năng tuân thủ chuyên trách, bao gồm cán bộ quản trị công ty hoặc thư ký công ty làm việc toàn thời gian - để đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy tắc ESG;
- Kiểm toán nội bộ;
- Xác minh độc lập;

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), báo cáo cũng cần mô tả chức năng thực hiện các quy trình kiểm soát nội bộ (chức năng tuân thủ, chức năng kiểm toán nội bộ) để đảm bảo việc thực hiện các chính sách và quy trình ESG.

Ví dụ 2.2 minh họa cách Türk Telekom tự xếp hạng mức độ tuân thủ đối với các nguyên tắc quản trị công ty.

2.2. Cơ cấu và Hoạt động của HĐQT

HĐQT là bộ phận trung tâm trong quản trị công ty và cơ cấu tổ chức công ty. HĐQT do cổ đông bổ nhiệm để giám sát việc thực hiện chiến lược, điều hành, và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Nhiệm vụ chính của HĐQT là lựa chọn và giám sát tổng giám đốc, kết quả hoạt động của ban điều hành, và đảm bảo hoạt động phù hợp với quy định pháp lý và phù hợp với các nguyên tắc đạo đức. HĐQT họp định kỳ để thực hiện nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ cụ thể hơn thông qua các ủy ban chuyên môn, bao gồm ủy ban đề cử, kiểm toán, lương thưởng, quản trị và phát triển bền vững.

Ví dụ 2.2: Xếp hạng Quản trị Công ty - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015

Xếp hạng Quản trị Công ty được xác định dựa trên kết quả đánh giá theo bốn chủ đề chính (Cổ đông, Công bố Thông tin và Minh bạch, các Bên có Quyền lợi Liên quan, Hội đồng Quản trị) với trọng số khác nhau trong khuôn khổ của các nguyên tắc Quản trị Công ty của CMB. Chi tiết về xếp hạng quản trị công ty theo các nhóm chính như sau:

Nhóm	Trọng số (%)	Xếp hạng
Cổ đông	25	8.45
Công bố Thông tin & Minh bạch	25	9.66
Bên có Quyền lợi Liên quan	15	8.68
Hội đồng Quản trị	35	8.79
Tổng	100	8.91

Nguồn: Türk Telekom.

Cơ cấu thành viên HĐQT cân bằng, có thể đảm bảo cả kết quả hoạt động và kết quả kinh doanh theo quý là rất quan trọng. Tầm nhìn chiến lược dài hạn nhằm tích hợp phát triển bền vững vào các giá trị đã xác định của công ty cũng rất quan trọng.

HĐQT cũng chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề liên quan đến vai trò đại diện (agency problem), thường phát sinh trong doanh nghiệp giữa ban điều hành và cổ đông, giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số, và giữa công ty với các bên có quyền lợi liên quan. Do đó, một khía cạnh quan trọng trong cơ cấu và hoạt động của HĐQT là sự độc lập, thường được đảm bảo bằng sự hiện diện của thành viên HĐQT không điều hành và không phải là cổ đông lớn của công ty.

Hơn nữa, để cân bằng quyền lực và thúc đẩy vai trò lãnh đạo độc lập của HĐQT, theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), Tổng giám đốc và Chủ tịch HĐQT phải tách biệt, và HĐQT phải do một thành viên HĐQT độc lập không điều hành lãnh đạo.

ĐỊNH NGHĨA: Cơ cấu HĐQT

Ở các quốc gia mà cơ cấu hội đồng quản trị trong doanh nghiệp gồm hai cấp, hội đồng quản trị (hay HĐQT) được gọi là **ban kiểm soát**, độc lập với **hội đồng điều hành** hay **ban điều hành**. Mục này chỉ đề cập đến cơ cấu và hoạt động của hội đồng quản trị hay ban kiểm soát.

THAM KHẢO MA TRẬN

Báo cáo cần đề cập đến các khía cạnh chính của cơ cấu và hoạt động của HĐQT:

- Năng lực và bổ nhiệm HĐQT, bao gồm sự đa dạng và năng lực về ESG;
- Sự độc lập của HĐQT và vai trò của thành viên HĐQT độc lập trong trách nhiệm giải trình, giám sát ban điều hành, và quản lý xung đột;
- Công việc của HĐQT, bao gồm các ủy ban, đánh giá, và thư ký công ty;
- Vai trò của HĐQT trong giám sát các vấn đề môi trường và xã hội.

Ma trận có thể được sử dụng để đo lường mức độ phát triển của công ty về cơ cấu và hoạt động của HĐQT. Bộ Công cụ khuyến nghị công bố thông tin liên quan đến Cấp độ 1-3 của Ma trận, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt. Bộ Công cụ cũng có hướng dẫn về công bố thông tin ở cấp độ Tiên phong, tương ứng với Cấp độ 4 của Ma trận. (Xem Bảng 2.2.)

Bảng 2.2: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Cơ cấu và Hoạt động của HĐQT

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Vai trò, Bầu cử và Kế nhiệm	<ol style="list-style-type: none"> 1. HĐQT phê duyệt chiến lược. 2. Thành viên HĐQT có đủ thời gian và thông tin để thực hiện nhiệm vụ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vị trí trong HĐQT được bầu đầy đủ hàng năm. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch nhân sự kế cận do HĐQT xây dựng cho các thành viên HĐQT và thành viên ban điều hành 	
Cơ cấu thành viên	<ol style="list-style-type: none"> 3. HĐQT có một số thành viên HĐQT độc lập theo luật pháp và quy định. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 1/5 số thành viên HĐQT trở lên độc lập với ban điều hành và cổ đông có quyền kiểm soát. 3. Cơ cấu thành viên HĐQT được thiết lập dựa trên ma trận về kỹ năng chuyên môn. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 1/3 số thành viên HĐQT trở lên được xác định là độc lập theo thông lệ quốc tế tốt nhất.^a 3. Đạt được sự đa dạng của HĐQT về mọi khía cạnh, bao gồm nhưng không giới hạn ở khía cạnh về giới tính. 4. Tách biệt vai trò chủ tịch HĐQT và TGD. Chủ tịch HĐQT là độc lập, hoặc một thành viên HĐQT độc lập đứng đầu được chỉ định. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. 1/2 số thành viên HĐQT trở lên được xác định là độc lập theo thông lệ quốc tế tốt nhất.
Các Ủy ban	<ol style="list-style-type: none"> 4. Ủy ban kiểm toán do HĐQT thành lập. 	<ol style="list-style-type: none"> 5. Đa số thành viên ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập. 6. Các ủy ban chuyên môn giải quyết các vấn đề chuyên môn đặc thù hoặc xung đột lợi ích tiềm tàng (ví dụ: đề cử, lương thưởng, công nghệ/án ninh mạng, E&S/ phát triển bền vững, quản lý rủi ro, vv.), nếu cần thiết. 7. Ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập phê duyệt tất cả các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 100% thành viên ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập. 3. Thành lập ủy ban chuyên môn về QTCT ở cấp HĐQT. 4. Các ủy ban chuyên môn (quản trị, đề cử, E&S/phát triển bền vững và lương thưởng) bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập, kể cả chủ tịch ủy ban. 5. Ủy ban lương thưởng đảm bảo rằng chế độ lương thưởng cho lãnh đạo cấp cao được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động và ưu đãi dài hạn (và được điều chỉnh theo tất cả các loại rủi ro hiện tại và tương lai), dựa trên kết quả hoạt động tài chính và phi tài chính của công ty. 6. Ủy ban quản lý rủi ro hoặc ủy ban chuyên môn khác có đa số thành viên HĐQT độc lập, và đa số có kinh nghiệm quản lý rủi ro. 	
Tàn suất	<ol style="list-style-type: none"> 4. HĐQT họp tối thiểu hàng quý và chịu trách nhiệm giám sát khách quan hoạt động của ban điều hành. 	<ol style="list-style-type: none"> 8. Thành viên HĐQT không điều hành họp riêng tối thiểu một lần mỗi năm. 	<ol style="list-style-type: none"> 7. Thành viên HĐQT độc lập họp riêng định kỳ. 	

(tiếp theo trang sau)

Bảng 2.2: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Cơ cấu và hoạt động của HĐQT (tiếp theo trang trước)

1. Thông lệ Cơ bản	2. Thông lệ Trung bình	3. Thông lệ Quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>Đánh giá và Kết quả hoạt động</p> <p>5. Kết quả hoạt động của toàn thể HĐQT được đánh giá định kỳ.</p> <p>6. Kết quả hoạt động của Ban điều hành được đánh giá hàng năm.</p>	<p>7. HĐQT được đào tạo về các vấn đề rủi ro E&S nói chung.</p>	<p>9. HĐQT, các Ủy ban và thành viên HĐQT được đánh giá hàng năm.</p> <p>10. HĐQT được đào tạo về vấn đề rủi ro E&S của ngành.</p> <p>11. Chiến lược và khẩu vị rủi ro có tích hợp các vấn đề/rủi ro E&S.</p> <p>12. Tối thiểu 1 thành viên HĐQT có kinh nghiệm phân tích và diễn giải các rủi ro E&S.</p> <p>13. Trong các ngành nhạy cảm^a, từ 1 thành viên HĐQT trở lên có kiến thức chuyên sâu về rủi ro E&S.</p> <p>14. Các vấn đề E&S là nội dung thường xuyên được đưa vào trong chương trình làm việc của HĐQT; HĐQT phê duyệt chiến lược ESG và chính sách E&S, định kỳ rà soát kết quả E&S; bảo đảm đối thoại phù hợp giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan chính; và bảo đảm hiệu quả của Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài (ECM).</p> <p>15. HĐQT bảo đảm có các hệ thống quản lý để xác định và quản lý rủi ro và tác động E&S.</p>	<p>8. Bên thứ ba độc lập thực hiện đánh giá HĐQT và các Ủy ban.</p> <p>9. Ủy ban chuyên môn ở cấp HĐQT được thành lập để rà soát các vấn đề E&S.</p> <p>10. HĐQT rà soát công tác kiểm toán độc lập về hiệu quả của Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS), bao gồm quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và cơ chế giải quyết khiếu nại.</p>

^a Ví dụ, "Định nghĩa mang tính chỉ dẫn về Thành viên HĐQT độc lập" của IFC.

^b Ví dụ về "ngành nhạy cảm" bao gồm dầu khí, công nghiệp nặng (sắt thép, xi măng), và sản xuất hóa chất; và sản xuất hoặc chế biến hàng nông sản quy mô lớn.

2.2.1 Năng lực và tính độc lập của HĐQT

Báo cáo cần mô tả các tiêu chí được sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT, bao gồm yêu cầu đối với thành viên HĐQT độc lập.

Đề cử và bổ nhiệm

Báo cáo cần mô tả quá trình đề cử và bổ nhiệm thành viên HĐQT. Báo cáo cũng cần tóm tắt vai trò của HĐQT, ủy ban đề cử (nếu có) và cổ đông trong việc đề cử và bổ nhiệm thành viên HĐQT. (Xem ví dụ 2.3.)

Ví dụ 2.3: Thủ tục Đề cử HĐQT - Báo cáo Thường niên Ngân hàng Thương mại Siam 2016

5.9 Thủ tục đề cử Thành viên HĐQT và Thành viên Ban điều hành

Ủy ban Đề cử, Lương thưởng và Quản trị Công ty chịu trách nhiệm sàng lọc và đề xuất với HĐQT những ứng viên đủ điều kiện và đáp ứng chiến lược của Ngân hàng cho vị trí thành viên HĐQT và thành viên của các ủy ban thuộc HĐQT dựa trên kiến thức, năng lực, chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết của ứng viên cho từng vị trí tuyển dụng, bằng cách sử dụng ma trận kỹ năng làm công cụ, và trong trường hợp thành viên HĐQT độc lập, dựa vào sự độc lập của thành viên đó. Liên quan đến thành viên HĐQT đại diện cho cổ đông lớn, về nguyên tắc, cổ đông lớn đề cử các cá nhân để được bầu làm thành viên HĐQT của Ngân hàng và HĐQT có trách nhiệm xác minh rằng trình độ chuyên môn của cá nhân được đề cử không trái với luật pháp liên quan và phù hợp với chính sách của Ngân hàng về việc thành viên HĐQT nắm giữ các vị trí trong các công ty khác. Ủy ban Đề cử, Lương thưởng và Quản trị Công ty lựa chọn các ứng cử viên cho các vị trí thành viên HĐQT từ tập hợp các thành viên HĐQT của Viện Thành viên HĐQT Thái Lan (IOD) và đề xuất của thành viên HĐQT và cổ đông của Ngân hàng. Sau khi xem xét kỹ lưỡng năng lực và trình độ chuyên môn của từng ứng cử viên để đảm bảo tuân thủ luật pháp và quy định, Ủy ban Đề cử, Lương thưởng và Quản trị Công ty sẽ đề xuất các ứng viên được đề cử lên HĐQT để xem xét. Sau khi HĐQT thông qua các ứng cử viên được đề cử, Ngân hàng sẽ tham khảo ý kiến và xin phê duyệt của Ngân hàng Trung ương Thái Lan trước khi đề xuất các ứng viên được đề cử lên cổ đông, nếu cần thiết, để phê duyệt việc bổ nhiệm.

Nguồn: Ngân hàng Thương mại Siam

Báo cáo cần giải thích cách thức để cổ đông đề cử hoặc bổ nhiệm thành viên HĐQT - và liệu có sự khác biệt trong quy trình áp dụng cho cổ đông lớn và cổ đông nhỏ hay thiếu số hay không. Trường hợp doanh nghiệp có đại diện của người lao động, đại diện của chủ nợ hoặc đại diện của chính phủ trong HĐQT, báo cáo cần chỉ rõ những vị trí đại diện này và nêu cách thức bổ nhiệm đối với những vị trí như vậy. (Xem Ví dụ 2.4.)

Đối với tất cả các thành viên HĐQT, báo cáo cần chỉ rõ thời gian mỗi thành viên bắt đầu tham gia HĐQT và thời gian nhiệm kỳ của họ kết thúc. Thành viên HĐQT được bổ nhiệm lại cho nhiều nhiệm kỳ không phải lúc nào cũng được coi là độc lập. Trong Ví dụ 2.5 ở trang tiếp theo, BHP Billiton, một công ty khai thác mỏ của Anh-Úc, giải thích lý do một số thành viên HĐQT giữ nguyên vị trí trong thời gian dài.

Bất kể thành viên HĐQT được đề cử như thế nào, mọi thành viên HĐQT đều có trách nhiệm hành động vì lợi ích tốt nhất của công ty.

Ví dụ 2.4: Quy trình Đề cử - Tuyên bố Ủy quyền của Công ty Coca-Cola 2016

ỨNG CỬ VIÊN HĐQT 2015

Theo quy định nội bộ của công ty, số lượng thành viên HĐQT sẽ do Hội đồng Quản trị xác định, và số lượng này đã được xác định là 15. Theo khuyến nghị của Ủy ban Thành viên HĐQT và Quản trị Công ty, HĐQT đã đề cử mỗi thành viên Herbert A.Allen, Ronald W.Allen, Marc Bolland, Ana Botín, Howard G. Buffett, Richard M. Daley, Barry Diller, Helene D. Gayle, Evan G. Greenberg, Alexis M. Herman, Muhtar Kent, Robert A. Kotick, Maria Elena Lagomasino, Sam Nunn và David B. Weinberg để tham gia ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT. Tất cả những người được đề cử đều độc lập theo quy tắc quản trị công ty của Sàn Giao dịch New York ("NYSE"), ngoại trừ Herbert A. Allen và Muhtar Kent. Xem Mục "Tính Độc lập của thành viên HĐQT và Giao dịch với các bên liên quan", bắt đầu tại trang 38.

Mỗi ứng cử viên cho vị trí thành viên HĐQT hiện đều đang phục vụ trong HĐQT và được cổ đông bầu chọn tại Đại hội Cổ đông thường niên 2015. Nếu được chọn, mỗi thành viên HĐQT sẽ giữ chức vụ cho đến Đại hội Cổ đông thường niên 2017 và cho đến khi người kế nhiệm được chọn và đáp ứng tiêu chuẩn. Chúng tôi không có lý do gì để tin rằng bất kỳ ứng cử viên nào sẽ không thể hoặc không sẵn lòng phục vụ nếu được chọn.

Nguồn: Công ty Coca Cola.

Ví dụ 2.5: Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT - Báo cáo Thường niên BHP Billiton 2016

NHIỆM KỲ

Tại thời điểm được xem xét bổ nhiệm lại, hai Thành viên HĐQT, Jac Nasser và John Schubert, đã giữ chức thành viên HĐQT trong hơn chín năm. Jac Nasser đang chuẩn bị tái cử vào Đại hội Đồng Cổ đông 2016, và đã có kết quả đánh giá hiệu quả công việc chính thức.

Ông Nasser được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập không điều hành trong HĐQT lần đầu vào tháng 06/2006. HĐQT tin rằng chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế toàn diện của ông giúp cải thiện kỹ năng và kinh nghiệm của HĐQT. Theo Bộ Quy tắc Quản trị Công ty của Vương quốc Anh, quá trình bổ nhiệm của ông Nasser đã được rà soát đặc biệt chặt chẽ, và có cân nhắc nhu cầu thường xuyên thay đổi thành viên HĐQT.

HĐQT tin rằng nhiệm kỳ của ông Nasser không gây ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hành động vì lợi ích tốt nhất của Công ty. HĐQT tin rằng ông giữ được sự độc lập về quan điểm và nhận định và không liên minh với ban điều hành (hoặc những người khác) để có thể gây tổn hại đến khả năng đưa ra phán quyết độc lập hoặc hành động vì lợi ích tốt nhất của Công ty.

Nguồn: BHP Billiton.

Trình độ Chuyên môn

Báo cáo cần trình bày ngắn gọn kinh nghiệm làm việc, trình độ học vấn, và các vị trí thành viên HĐQT khác mà mỗi thành viên HĐQT đang đảm nhiệm. Báo cáo cần nhấn mạnh các yếu tố kinh nghiệm và trình độ của các thành viên HĐQT có liên quan cụ thể đến vai trò trong HĐQT, bao gồm mọi ủy ban mà thành viên HĐQT tham gia.

Báo cáo nên gắn trình độ chuyên môn của thành viên HĐQT với kỹ năng cần thiết để HĐQT thực hiện chức năng của mình, như kỹ năng pháp lý, tài chính, thị trường và rủi ro.

Những kỹ năng này cũng cần gắn với chiến lược và mục đích tổng thể hơn của doanh nghiệp. Điểm này có thể được thực hiện cho toàn bộ HĐQT, và theo **THÔNG LỆ TỐT**

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Xây dựng HĐQT như một Tài sản Chiến lược

Hội đồng Blue Ribbon thuộc NACD (Hiệp hội Thành viên HĐQT Quốc gia) về xây dựng HĐQT như một Tài sản Chiến lược cung cấp hướng dẫn về kế hoạch cải tiến liên tục để tối đa hóa tập hợp kinh nghiệm chuyên môn của HĐQT và đảm bảo tập hợp này phù hợp với nhu cầu hiện tại và tương lai của tổ chức.

NHẤT, điều này cũng có thể được thực hiện cho từng thành viên HĐQT. Nội dung này có thể được trình bày dưới dạng ma trận kỹ năng và kinh nghiệm của các thành viên HĐQT hiện tại so với các chức năng chính của HĐQT.

Báo cáo cũng nên mô tả cơ chế đào tạo và phát triển chuyên môn cho thành viên HĐQT trong cả trường hợp tiếp nhận thành viên HĐQT mới và trường hợp đào tạo liên tục cho các thành viên hiện tại.

Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, (và khái niệm về “HĐQT như một tài sản chiến lược”), doanh nghiệp cần có kế hoạch kế nhiệm dài hạn để đảm bảo cơ cấu thành viên và trình độ chuyên môn của HĐQT phải phù hợp với chiến lược của công ty và yêu cầu về trình độ chuyên môn cần thiết của thành viên HĐQT.

Chuyên môn về phát triển bền vững: Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), HĐQT giám sát các vấn đề môi trường và xã hội trong chương trình hợp thường xuyên của HĐQT, và nên phê duyệt các chính sách và chiến lược E&S và định kỳ rà soát kết quả hoạt động. HĐQT cũng nên giám sát công tác đối thoại với các bên có quyền lợi liên quan chính và đảm bảo truyền thông hiệu quả. Điều này đồng nghĩa với việc HĐQT phải có chuyên môn cần thiết để đánh giá các hệ thống quản lý E&S và hiểu các rủi ro ESG.

Báo cáo cần mô tả chuyên môn của HĐQT liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững, và việc thành viên HĐQT đã được đào tạo về các vấn đề ESG nói chung cũng như các vấn đề ESG đặc thù của ngành hay chưa. Theo thông lệ ở cấp độ trung bình (Ma trận Cấp 2), HĐQT cần được đào tạo về các vấn đề rủi ro E&S chung. Đối với các ngành chịu nhiều rủi ro E&S hơn (như dầu khí, khai thác mỏ, công nghiệp nặng, sản xuất hóa chất và sản xuất hoặc chế biến hàng nông sản quy mô lớn), theo thông lệ quốc tế tốt, tối thiểu một thành viên HĐQT cần có kiến thức chuyên sâu về rủi ro E&S.

Ví dụ 2.6 tóm tắt chi tiết về trình độ và kinh nghiệm của các thành viên HĐQT của Công ty Prudential, một công ty bảo hiểm của Hoa Kỳ và mức độ phù hợp với các kỹ năng cốt lõi của HĐQT, bao gồm chuyên môn về các vấn đề ESG.

Tính độc lập

Báo cáo cần phân loại rõ các thành viên HĐQT và mức độ độc lập liên quan đến vai trò thành viên HĐQT. Báo cáo nên làm rõ những nội dung sau đây:

- *Thành viên HĐQT điều hành:* thành viên HĐQT đảm nhiệm vị trí điều hành toàn thời gian (thường nằm trong ban điều hành);
- *Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành:* thành viên HĐQT không làm việc toàn thời gian cho công ty nhưng có các mối liên hệ đáng kể khác với công ty, thường là thông qua sở hữu cổ phần hoặc quan hệ gia đình với thành viên HĐQT, là cổ đông lớn hoặc giữ các vị trí điều hành, hoặc là nhà cung cấp hoặc khách hàng của công ty;

Ví dụ 2.6: Trình độ Chuyên môn của Thành viên HĐQT – Tuyên bố Ủy quyền Prudential 2016

Tóm tắt Trình độ Chuyên môn và Kinh nghiệm của Thành viên HĐQT	Baltimore, Thomas J., Jr.	Casellas, Gilbert F.	Cullen, James G.	Grier, Mark B.	Hund-Mejan, Martina	Krapek, Karl J.	Lighe, Peter C.	Paz, George	Pianello, Sandra	Peon, Christine A.	Scovanner, Douglas A.	Stranglefeld, John R.	Todman, Michael A.
Kinh nghiệm HOẠT THUẬT/GIAO DỤC rất quan trọng trong việc quản lý tổ chức và nghiên cứu mang tính học thuật liên quan đến kinh doanh và chiến lược của công ty.							•		•	•			
Kinh nghiệm ĐẠO ĐỨC KINH DOANH quan trọng do đạo đức có vai trò thiết yếu trong thành công của hoạt động kinh doanh.		•		•								•	
Kinh nghiệm LÃNH ĐẠO/QUẢN TRỊ quan trọng vì thành viên HĐQT có kinh nghiệm quản trị thường có phẩm chất lãnh đạo mạnh mẽ và khả năng xác định và phát triển những phẩm chất đó ở người khác.	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm trong HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho phép thành viên HĐQT có hiểu biết thực tế về xây dựng, thực hiện, và đánh giá kế hoạch hoạt động và chiến lược kinh doanh.	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm QUẢN TRỊ CÔNG TY hỗ trợ các mục tiêu xây dựng một HĐQT mạnh mẽ và trách nhiệm giải trình, minh bạch trong quản lý, và bảo vệ lợi ích của cổ đông.	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG/PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG/QUẢN TRỊ tăng cường giám sát của HĐQT và bảo đảm thực hiện hoạt động kinh doanh chiến lược và việc tạo giá trị dài hạn cho cổ đông trong một mô hình kinh doanh có trách nhiệm và bền vững.		•		•	•							•	
Kinh nghiệm TÀI CHÍNH/PHÂN BỐ VỐN có vai trò quan trọng trong việc đánh giá báo cáo tài chính và cơ cấu vốn của công ty.				•	•	•	•	•	•		•	•	•
Kinh nghiệm CHUYÊN MÔN/KIẾN THỨC TÀI CHÍNH quan trọng vì sẽ giúp các thành viên HĐQT hiểu và giám sát việc báo cáo tài chính và kiểm soát nội bộ của công ty.	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm NGÀNH DỊCH VỤ TÀI CHÍNH có vai trò quan trọng để hiểu rõ và xét duyệt chiến lược và kinh doanh của công ty.				•	•		•	•			•	•	
Kinh nghiệm về CHÍNH SÁCH CHÍNH PHỦ/CHÍNH SÁCH CÔNG cần thiết cho Công ty vì Công ty hoạt động trong một ngành chịu kiểm soát chặt chẽ và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi hành động của chính phủ.		•					•	•	•				•
Kinh nghiệm về NGÀNH BẢO HIỂM có vai trò quan trọng để hiểu rõ và xét duyệt chiến lược và kinh doanh của công ty.				•				•				•	
Kinh nghiệm QUỐC TẾ có vai trò quan trọng để hiểu rõ và xét duyệt chiến lược và kinh doanh của công ty.				•	•	•	•			•		•	•
Kinh nghiệm ĐẦU TƯ quan trọng trong việc đánh giá báo cáo tài chính và chiến lược đầu tư của công ty.	•	•			•		•				•	•	
Kinh nghiệm TIẾP THỊ/BÁN HÀNG cần thiết cho Công ty khi Công ty tìm cách xác định và phát triển thị trường mới cho các sản phẩm và dịch vụ tài chính.				•						•			•
Kinh nghiệm BẤT ĐỘNG SẢN có vai trò quan trọng để hiểu rõ và xét duyệt chiến lược và kinh doanh của công ty.	•					•					•		
Kinh nghiệm QUẢN LÝ RỦI RO rất quan trọng đối với vai trò của HĐQT trong việc giám sát những rủi ro mà Công ty phải đối mặt.		•		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm QUẢN LÝ TÀI NĂNG có giá trị trong việc giúp công ty thu hút, khuyến khích, và duy trì các ứng cử viên hàng đầu cho các vị trí tại Công ty.	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kinh nghiệm CÔNG NGHỆ/HỆ THỐNG cần thiết cho Công ty khi Công ty tìm cách cải thiện trải nghiệm của khách hàng và hoạt động nội bộ.				•	•							•	

Nguồn: Prudential.

- **Thành viên HĐQT độc lập không điều hành:** thành viên HĐQT không phải là cổ đông lớn và không làm việc cho công ty hoặc có bất cứ mối quan hệ hay liên kết kinh doanh với công ty, chính thức hoặc không chính thức, mà có thể cho phép thành viên đó có ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định của công ty - và do đó độc lập với ban điều hành hoặc cổ đông lớn hoặc cổ đông có quyền kiểm soát của công ty.

Theo thông lệ tốt (Ma trận Cấp 3), doanh nghiệp nên có HĐQT bao gồm tối thiểu một phần ba số thành viên HĐQT độc lập và doanh nghiệp được khuyến khích hướng đến việc có đa số thành viên HĐQT độc lập. Tối thiểu, HĐQT phải có số lượng thành viên HĐQT độc lập phù

hợp với luật pháp, quy định hoặc bộ nguyên tắc của quốc gia sở tại.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), các thành viên HĐQT độc lập phải họp riêng tối thiểu một lần một năm.

Ví dụ 2.7 ở trang tiếp theo cung cấp thông tin về thành viên HĐQT độc lập và không độc lập của Fresnillo, một công ty khai thác mỏ của Mexico.

Báo cáo cần trình bày rõ ràng về mối liên hệ giữa công ty và các thành viên HĐQT không độc lập, giải thích ngắn gọn lý do tại sao một thành viên HĐQT được coi là độc lập. Đôi khi, báo cáo có thể cần giải thích thêm lý do trong những tình huống mà tính độc lập có vẻ không được đảm bảo.

Ví dụ 2.7: Cơ cấu thành viên và Tính Độc lập của HĐQT - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015**CƠ CẤU THÀNH VIÊN VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT**

HĐQT bao gồm sáu thành viên không điều hành được coi là độc lập và sáu thành viên không điều hành được coi là không độc lập, như trình bày dưới đây.

KHÔNG ĐỘC LẬP

Alberto Baillères
(Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch Ủy ban Đề cử)

Alejandro Baillères

Juan Bordes

Arturo Fernández

Rafael MacGregor
(Chủ tịch Ủy ban HSECR)

Jaime Lomelín

ĐỘC LẬP

Guy Wilson
(Thành viên Độc lập Cao cấp và Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán)

María Asunción Aramburuzabala

Bárbara Garza Lagüera

Charles Jacobs
(Chủ tịch Ủy ban Lương Thưởng)

Fernando Ruiz

Jaime Serra

Nguồn: Fresnillo Plc.

Ví dụ, thành viên HĐQT có thể có mối liên hệ với nhà cung cấp hoặc khách hàng của công ty, có thể là thành viên HĐQT trong thời gian trên chín năm, có thể có người thân làm việc cho công ty, hoặc có thể đã làm công việc bán thời gian cho công ty. HĐQT vẫn có thể quyết định rằng thành viên HĐQT đó độc lập, với điều kiện có giải trình trung thực về trường hợp đó, và trường hợp đó phù hợp với quy định của quốc gia sở tại hoặc thông lệ quốc tế tốt nhất.

Trong ví dụ 2.8, BHP Billiton giải trình lý do tại sao một

thành viên HĐQT, mà tính độc lập bị nghi ngờ do công việc trước đó ở một công ty kiểm toán của công ty, lại được chấp nhận làm thành viên HĐQT độc lập.

Đa dạng

HĐQT ngày càng được kỳ vọng sẽ đạt được sự cân bằng tốt hơn về giới và được bầu chọn từ tập hợp ứng viên tiềm năng rộng hơn. Ngoài khía cạnh giới tính, sự đa dạng còn có thể bao gồm việc ứng cử viên có độ tuổi, dân tộc khác nhau và các khác biệt khác về kinh nghiệm và chuyên môn liên quan.

Ví dụ 2.8: Giải trình về tính Độc lập của Thành viên HĐQT - Báo cáo Thường niên của BHP Billiton 2016**QUAN HỆ VÀ CÁC MỐI LIÊN HỆ KHÁC**

Lindsay Maxsted là Tổng Giám đốc của KPMG Úc từ năm 2001 đến 2007. HĐQT tin rằng mối quan hệ trước đây với KPMG không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc ông Maxsted đưa ra nhận định khách quan, độc lập, không bị ràng buộc, hoặc khả năng hành động vì lợi ích tốt nhất của BHP Billiton. HĐQT đã quyết định rằng ông Maxsted đảm bảo sự độc lập, theo đúng chính sách của công ty về tính độc lập của thành viên HĐQT. HĐQT đặc biệt lưu ý rằng:

- Thời điểm ông Maxsted được bổ nhiệm vào HĐQT là hơn ba năm kể từ khi ông nghỉ hưu tại KPMG. Các quy định và hướng dẫn về tính độc lập của thành viên HĐQT áp dụng cho Công ty - kết hợp giữa các quy định và hướng dẫn của Úc, Anh và Hoa Kỳ - tất cả đều sử dụng ba năm làm khoảng thời gian chuẩn cho giai đoạn “hạ nhiệt” đối với vị trí chủ phần hùn của công ty kiểm toán trước đây;
- Ông Maxsted không có liên hệ về tài chính (ví dụ: lương hưu, phí duy trì dịch vụ hoặc phí tư vấn) hoặc hợp đồng tư vấn với KPMG;
- Ông Maxsted không tham gia hoạt động kiểm toán của KPMG từ sau năm 1980, và trong khi làm việc tại KPMG, ông không có liên quan, hoặc có khả năng gây ảnh hưởng, đến bất kỳ hoạt động kiểm toán nào liên quan đến BHP Billiton. HĐQT tin rằng sự nhạy bén và kinh nghiệm sâu rộng về tài chính của ông Maxsted trong lĩnh vực tái cấu trúc doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện trách nhiệm của HĐQT. HĐQT cho rằng việc ông trở thành thành viên HĐQT và Chủ tịch của Ủy ban Rủi ro và Kiểm toán là phù hợp và cần thiết cho công ty.

Nguồn: BHP Billiton.

**NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT:
Thành viên HĐQT độc lập**

Nguyên tắc Quản trị Toàn cầu của Mạng lưới Quản trị Công ty Quốc tế (ICGN): “Trong báo cáo thường niên, HĐQT cần xác định rõ tên của các thành viên HĐQT được HĐQT coi là độc lập và có khả năng đưa ra nhận định độc lập mà không chịu bất cứ tác động bên ngoài nào. HĐQT cần nêu rõ lý do HĐQT quyết định rằng thành viên HĐQT là độc lập mặc dù có thể có những mối quan hệ hoặc hoàn cảnh liên quan đến quyết định đó...”

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), HĐQT cần đạt được sự đa dạng trên tất cả các khía cạnh, bao gồm nhưng không giới hạn khía cạnh về giới tính.

Báo cáo cần giải thích về cách thức cân nhắc sự đa dạng trong các đề cử thành viên HĐQT gần đây và bất kỳ chính sách nào của HĐQT trong lĩnh vực này. Trong ví dụ 2.9, Natura, một công ty mỹ phẩm của Braxin, minh họa về cơ cấu thành viên HĐQT với các khía cạnh về giới, độ tuổi và số nhiệm kỳ được phục vụ.

2.2.2. Công việc và các Ủy ban của HĐQT

Báo cáo nên mô tả công việc của HĐQT, cơ cấu ủy ban và các mối quan hệ của HĐQT trong và ngoài công ty.

Vai trò và Trách nhiệm

Báo cáo cần mô tả các hoạt động và trách nhiệm chính của HĐQT, với trọng tâm là các trách nhiệm và quyết định chính. Báo cáo cũng nên có đường dẫn về nơi công bố điều lệ hoạt động của các ủy ban trên website của công ty. Báo cáo cần giải thích cách thức HĐQT thực hiện các chức năng truyền thống: chỉ đạo và giám sát hoạt động của ban điều hành vì lợi ích của mọi cổ đông. Báo cáo cũng cần chỉ ra tần suất họp HĐQT. HĐQT phải họp định kỳ và thành viên HĐQT phải có đủ thời gian và thông tin để thực hiện nhiệm vụ của mình.

HĐQT và Ban điều hành

Báo cáo cần mô tả việc phân chia trách nhiệm giữa HĐQT và Ban điều hành, bao gồm cả trường hợp thành viên ban điều hành cũng là thành viên HĐQT. Nếu thành viên ban điều hành trong HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp HĐQT, báo cáo cần chỉ rõ việc HĐQT có tổ chức các “phiên họp quản trị” không có sự hiện diện của ban điều hành hay không.

Báo cáo cũng nên đề cập vai trò của HĐQT liên quan đến Ban điều hành. Cụ thể, cần mô tả vai trò của HĐQT trong những lĩnh vực sau:

- Thiết lập chiến lược và tầm nhìn của công ty;
- Lựa chọn Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành;
- Quản lý rủi ro;

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Sự đa dạng của HĐQT

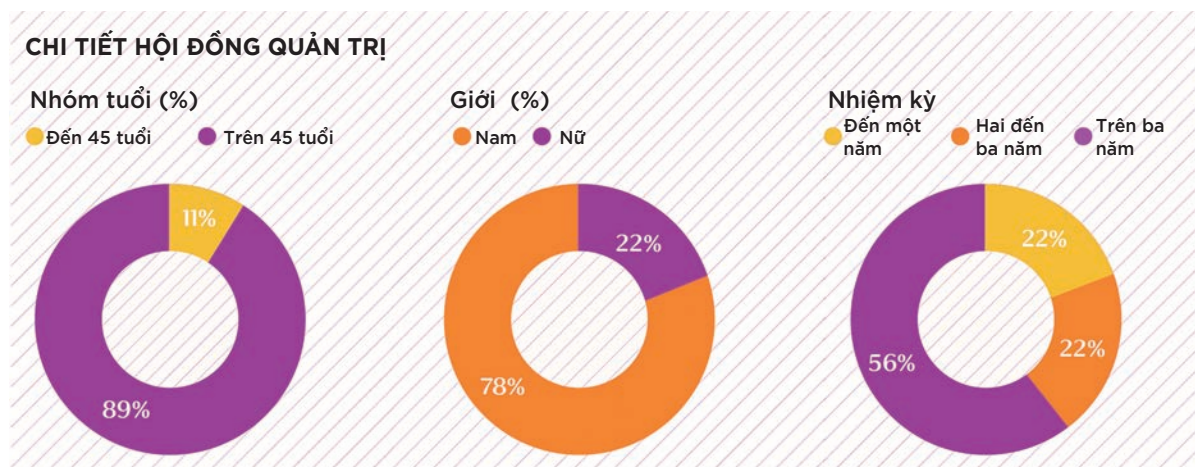
Nguyên tắc G20/OECD khuyến khích công bố những thông tin sau đây:

- Trình độ chuyên môn của các thành viên HĐQT, và vị trí trong HĐQT (và các vị trí khác) của những thành viên đó;
- Sự độc lập của thành viên HĐQT và tầm quan trọng của vấn đề này;
- Quy trình bầu chọn thành viên HĐQT.

Khung <IR> khuyến khích HĐQT có kỹ năng và sự đa dạng, bao gồm sự đa dạng về năng lực chuyên môn và giới tính.

Báo cáo King IV về Quản trị Công ty ở Nam Phi, 2016, Nguyên tắc 7: Bộ phận đảm nhiệm chức năng quản trị phải có sự cân bằng phù hợp về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đa dạng và độc lập để thực hiện các vai trò quản trị và trách nhiệm của mình một cách khách quan và hiệu quả.

Ví dụ 2.9: Sự Đa dạng của HĐQT - Báo cáo Thường niên Natura 2016



Nguồn: Natura.

- Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, và công tác lập báo cáo tài chính;
- Phê duyệt các khoản chi phí vốn lớn, giao dịch giá trị lớn và giao dịch có xung đột lợi ích, như giao dịch với các bên liên quan;
- Giám sát chính sách nguồn nhân lực;

Báo cáo cần nêu rõ có quyết định nào mà HĐQT tự mình đưa ra hay không.

Ví dụ 2.10 mô tả vai trò của ban điều hành và HĐQT của Aggreko, một công ty năng lượng của Anh, tập trung vào các thành viên chủ chốt trong HĐQT và điều hành.

Các Ủy ban thuộc HĐQT

HĐQT cần thành lập các ủy ban chuyên môn bao gồm các thành viên HĐQT để hỗ trợ hoạt động cụ thể của HĐQT hoặc các lĩnh vực có thể phát sinh xung đột lợi ích. Thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3) cũng khuyến nghị việc thành lập các ủy ban chuyên môn trực thuộc HĐQT, chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề chuyên môn hoặc xung đột lợi ích tiềm tàng (như đề cử, lương thưởng, công nghệ, an ninh mạng, E&S/phát triển bền vững, quản lý rủi ro, v.v...), nếu có.

Theo thông lệ tiên phong (Ma trận Cấp 4), đa số thành viên của tất cả các ủy ban nên là thành viên HĐQT độc lập và mỗi ủy ban có một chủ tịch độc lập.

Báo cáo nên mô tả những nội dung sau:

- Các loại ủy ban - kiểm toán, rủi ro, tài chính, đề cử, lương thưởng, quản trị công ty, phát triển bền vững và quản lý rủi ro;
- Vai trò của các ủy ban (bao gồm cả tương tác với HĐQT);
- Cơ cấu thành viên của các Ủy ban (bao gồm tính độc lập và trình độ chuyên môn) và đường dẫn đến website công bố điều lệ hoạt động của các ủy ban.

Báo cáo cũng cần có đánh giá về công việc của mỗi ủy ban, nêu bật các lĩnh vực quan trọng mà ủy ban đã giải quyết cũng như mọi thay đổi về trọng tâm hoặc chính sách của một ủy ban cụ thể.

Theo thông lệ tốt (Ma trận Cấp 3), ủy ban kiểm toán phải bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập. Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG** (Ma trận Cấp 4), nên có 100% thành viên HĐQT độc lập. Thông lệ tiên phong cũng khuyến nghị doanh nghiệp có ủy ban rủi ro với đa số thành viên có kinh nghiệm quản lý rủi ro. (Để có hướng dẫn chi tiết hơn về vai trò và nội dung công việc của ủy ban kiểm toán, tham khảo 2.3.1. Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ, trang 71 của Bộ Công cụ này.)

Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG** (Ma trận Cấp 4), ủy ban lương thưởng cần bảo đảm rằng lương thưởng của lãnh đạo điều hành phải dựa trên kết quả hoạt động tài chính và phi tài chính để đưa ra các cơ chế lương thưởng dài hạn.

Ví dụ 2.11 cung cấp báo cáo hoạt động của ủy ban lương thưởng và nhân sự của Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi), một ngân hàng Nam Phi.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: HĐQT và Ban điều hành

Nguyên tắc G20/OECD khuyến khích công bố thông tin về phân chia thẩm quyền giữa ban điều hành và HĐQT, và nếu cần thiết, lý do của việc kết hợp vai trò chủ tịch HĐQT và TGD.

Khung <IR> khuyến nghị công bố thông tin về cách thức hoạt động quản trị và quy trình ra quyết định được gắn với việc tạo ra giá trị, quyết định chiến lược, và đổi mới sáng tạo.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Cơ cấu Ủy ban thuộc HĐQT

Nguyên tắc G20/OECD khuyến nghị công bố thông tin về cơ cấu và điều lệ hoạt động của các ủy ban.

Ví dụ 2.10: Thành viên HĐQT và Ban Điều hành – Báo cáo Thường niên Aggreko 2015

Cách thức chúng tôi phân chia trách nhiệm	
Chủ tịch	Chịu trách nhiệm lãnh đạo HĐQT, về hiệu quả và công tác quản trị của HĐQT. Thiết lập chương trình làm việc để xem xét mọi vấn đề và mối quan tâm của các thành viên HĐQT và đảm bảo liên kết chặt chẽ giữa Cổ đông, HĐQT và Ban điều hành.
Tổng Giám đốc	Chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và kiểm soát hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, khuyến nghị chiến lược của Tập đoàn lên HĐQT và đảm bảo việc thực hiện chiến lược và quyết định của HĐQT thông qua Ban điều hành.
Giám đốc tài chính	Chịu trách nhiệm quản lý hàng ngày về rủi ro tài chính của Tập đoàn và hỗ trợ chung cho Tổng Giám đốc, bao gồm kết quả hoạt động của doanh nghiệp.
Thành viên HĐQT Độc lập Cao cấp	Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT trong việc đánh giá lại, phân biện các vấn đề, ý tưởng, hoạt động của HĐQT; đóng vai trò trung gian cho các thành viên HĐQT khác khi cần thiết và sẵn sàng gặp gỡ Cổ đông.
Thành viên HĐQT Độc lập Không điều hành	Đặt câu hỏi với thành viên HĐQT trên tinh thần xây dựng và giám sát việc thực hiện chiến lược của Tập đoàn trong môi trường rủi ro và kiểm soát do HĐQT thiết lập.
Thư ký Công ty	Hỗ trợ Chủ tịch và Tổng Giám đốc và sẵn sàng tư vấn và hỗ trợ cho tất cả các thành viên HĐQT. Cung cấp thông tin tới HĐQT và các Ủy ban về các vấn đề quản trị và chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách quản trị công ty.

Nguồn: Aggreko.

Đánh giá HĐQT

Báo cáo cần mô tả quy trình đánh giá hàng năm của HĐQT nói chung, và của từng thành viên HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT nói riêng. Nội dung này cần bao gồm những thông tin sau đây:

- Mô tả quy trình (bao gồm tần suất và người thực hiện đánh giá);
- Những chỉ số chính để thực hiện đánh giá;

- Kết quả/linh vực cần cải thiện;
- Kế hoạch hành động dựa trên kết quả;
- Hành động được thực hiện sau đợt đánh giá HĐQT của giai đoạn trước.

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) khuyến nghị việc đánh giá HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT nên do một bên thứ ba độc lập thực hiện. Việc đánh giá HĐQT cần được gắn với kế hoạch kế nhiệm cho HĐQT và Ban điều hành.

Ví dụ 2.11: Mô tả Ủy ban - Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Africa) 2015

Ủy ban lương thưởng và nhân sự của Tập đoàn (UBLT&NS)

Mohamed Husain (Chủ tịch)
Patrick Clackson
Yolanda Cuba
Alex Darko
Wendy Lucas-Bull
Trevor Munday

Tham dự:
Maria Ramos
Giám đốc Nhân sự
Trưởng Bộ phận Khen thưởng

Đã rà soát:

- cơ cấu, chính sách và triết lý về chế độ lương thưởng năm 2015/2016 cho Tập đoàn nói chung và cho lãnh đạo cấp cao nói riêng;
- tờ trình của Chủ tịch Tập đoàn về hiệu quả công việc của Tổng Giám đốc, và tờ trình của Tổng Giám đốc về hiệu quả công việc của Giám đốc Tài chính và thành viên Ban điều hành khác;
- đề xuất liên quan đến tuyển dụng và chấm dứt các vị trí cấp cao, và thực hiện phê duyệt khi cần thiết theo nhiệm vụ của Ủy ban;
- cập nhật của Ban Rà soát Lương thưởng trực thuộc ban điều hành về các sự cố liên quan đến đạo đức và tác động đối với lương thưởng;
- cập nhật về mức lương theo vai trò, định nghĩa “người chấp nhận rủi ro trọng yếu”, và một số Hướng dẫn của Hiệp hội Ngân hàng châu Âu và Cơ quan Giám sát Ngân hàng và Quản lý Tỷ lệ An toàn và tuyên bố chính sách về lương thưởng;
- cập nhật về lương hưu và lợi ích trên toàn Tập đoàn;
- báo cáo về lương thưởng và phúc lợi ở các công ty con; và
- báo cáo của cố vấn độc lập về xu hướng trong phương thức và thông lệ lương thưởng của ngành.

Đã phản hồi:

- phản hồi cho nhà đầu tư về việc công bố thông tin lương thưởng và cải thiện hơn nữa việc công bố thông tin lương thưởng theo thông lệ tốt nhất.

Đã phê duyệt:

- chuyển đổi chương trình cổ phiếu ảo thành chương trình vốn cổ phần đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông 2015;
- thực hiện chia thưởng cho các chế độ thưởng dài hạn năm 2012 (có hiệu lực vào giữa năm 2015) và tiếp nhận báo cáo dự báo về chia thưởng năm 2013 (có hiệu lực vào giữa năm 2016);
- lương thưởng cho Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và các thành viên khác của Ban điều hành;
- quỹ lương cho người lao động thuộc các đơn vị có thể và không thể thương lượng về mức lương; và
- báo cáo thù lao để đưa vào báo cáo tích hợp năm 2014.

Đề xuất với HĐQT:

- đề xuất tổng quỹ thưởng 2015, dự kiến tổng chi lương thưởng 2015 và tỷ lệ lương thưởng;
- tổng quỹ thưởng 2014.

UBLT&NS hài lòng về hiện trạng lương thưởng trong Tập đoàn. UBLT&NS đã dành một khối lượng thời gian đáng kể để cải thiện mối tương quan giữa lương và hiệu quả công việc, và sẽ tiếp tục thực hiện tương tự trong năm 2016.

Nguồn: Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Africa)

Quản trị Phát triển Bền vững

Báo cáo cần đề cập việc công ty đã thiết lập quy trình giám sát các vấn đề môi trường và xã hội ở cấp HĐQT hay chưa. Nếu phù hợp, báo cáo cũng nên mô tả:

- Việc HĐQT phê duyệt chiến lược và chính sách về phát triển bền vững;
- ESG có được đưa vào chương trình làm việc của HĐQT hay không;
- Phương thức HĐQT thực hiện giám sát các vấn đề E&S, bao gồm mọi đối thoại đặc biệt giữa ủy ban và các bên có quyền lợi liên quan;
- Đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý E&S, bao gồm cơ chế giải quyết khiếu nại.

Báo cáo cần mô tả cơ cấu và quy trình để đảm bảo các vấn đề ESG được định kỳ rà soát và giải quyết. Báo cáo nên bao gồm những nội dung sau:

- Giám sát các vấn đề E&S ở cấp HĐQT;
- Ủy ban quản trị công ty;
- Ủy ban hoặc tiểu ban thực hiện rà soát các vấn đề phát triển bền vững.

Ví dụ 2.12 mô tả phương pháp tiếp cận của BHP Billiton trong quản trị phát triển bền vững, bao gồm ủy ban phát triển bền vững.

Ví dụ 2.12: Ủy ban Phát triển Bền vững trực thuộc HĐQT - Báo cáo Thường niên BHP Billiton 2016

1.11.1 Cách tiếp cận phát triển bền vững của chúng tôi

Cách tiếp cận phát triển bền vững của chúng tôi tuân thủ khung phát triển bền vững, có tính định hướng cho các khoản đầu tư tại nước sở tại và cộng đồng địa phương, cũng như trực tiếp tại cơ sở do chúng tôi điều hành. Khung phát triển bền vững áp dụng cách tiếp cận theo định hướng rủi ro đối với phát triển bền vững và đánh giá những rủi ro về phát triển bền vững được coi là trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh, trên cơ sở cân nhắc tác động tiềm tàng về sức khỏe, an toàn, môi trường, cộng đồng, danh tiếng, pháp lý và tài chính. Mức độ nghiêm trọng của rủi ro được đánh giá theo tác động nghiêm trọng nhất của rủi ro đó, cho phép chúng tôi hiểu được các yếu tố có thể là nguyên nhân và tác động của rủi ro đó đối với kế hoạch kinh doanh của công ty.

Chúng tôi cũng có các mục tiêu công khai về kết quả của công tác phát triển bền vững và các yêu cầu bắt buộc về kết quả tối thiểu, như quy định tại các tiêu chuẩn nội bộ. Những tiêu chuẩn này là nền tảng để xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tại các cơ sở do chúng tôi điều hành. Chúng tôi cũng nỗ lực yêu cầu áp dụng các tiêu chuẩn này tại các cơ sở liên doanh mà chúng tôi không điều hành.

HĐQT giám sát phương pháp tiếp cận phát triển bền vững của chúng tôi, và Ủy ban Phát triển Bền vững giám sát các vấn đề về sức khỏe, an toàn, môi trường và cộng đồng (HSEC), bao gồm biến đổi khí hậu, nhân quyền, kiểm soát rủi ro liên quan đến HSEC, và tuân thủ quy định luật pháp, báo cáo về phát triển bền vững và kết quả HSEC nói chung.

Phương pháp tiếp cận phát triển bền vững của chúng tôi tuân thủ khung phát triển bền vững có tính định hướng cho các khoản đầu tư của chúng tôi ở quốc gia sở tại và cộng đồng địa phương.

Nguồn: BHP Billiton.

2.3. Môi trường Kiểm soát

Môi trường kiểm soát đề cập đến một hệ thống các cơ cấu, quy trình và hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro được thiết kế để đưa ra đảm bảo hợp lý rằng công ty có thể thực hiện được các mục tiêu chiến lược và hoạt động một cách tiết kiệm và hiệu quả. Môi trường kiểm soát phải đảm bảo được phạm vi bao phủ trên toàn bộ doanh nghiệp.

Các hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm kiểm toán nội bộ, được thiết kế để đảm bảo tính trung thực và độ tin cậy của báo cáo tài chính và báo cáo phi tài chính, cũng như tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn và chính sách nội bộ. Hệ thống này bao gồm cả công tác quản trị công ty con.

Quản lý rủi ro hỗ trợ việc thực chiến lược của công ty thông qua đánh giá và quản lý rủi ro và cơ hội kinh doanh. Hoạt động quản lý rủi ro bao gồm nhận dạng, đánh giá, tích hợp, và ứng phó và giám sát rủi ro.

THAM KHẢO MA TRẬN

Ma trận có thể được sử dụng để đo lường mức độ phát triển của môi trường kiểm soát trong doanh nghiệp. Bộ Công cụ khuyến nghị công bố thông tin liên quan đến Cấp độ 1-3 của Ma trận, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt. Ma trận cũng hướng dẫn về công bố thông tin theo thông lệ tiên phong, tương ứng với Cấp độ 4 của Ma trận. (Xem Bảng 2.3.)

Bảng 2.3: Quản trị Công ty theo IFC - Môi trường Kiểm soát (Hệ thống Kiểm soát Nội bộ, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Tuân thủ)

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Kiểm soát Nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> Công ty đã thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát nội bộ bằng văn bản. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban Kiểm toán bảo đảm rằng Thư Quản lý nêu rõ các biện pháp khắc phục các điểm yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ. 	<ol style="list-style-type: none"> Áp dụng mô hình “Ba tuyến phòng vệ” cho quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.^a 	<ol style="list-style-type: none"> Môi trường Kiểm soát tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, bao gồm nhưng không giới hạn IIA,^b COSO, ISO 31000, 19600, 37001 và 27001. Cơ cấu tổ chức do Ban điều hành áp dụng có tác động tích cực đối với kết quả hoạt động, năng suất, và hiệu quả của công tác lãnh đạo.
Kiểm toán Nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận kiểm toán nội bộ thường xuyên tương tác với kiểm toán độc lập và chịu trách nhiệm giải trình trước HĐQT. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập, khách quan, hoạt động theo định hướng rủi ro, và có phạm vi hoạt động không giới hạn. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp cho ủy ban kiểm toán, và báo cáo về hành chính cho Ban điều hành. Ủy ban kiểm toán đảm bảo rằng bộ phận kiểm toán nội bộ được một bên thứ ba thực hiện đánh giá chất lượng định kỳ. 		
Quản trị Rủi ro	<ol style="list-style-type: none"> HĐQT phê duyệt khẩu vị rủi ro. Công ty đã thiết lập khung quản lý rủi ro và có vị trí Giám đốc Quản lý Rủi ro (CRO) hoặc tương đương, được quyền tiếp cận không giới hạn với HĐQT. 	<ol style="list-style-type: none"> HĐQT thường xuyên giám sát công tác quản lý rủi ro và việc tuân thủ chính sách và quy trình. Giám đốc Quản lý Rủi ro (CRO) báo cáo lên ủy ban quản lý rủi ro cấp HĐQT hoặc tương đương. 		
Tuân thủ	<ol style="list-style-type: none"> Chương trình tuân thủ toàn diện được rà soát hàng năm, và có cơ chế báo cáo các hành vi sai trái và vi phạm. 	<ol style="list-style-type: none"> Giám đốc tuân thủ báo cáo trực tiếp cho ủy ban kiểm toán hoặc tương đương và báo cáo về hành chính cho ban điều hành. 		
Kiểm toán Độc lập	<ol style="list-style-type: none"> Thư Quản lý bằng văn bản do kiểm toán độc lập cung cấp. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm trực tiếp làm việc với kiểm toán độc lập; thống nhất với kiểm toán độc lập về phạm vi và phi kiểm toán, và thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng của kiểm toán độc lập, sử dụng Chỉ số Chất lượng Kiểm toán liên quan. Công ty đã bổ nhiệm vị trí CFO. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban kiểm toán rà soát các mối quan hệ lâu dài của kiểm toán độc lập. 	

(tiếp theo trang sau)

Bảng 2.3: Quản trị Công ty theo IFC - Môi trường Kiểm soát (Hệ thống Kiểm soát Nội bộ, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Tuân thủ) (tiếp theo trang trước)

1. Thông lệ Cơ bản	2. Thông lệ Trung bình	3. Thông lệ Quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>Tích hợp E&S</p>	<p>5. Công ty đã tích hợp thông lệ của ngành vào trong chính sách quản lý rủi ro E&S của công ty.</p>	<p>9. Hoạt động ESG có tính tích hợp cao, có hiệu lực, hiệu quả và hỗ trợ các mục tiêu kinh doanh chiến lược và hoạt động, cũng như các mục tiêu hỗ trợ kiểm soát.</p> <p>10. Thực hiện kiểm toán nội bộ định kỳ đối với ESG, CNTT và Bảo mật Thông tin.</p> <p>11. ESMS toàn diện được tích hợp trong khung quản lý rủi ro, và các rủi ro E&S cũng được tính đến trong quá trình xác định khẩu vị rủi ro.</p> <p>12. Trưởng bộ phận E&S/phát triển bền vững được tiếp cận không giới hạn với ban điều hành và CRO.</p>	<p>5. HĐQT hoặc ủy ban phát triển bền vững bảo đảm việc thực hiện các biện pháp khác phục về các vấn đề E&S.</p> <p>6. Trưởng bộ phận ESG báo cáo trực tiếp cho Ủy ban E&S/phát triển bền vững thuộc HĐQT.</p> <p>7. ESMS tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: ISO 14001).</p>
<p>Quản trị Công ty con</p>	<p>4. Công ty có thể xác định công ty con.</p> <p>6. Công ty có chính sách và quy trình để kiểm soát việc thành lập và giải thể công ty con.</p>	<p>13. Công ty có một bộ phận tập trung thực hiện quản trị công ty con và công ty con được phân nhóm dựa trên mức độ phức tạp và áp dụng khung quản trị phù hợp cho từng nhóm.</p>	<p>8. HĐQT thực hiện giám sát đối với cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty con.</p>

^a Cụ thể, các cấp điều hành là tuyến phòng vệ thứ nhất, bộ phận quản lý rủi ro và tuân thủ là tuyến phòng vệ thứ hai, và kiểm toán độc lập trong vai trò bảo đảm độc lập là tuyến phòng vệ thứ ba.

^b Chuẩn mực và quy định liên quan của Viện Kiểm toán Nội bộ.

Một số khung kiểm soát nội bộ đã được công nhận trên toàn thế giới, như khung kiểm soát do Hiệp hội Kiểm toán nội bộ (IIA), COSO, và ISO 31000 ban hành.

2.3.1 Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ

Báo cáo cần đề cập đến quy trình và cơ cấu kiểm soát nội bộ và độc lập của doanh nghiệp.

Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4)**, môi trường kiểm soát phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, như các tiêu chuẩn do Hiệp hội Kiểm toán Nội bộ, COSO và ISO 31000, 37001 và 27001 đặt ra.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Kiểm soát Nội bộ

Khung COSO 2013: Khung Kiểm soát Nội bộ của Ủy ban các Tổ chức Bảo trợ thuộc Hội đồng Treadway giúp các công ty thiết kế và thực hiện các biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp với môi trường kinh doanh và hoạt động thường xuyên thay đổi, giảm thiểu rủi ro xuống mức chấp nhận được và hỗ trợ công tác quản trị và quy trình ra quyết định hiệu quả. Khung này bao gồm 17 nguyên tắc trong 5 lĩnh vực:

- Môi trường kiểm soát
- Đánh giá rủi ro
- Hoạt động kiểm soát
- Thông tin và truyền thông
- Hoạt động giám sát

Khi kết hợp với nhau, những lĩnh vực này bao trùm toàn bộ các hoạt động, báo cáo và tuân thủ của công ty và đưa ra các quy định cụ thể cho các vấn đề ở cấp công ty, bộ phận/phòng/ban, đơn vị vận hành, và các cấp chức năng.



© 2013, Ủy ban các Tổ chức Bảo trợ thuộc Hội đồng Treadway (COSO). Được phép sử dụng.

Kiểm soát Nội bộ

Báo cáo cần mô tả vai trò của HĐQT, ủy ban kiểm toán, và ban điều hành trong hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp. Việc công bố thông tin phải bao gồm phạm vi của hệ thống kiểm soát nội bộ, cụ thể là có bao gồm những nội dung sau hay không:

- Kiểm soát kế toán và báo cáo tài chính;
- Kiểm soát kế toán và báo cáo phi tài chính;
- Kiểm soát hoạt động, bao gồm rủi ro liên quan đến phát triển bền vững và các bên có quyền lợi liên quan (người lao động, người tiêu dùng, sức khỏe và an toàn cộng đồng);
- Kiểm soát tuân thủ, bao gồm đạo đức và tuân thủ: bộ quy tắc đạo đức, hệ thống báo cáo sai phạm, các biện pháp phòng chống tham nhũng.

Ví dụ 2.13 ở trang tiếp theo mô tả các yếu tố điển hình của hệ thống kiểm soát nội bộ trong một doanh nghiệp, bao gồm kiểm soát tài chính, hoạt động, tuân thủ, và quản lý rủi ro.

Kiểm toán Nội bộ

Báo cáo cần mô tả cách thức HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình nhằm đảm bảo tính trung thực về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, và nên cung cấp thông tin chi tiết về công việc của HĐQT và ủy ban kiểm toán trong lĩnh vực này.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), bộ phận kiểm toán nội bộ phải độc lập, khách quan, hoạt động theo định hướng rủi ro, và được trao thẩm quyền về phạm vi hoạt động không giới hạn.

Thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3) cũng khuyến nghị người đứng đầu bộ phận kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp cho ủy ban kiểm toán và báo cáo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho ban điều hành.

Theo thông lệ, bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ họp định kỳ với kiểm toán độc lập. Cũng theo thông lệ, bộ phận kiểm toán nội bộ (tự thực hiện hoặc thuê ngoài) thường xuyên thử nghiệm và kiểm tra hiệu quả của các chốt kiểm soát nội bộ, để đảm bảo tính trung thực về tài chính của doanh nghiệp.

Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4)**, bộ phận kiểm toán nội bộ phải được một bên thứ ba đánh giá chất lượng định kỳ.

Báo cáo phải có các thông tin sau đây:

- Kiểm toán nội bộ có báo cáo trực tiếp lên ủy ban kiểm toán hay không, đó có phải là luồng báo cáo chính hay duy nhất hay không, và mối quan hệ giữa kiểm toán nội bộ và ban điều hành;
- Hoạt động chính, thách thức và phát hiện của kiểm toán nội bộ;
- Nếu công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ chuyên trách, vai trò này được thực hiện như thế nào, kể cả trường hợp do một công ty được thuê ngoài độc lập thực hiện;

- Kiểm toán nội bộ có đánh giá mức độ đầy đủ và hiệu quả của các chính sách và thực hành ESG và của hệ thống an ninh thông tin và CNTT hay không;
- Ủy ban kiểm toán làm thế nào để đảm bảo việc thực hiện các biện pháp khắc phục đối với các điểm yếu trong hệ thống kiểm soát, đặc biệt là

những vấn đề được nêu trong thư quản lý của kiểm toán độc lập.

Ví dụ 2.14 mô tả quy trình kiểm toán độc lập của Nedbank, một ngân hàng Nam Phi, và cách ngân hàng này xây dựng một phần của khung quản lý rủi ro – đóng vai trò tuyến phòng vệ thứ ba.

Ví dụ 2.13: Kiểm soát Nội bộ - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015

Kiểm soát nội bộ

HĐQT có trách nhiệm chung đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn, bao gồm tất cả các hoạt động kiểm soát trọng yếu, bao gồm kiểm soát tài chính, hoạt động và tuân thủ, và quản lý rủi ro liên quan, và đánh giá hiệu quả các chốt kiểm soát. Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế để nhận dạng, đánh giá, và quản lý rủi ro gắn với việc đạt được mục tiêu của Tập đoàn. Do những hạn chế tiềm ẩn trong mọi hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống của Tập đoàn được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu cụ thể và rủi ro của Tập đoàn. Hệ thống này được thiết kế để quản lý rủi ro, không phải để loại bỏ hoàn toàn mọi rủi ro. Do vậy, hệ thống chỉ có thể cung cấp bảo đảm hợp lý, không thể cung cấp bảo đảm tuyệt đối rằng các sai sót hoặc tổn thất trọng yếu sẽ không xảy ra.

HĐQT đã ủy quyền cho Ủy ban Kiểm toán thực hiện trách nhiệm rà soát hiệu quả kiểm soát nội bộ của Fresnillo. Ủy ban Kiểm toán thực hiện rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ định kỳ hàng năm. Trách nhiệm hàng ngày trong quản lý rủi ro và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn do Ủy ban Điều hành đảm nhiệm. Ủy ban Điều hành được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ này. Chương trình Kiểm toán Nội bộ hàng năm do Ủy ban Kiểm toán phê duyệt, đảm bảo mọi hoạt động đều được đánh giá tối thiểu một lần trong vòng ba năm. Các nhóm rủi ro trong ma trận rủi ro được sử dụng làm cơ sở cho quy trình rà soát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được cấp thư đại diện của Ủy ban Điều hành và Ban điều hành đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.

Tập đoàn có hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro liên quan đến quy trình báo cáo tài chính và quy trình hợp nhất tài khoản của Tập đoàn. Những hệ thống này bao gồm các chính sách và quy trình nhằm đảm bảo duy trì đầy đủ hồ sơ kế toán và ghi nhận giao dịch chính xác và trung thực, phục vụ cho công tác chuẩn bị báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS.

Nguồn: Fresnillo Plc.

Ví dụ 2.14: Kiểm toán Nội bộ - Báo cáo Tích hợp Nedbank Group 2014

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ của Tập đoàn (GIA) là bộ phận tập trung, độc lập, được thành lập theo Đạo luật Ngân hàng số 94 năm 1990 (sửa đổi) và các quy định liên quan, với mục đích, thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Đạo luật Ngân hàng và các quy định liên quan, và được định nghĩa chính thức trong điều lệ do Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn (GAC) phê duyệt.

GIA cấu thành một phần của Khung Quản lý Rủi ro Toàn Doanh nghiệp, đóng vai trò tuyến phòng vệ thứ ba. Mục đích của GIA là cung cấp bảo đảm độc lập và khách quan cho HĐQT về tính đầy đủ và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ đối với mục tiêu giảm thiểu những rủi ro lớn nhất, cả rủi ro hiện tại và rủi ro mới nhận dạng, có thể gây cản trở quá trình đạt được mục tiêu của Tập đoàn, và trong quá trình đó sẽ hỗ trợ cải thiện văn hóa kiểm soát của Tập đoàn. GIA chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm toán trong 12 tháng, sử dụng phương pháp luận định hướng rủi ro và tuân thủ các yêu cầu cụ thể của pháp luật đối với kiểm toán nội bộ, bao gồm mọi rủi ro hoặc vấn đề về kiểm soát do ban điều hành và HĐQT xác định. Kế hoạch kiểm toán do GAC phê duyệt.

Nguồn: Nedbank Group.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo Tài chính, Kiểm toán và Kiểm soát

Nguyên tắc G20/OECD lưu ý về vai trò đứng đầu của Hội đồng Quản trị trong việc bảo đảm hiệu quả của hệ thống báo cáo tài chính, kiểm toán nội bộ, và kiểm soát nội bộ thuộc phạm vi trách nhiệm của chính HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán

Báo cáo cần mô tả vai trò và các vấn đề cần cân nhắc trong phạm vi công việc của ủy ban kiểm toán. Ủy ban này thường đảm bảo tính phù hợp của hệ thống kế toán và kiểm toán hiện có đối với mục đích chuẩn bị báo cáo tài chính trung


thực và chính xác. Ủy ban này cũng thường giám sát quy trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và đơn vị kiểm toán độc lập. Ủy ban cũng có thể giám sát giao dịch với các bên liên quan, và giám sát và quản lý rủi ro trong trường hợp không có ủy ban quản lý rủi ro.

Ví dụ 2.15 giới thiệu ủy ban kiểm toán của Aggreko, thành viên, thành tựu quan trọng, và các lĩnh vực trọng tâm của ủy ban này. Ví dụ này cũng rất thú vị vì đề cập tới trọng tâm trong tương lai – là một thông lệ tốt (Ma trận Cấp 3) để bảo đảm ủy ban kiểm toán có trách nhiệm giải trình.

Kiểm toán Độc lập

Báo cáo cần mô tả nhiệm kỳ, trình độ chuyên môn, và tính độc lập của đơn vị kiểm toán độc lập. (Xem Ví dụ 2.16.)

Ví dụ 2.15: Ủy ban Kiểm toán - Báo cáo Thường niên Aggreko 2015



VAI TRÒ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN LÀ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TÍNH LIÊM CHÍNH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN ĐỂ XÁC ĐỊNH XEM NHẬN ĐỊNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÓ PHÙ HỢP KHÔNG. CHÚNG TÔI CŨNG GIÁM SÁT SỰ ĐỘC LẬP VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ GIÁM SÁT CÁC HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO



Kết quả Quan trọng năm 2015

- Giám sát quy trình đầu thầu lựa chọn kiểm toán độc lập, kiến nghị với Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm đơn vị kiểm toán độc lập mới.
- Rà soát và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty mới của Vương quốc Anh đối với tuyên bố về khả năng hoạt động và tồn tại.
- Đánh giá hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro.
- Giám sát những thay đổi được thực hiện đối với môi trường kiểm soát tài chính sau khi tái tổ chức.
- Giám sát quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn, tiếp nhận trình bày của Kiểm soát viên Tài chính của Tập đoàn về kiểm soát tài chính theo cơ cấu mới, của Giám đốc Thuế về cơ cấu của bộ phận thuế, chiến lược và khung kiểm soát, và của Giám đốc Thông tin về khung quản trị mạng của Tập đoàn.

Thành viên năm 2015

Cuộc họp tham dự	
RoBERT MacLeod - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>
Russell King - Thành viên HĐQT Độc lập Cao cấp	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>
Diana Layfield - Thành viên HĐQT Không điều hành	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>
Ian Marchant - Thành viên HĐQT Không điều hành	<input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/>

Lĩnh vực Trọng tâm

- Giám sát việc chuyển giao trách nhiệm sang kiểm toán độc lập mới.
- Tiếp tục giám sát quản lý rủi ro với kế hoạch trình bày của Giám đốc Tài chính về Giải pháp Năng lượng và Giải pháp Cho thuê.
- Thực hiện chuyển giao trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban từ Robert MacLeod sang Ian Marchant.

Nguồn: Aggreko.

Cụ thể, báo cáo sẽ cung cấp các thông tin sau:

- Tính độc lập và trình độ chuyên môn của đơn vị kiểm toán độc lập, lý do tại sao một đơn vị kiểm toán cụ thể được sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng, và ảnh hưởng của mọi mối quan hệ lâu dài đối với tính độc lập;
- Các dịch vụ phi kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập và tác động của các dịch vụ này, nếu có, đối với tính độc lập của kiểm toán, và chi tiết về phí dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán;
- Nhiệm kỳ và luân chuyển công ty kiểm toán và chủ phần hùn (nhiệm kỳ càng dài thì nguy cơ xung đột lợi ích càng cao);
- Đánh giá định kỳ về chất lượng kiểm toán độc lập;
- Biện pháp xử lý của ban điều hành đối với các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý của kiểm toán độc lập.

Báo cáo cũng cần đề cập đến vai trò của ủy ban kiểm toán trong việc thống nhất kế hoạch kiểm toán, cũng như vai trò giám sát và liên lạc/hợp định kỳ với đơn vị kiểm toán độc lập trước, trong và sau cuộc kiểm toán.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm trực tiếp về mối quan hệ với đơn vị kiểm toán độc lập; thống nhất với kiểm toán độc lập về phạm vi và phí kiểm toán, và thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng của đơn vị kiểm toán độc lập, sử dụng các chỉ số chất lượng kiểm toán liên quan.

Tích hợp Phát triển Bền vững

Báo cáo cần cho biết vấn đề môi trường và xã hội có thuộc phạm vi của ủy ban kiểm toán hay không. Báo cáo cũng nên mô tả vai trò của ủy ban kiểm toán đối với công tác đảm bảo chất lượng thông tin phi tài chính và phát triển bền vững.

Để hỗ trợ HĐQT ra quyết định với đầy đủ thông tin cần thiết, theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT** thì thông tin phi tài chính nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với kinh doanh, bao gồm thông tin về phát triển bền vững, cũng phải có chất lượng tương tự như báo cáo tài chính.

Theo **THÔNG LỆ TIỀN PHONG** (Ma trận Cấp 4), dữ liệu ESG phải được một đơn vị cung cấp độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm.

Ví dụ 2.17 minh họa quy trình và kết quả của việc rà soát và đảm bảo các dữ liệu phát triển bền vững quan trọng cho Goldfield, một công ty khai thác mỏ Nam Phi, trong khuôn khổ quy trình kiểm toán nội bộ và giám sát của ủy ban kiểm toán.

Khung Quản trị Công ty con

Quản trị tốt đối với công ty con có thể là một công cụ quan trọng trong khung quản lý rủi ro của tổ chức. Công ty con được thành lập vì nhiều lý do khác nhau, bao gồm tối ưu hóa lợi ích về thuế, giới hạn trách nhiệm, hoặc yêu cầu thành lập pháp nhân trong nước, và công ty con có thể chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị công ty mẹ. Hơn nữa, vì công ty con thường được công ty mẹ sở hữu trên 50%, kết quả tài chính của công ty con được hợp nhất trong kết quả tài chính của công ty mẹ.

Ví dụ 2.16: Kiểm toán Độc lập - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CLP 2015

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn là PwC. PwC đã xác nhận bằng văn bản với Ủy ban Kiểm toán về tính độc lập đối với Công ty và về việc PwC không có quan hệ nào với Công ty có thể được cho là gây tổn hại đến tính độc lập giữa hai bên. Để duy trì tính độc lập, PwC sẽ không được chọn để thực hiện các dịch vụ phi kiểm toán trừ khi dịch vụ đó đáp ứng các tiêu chí đề xuất trong Quy tắc Niêm yết và đã được Ủy ban Kiểm toán phê duyệt trước. Ngoài ra, công việc do kiểm toán độc lập đảm nhận phải có hiệu quả rõ ràng và mang lại các lợi ích giúp gia tăng giá trị của CLP, và không có ảnh hưởng tiêu cực đến tính độc lập của công việc kiểm toán, hoặc nhận thức về tính độc lập đó.

Trong năm, đơn vị kiểm toán độc lập (cho mục đích này bao gồm mọi thực thể thuộc kiểm soát, sở hữu hoặc quản lý chung với đơn vị kiểm toán độc lập hoặc bất kỳ thực thể nào mà một bên thứ ba hợp lý và có đủ thông tin và có kiến thức về tất cả các thông tin liên quan, sẽ kết luận một cách hợp lý là thuộc đơn vị kiểm toán độc lập trên phạm vi trong nước hoặc quốc tế) đã cung cấp các dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán được chop phép sau đây cho Tập đoàn:

	2015 triệu HK\$	2014 triệu HK\$
Kiểm toán	39	37
Dịch vụ phi kiểm toán và liên quan đến kiểm toán được cho phép		
Dịch vụ tư vấn kế toán/thuế liên quan đến phát triển kinh doanh	2	1
Các dịch vụ khác	6	6
Tổng	47	44

Nguồn: Tập đoàn CLP.

Ví dụ 2.17: Rà soát và Bảo đảm về Dữ liệu Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Tích hợp Gold Fields 2016

Dữ liệu Kết quả Phát triển Bền vững Chính		
Thông tin chính về kết quả phát triển bền vững do Gold Fields chọn, và được soát xét và bảo đảm bởi KPMG năm 2016, đã được báo cáo theo các tiêu chí liệt kê trong bảng dưới đây.		
Tham số	Mức độ bảo đảm	Số liệu Ban điều hành Báo cáo
Thông tin về kết quả các chỉ số phát triển bền vững lựa chọn được trình bày theo Chủ đề 4 của Khung Phát triển Bền vững của Hội đồng Khai thác mỏ và Kim loại Quốc tế (ICMM): Quy trình Bảo đảm (Quy trình Bảo đảm ICMM), và được chuẩn bị theo Hướng dẫn G4 của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) và Hướng dẫn nội bộ của Gold Fields (cung cấp theo yêu cầu):		
Môi trường		
Tổng lượng phát thải tương đương CO ₂ , phạm vi 1-3 (tính bằng tấn)	Hợp lý	1.963.759 tấn
Điện (MWh)	Hợp lý	1.400.422 MWh
Số sự cố môi trường - Cấp 3 trở lên	Hợp lý	3 sự cố
Tổng lượng nước khai thác (MI)	Hợp lý	30.321 MI
Diesel (kl)	Hợp lý	183.497kl
Tổng lượng nước tái chế/tái sử dụng mỗi năm (MI)	Hợp lý	44.274MI
Suất tiêu thụ nước (kl khai thác/ounce vàng sản xuất)	Hợp lý	30.321.160kl / 2.218.873 = 13,67
Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ) / tổng số tấn khai thác	Hợp lý	11.696.447GJ / 185.102.637 = 0,06
Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ) / ounce vàng sản xuất	Hợp lý	11.696.447GJ / 2.218.873 = 5,27
Sức khỏe		
Số ca bệnh bụi phổi silic được báo cáo	Hợp lý	7 trường hợp
Số ca mất thính lực do tiếng ồn được báo cáo	Hợp lý	9 trường hợp
Số ca Lao Hô hấp Tim mạch (số ca mới được báo cáo)	Hợp lý	35 trường hợp
Số ca sốt rét được xét nghiệm dương tính mỗi năm	Hợp lý	514 trường hợp dương tính
Số người lao động Nam Phi và Tây Phi trong chương trình HAART (tích lũy)	Hợp lý	354 nhân viên
Tỷ lệ lực lượng lao động Nam Phi và Tây Phi trong chương trình tư vấn và xét nghiệm tự nguyện (VCT)	Hợp lý	4.670 người trên VCT / 13 450 người = 34,72%
An toàn		
TRIFR ¹	Hợp lý	124 TRIFR / 54.669.196 giờ = 2,27
Số ca tử vong	Hợp lý	Một
Xã hội		
Tổng kinh phí phát triển kinh tế xã hội tính bằng USD ²	Hợp lý	16.190.509,50 \$

Nguồn: Gold Fields.

Mặc dù thuộc kiểm soát của công ty mẹ, công ty con là pháp nhân riêng biệt với cơ cấu quản lý và quản trị riêng. Điều này tạo ra xung đột tiềm ẩn, đặc biệt trong các công ty con thuộc sở hữu dưới 100%, trong đó HĐQT của công ty con có nghĩa vụ ủy thác không chỉ đối với công ty mẹ (có đồng có quyền kiểm soát) mà còn với chính công ty con và mọi cổ đông. Ngoài ra, không như công ty đại chúng phải tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt về công bố thông tin, doanh nghiệp tư nhân có thể công bố thông tin không rõ ràng. Do đó, nếu công ty con có khung quản trị tốt sẽ bảo đảm có đủ các kiểm soát và có luồng thông tin để HĐQT công ty mẹ thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của công ty con. Ma trận đưa ra các thông lệ về hoạt động báo cáo của một khung quản trị công ty con như sau:

- **Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản:** Công ty mẹ có thể xác định các công ty con của mình.

- **Thông lệ ở Cấp độ Trung bình:** Công ty có chính sách và quy trình để kiểm soát việc thành lập và giải thể công ty con.
- **Thông lệ Quốc tế Tốt:** Công ty có bộ phận tập trung thực hiện quản trị công ty con và công ty con được phân loại dựa trên mức độ phức tạp và khung quản trị phù hợp áp dụng cho từng nhóm.
- **Thông lệ tiên phong:** HĐQT giám sát cơ cấu tổ chức và các hoạt động của công ty con.

Áp dụng phương pháp này, báo cáo thường niên nên cung cấp sơ đồ về cấu trúc pháp nhân của tổ chức, cả trên cấp độ tổng thể và theo các tiêu chí giúp HĐQT xác định đặc điểm cơ cấu của tổ chức, bao gồm thẩm quyền, ngành nghề kinh doanh, tài sản, doanh thu, cơ quan quản lý, chi nhánh và văn phòng đại diện.

Báo cáo thường niên cũng nên mô tả khung quản trị công ty con như một phần của môi trường kiểm soát, bao gồm các nội dung sau:

- *Thành lập và giải thể pháp nhân*: thông tin về quy trình phê duyệt nội bộ cho việc thành lập và giải thể pháp nhân mới, thông tin về các pháp nhân đã được thành lập hoặc giải thể trong giai đoạn báo cáo, và lý do;
- *Cấu trúc và cơ cấu thành viên của HĐQT công ty con*: thông tin về chính sách của tổ chức đối với cấu trúc HĐQT công ty con, bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập không điều hành HĐQT công ty con;
- *Phân loại công ty con*: cách quản trị công ty con được điều chỉnh phù hợp với từng công ty con, dựa trên phân loại về tầm quan trọng chiến lược và mức độ phức tạp;
- *Giám sát công ty con ở cấp HĐQT*: HĐQT của công ty mẹ giám sát cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty con như thế nào;
- *Quy trình kiểm soát nội bộ*: áp dụng các quy trình kiểm toán và kiểm soát nội bộ khác của công ty mẹ để đảm bảo mức độ tuân thủ của công ty con;
- *Quy trình báo cáo*: thông tin về các tiêu chí được sử dụng để xác định các giao dịch phải được báo cáo lên HĐQT công ty mẹ để xem xét và phê duyệt.

Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, khi tiến hành đánh giá định kỳ, công ty mẹ có thể sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty mẹ để đánh giá mức độ áp dụng và tuân thủ thông lệ quản trị của công ty con.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Công ty Mẹ

Bộ Quy tắc Quản trị Công ty King IV: “Hội đồng quản trị của công ty mẹ cần... bảo đảm rằng khung quản trị của tập đoàn để cập các vấn đề quản trị phù hợp cho tập đoàn, bao gồm... mức độ áp dụng chính sách quản trị và hoạt động của công ty mẹ tại các công ty con trong tập đoàn.”

2.3.2 Quản trị Rủi ro

Báo cáo cần mô tả các hệ thống và cơ cấu quản trị trên toàn doanh nghiệp phục vụ cho mục đích quản lý rủi ro, bao gồm vai trò của HĐQT trong thiết lập khẩu vị rủi ro của công ty và giám sát quy trình quản lý rủi ro.

Theo thông lệ phổ biến, doanh nghiệp thiết lập một khung quản lý rủi ro, có vị trí giám đốc quản lý rủi ro (CRO) hoặc

tương đương có quyền tiếp cận không hạn chế với HĐQT. Theo thông lệ tốt (Ma trận Cấp 3), CRO phải báo cáo lên ủy ban quản lý rủi ro hoặc ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT, tùy thuộc vào việc ủy ban nào chịu trách nhiệm giám sát rủi ro. (Để biết thêm thông tin về đánh giá và giảm thiểu rủi ro, tham khảo 1.3. *Phân tích và Ứng phó với Rủi ro*, trang 24 của Bộ Công cụ này.)

Khẩu vị Rủi ro

Báo cáo cần mô tả mức độ rủi ro tổng thể và các loại rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận khi theo đuổi các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Cụ thể, báo cáo cần đề cập những nội dung sau:

- Khẩu vị rủi ro tổng thể, năng lực chấp nhận rủi ro và hồ sơ rủi ro của tổ chức;
- Mức độ chấp nhận rủi ro tối đa cho từng rủi ro trọng yếu;
- Cách thức xác định khẩu vị rủi ro;
- Biện pháp định lượng và định tính được sử dụng.

Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, việc công bố thông tin về khẩu vị rủi ro cần bao gồm cả thông tin định lượng và định tính.

Báo cáo nên cho biết khẩu vị rủi ro của tổ chức có phải do HĐQT phê duyệt hay không. Trong Ví dụ 2.18, Tập đoàn CLP mô tả khẩu vị rủi ro và tiêu chí xây dựng hồ sơ rủi ro. Ví dụ 2.19 minh họa hệ thống đo lường định lượng về khẩu vị rủi ro của UBS, một ngân hàng Thụy Sĩ.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Khẩu vị Rủi ro cho Ngân hàng

Nguyên tắc Quản trị Công ty cho Ngân hàng - Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng: Nguyên tắc Basel cung cấp hướng dẫn toàn diện về khẩu vị rủi ro, bao gồm vai trò của HĐQT trong việc thiết lập khẩu vị rủi ro, xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro và thiết lập các giới hạn, cấu trúc và quyết định quản lý rủi ro dựa trên khẩu vị rủi ro đã xác định.

Đánh giá và quản lý rủi ro

Báo cáo cần mô tả quy trình quản lý rủi ro - cách thức nhận dạng, giám sát, và kiểm soát rủi ro; cách thức đánh giá mức độ rủi ro; và những thông tin được sử dụng.

Báo cáo cần mô tả các phương pháp quyết định cách thức ứng phó với sự cố rủi ro. Báo cáo nên đề cập cách thức công ty đánh giá hiệu quả của các chốt kiểm soát rủi ro để xác định xem mức độ rủi ro có thuộc phạm vi khẩu vị rủi ro của tổ chức hay không, và cách thức công ty quyết định có cần bổ sung các chốt kiểm soát mới hay không.

Ví dụ 2.18: Khẩu vị Rủi ro và Hồ sơ Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CLP 2015

Tiêu chí Khẩu vị Rủi ro và Hồ sơ Rủi ro của CLP

Khẩu vị rủi ro của CLP thể hiện mức độ rủi ro mà Tập đoàn sẵn sàng chấp nhận để theo đuổi các mục tiêu kinh doanh và chiến lược. Phù hợp với Khung Giá trị của CLP và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan, CLP sẽ chỉ chấp nhận những rủi ro hợp lý khi chúng (a) phù hợp với chiến lược và khả năng của Tập đoàn, (b) hiểu rõ và quản lý được, và (c) không dẫn tới việc Tập đoàn phải chịu:

- tổn thất tài chính trọng yếu có ảnh hưởng đến việc thực hiện chiến lược kinh doanh của Tập đoàn và/hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến sự bền vững về tài chính của Tập đoàn,
- sự cố ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động, nhà thầu và công chúng,
- vi phạm nghiêm trọng quy định bên ngoài dẫn đến mất giấy phép hoạt động/giấy phép kinh doanh quan trọng và/hoặc phải chịu một khoản tiền phạt đáng kể,
- thiệt hại về danh tiếng và thương hiệu của Tập đoàn,
- gián đoạn kinh doanh/nguồn cung gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cộng đồng, và
- sự cố môi trường nghiêm trọng

Dựa trên những tiêu chí trên đây, CLP đã thiết lập việc giám sát rủi ro dưới dạng ma trận đánh giá rủi ro để giúp xếp hạng rủi ro và thứ tự ưu tiên đối với các nỗ lực quản lý rủi ro ở cấp Tập đoàn. Các đơn vị kinh doanh được yêu cầu áp dụng cùng một cấu trúc ma trận rủi ro để thiết lập hồ sơ rủi ro của từng đơn vị, xác định hậu quả và xác suất xảy ra của các rủi ro đã nhận dạng liên quan đến tính trọng yếu và tình hình thực tế tại từng đơn vị, cũng như thiết lập các chiến lược giảm thiểu rủi ro.

Nguồn: Tập đoàn CLP.

Ví dụ 2.19: Mục tiêu Định lượng về Khẩu vị Rủi ro - Báo cáo Thường niên UBS 2016

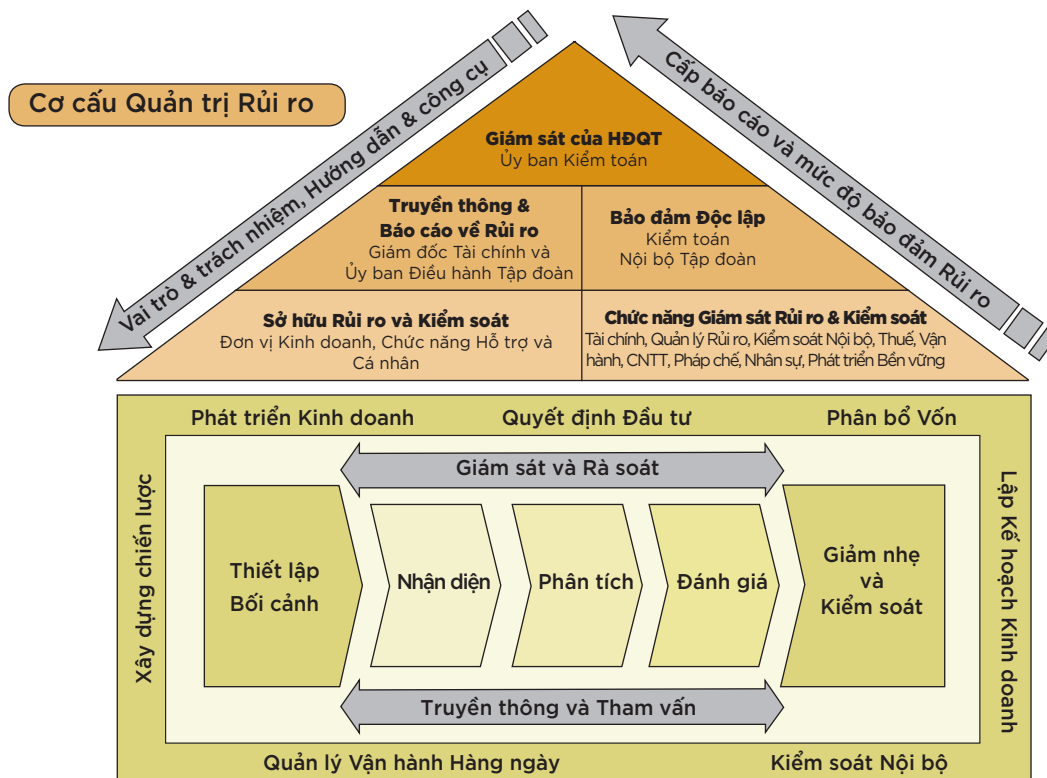
Mục tiêu Định lượng về khẩu vị rủi ro cấp tập đoàn		
<p>Mục tiêu Vốn Tối thiểu</p> <p>Vốn đủ để duy trì tỷ lệ vốn cấp 1 (CET1) (theo phương thức áp dụng đầy đủ sau tình trạng căng thẳng) ở mức tối thiểu 10% và tỷ lệ vốn hoạt động liên tục sau tình trạng căng thẳng ở mức tối thiểu 13%</p>	<p>Mục tiêu Tỷ lệ Đòn bẩy Tối thiểu</p> <p>Vốn đủ để duy trì tỷ lệ đòn bẩy tối thiểu 2,5% dựa trên vốn CET1, và tối thiểu 4,0% dựa trên vốn hoạt động, kể cả trường hợp xảy ra tình trạng căng thẳng nghiêm trọng</p>	<p>Mục tiêu Khả năng Thanh toán</p> <p>Vốn CET1 cộng vốn dự phòng đủ để bảo đảm rằng xác suất tổn thất đối với chủ nợ của ngân hàng phù hợp với mục tiêu xếp hạng tín dụng của ngân hàng</p>
<p>Mục tiêu Thu nhập</p> <p>Thu nhập trong các hoạt động kinh doanh nông cốt phải dương trong hầu hết các năm. Ngoài ra, chúng tôi có mục tiêu tránh lỗ liên tiếp các quý đối với hoạt động kinh doanh nông cốt khi xảy ra tình trạng căng thẳng nghiêm trọng</p>	<p>Mục tiêu Thanh khoản</p> <p>Bảo đảm công ty có đủ nguồn vốn để tồn tại trong tình trạng căng thẳng thanh khoản toàn thị trường trong 12 tháng mà không ảnh hưởng đáng kể đến nhượng quyền kinh doanh</p>	<p>Mục tiêu Nguồn vốn</p> <p>Bảo đảm công ty có đủ vốn dài hạn để duy trì tài sản nhượng quyền ở mức không đổi trong điều kiện thị trường căng thẳng lên tới 1 năm</p>

Nguồn: UBS.

Báo cáo cần mô tả phương pháp để xác định cách thức ứng phó phù hợp cho mỗi rủi ro được nhận dạng. Báo cáo cũng cần đề cập cách thức ban điều hành xem xét đến khía cạnh rủi ro khi xây dựng kế hoạch chiến lược, hoạt động và sản

phẩm mới. (Xem ví dụ 2.20 và 2.21.) Một điểm quan trọng trong báo cáo là phải quy định trách nhiệm giải trình của các cá nhân cụ thể ở mỗi cấp của hệ thống rủi ro.

Ví dụ 2.20: Quản lý Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tập đoàn CPL 2015



Nguồn: Tập đoàn CPL.

Ví dụ 2.21: Quản lý Rủi ro - Báo cáo Thường niên Tích hợp Công ty TNHH Santova 2016

QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO

Cách tiếp cận của Santova đối với rủi ro là sử dụng Chu trình Quản lý Rủi ro để quản trị quy trình quản lý rủi ro như sau:

- Xác định và hiểu mục tiêu** - bao gồm các mục tiêu chiến lược, mục tiêu kinh doanh và mục tiêu của từng quy trình của Santova.
- Thiết lập mức độ chấp nhận rủi ro** - mức độ rủi ro còn lại mà HĐQT Santova sẵn sàng chấp nhận mà không cần hành động bổ sung giảm nhẹ rủi ro.
- Nhận diện rủi ro** - sử dụng các ủy ban và những người đóng vai trò khác nhau trong Khung Quản lý Rủi ro, các diễn đàn khác liên quan của Santova, Danh mục Rủi ro và quy trình Hộp thư Tiếp nhận Rủi ro.
- Đánh giá rủi ro** - sử dụng Danh mục Rủi ro, xếp hạng tác động và xác suất xảy ra rủi ro và thiết lập điểm số rủi ro cố hữu.
- Xác định các kiểm soát hiện tại** - chỉ định người chịu trách nhiệm về rủi ro, xác định các Chốt Kiểm soát Hiện tại và đánh giá Hiệu quả Chốt Kiểm soát (xếp hạng của Ban điều hành đối với các Chốt Kiểm soát Hiện tại).
- Thiết lập rủi ro còn lại** - Danh mục rủi ro sẽ tính toán điểm số rủi ro còn lại bằng cách so sánh Hiệu quả Chốt Kiểm soát với Rủi ro cố hữu để xác định rủi ro còn lại.
- Xác định chiến lược và hành động ứng phó cần thiết** - xác định các thiếu hụt về kiểm soát bằng cách xác định các chốt kiểm soát cần được áp dụng để giảm Rủi ro Còn lại xuống mức chấp nhận được và sau đó thực hiện các hoạt động hoặc hành động cần thiết để giảm thiểu các thiếu hụt về kiểm soát.
- Báo cáo và giám sát** - Tất cả các rủi ro có Rủi ro Còn lại ở mức Cao hoặc Tối đa phải được Ban điều hành báo cáo cho Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro. Việc giám sát liên tục của nhiều diễn đàn và phương thức trong Khung Quản lý Rủi ro trên đây, sẽ được thực hiện để đảm bảo thực hiện thành công Chiến lược Ứng phó và Hành động Cần thiết để quản lý Rủi ro.

Nguồn: Santova.

Giám sát Rủi ro

Báo cáo cần mô tả trách nhiệm của HĐQT trong giám sát và kiểm soát quản lý rủi ro, thông qua ủy ban quản lý rủi ro chính thức hoặc ủy ban kiểm toán.

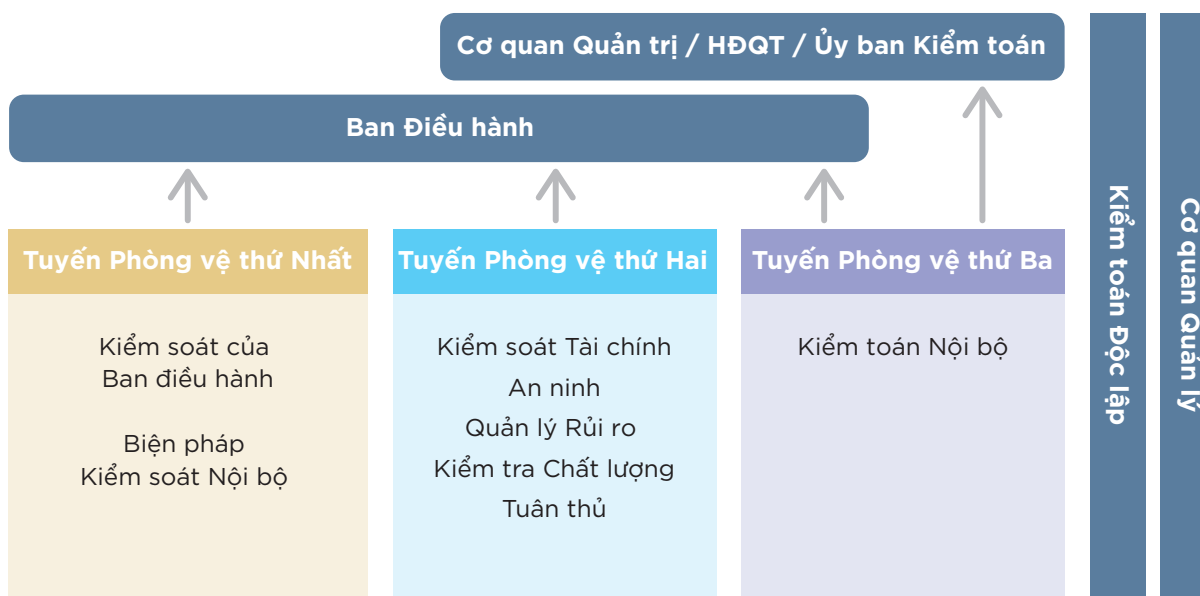
Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), doanh nghiệp nên áp dụng mô hình quản lý rủi ro “ba tuyến phòng vệ”, bao gồm 1) kiểm soát của ban điều hành, 2) các bộ phận kiểm soát rủi ro và giám sát tuân thủ do ban điều hành thiết lập, và 3) bảo đảm độc lập. (Xem Hình 2.1.) Báo cáo cần chỉ rõ việc doanh nghiệp đã áp dụng mô hình này trong hoạt động hay chưa.

Tích hợp Phát triển Bền vững

Báo cáo cần mô tả cách thức tích hợp rủi ro môi trường và xã hội trong khung quản lý rủi ro. Nội dung này cần bao gồm mô tả về quan hệ giữa người chịu trách nhiệm về ESG/phát triển bền vững, HĐQT và ủy ban quản lý rủi ro. Báo cáo cũng nên mô tả cách thức xem xét các vấn đề môi trường và xã hội khi xác định khẩu vị rủi ro.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội toàn diện cần được tích hợp vào khung quản lý rủi ro của doanh nghiệp và cần tính đến rủi ro E&S trong quá trình thiết lập khẩu vị rủi ro.

Hình 2.1: Mô hình Ba Tuyến Phòng vệ



Mô phỏng theo ECIIA / FERMA, **Hướng dẫn Thực hiện Luật Công ty thứ 8 của EU, điều 41**

Nguồn: Hiệp hội Kiểm toán nội bộ.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT:

Công bố Thông tin về Quản lý Rủi ro

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Hoa Kỳ khuyến nghị các thông lệ sau đây khi công bố thông tin về quản lý rủi ro:

- Tuyên bố của thành viên HĐQT về việc HĐQT đã thực hiện công tác đánh giá rủi ro một cách cẩn thận đối với những rủi ro chính của doanh nghiệp và cho rằng doanh nghiệp có khả năng tiếp tục hoạt động và có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ của mình;
- Mô tả về rủi ro và giải thích về cách thức doanh nghiệp quản lý hoặc giảm thiểu rủi ro;
- Kết quả đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Báo cáo King IV về Quản trị Công ty tại Nam Phi 2016, cho rằng HĐQT phải bảo đảm doanh nghiệp có các quy trình cho phép công bố thông tin về rủi ro một cách đầy đủ, kịp thời, phù hợp, chính xác và các bên có quyền lợi liên quan có thể tiếp cận được.

Theo thông lệ tốt, người chịu trách nhiệm về ESG/phát triển bền vững có quyền tiếp cận không giới hạn với ban điều hành và lãnh đạo cao nhất về quản lý rủi ro.

Báo cáo cần mô tả cách thức giải quyết các khía cạnh khác nhau của rủi ro phát triển bền vững, bao gồm không chỉ rủi ro hoạt động mà cả rủi ro tài chính, như rủi ro tín dụng và nghĩa vụ vay nợ. (Tham khảo thêm về hướng dẫn công bố thông tin tại **1.4.1. Đánh giá Cơ hội và Rủi ro Chính về Phát triển Bền vững**, trang 28 của Bộ Công cụ này.)

**NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT:
Giám sát Rủi ro**

Nguyên tắc Quản trị Toàn cầu của ICGN: “HĐQT cần áp dụng cách tiếp cận toàn diện để giám sát rủi ro, bao gồm tất cả các khía cạnh rủi ro trọng yếu như rủi ro tài chính, chiến lược, hoạt động, môi trường, và xã hội (kể cả yếu tố chính trị và pháp lý của những rủi ro đó), cũng như mọi hậu quả ảnh hưởng đến danh tiếng.”

2.3.3. Tuân thủ

Báo cáo cần mô tả chương trình hoặc quy trình tuân thủ của doanh nghiệp, bao gồm đào tạo người lao động, hệ thống kiểm toán và giám sát, đường dây nóng của công ty để báo cáo vi phạm, hướng dẫn về xung đột lợi ích, và xử phạt và xử lý kỷ luật đối với các vi phạm.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), chức năng tuân thủ nên do một cán bộ tuân thủ chuyên trách, báo cáo trực tiếp lên ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT và báo cáo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho ban điều hành.

Hệ thống Quản lý

Báo cáo cần mô tả hệ thống quản lý để đảm bảo tuân thủ luật pháp, điều lệ công ty, chính sách quản trị công ty, và bộ quy tắc đạo đức. Báo cáo cũng nên cung cấp thông tin về các cơ chế - như chính sách và quy trình báo cáo sai phạm - để báo cáo các hành vi sai trái hoặc vi phạm quy định. Ví dụ 2.22 thể hiện cơ cấu quản trị của Li & Fung, một công ty dịch vụ vận tải Trung Quốc, với trách nhiệm giải trình và các trách nhiệm gắn với các khía cạnh khác nhau trong quản trị rủi ro.

Ví dụ 2.22: Tuân thủ - Báo cáo Thường niên Công ty TNHH Li & Fung 2015

Cơ cấu quản trị của chúng tôi

Cơ cấu quản trị của chúng tôi cho phép nhận dạng và báo cáo rủi ro, đồng thời cung cấp bảo đảm cho Hội đồng Quản trị. Chúng tôi giao vai trò và trách nhiệm rõ ràng trong quản lý rủi ro và triển khai các hệ thống để tạo điều kiện thực hiện các chính sách và hướng dẫn. Cấu trúc này bao gồm ba lớp vai trò và trách nhiệm để quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ như sau:

Vai trò	Trách nhiệm giải trình	Trách nhiệm khác
Giám sát	Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý Rủi ro và Phát triển Bền vững thuộc HĐQT	Giám sát quản trị công ty, báo cáo tài chính, quản lý rủi ro, và hệ thống kiểm soát nội bộ
Người chịu trách nhiệm đối với rủi ro và các chốt kiểm soát liên quan	Ban điều hành và Nhóm Hỗ trợ Vận hành Li & Fung	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện và giám sát kiểm soát nội bộ hàng ngày Xây dựng và triển khai chính sách chiến lược và hướng dẫn vận hành Cân bằng giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và thực hiện kiểm soát nội bộ
Giám sát và truyền thông về rủi ro	Nhóm Tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá việc quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ để xác định các lĩnh vực cần cải thiện Giám sát việc công bố thông tin về quản trị công ty, tuân thủ các quy định luật pháp và quy định niêm yết Thực hiện điều tra

Nguồn: Công ty TNHH Li & Fung.

Tích hợp Phát triển Bền vững

Tuân thủ nội bộ có vai trò trung tâm trong công tác quản lý các vấn đề môi trường và xã hội của doanh nghiệp. Nội dung này bao gồm việc tuân thủ các khía cạnh môi trường và xã hội trong bộ quy tắc đạo đức và ứng xử, kể cả trong chuỗi cung ứng.

Tuân thủ cũng bao gồm việc tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội, bao gồm ô nhiễm, tham nhũng và hối lộ, và đối xử với người lao động.

2.4. Đối xử với Cổ đông Thiếu số

Cổ đông thiểu số được bảo vệ tốt nhất nếu tất cả cổ đông cùng loại có quyền biểu quyết, đăng ký, và chuyển nhượng công bằng và có cơ chế biểu quyết hiệu quả - như thông lệ biểu quyết theo nguyên tắc “đại đa số” hoặc “đa số của thiểu số” - để bảo vệ cổ đông trước tình trạng tập trung sở hữu hoặc xung đột lợi ích với cổ đông có quyền kiểm soát.

Quy trình tương tác với cổ đông thiểu số cũng cần được thiết lập và áp dụng. Cổ đông thiểu số cần nhận được đầy đủ thông báo và nội dung chương trình của tất cả các đại hội cổ đông và được phép và khuyến khích tham gia và biểu quyết trong đại hội cổ đông. Tất cả những người nắm giữ chứng khoán cùng loại phải có quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin (công bố thông tin công bằng). Công ty nên công bố công khai chính sách cổ tức.

Ngoài ra, công ty cần có chính sách và thông lệ dễ hiểu và rõ ràng để bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số trong các giao dịch trọng yếu có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

THAM KHẢO MA TRẬN

Ma trận có thể được sử dụng để mức độ phát triển của công ty trong các thực hành về đối xử với cổ đông thiểu số. Bộ Công cụ khuyến nghị công bố thông tin liên quan đến Cấp độ 1-3 của Ma trận, tương ứng với thông lệ quốc tế tốt. Ma trận cũng hướng dẫn công bố thông tin theo thông lệ tiên phong, phù hợp với Cấp độ 4 của Ma trận. (Xem Bảng 2.4 ở trang tiếp theo.)

2.4.1 Quyền sở hữu và Kiểm soát

Báo cáo phải cung cấp thông tin rõ ràng về chủ sở hữu doanh nghiệp, bao gồm cả những người sở hữu hoặc có thể gây ảnh hưởng, trực tiếp hoặc gián tiếp, đối với cổ phiếu và do đó có ảnh hưởng đến việc biểu quyết, và thông tin chi tiết về cổ đông có quyền kiểm soát và công ty con và công ty liên kết của những cổ đông này.

Cổ đông Trực tiếp Đáng kể (hoặc chủ sở hữu hưởng lợi)

Báo cáo thường niên phải liệt kê những cổ đông đáng kể (hoặc chủ sở hữu hưởng lợi, thường là người nắm giữ trên 5% cổ phần), tỷ lệ cổ phần nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết. Nội dung công bố cũng phải bao gồm thông tin về các loại cổ phiếu mà những cổ đông này có thể lựa chọn.

Báo cáo cần nêu rõ trường hợp cổ đông đáng kể là nhân sự điều hành hoặc thành viên HĐQT (hoặc thành viên ban kiểm soát đối với HĐQT hai cấp). Nhìn chung, theo thông lệ quốc tế, nên công bố thông tin về cổ phần của mọi thành viên HĐQT và ban điều hành, ngay cả khi tỷ lệ đó chiếm chưa tới 5% cổ phần.

Nếu không thể xác định hoặc khẳng định một số cổ đông nhất định, báo cáo cũng cần lưu ý về điểm này. Ví dụ 2.23 cung cấp chi tiết về quyền sở hữu của 10 cổ đông hàng đầu của Tập đoàn True Thái Lan, một công ty viễn thông.

Ví dụ 2.23: Quyền sở hữu Hưởng lợi - Báo cáo Thường niên Tập đoàn True Thái Lan 2015

Tên doanh nghiệp	Số cổ phần (Đơn vị: triệu cổ phần)	% so với Tổng số Cổ phần Phát hành
1. Tập đoàn CP ¹	12.554,31	51,02
2. CÔNG TY CỔ PHẦN TNHH DI ĐỘNG QUỐC TẾ TRUNG QUỐC ²	4.429,43	18,00
3. CÔNG TY TNHH NVDR THÁI LAN ³	1.597,00	6,49
4. UOB KAY HIAN (HỒNG KÔNG) – Tài khoản Khách hàng ⁴	456,14	1,85
5. CHI NHÁNH UBS AG HỒNG KÔNG ⁵	206,52	0,84
6. HSBC (SINGAPORE) NOMINEES PTE LTD ⁶	185,03	0,75
7. STATE STREET BANK EUROPE LIMITED ⁷	155,48	0,63
8. ÔNG PAMORN POLTEP	131,22	0,53
9. ÔNG PICHIT CHINWITTHAYAKUL	84,00	0,34
10. CORE PACIFIC-YAMAICHI INTERNATIONAL (H.K.) - KHÁCH HÀNG ⁸	79,01	0,32

Nguồn: Tập đoàn True Thái Lan.

Bảng 2.4: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Đối xử với Cổ đông Thiểu số

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Quyền Biểu quyết	<ol style="list-style-type: none"> Mọi cổ đông cùng loại đều có quyền biểu quyết, mua và chuyển nhượng như nhau. Cổ đông thiểu số được thông báo đầy đủ và được nhận nội dung chương trình của tất cả các đại hội cổ đông; và được phép tham gia và biểu quyết tại đại hội cổ đông. 	<ol style="list-style-type: none"> Đại diện hiệu quả cho cổ đông thiểu số thông qua bầu dồn phiếu hoặc cơ chế tương tự; và các quyền kinh tế như quyền thanh tra, quyền “thoái vốn” (exit rights) và quyền cùng bán (tag-along rights). Công ty có chính sách cổ tức. Công ty có chính sách rõ ràng và được thực thi về đối xử với cổ đông thiểu số trong trường hợp hợp có thay đổi về mặt kiểm soát. 	<ol style="list-style-type: none"> Cơ chế biểu quyết hiệu quả để bảo vệ cổ đông thiểu số trước tình trạng sở hữu tập trung hoặc xung đột lợi ích mạnh mẽ với cổ đông có quyền kiểm soát (ví dụ: các điều khoản về nguyên tắc biểu quyết “đại đa số” hoặc “đa số của thiểu số”). Cổ đông được đưa ra ý kiến về lương thưởng của lãnh đạo cấp cao. 	<ol style="list-style-type: none"> Đối xử với cổ đông theo đúng thông lệ thị trường quốc tế tốt nhất. Lương thưởng của lãnh đạo cấp cao được cổ đông phê duyệt. Mỗi cổ phần có một quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
Quyền Bảo vệ	<ol style="list-style-type: none"> Cổ đông nắm giữ mọi chứng khoán cùng loại có quyền tiếp cận thông tin như nhau (bình đẳng trong công bố thông tin). 	<ol style="list-style-type: none"> Có chính sách và thông lệ rõ ràng về việc công bố đầy đủ và kịp thời cho cổ đông tất cả các giao dịch trọng yếu của bên liên quan và thỏa thuận cổ đông. 	<ol style="list-style-type: none"> Có chính sách và thông lệ rõ ràng về giao dịch trong yếu tố của công ty có thể ảnh hưởng tiềm tàng đến quyền của cổ đông thiểu số. Báo cáo thường niên công bố rủi ro trọng yếu đối với cổ đông thiểu số liên quan đến cổ đông có quyền kiểm soát, sở hữu tập trung, sở hữu chéo, và mặt cân bằng về quyền biểu quyết. 	<ol style="list-style-type: none"> Giao dịch của bên liên quan (trên 2,5% tài sản ròng hoặc 150.000 USD) phải được cổ đông phê duyệt hoặc tuân thủ yêu cầu khắt khe hơn.^a
Quan hệ Nhà đầu tư	<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận quan hệ nhà đầu tư được thành lập. 			<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận quan hệ nhà đầu tư có chương trình tương tác với cổ đông thiểu số.

^a Thông thường, các giới hạn cần thiết sẽ do luật pháp/quy định của quốc gia niêm yết quyết định; tuy nhiên, OECD có đưa ra khuyến nghị về các giới hạn để tham khảo. Xem OECD, Hướng dẫn Chống Giao dịch Bên liên quan có tính Lợi dụng ở Châu Á (2009) 31.

Ở nhiều quốc gia, việc công bố thông tin về sở hữu được quy định chặt chẽ. Một số quốc gia cũng yêu cầu doanh nghiệp công bố thông tin về phân phối cổ phần, thể hiện số lượng cổ đông chia theo các nhóm tỷ lệ sở hữu (ví dụ: trên 5%, trên 50%, v.v...). Sở hữu của cổ đông nước ngoài so với cổ đông trong nước cũng phải công bố trong một số trường hợp. Ví dụ 2.24 thể hiện tình trạng sở hữu cổ phần của Telekom Malaysia.

Sở hữu Gián tiếp hoặc “Coi như” Sở hữu

Công bố thông tin về sở hữu và kiểm soát cũng cần bao gồm các thỏa thuận dẫn tới quyền kiểm soát gián tiếp hoặc coi như có quyền sở hữu. Một ví dụ là quỹ ủy thác hoặc các thỏa thuận tương tự. Cổ phiếu của công ty do quỹ ủy thác nắm giữ phải được báo cáo trong mục về quyền sở hữu thực của người sáng lập (hoặc người được ủy thác hoặc người thụ hưởng ủy thác nếu họ có thể ảnh hưởng đến việc biểu quyết thay mặt cho quỹ ủy thác). Nếu quyền kiểm soát được nắm giữ chủ yếu thông qua ủy thác, quỹ hoặc phương tiện tương tự, báo cáo sẽ công bố thông tin về nhân sự kiểm soát các phương tiện này và cách thức kiểm soát được thực hiện.

Tình trạng “coi như” có quyền sở hữu cũng có thể bao gồm các trường hợp sau đây:

- *Thỏa thuận cổ đông* để biểu quyết theo biểu quyết của cổ đông lớn;
- *Quyền biểu quyết đặc biệt*;
- *Cổ phần biểu quyết nhiều lần* và quyền biểu quyết mà cổ phần đó tạo ra cho cổ đông lớn;
- *Các cơ chế tăng cường kiểm soát hoặc chống thôn tính*, như giới hạn biểu quyết và chiến thuật thuốc độc (poison pills);
- *Quyền cổ đông đặc biệt* (cổ phần vàng) để ngăn chặn một số quyết định quan trọng hoặc bổ nhiệm trực tiếp một hoặc nhiều thành viên HĐQT (phổ biến trong các doanh nghiệp nhà nước).

Ví dụ 2.25 thể hiện người hưởng lợi của Telekom Malaysia theo các tài khoản được để cử và cổ phần của vợ/chồng bên cạnh cổ phần của thành viên HĐQT để xác định phân “coi như có sở hữu”. Bảng 2.1 ở trang tiếp theo liệt kê các yêu cầu công bố thông tin về quyền sở hữu thường được chấp nhận trên thế giới.

Ví dụ 2.24: Phân phối cổ phần - Báo cáo Thường niên Telekom Malaysia 2015

Quy mô Năm giữ Cổ phần	Cổ đông				Cổ phần			
	Người Malaysia		Nước ngoài		Người Malaysia		Nước ngoài	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Dưới 100	1.485	6,54	22	0,10	24.817	0,00	514	0,00
100 - 1.000	5.765	25,41	104	0,46	4.399.304	0,11	74.450	0,00
1.001 - 10.000	12.497	55,08	282	1,24	38.295.186	1,02	1.169.955	0,03
10.001 - 100.000	1.605	7,07	263	1,16	37.400.034	1,00	10.324.828	0,28
100.001 - 187.896.740 (*)	365	1,61	299	1,32	1.223.400.067	32,56	428.764.965	11,41
Từ 187.896.741 trở lên (**)	3	0,01	0	0,00	2.014.080.703	53,59	0	0,00
Tổng	21,720	95,72	970	4,28	3.317.600.111	88,28	440.334.712	11,72

Chú thích:
* Dưới 5% Cổ phần phát hành
** Từ 5% Cổ phần phát hành trở lên

Nguồn: Telekom Malaysia.

Ví dụ 2.25: “Coi như có Sở hữu” - Báo cáo Thường niên Telekom Malaysia 2015

Sở hữu trong Công ty	Số cổ phiếu phổ thông trị giá 0,70 RM mỗi cổ phiếu		
	Sở hữu trực tiếp	Coi như có sở hữu	Tỷ lệ phần trăm (%)
Tan Sri Dato' Sri Zamzamairani Mohd Isa	5,337	4.270 [#]	*
Datuk Bazlan Osman	2,134	-	*

Ghi chú:
Số cổ phần TM coi như có sở hữu là do vợ/chồng nắm giữ
* Dưới 0,01%

Nguồn: Telekom Malaysia.

Hộp 2.1: Yêu cầu của Nhà nước về Công bố Thông tin Sở hữu

Phân tích các thị trường lớn trên thế giới cho thấy các yêu cầu được chấp nhận chung về công bố thông tin sở hữu bao gồm:

- Chủ sở hữu 5%
- Chủ sở hữu hưởng lợi
- Thành viên HĐQT và ban điều hành
- Bao gồm chứng khoán phái sinh
- Bao gồm ủy thác
- Phương tiện kiểm soát khác
- Quyền gắn với cổ phiếu

Nguồn: Phân tích nội bộ của IFC đối với các quy định tại Úc, Braxin, Ấn Độ, Singapore, Nam Phi, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

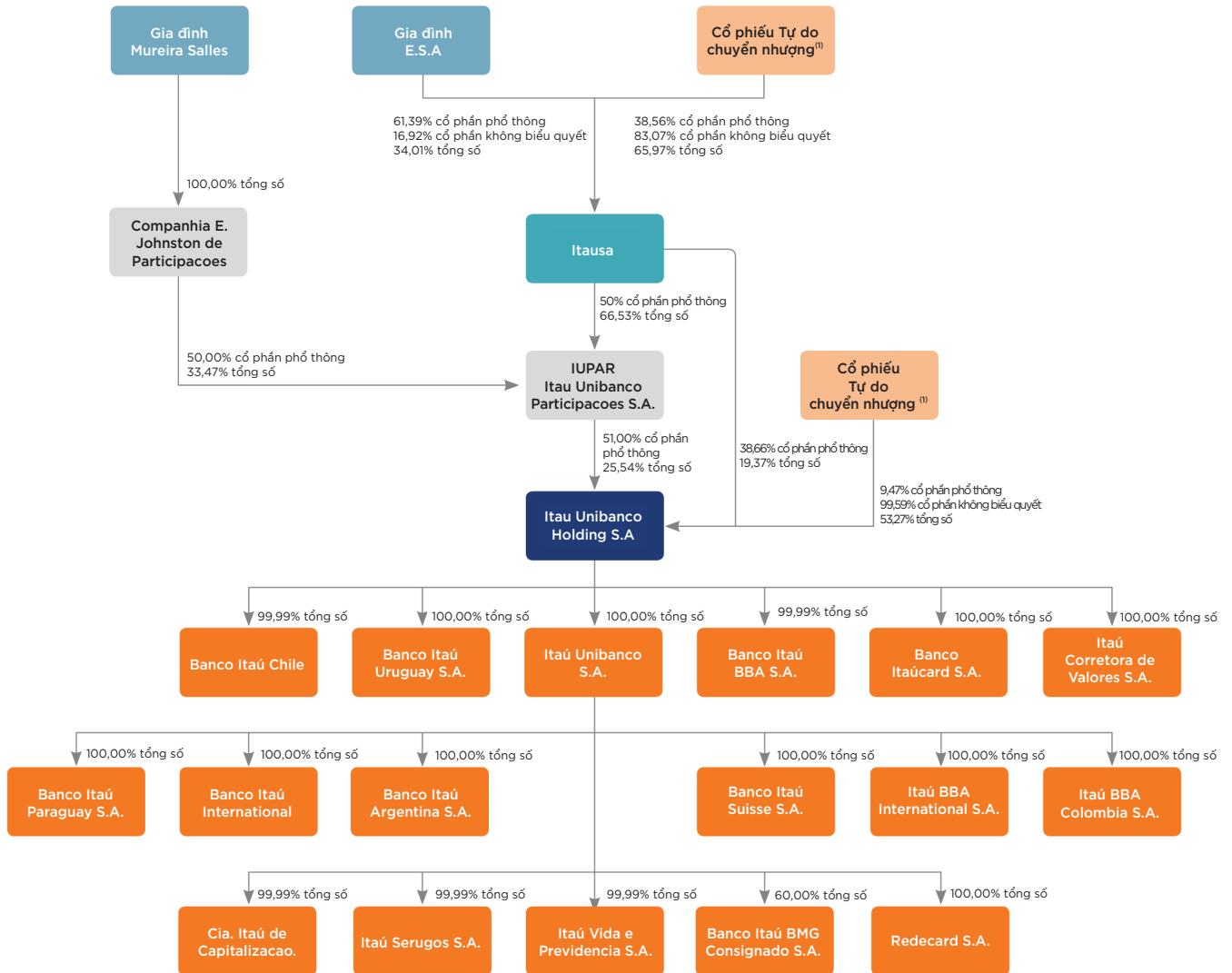
Tập đoàn và Chuỗi Kiểm soát

Báo cáo cần chỉ rõ liệu công ty có thuộc một tập đoàn hay không và nếu có thì nêu rõ vị trí của công ty trong tập đoàn. Báo cáo cũng cần công bố thông tin về các trung gian khác nhau, nếu có, mà qua đó một cổ đông nắm được kiểm soát của mình. Ví dụ 2.26 thể hiện cách thức kiểm soát được nắm giữ bởi các cổ đông tại Itau Unibanco Braxin và mô tả các công ty con chính của ngân hàng này.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Công ty con, Công ty mẹ, Đầu tư, và Liên doanh

IFRS: Công ty phải công bố thông tin về công ty mẹ và công ty con (IAS 24) cũng như các khoản đầu tư và lợi ích của công ty trong các công ty liên kết và liên doanh (IAS 28, IAS 31).

Ví dụ 2.26: Chuỗi Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Itau Unibanco Braxin 2014



Nguồn: Itaú Unibanco Braxin.

Cổ đông có Quyền Kiểm soát

Danh tính và Chức vụ. Báo cáo phải công bố thông tin về danh tính của cổ đông có quyền kiểm soát (cá nhân, gia đình, hoặc tập đoàn), số lượng cổ phần của công ty mà những cổ đông này có quyền kiểm soát cuối cùng, cách thức nắm giữ kiểm soát và liệu cổ đông đó có ở vị thế có thể chi phối công ty hay không - nghĩa là, thông tin về mọi rủi ro trọng yếu đối với cổ đông thiểu số liên quan đến cổ đông có quyền kiểm soát, sở hữu tập trung, sở hữu chéo và mất cân bằng về quyền biểu quyết.

Vai trò. Báo cáo nên đề cập đến vai trò của cổ đông có quyền kiểm soát, như sáng lập công ty, cấp vốn, hoặc vai trò khác trong quản lý công ty.

Chính sách kế nhiệm. Việc công bố thông tin về chính sách kế nhiệm rất quan trọng trong một doanh nghiệp chịu kiểm soát. Một cổ đông có quyền kiểm soát có thể đã có kế hoạch hoặc quy trình cụ thể cho vấn đề này, bao gồm các trường hợp thông qua thừa kế hoặc cơ quan quản trị gia đình, hoặc thông qua chính sách của tập đoàn hoặc chính sách áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước. Việc doanh nghiệp chịu kiểm soát không có chính sách kế nhiệm có thể là một thách thức lớn và thông tin này cần được công bố.

Ví dụ 2.27 minh họa một công bố rõ ràng về cổ đông chính, mô tả các rủi ro gắn với việc có một cổ đông chi phối duy nhất và cách thức công ty bảo vệ những cổ đông khác.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT:

Công bố Thông tin Sở hữu

Nguyên tắc G20/OECD khuyến nghị công bố nhiều thông tin về sở hữu và kiểm soát, bao gồm:

- Số lượng cổ phần mà cổ đông lớn nắm giữ trực tiếp và gián tiếp;
- Cổ phần của thành viên HĐQT và thành viên ban điều hành;
- Các công ty tập đoàn và các kiểm soát khác ở cấp độ tập đoàn.

Nguyên tắc của Lực lượng Đặc nhiệm về Tài chính

(tập trung vào hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố) khuyến khích các quốc gia thực hiện như sau:

- Có định nghĩa về “chủ sở hữu hưởng lợi”, thể hiện (những) thể nhân sở hữu cuối cùng đối với cổ phần hoặc kiểm soát pháp nhân sở hữu cổ phần;
- Bảo đảm rằng thông tin về quyền sở hữu hưởng lợi và kiểm soát là đầy đủ, chính xác, cập nhật và có thể tiếp cận được;
- Có khung pháp lý cho phép cơ quan có thẩm quyền quốc gia tham gia trao đổi thông tin về quyền sở hữu hưởng lợi trong nước và quốc tế.

Ví dụ 2.27: Cổ đông Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Tập đoàn True Thái Lan 2015

Công ty được sự hỗ trợ của Tập đoàn Charoen Pokphand (Tập đoàn CP), tập đoàn nông nghiệp lớn nhất châu Á, và China Mobile (Tập đoàn Viễn thông Di động Trung quốc), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động lớn nhất thế giới, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 51% và 18% tổng số cổ phần đã phát hành của Tập đoàn. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn đã đăng ký và đã góp của Tập đoàn True là 98.432 triệu Bạt. Hoạt động chính của Công ty không có liên quan trực tiếp và trọng yếu đến cổ đông lớn. Công ty chỉ có giao dịch nhỏ trong một số trường hợp với cổ đông lớn của công ty.

Rủi ro khi có cổ đông lớn nắm giữ trên 50% cổ phần trong Công ty

Vào ngày 5 tháng 9 năm 2014, nhóm cổ đông lớn của Tập đoàn True bao gồm Tập đoàn CP và các công ty liên kết của tập đoàn này, nắm giữ tổng số 51,3% tổng số cổ phần được phân bổ. Liên quan đến vấn đề này, nhà đầu tư có thể gặp rủi ro từ tình huống cổ đông lớn nắm giữ trên 50% cổ phần của Tập đoàn True. Rủi ro này là do nhóm cổ đông lớn có thể kiểm soát các chương trình hợp cần có đa số phiếu bầu, như bổ nhiệm thành viên HĐQT. Vì vậy, cổ đông nhỏ lẻ có thể không tích lũy đủ số phiếu bầu để cân bằng chương trình hợp do cổ đông đa số đề xuất. Tuy nhiên, HĐQT tập trung vào điều hành doanh nghiệp theo định hướng của các nguyên tắc quản trị công ty. Công ty tạo cơ hội cho cổ đông thiểu số để xuất chương trình hợp của Đại hội Cổ đông và đề cử ứng cử viên để được bầu chọn thành viên HĐQT trước Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Đối với các vấn đề liên quan đến cổ đông lớn và giao dịch có thể dẫn đến xung đột lợi ích với Công ty, Công ty giải quyết vấn đề theo quy trình tại “Quy định về Giao dịch với Bên liên quan” theo đúng quy định pháp luật.

Nguồn: Tập đoàn True Thái Lan

2.4.2 Quyền của Cổ đông Thiếu số

Báo cáo cần nêu rõ về quyền biểu quyết, để cử HĐQT và tất cả các quyền khác của cổ đông thiểu số, bao gồm cả những quyền liên quan đến thay đổi kiểm soát và giao dịch với bên liên quan. Báo cáo cũng cần công bố thông tin về cách thức thực hiện những quyền đó.

Để cử HĐQT và các Quyền khác của Cổ đông Thiếu số

Báo cáo cần cung cấp thông tin về cơ chế cho phép cổ đông thiểu số để cử thành viên HĐQT. Những thông tin này bao gồm:

- *Bầu dồn phiếu*, theo đó cổ đông có thể dồn tất cả phiếu bầu cho một ứng cử viên HĐQT khi công ty có nhiều vị trí;
- *Bầu theo nhóm*, theo đó một số lượng lớn cổ đông biểu quyết với tư cách một nhóm duy nhất;
- *Nguyên tắc đại đa số*, theo đó các giao dịch nhất định phải được đại đa số cổ đông thông qua;
- *Nguyên tắc đa số của thiểu số*, theo đó các giao dịch nhất định phải được đa số cổ đông thiểu số thông qua.

Báo cáo cũng nên đề cập đến việc liệu các quyền đó có được thực hiện trong những năm qua hay không. Ví dụ 2.28 mô tả các quyền gắn liền với các loại cổ phần khác nhau của Türk Telekom.

Thay đổi Kiểm soát

Báo cáo cần mô tả chính sách của công ty về đối xử với cổ đông thiểu số trong trường hợp thay đổi quyền kiểm soát công ty. Chính sách này bao gồm các quyền cùng chuyển nhượng cổ phần, theo đó người kiểm soát mới phải chào mua cổ phần của cổ đông thiểu số hoặc đáp ứng các yêu

cầu khác, ví dụ, cổ đông có quyền kiểm soát mới phải chào mua công khai đồng thời hoặc sau khi thay đổi quyền kiểm soát của công ty.

Ví dụ 2.29 cung cấp giải thích chi tiết về quy trình thay đổi quyền kiểm soát đối với các loại cổ phần khác nhau của Türk Telekom.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Bảo vệ Cổ đông Thiếu số

Báo cáo Cuối cùng về Bảo vệ Cổ đông Thiếu số trong các Tổ chức Niêm yết của IOSCO: “Ở tất cả các quốc gia, có các quy tắc và quy định để bảo vệ hoặc có tác dụng bảo vệ cổ đông thiểu số liên quan đến giao dịch thay đổi kiểm soát. Ở hầu hết các quốc gia, một cổ đông hoặc bên thứ ba phải đưa ra đề nghị chung đối với tất cả cổ đông để mua cổ phần của mình khi cổ đông đó hoặc bên thứ ba mua quyền kiểm soát của một công ty phát hành hoặc mua một tỷ lệ nhất định cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết kích hoạt yêu cầu chào mua bắt buộc [từ 20% đến 75%], tùy thuộc vào quy định của từng quốc gia.

...

“Ở [hầu hết] các quốc gia, một nhóm cổ đông sở hữu một khối lượng cổ phần hoặc quyền kiểm soát đáng kể không được phép bán cho bên thứ ba với mức giá cao hơn giá thị trường mà không tạo ra nghĩa vụ đối với, hoặc bảo vệ, cổ đông thiểu số... [K]hi phải đưa ra đề nghị chung cho tất cả cổ đông, có yêu cầu hoặc quy tắc về giá tối thiểu áp dụng cho việc xác định giá.”

[Lưu ý: Đến 25 tháng 6 năm 2009, báo cáo dựa trên phân tích quy định tại Úc, Braxin, Canada, Đức, Hồng Kông, Israel, Ý, Nhật Bản, Mehico, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.]

Ví dụ 2.28: Quyền Biểu quyết và Quyền của Cổ đông Thiếu số - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015

Quyền Biểu quyết và Quyền của Cổ đông Thiếu số

Toàn bộ cổ phần của Türk Telekom có thể được chuyển nhượng trừ một cổ phần đặc quyền (vàng) của Tập đoàn C. Vì mục đích bảo vệ lợi ích quốc gia trong các vấn đề về an ninh quốc gia và nền kinh tế, không được thực hiện những hành động và biện pháp sau đây nếu không có phiếu bầu chấp thuận của cổ đông nắm giữ Cổ phần Đặc quyền của Tập đoàn C tại một cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội Đồng Cổ đông. Nếu không, các giao dịch đó sẽ bị coi là vô hiệu.

- Mọi sửa đổi đề xuất đối với Điều lệ Công ty;
- Việc chuyển nhượng mọi Cổ phần đã đăng ký trong Công ty sẽ dẫn đến thay đổi quyền kiểm soát điều hành của Công ty;
- Việc đăng ký chuyển nhượng cổ phần đã đăng ký trong sổ cổ đông của Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty, cổ đông nắm giữ Cổ phần Đặc quyền của Tập đoàn C chỉ định một thành viên đại diện cho Cổ phần Đặc quyền. Chủ sở hữu Cổ phần Đặc quyền của Tập đoàn C không được tham gia tăng vốn.

Nguồn: Türk Telekom.

Ví dụ 2.29: Thay đổi Quyền Kiểm soát - Báo cáo Thường niên Türk Telekom 2015

Chuyển nhượng Cổ phần

Các quy định sau đây trong Điều lệ Công ty hạn chế việc chuyển nhượng cổ phần:

Phụ thuộc quyền phủ quyết của cổ phần vàng Loại C, cổ đông nắm giữ cổ phần Loại A có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình cho bên thứ ba vào bất cứ thời điểm nào sau khi hết Thời hạn Cam kết Chiến lược hoặc sau ngày thanh toán toàn bộ số tiền mà cổ đông nắm giữ cổ phiếu Loại A phải trả cho cổ phần của mình trong Công ty, tùy theo sự kiện nào xảy ra sau.

Cổ đông nắm giữ cổ phần Loại A có thể cầm cố hoặc thế chấp cổ phiếu của mình cho một định chế tài chính, và định chế tài chính này không bị ràng buộc về việc cầm cố cổ phiếu theo thời gian, để bảo đảm cho số tiền vay để mua cổ phiếu đó hoặc cho mục đích khác. Trong trường hợp định chế tài chính có liên quan muốn chuyển đổi số cổ phiếu được cầm cố hoặc thế chấp đó thành tiền mặt, thì định chế tài chính cũng có thể chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sở hữu cổ phần Loại A được cầm cố hoặc thế chấp chỉ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Đại diện/Người phụ trách khối Nguồn vốn, và việc chấp thuận này không được chậm trễ một cách bất hợp lý.

Theo các quy định trong hai đoạn sau đây, người nắm giữ cổ phần loại B không được chuyển nhượng cho bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình trong suốt Thời gian Cam kết Chiến lược nếu không có sự chấp thuận trước của người nắm giữ cổ phần Loại A, và việc chấp thuận này không được chậm trễ một cách bất hợp lý.

Nguồn: Türk Telekom.

2.4.3 Thù lao

Báo cáo cần mô tả chính sách của công ty đối với lương thưởng của các vị trí lãnh đạo cấp cao, bao gồm các cấu phần của thù lao và chi tiết hợp đồng liên quan đến lương thưởng. Báo cáo cũng nên công bố thông tin về lương thưởng thực tế của thành viên HĐQT và thành viên ban điều hành và giải thích vai trò của cổ đông trong việc phê duyệt lương thưởng của các vị trí lãnh đạo cấp cao.

Chính sách thù lao

Báo cáo cần mô tả chính sách của công ty về lương thưởng của các vị trí lãnh đạo cấp cao và, nếu phù hợp, cung cấp chi tiết về kế hoạch trả thù lao dựa trên hiệu quả công việc, bao gồm các lĩnh vực kết quả hoạt động (tài chính, vận hành, phát triển bền vững) và liệu lương thưởng có bị chậm trễ hoặc có điều kiện hoặc có thể bị “thu hồi” (thu hồi tiền đã giải ngân). Báo cáo cũng cần đề cập vai trò của HĐQT (hoặc ủy ban chuyên môn) và cổ đông trong việc xem xét và phê duyệt lương thưởng cho các vị trí lãnh đạo cấp cao.

Ví dụ 2.30 ở trang tiếp theo mô tả chính sách thù lao của Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi), một ngân hàng Nam Phi, và các tiêu chí kết quả hoạt động về tài chính, rủi ro và phát triển bền vững.

Báo cáo cần mô tả quá trình thiết lập chính sách thù lao, và mô tả vai trò của HĐQT (hoặc ủy ban chuyên môn) và cổ đông trong việc xem xét và phê duyệt lương thưởng cho các vị trí lãnh đạo cấp cao. Báo cáo cũng nên công bố thông tin về mọi xét đoán mà ủy ban lương thưởng hoặc ủy ban khác thuộc HĐQT sử dụng để xác định lương thưởng thực tế.

Theo THÔNG LỆ TỐT NHẤT, các chỉ số hiệu quả hoạt động trọng yếu (KPI) được sử dụng để quyết định lương thưởng. KPI có thể 1) mang tính phi tài chính cũng như tài chính và 2) gắn với các mục tiêu chiến lược và bao gồm các chỉ tiêu của năm sau.

THÔNG LỆ TỐT NHẤT cũng khuyến nghị tích hợp những cân nhắc về các vấn đề ESG trong các tiêu chí để quyết định mức thù lao của các vị trí lãnh đạo cấp cao.

TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Tích hợp các Vấn đề ESG vào Lương thưởng cho các vị trí Lãnh đạo Cấp cao

Hướng dẫn của Hiệp ước Toàn cầu LHQ và PRI cung cấp công cụ tương tác hữu hình để hướng dẫn đối thoại giữa cổ đông và công ty nhận đầu tư về việc **Tích hợp các Vấn đề ESG vào Lương thưởng cho các vị trí Lãnh đạo Cấp cao** và giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của HĐQT vì lợi ích của công ty và nhà đầu tư.

Thù lao thực tế

Báo cáo cần có số liệu về thù lao thực tế, trình bày dưới dạng bảng, cho mỗi thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, và các thành viên điều hành cấp cao khác. Bảng nên trình bày những thông tin sau:

- **Mức lương:** Mức lương nhận được trong năm bao gồm các khoản phí trả cho thành viên HĐQT cũng như lương cho thành viên ban điều hành. Ngoài ra cũng nên bổ sung thông tin chi tiết về các khoản phí trả cho thành viên HĐQT để đóng vai trò chủ tọa, tham dự và phục vụ trong các ủy ban cụ thể.

Ví dụ 2.30: Chính sách Thù lao - Báo cáo Tích hợp Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi) 2015

Kế hoạch Chi thường Dài hạn giai đoạn 2013 - 2015 của Barclays Châu Phi là chương trình thưởng dài hạn cuối cùng còn lại và sẽ đến hạn thực hiện vào tháng 10 năm 2016. Đây là kế hoạch thưởng cổ phiếu và chỉ được thực hiện sau ba năm, phụ thuộc vào ba chỉ số đo lường kết quả cụ thể dựa trên kế hoạch trung hạn từ 2013 đến 2015. Chỉ số đo lường kết quả của kế hoạch này bao gồm:

- **Tài chính:** Được quyền hưởng từ 10% đến tối đa 60%, tùy thuộc tỷ suất lợi nhuận bình quân trên tài sản có rủi ro ở mức 1,99% (mức ngưỡng) đến 2,99% (mức tối đa) trên cơ sở tuyến tính.
- **Rủi ro:** Được quyền hưởng từ 5% đến tối đa 30%, tùy thuộc kết quả so với tỷ lệ giảm hàng năm từ 1,55% (mức ngưỡng) đến 1,13% (mức tối đa) trên cơ sở tuyến tính.
- **Phát triển Bền vững:** Được quyền hưởng tối đa 10%, theo quyết định của UBLT&NS trên cơ sở xem xét kết quả so với Thẻ điểm Cân bằng.

Quyền được hưởng: Dựa trên kết quả thực tế giai đoạn 2013 - 2015, 55% mức quyền hưởng tối đa, như chi tiết dưới đây:

- **Tài chính:** Tỷ suất lợi nhuận bình quân trên tài sản có rủi ro là 2,19%: 20% mức quyền hưởng tối đa.
- **Rủi ro:** Tỷ lệ giảm bình quân là 1,09%: 30% mức quyền hưởng tối đa.
- **Phát triển Bền vững:** UBLT&NS đã đánh giá và xác định mức 5% mức quyền hưởng tối đa.

Nguồn: Tập đoàn Absa (trước đây là Barclays Châu Phi).

- **Trả thưởng bằng tiền mặt:** Đây là khoản chi trả hàng năm của người nhận. Cũng nên công bố thông tin về những khoản phúc lợi khác được nhận khi nghỉ hưu cũng như tuổi và ngày nghỉ hưu dự kiến.
- **Trả thưởng bằng cổ phiếu và dựa trên cổ phiếu:** Hình thức thưởng này có thể được trình bày riêng hoặc trong mục tiền thưởng theo kết quả ngắn hạn hoặc dài hạn. Đối với cổ phiếu, cần có bảng mô tả số lượng, loại và giá trị thị trường. Đối với quyền chọn, cần mô tả loại và giá trị quyền chọn, và có giải thích về định giá trong mục thông tin bổ sung. Cũng như trả thưởng bằng tiền mặt, cần giải thích về liên hệ với kết quả hoạt động.
- **Tích lũy hưu trí:** Đây là khoản tiền công ty đóng góp vào kế hoạch đóng góp đã xác định của người nhận. Đối với kế hoạch phúc lợi đã xác định, khoản tích lũy này bao gồm mọi khoản tăng thêm trong

các khoản chi trả hàng năm của người nhận. Cũng nên công bố thông tin về những khoản phúc lợi khác được nhận khi nghỉ hưu cũng như tuổi và ngày nghỉ hưu dự kiến.

- **Phúc lợi khác bằng tiền và hiện vật:** Những phúc lợi này bao gồm xe hơi công ty, nhà ở hoặc trợ cấp nhà ở, đi lại cá nhân, phúc lợi y tế và phúc lợi mà chỉ một số nhân sự được hưởng.

Trong ví dụ 2.31, Fresnillo, một công ty khai mỏ của Mexico, công bố chi tiết mọi cấu phần của thù lao cho các vị trí lãnh đạo cấp cao của công ty, bao gồm tiền mặt, ưu đãi ngắn hạn, ưu đãi dài hạn và tích lũy hưu trí.

Lưu ý: Khoản trả thưởng bị trì hoãn (ví dụ: dựa trên cổ phiếu) thường được tính khi chi trả, và có lưu ý giải thích khi khoản tiền thưởng được chi trả. Khoản trả thưởng có điều kiện (ví dụ, nếu đáp ứng một số điều kiện trong tương lai) không được tính trong tổng khoản trả thưởng, mà được đề cập trong mục thông tin bổ sung.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Công bố Thông tin Thù lao

Nguyên tắc G20/OECD khuyến nghị các công ty công bố thông tin về mức thù lao, và nên công bố thông tin của từng cá nhân và thể hiện sự liên kết với kết quả hoạt động.

IAS 24 yêu cầu công bố thông tin lương thưởng cho “các vị trí lãnh đạo chính.”

Nguyên tắc Quản trị Toàn cầu của ICGN: “Báo cáo thù lao phải... mô tả cách thức xác định mức trả thưởng cho từng thành viên HĐQT và TGĐ và tại sao mức này được coi là phù hợp trong bối cảnh hoạt động cơ bản của công ty trong bất kỳ năm nào. Quy định này cũng được áp dụng cho các khoản trả thưởng không dùng tiền mặt như bảo hiểm cho thành viên HĐQT và cán bộ quản lý, phụ cấp ngoài và điều khoản của thỏa thuận phụ cấp khi thôi việc, nếu có.”

Ví dụ 2.31: Thù lao Thực tế - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015

Thành viên HĐQT điều hành R000	Mike Brown			Mfundo Nkuhlu		
	2015	2014	%	2015	2014	%
Phần trả tiền mặt trong gói thù lao	6 374	6 056		4 258	3 124	
Lợi ích khác	141	130		130	112	
Quỹ hưu trí theo cơ chế mức đóng xác định	910	864		613	452	
Thù lao đảm bảo	7 425	7 050	5,3	5 000	3 678	35,6
Thưởng kết quả bằng tiền mặt	8 250	8 000		4 750	4 625	
Thưởng kết quả bằng tiền mặt (trả bằng cổ phiếu)	7 250	7 000		3 750	3 625	
Tổng STI¹	15 500	15 000	3,3	8 500	8 250	3,0
Tổng thù lao²	22 925	22 050	4,0	13 500	11 937	13,1
Giá trị tiền thưởng dựa trên cổ phần (mệnh giá khi thưởng)	13 500	13 000		8 750	11 750 ⁹	
Tổng thù lao trực tiếp³	36 425	35 050	3,9	22 250	23 687	(6,1)
Thanh toán khác ⁴						

Nguồn: Fresnillo Plc.

2.4.4 Giao dịch với Bên liên quan

Theo IAS 24, giao dịch với bên liên quan là việc “chuyển giao nguồn lực, dịch vụ hoặc nghĩa vụ giữa các bên liên quan, cho dù có tính giá hay không”. Bên liên quan là một người hoặc một thực thể có liên quan đến đơn vị báo cáo, như:

- Thành viên HĐQT, tổng giám đốc, cổ đông có quyền kiểm soát, lãnh đạo cấp cao, hoặc thành viên gia đình trực tiếp của những người này, thường được định nghĩa là bao gồm bố mẹ, anh chị em ruột, cô dì chú bác, anh em họ, bố/mẹ chồng/vợ, con dâu/con rể, và con riêng của vợ/chồng;
- Một công ty khác có liên quan theo quyền sở hữu hoặc đầu tư khác, bao gồm liên doanh;
- Kế hoạch hưu trí của công ty hoặc thực thể có liên quan đến kế hoạch hưu trí của công ty;
- Một công ty nơi một thành viên HĐQT hoặc lãnh đạo cấp cao có quyền kiểm soát chung hoặc có ảnh hưởng đáng kể.

Giao dịch với bên liên quan bao gồm:

- Bán, mua, hoặc cung cấp hàng hóa hoặc nguyên vật liệu;
- Bán hoặc chuyển nhượng hoặc mua nhà đất hoặc tài sản;
- Cho thuê nhà đất hoặc tài sản;
- Cung cấp hoặc nhận dịch vụ;

- Chuyển nhượng tài sản vô hình (ví dụ: nghiên cứu và phát triển, thương hiệu, thỏa thuận về sử dụng giấy phép);
- Cung cấp, nhận hoặc bảo lãnh dịch vụ tài chính (bao gồm các khoản vay và dịch vụ tiền gửi).

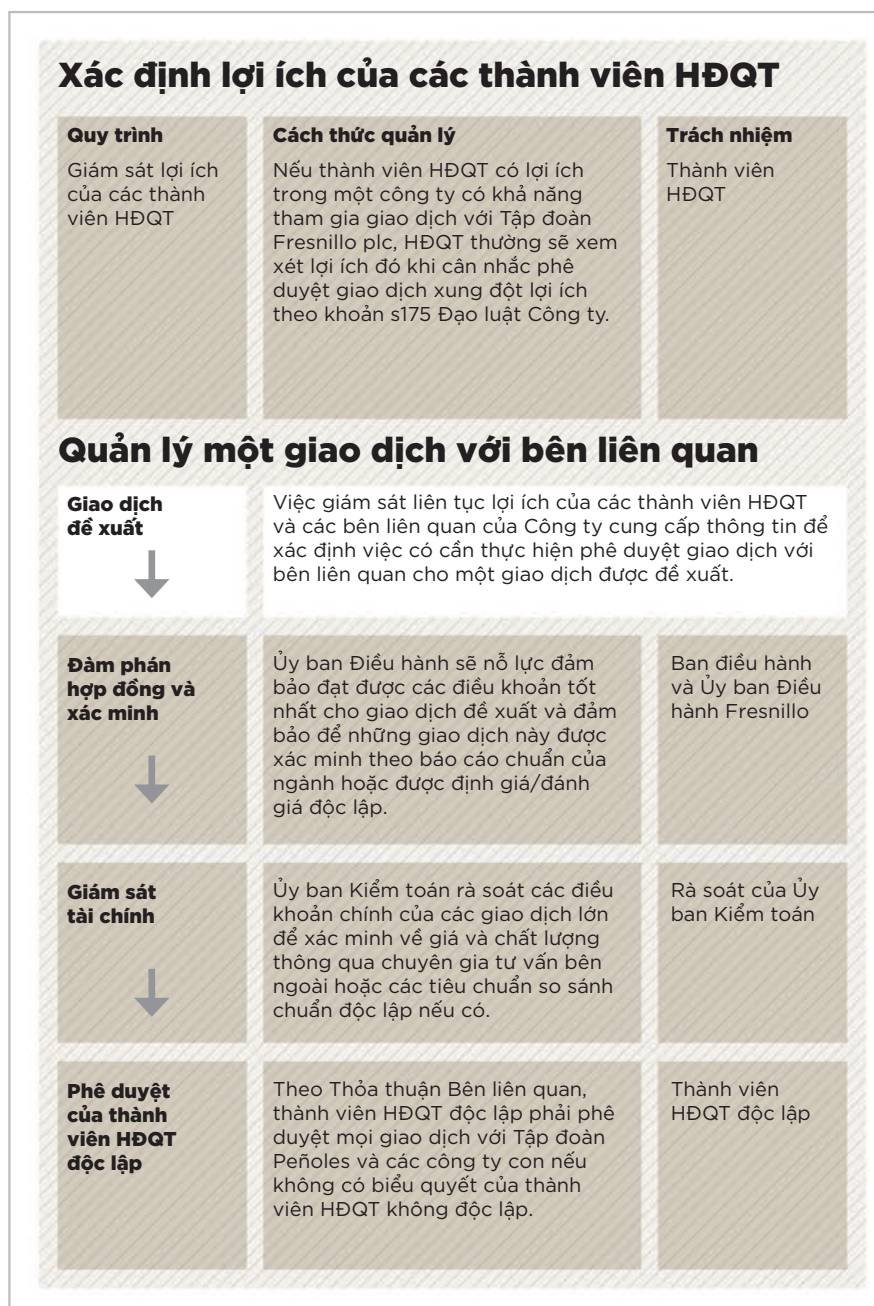
Chính sách và Quy trình Quản lý

Báo cáo cần mô tả các hệ thống, chính sách, và quy trình giám sát và quản lý của doanh nghiệp đối với giao dịch với bên liên quan. Nội dung này bao gồm:

- Doanh nghiệp có chính sách về GDBLQ;
- GDBLQ tiềm tàng được xác định và sau đó xem xét như thế nào;
- Vai trò của HĐQT và các ủy ban, đặc biệt là thành viên HĐQT độc lập và các thành viên HĐQT khác không có xung đột, bao gồm ủy ban kiểm toán, trong phê duyệt GDBLQ và vai trò của cổ đông trong phê duyệt GDBLQ trọng yếu;
- Xử lý như thế nào đối với tình huống một thành viên HĐQT có xung đột lợi ích;
- Liệu các giao dịch khác nhau có thủ tục phê duyệt khác nhau hay không;
- Phê duyệt của cổ đông và đánh giá của bên thứ ba;
- Xung đột lợi ích do GDBLQ và cách thức quản lý.

Ví dụ 2.32 ở trang tiếp theo thể hiện cách thức Fresnillo, một công ty khai mỏ của Mehico, quản lý GDBLQ thông qua giám sát lợi ích của thành viên HĐQT, đàm phán của ủy ban điều hành, và phê duyệt của thành viên HĐQT độc lập.

Ví dụ 2.32: Quản lý GDBLQ - Báo cáo Thường niên Fresnillo 2015



Nguồn: Fresnillo.

Chi tiết về GDBLQ

Đối với mọi GDBLQ trọng yếu được thực hiện hoặc dự định thực hiện trong năm vừa qua, báo cáo phải công bố các thông tin sau:

- Tên của bên liên quan;
- Loại bên liên quan (cha mẹ, đơn vị đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty, công ty con, công ty liên kết, liên doanh, nhân sự quản lý chủ chốt, các bên liên quan khác);
- Số tiền giao dịch;
- Loại giao dịch nói chung (bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, khoản vay, v.v...);

- Mọi dư nợ, dự phòng, hoặc nợ xấu hoặc sụt giảm liên quan đến giao dịch.

Đối với giao dịch quan trọng, nên công bố thêm những thông tin chi tiết sau đây:

- Điều khoản của giao dịch (lãi suất và thời hạn của khoản vay, chi phí theo giờ và số giờ tư vấn);
- Sự hợp lý (chuẩn mực thị trường, quy trình giao dịch, ví dụ như đấu thầu cạnh tranh);
- Đánh giá của bên thứ ba về giao dịch, nếu có.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Công bố Thông tin về GDBLQ

Công bố thông tin về Bên liên quan của IFRS IAS 24 yêu cầu công bố thông tin về bản chất quan hệ của bên liên quan cũng như thông tin về các giao dịch và dư nợ, kể cả các khoản cam kết, cần thiết để người đọc hiểu được tác động tiềm tàng của mối quan hệ đó đối với báo cáo tài chính.

Bộ Nguyên tắc G20/OECD quy định “phải công bố thông tin về mọi giao dịch với bên liên quan trọng yếu và điều khoản của từng giao dịch cho thị trường.” Bộ nguyên tắc cũng khuyến nghị công bố thông tin về “chính sách/tiêu chí áp dụng để xác định giao dịch với bên liên quan trọng yếu.”

Các Nguyên tắc Quản trị Toàn cầu của ICGN: “Cần công bố thông tin về quy trình xét duyệt và giám sát giao dịch với bên liên quan. Đối với giao dịch quan trọng, một ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập phải được thành lập để xem xét và phê duyệt giao dịch. Ủy ban này có thể là ủy ban riêng hoặc ủy ban hiện có bao gồm các thành viên HĐQT độc lập, ví dụ như ủy ban kiểm toán. Ủy ban này nên xét duyệt các giao dịch với bên liên quan quan trọng để quyết định xem những giao dịch đó có mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty hay không, và nếu có, quyết định xem những điều khoản nào là công bằng và hợp lý. Kết luận đưa ra từ thảo luận của ủy ban về giao dịch với bên liên quan quan trọng phải được công bố trong báo cáo thường niên của công ty.”

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) khuyến nghị giao dịch với bên liên quan có giá trị trên 2,5% tài sản ròng hoặc trên 150.000 đô la Mỹ phải được cổ động thông qua hoặc phải tuân thủ các yêu cầu chặt chẽ hơn.

Ví dụ 2.33 trình bày thông tin tóm tắt về tất cả các GDBLQ của Tập đoàn Sappi, một công ty giấy và bột giấy của Nam Phi, bao gồm thông tin về đối tác và loại giao dịch.

Báo cáo cần mô tả ảnh hưởng của giao dịch đối với tình hình tài chính của công ty và/hoặc xung đột lợi ích tiềm tàng mà

giao dịch tạo ra với các vị trí nhân sự chủ chốt hoặc thành viên HĐQT của công ty.

Mặc dù bản thân thông tin tóm tắt là chưa đầy đủ, thông tin này vẫn có thể hữu ích trong việc giúp người đọc hiểu tổng giá trị và bản chất chung của GDBLQ. Thông tin này có thể được sử dụng để tổng hợp các giao dịch cùng loại và tóm tắt các giao dịch nhỏ với cùng một bên liên quan. Ví dụ 2.34 ở trang tiếp theo cung cấp thông tin tóm tắt về GDBLQ của Reliance Industries, một tập đoàn Ấn Độ.

Ví dụ 2.33: Thông tin Chi tiết về GDBLQ – Báo cáo Tài chính Tập đoàn Sappi 2016

(Triệu USD)	Bán hàng			Mua hàng			Các khoản nợ mà các bên liên quan Tập đoàn quan		Các khoản mà Tập đoàn nợ các bên liên quan	
	2016	2015	2014	2016	2015	2014	2016	2015	2016	2015
Công ty liên doanh và liên kết:										
- Sapin SA ⁽¹⁾	-	0.4	0.6	-	24.9	31.2	-	-	-	0.8
- proNARO GmbH	-	-	-	125.8	138.3	162.7	-	-	1.2	5.9
- Umkomaas Lignin Proprietary Limited	4.8	6.3	7.2	0.1	-	-	0.5	0.7	-	-
- Papierholz Austria GmbH	-	-	-	82.5	60.1	115.7	-	-	4.8	4.3
	4.8	6.7	7.8	208.4	223.3	309.6	0.5	0.7	6.0	11.0

Nguồn: Tập đoàn Sappi.

Ví dụ 2.34: Thông tin Tóm tắt về GDBLQ - Báo cáo Thường niên Reliance Limited 2015

Stt	Bản chất Giao dịch (Không bao gồm các khoản bồi hoàn)	Công ty con/ Người thụ hưởng	Công ty liên kết	Nhân sự Quản lý chủ chốt/ người thân
1.	Mua tài sản cố định	2,302 2,434	237 264	- -
2.	Mua/Đăng ký đầu tư	38,085 11,506	- -	- -
3.	Bán/Thoái vốn Đầu tư	422 150	- -	- -
4.	Ứng trước vốn/(Hoàn trả)	- -	- (8)	- -
5.	Cho vay và tạm ứng ròng, Tiền gửi nhận được/(hoàn trả)	(11,913) 133	43 166	- -
6.	Doanh thu từ hoạt động	24,925 24,395	301 428	- -
7.	Thu nhập khác	1,721 1,536	17 27	- -
8.	Mua / Vật liệu tiêu thụ	2,201 1,562	631 267	- -
9.	Năng lượng điện, nhiên liệu và nước	- -	1,719 1,579	- -
10.	Phí thuế	- -	585 622	- -

Nguồn: Reliance Industries Limited.

2.5 Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

Ma trận Quản trị Công ty của IFC cung cấp thông lệ tốt nhất trong quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.

THAM KHẢO MA TRẬN

Ma trận có thể được sử dụng để đánh giá mức độ thực hiện của doanh nghiệp về nội dung quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan. Bộ Công cụ khuyến nghị công bố thông tin liên quan đến Cấp độ 1 - 3 của Ma trận, tương ứng với thông lệ quốc tế tốt. Cũng có hướng dẫn về công bố thông tin theo thông lệ tiên phong, phù hợp với Cấp độ 4 của Ma trận. (Xem Bảng 2.5.)

2.5.1 Cam kết, Chính sách và Chiến lược

Báo cáo cần mô tả chính sách và chiến lược của công ty về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm những nội dung sau đây:

- Nhận diện các bên có quyền lợi liên quan;
- Phân tích để xác định nhu cầu và lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khác nhau;
- Áp dụng các phương pháp tiếp cận khác biệt cho các nhóm ưu tiên;
- Công bố thông tin và tham vấn định kỳ;
- Cơ chế khiếu nại và báo cáo;
- Cơ chế ở cấp độ điều hành để nêu ra và giải quyết vấn đề của các bên có quyền lợi liên quan.

Báo cáo cũng cần chỉ rõ việc tham gia của các bên có quyền lợi liên quan có áp dụng đối với nhà cung cấp và nhà thầu thông qua chính sách của doanh nghiệp hoặc yêu cầu về đấu thầu hay không.

Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG** (Ma trận Cấp 4), việc tham gia của các bên có quyền lợi liên quan phải được công bố rõ ràng cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp và cộng tác viên thông qua bộ quy tắc ứng xử công khai, nêu rõ kỳ vọng về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và nhân quyền. Báo cáo nên đề cập đến việc doanh nghiệp có bộ quy tắc này.

2.5.2 Xác định các bên có quyền lợi liên quan

Báo cáo cần mô tả những nhóm được xác định là các bên có quyền lợi liên quan chính của công ty. Báo cáo cũng nên mô tả quy trình nhận diện các bên có quyền lợi liên quan trọng yếu. Tùy thuộc vào quy mô và tác động của công ty, các bên có quyền lợi liên quan thường bao gồm:

- Cộng đồng địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp của công ty;
- Khách hàng và cơ quan quản lý;
- Người lao động, nhà thầu và người lao động của các chuỗi cung ứng cơ bản;
- Các dự án lân cận;
- Các tổ chức phi chính phủ (NGO) và tổ chức hoạt động xã hội (CSO) quốc tế.

Bảng 2.5: Ma trận Quản trị Công ty của IFC - Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>1. Nhận diện các bên có quyền lợi liên quan khi cần thiết, bao gồm người lao động, khách hàng, cơ quan quản lý và Cộng đồng bị Ảnh hưởng tại địa phương.</p>	<p>1. Các bên có quyền lợi liên quan chính được xác định cũng bao gồm các tổ chức phi chính phủ (NGO) và tổ chức xã hội dân sự (CSO) trong nước.</p>	<p>1. Quy trình chính thức để lập bản đồ các bên có quyền lợi liên quan và định nghĩa mở rộng về các bên có quyền lợi liên quan bao gồm người lao động theo hợp đồng, người lao động của các chuỗi cung ứng cơ bản, và NGO và CSO quốc tế.</p>	<p>1. Lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan, kể cả việc tích hợp nội dung này với chiến lược và việc thiết lập mục tiêu.</p>
<p>Xác định các bên có quyền lợi liên quan</p> <p>Chính sách Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan</p>	<p>2. Có chính sách và quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan (SE).</p>	<p>2. Chính sách và chiến lược SE bao gồm quy trình phân tích các bên có quyền lợi liên quan, áp dụng phương pháp tiếp cận khác biệt đối với các nhóm ưu tiên, yêu cầu công bố thông tin và tham vấn hai chiều, và báo cáo.^a</p>	<p>2. Cam kết đối với SE phải được công bố rõ ràng cho nhà đầu tư, nhà cung cấp và cộng tác viên thông qua bộ quy tắc ứng xử, nêu rõ kỳ vọng về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và nhân quyền.</p> <p>3. Hoạt động SE được đưa vào yêu cầu đối với các nhà cung cấp chính.</p> <p>4. Hoạt động và kết quả SE được tính đến trong quy trình ra quyết định của HĐQT và báo cáo ra bên ngoài.</p>
<p>Cơ chế Giải quyết Khiếu nại của Người lao động</p>	<p>3. Cơ chế khiếu nại cơ bản cho người lao động.</p>	<p>3. Ban điều hành thường xuyên trả lời khiếu nại của người lao động và lao động hợp đồng.</p>	<p>5. Các vấn đề được nêu thông qua cơ chế khiếu nại đối với người lao động được phân tích và giải quyết với sự tham gia của đại diện người lao động.</p> <p>6. HĐQT thường xuyên được thông báo về kết quả và xu hướng khiếu nại.</p>
<p>Công đồng bị Ảnh hưởng Khiếu nại của các nhóm</p> <p>Cơ chế giải quyết Khiếu nại của các nhóm</p>	<p>4. Có Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài để phản hồi các câu hỏi và phản nản của các bên có quyền lợi liên quan, và có cơ chế khiếu nại nếu có các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng.</p>	<p>4. Quy trình truyền thông được công bố và các bên liên quan có thể tiếp cận rộng rãi.^b</p> <p>5. Cơ chế khiếu nại tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết quan ngại của các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng.</p> <p>6. Nhân sự chuyên trách quản lý tương tác với các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng có trách nhiệm rõ ràng, được đào tạo, và có tuyến báo cáo trực tiếp cho ban điều hành và HĐQT.</p> <p>7. Chính sách SE được đưa vào yêu cầu đối với nhà đầu tư.</p> <p>8. Những vấn đề của các bên có quyền lợi liên quan chưa được giải quyết cần có kế hoạch hành động ở cấp Ban điều hành.</p>	<p>7. Ban điều hành thực hiện phân tích định kỳ đối với các khiếu nại để xác định xu hướng và nguyên nhân gốc rễ.</p> <p>8. Lãnh đạo cấp cao chủ động tham gia thảo luận quốc tế trong ngành về các chủ đề có liên quan.</p> <p>9. SE và báo cáo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (Chuẩn mực AA 1000 về Nguyên tắc Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và Trách nhiệm giải trình và ISO 26000).</p>

^a Tham vấn với Chuyên gia Xã hội để quyết định chất lượng của chính sách, chiến lược, và quy trình SE, nếu phù hợp.

^b Tham vấn với Chuyên gia Xã hội để đánh giá liệu quy trình truyền thông có đầy đủ để (a) tiếp nhận và ghi nhận các tương tác với công chúng; (b) đánh giá các vấn đề được nêu và quyết định phương án phản hồi; (c) cung cấp và ghi nhận phản hồi, nếu có; và (d) điều chỉnh chương trình quản lý, nếu cần thiết và thích hợp.

Thông lệ Quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3) khuyến nghị doanh nghiệp áp dụng một quy trình chính thức khi xác định các bên có quyền lợi liên quan. Doanh nghiệp cũng nên áp dụng định nghĩa mở rộng về các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm người lao động theo hợp đồng, người lao động của các chuỗi cung ứng chính, các dự án lân cận, và các NGO và CSO quốc tế.

Theo THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4), lãnh đạo cấp cao phải chịu trách nhiệm về quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan và đảm bảo tích hợp vấn đề này vào công tác thiết lập mục tiêu và chiến lược.

Báo cáo cũng cần giải thích các vấn đề gắn với từng nhóm có quyền lợi liên quan. Trong Ví dụ 2.35, Vopak, một công ty vận tải Hà Lan, mô tả các bên có quyền lợi liên quan chính của công ty và các loại vấn đề ảnh hưởng đến các bên này.

2.5.3 Quản lý và điều hành

Báo cáo cần làm rõ việc người lao động hoặc lãnh đạo cấp cao, hoặc cả hai, chịu trách nhiệm về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả các hoạt động cụ thể và kết quả.

Báo cáo cũng nên mô tả vai trò của HĐQT trong giám sát việc ban điều hành tương tác với các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cơ chế khiếu nại và đối thoại với các bên có quyền lợi liên quan chính. Nội dung này cũng bao gồm việc đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại hoạt động hiệu quả, không có hành vi trả đũa, và số lượng khiếu nại phản ánh sự cố thực tế thay vì chỉ đề cập đến việc người lao động hoặc các bên có quyền lợi liên quan khác cảm thấy thuận tiện khi sử dụng cơ chế này.

Ví dụ 2.35: Xác định các bên có quyền lợi liên quan - Báo cáo Thường niên Vopak 2016

Các nhóm có quyền lợi liên quan

Chúng tôi đánh giá lại các bên có quyền lợi liên quan có khả năng gây tác động hoặc có ảnh hưởng đến kinh doanh và những người có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động của chúng tôi. Danh sách đầy đủ các bên có quyền lợi liên quan khác nhau được phân loại thành các nhóm dựa trên lợi ích chung. Kết quả là có tổng số chín nhóm có quyền lợi liên quan được xác định:

Nhóm có quyền lợi liên quan	Kỳ vọng	Chủ đề chính
Khách hàng	Ngày càng yêu cầu cao về bền vững và yêu cầu Vopak, một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, tối thiểu phải có chính sách phát triển bền vững phù hợp với chính sách phát triển bền vững của khách hàng.	<ul style="list-style-type: none"> Liêm chính và đạo đức kinh doanh An toàn trong quy trình Sức khỏe và an toàn lao động
Đối tác kinh doanh	Tim kiếm quan hệ lâu dài để hiện thực hóa tăng trưởng dựa trên tin tưởng lẫn nhau và tạo ra giá trị.	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng thông lệ tốt nhất An toàn trong quy trình Mức độ chấp nhận và mong muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ/sản phẩm của khách hàng
Cơ quan có thẩm quyền	Ban hành quy định chặt chẽ hơn và tăng cường kiểm tra toàn ngành.	<ul style="list-style-type: none"> Tính chính trực và đạo đức kinh doanh An toàn trong quy trình Phát thải VOC, ô nhiễm đất và nước ngầm và ô nhiễm nước
Thị trường tài chính và vốn	Ngày càng đánh giá cao về dài hạn đối với các công ty hướng đến lợi nhuận bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả tài chính Các mối đe dọa về an ninh (mạng) An toàn trong quy trình
Các cộng đồng lân cận và cộng đồng địa phương	Ngày càng yêu cầu Vopak phải tương tác với họ để giải quyết các vấn đề như mùi hôi.	<ul style="list-style-type: none"> Phát thải VOC, ô nhiễm đất và nước ngầm và ô nhiễm nước Tính chính trực và đạo đức kinh doanh An toàn trong quy trình
NGO	Các tổ chức phi chính phủ kỳ vọng Vopak là đối tác có trách nhiệm, minh bạch, hợp tác, và đáng tin cậy.	<ul style="list-style-type: none"> Phát thải VOC, ô nhiễm đất và nước ngầm và ô nhiễm nước Tính chính trực và đạo đức kinh doanh An toàn trong quy trình
Người lao động	Đánh giá cao một công ty biết quan tâm, giúp đỡ phát triển tài năng, và tổ chức các chương trình đào tạo để phát triển đầy đủ tiềm năng của mỗi cá nhân.	<ul style="list-style-type: none"> Tính chính trực và đạo đức kinh doanh Kết quả tài chính Các mối đe dọa về an ninh (mạng)
Quản lý cấp cao	Xác định chiến lược chung dài hạn về "Giấy phép hoạt động" và các kế hoạch mở rộng công ty.	<ul style="list-style-type: none"> Tính chính trực và đạo đức kinh doanh An toàn trong quy trình Các mối đe dọa an ninh (mạng)
Nhà cung cấp	Nhà cung cấp sản phẩm đánh giá cao quan hệ lâu dài. Nhà cung cấp dịch vụ (nhà thầu) kỳ vọng về không gian làm việc an toàn, có lợi cho sức khỏe, và đối xử công bằng.	<ul style="list-style-type: none"> Sức khỏe và an toàn lao động An toàn trong quy trình Tính chính trực và đạo đức kinh doanh

Nguồn: Vopak.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

Tiêu chuẩn về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan AA1000 là khuôn khổ để đánh giá, thiết kế, thực hiện và truyền thông về tương tác với các bên có quyền lợi liên quan. Mục đích của tiêu chuẩn này là thiết lập các tiêu chuẩn về tương tác có chất lượng với các bên có quyền lợi liên quan.

Chuẩn mực Hoạt động số 1 của IFC tích hợp sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan làm cơ sở để xây dựng quan hệ vững chắc, mang tính xây dựng và nhanh nhạy, có vai trò thiết yếu trong quản lý thành công các tác động môi trường và xã hội của dự án (hoặc công ty). Cần có quy trình tương tác với các bên có quyền lợi liên quan mạnh mẽ và toàn diện hơn nhiều tiêu chuẩn về hệ thống quản lý khác nhằm thiết lập và duy trì mối quan hệ có tính xây dựng với nhiều bên có quyền lợi liên quan bên ngoài, đặc biệt là cộng đồng địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án.

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) khuyến nghị đưa chính sách và quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan vào yêu cầu đối với nhà thầu và nhà cung cấp chính.

2.5.4 Cơ chế khiếu nại và truyền thông ra bên ngoài

Báo cáo cần mô tả những cơ chế của doanh nghiệp để trả lời câu hỏi hoặc khiếu nại của các bên có quyền lợi liên quan một cách kịp thời, bao gồm các cơ chế khiếu nại và tố giác cho cả các bên có quyền lợi liên quan trong và ngoài doanh nghiệp.

Báo cáo cần mô tả các chính sách và cơ chế báo cáo sai phạm, các loại khiếu nại nhận được, và các vấn đề nổi bật. Nên có KPI về số lượng khiếu nại nhận được và số lượng đã được giải quyết.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), các vấn đề do người lao động nêu ra thông qua cơ chế khiếu nại cần được giải quyết cùng với sự tham gia của đại diện người lao động. Khiếu nại và phản nản, cũng như phản hồi của công ty, cần được ghi nhận để đảm bảo công tác giải quyết các quan ngại, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến Cộng đồng bị Ảnh hưởng được thực hiện, và tài liệu này phải được cập nhật tối thiểu hàng năm. Cần có kế hoạch hành động của cấp quản lý đối với những vấn đề chưa được giải quyết.

Theo **THÔNG LỆ TIÊN PHONG** (Ma trận Cấp 4), truyền thông ra bên ngoài và sự tham gia của các bên có quyền

lợi liên quan phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận, như Tiêu chuẩn về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan AA1000, Nguyên tắc Trách nhiệm Giải trình, hoặc ISO 26000. Truyền thông phải được thực hiện với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu.

Ví dụ 2.36 ở trang tiếp theo mô tả việc quản lý sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan tại Tata Motors, một công ty ô tô Ấn Độ. Báo cáo cung cấp chi tiết về cơ chế tương tác cũng như tần suất và phương thức tương tác cho các nhóm có quyền lợi liên quan chính.

Nhìn chung, ban điều hành cần thực hiện phân tích định kỳ đối với các khiếu nại để xác định xu hướng và nguyên nhân gốc rễ, vì ban điều hành nắm rõ về hoạt động và chủ đề tham gia của các bên có quyền lợi liên quan ở phạm vi quốc tế trong ngành.

2.5.5 Tích hợp Phát triển Bền vững

Tương tác thường xuyên với các bên có quyền lợi liên quan có thể góp phần bảo đảm rằng các mục tiêu về phát triển bền vững đã đủ tham vọng và các vấn đề mới nổi được hiểu chính xác và quản lý phù hợp. Tương tác này với các bên có quyền lợi liên quan giúp doanh nghiệp chuẩn bị được các báo cáo đầy đủ và đáng tin cậy.

Theo **THÔNG LỆ TỐT NHẤT**, cần cân nhắc lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan khi thiết lập chiến lược phát triển bền vững hoặc tích hợp những lợi ích này vào chiến lược quản lý, cũng như các ưu tiên và quy trình quản lý.

NGUỒN TÀI LIỆU VỀ THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Cơ chế Khiếu nại

Chuẩn mực Hoạt động của IFC quy định về cơ chế khiếu nại nội bộ và bên ngoài:

- **Cơ chế khiếu nại bên ngoài** phải được thiết lập để tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết lo ngại và khiếu nại của các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng đối với hoạt động môi trường và xã hội của khách hàng (Chuẩn mực Hoạt động số 1).
- **Cơ chế khiếu nại nội bộ** phải được cung cấp cho người lao động, bao gồm cả người lao động theo hợp đồng - để họ có thể nêu lên những lo ngại tại nơi làm việc mà không bị trả đũa (Chuẩn mực Hoạt động số 2).

Ví dụ 2.36: Các Bên có Quyền lợi liên quan và Phát triển Bền vững - Báo cáo Thường niên Tata Motors 2015

Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan tại TML				
Các nhóm có quyền lợi liên quan	Cơ chế Tương tác	Tần suất Tương tác	Các vấn đề chính cần quan tâm	Đánh giá Phản hồi
Người lao động	Hợp Khởi động và Kết thúc; Truyền thông theo chiều ngang; Triển khai theo chiều ngang; Đánh giá cải thiện hàng tuần/ hàng tháng; Công bố; Diễn đàn nhân sự; Công cụ Q12; Hợp Bỏ cách Cấp độ; Hợp toàn Công ty; Thảo luận theo Nhóm Trọng tâm	Hàng năm; Hàng quý; Hàng tháng; Hàng tuần	Truyền đạt các quyết định về chính sách và đề nghị phản hồi; thông báo kết quả hoạt động; Báo cáo Phương tiện Truyền thông, Các Vấn đề Lao động	Khảo sát về sự hài lòng của người lao động; Đánh giá kết quả hoạt động; Khảo sát Nội bộ
Cộng đồng	Hợp với cộng đồng địa phương; điều trần công khai	Hàng quý; Hàng ngày	Truyền thông về các sáng kiến phát triển cộng đồng; ghi nhận các lo ngại của xã hội	Biên bản họp; kế hoạch hành động; thư phản hồi
Nhà cung ứng/ Nhà cung cấp dịch vụ	Ngày Công nghệ, Hợp với Nhà cung cấp, Chương trình Phối hợp, Sự kiện Kaizen, Tham gia NPI, Phân tích và Dữ liệu của Đối thủ Cạnh tranh; Hội đồng Nhà cung cấp; Cố vấn Nhà cung cấp	Hàng năm; hàng quý	Cung cấp sản phẩm chất lượng; quản lý thời gian; tuân thủ bộ quy tắc ứng xử và chính sách khác của Tata Motor.	Xếp hạng nhà cung cấp; xét duyệt của HĐQT; Khảo sát sự hài lòng của nhà cung cấp
Đại diện các nhóm quan điểm	Hợp với từng cá nhân	Trên cơ sở nhu cầu	Tuân thủ quy định, tuân thủ tiêu chuẩn ngành	Biên bản họp, kế hoạch hành động
Phương tiện truyền thông	Tương tác thường xuyên	Liên tục	Truyền thông về kết quả của công ty và đề nghị phản hồi	Biên bản họp, kế hoạch hành động
Đại lý và trung tâm dịch vụ	Hợp đại lý. Chương trình Phối hợp, Sự kiện Kaizen, Tham gia QFD và NPI, Dữ liệu và phân tích đối thủ cạnh tranh, Chương trình đào tạo đặc biệt; Hội đồng đại lý; Thăm đại lý; Kiểm toán	Hàng năm; Hàng quý; Hàng ngày	Xây dựng năng lực và bí quyết kỹ thuật; cải thiện và trả lời tốt hơn cho khách hàng;	Khảo sát mức độ hài lòng của đại lý
Khách hàng	Gặp gỡ khách hàng; Quy trình tài khoản chính; Khảo sát; Cuộc gọi phản hồi, Diễn đàn đào tạo; Thăm Trực tiếp	Trên cơ sở nhu cầu	Hiệu phản hồi sản phẩm; giải quyết khiếu nại; đề xuất phát triển sản phẩm;	Chỉ số Hài lòng của Khách hàng; Khảo sát của JD Power
Nhà đầu tư và Cổ đông	Hợp nhà đầu tư; Kêu gọi nhà đầu tư; Chương trình lưu động, Diễn đàn Khiếu nại của Nhà đầu tư/Cổ đông, Ủy ban Đạo đức	Hàng năm; Hàng quý; Theo nhu cầu	Kết quả tài chính; chiến lược chung cho tương lai; thông tin phản hồi và giải quyết các lo ngại	Biên bản họp, kế hoạch hành động
Cơ quan Chính phủ	Hợp trực tiếp với từng doanh nghiệp; Hợp trong Diễn đàn Công nghiệp	Theo nhu cầu	Xây dựng quan hệ; đánh giá của chính phủ về những hạn chế của ngành; thảo luận về lộ trình tương lai	Biên bản họp, kế hoạch hành động

Nguồn: Tata Motors.

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

Báo cáo kết quả hoạt động cung cấp một loạt các thông tin tài chính, hoạt động và phát triển bền vững, gắn kết quả với chiến lược rộng hơn và cách thức công ty tạo ra giá trị trong tương lai.

Báo cáo tài chính cung cấp dữ liệu lịch sử về hoạt động tài chính và vị thế của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, với thông tin về thu nhập, dòng tiền, tài sản, nợ phải trả, và vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) hoặc chuẩn mực quốc gia khác theo quy định.

Báo cáo phát triển bền vững chủ yếu mang tính tự nguyện và cung cấp cái nhìn tổng quan về kết quả các chỉ số mà doanh nghiệp theo dõi trong khuôn khổ quản lý các vấn đề phát triển bền vững quan trọng của doanh nghiệp.

Mẫu Cấu trúc Báo cáo Thường niên

1. Chiến lược

- Mô hình và Môi trường Kinh doanh
- Mục tiêu Chiến lược
- Phân tích và Ứng phó với Rủi ro
- Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững
- Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính

2. Quản trị Công ty

- Lãnh đạo và Văn hóa: Cam kết về ESG
- Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Môi trường Kiểm soát
- Đối xử với Cổ đông Thiếu số
- Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. Tình hình Tài chính và Kết quả Hoạt động

- Báo cáo Kết quả Hoạt động
- Báo cáo Tài chính
- Báo cáo Phát triển Bền vững

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT cần giám sát công tác lập báo cáo tài chính và phi tài chính. Nội dung giám sát bao gồm mọi thông tin trong báo cáo thường niên liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị và phát triển bền vững hoặc báo cáo phát triển bền vững riêng nếu có. Hoặc ủy ban E&S/phát triển bền vững thuộc HĐQT có thể xét duyệt thông tin ESG trong báo cáo thường niên.

3.1 Báo cáo Kết quả Hoạt động

Báo cáo kết quả hoạt động trình bày các phân tích về kết quả hoạt động hàng năm và tình hình tài chính và phi tài chính vào cuối năm của doanh nghiệp, bao gồm kết quả đạt được về phát triển bền vững. Báo cáo này cũng cung cấp những thảo luận của ban điều hành về cách thức công ty hoạt động và trình bày về chỉ số hoạt động chính. Phần này giới thiệu và cung cấp bối cảnh cho báo cáo tài chính và báo cáo phát triển bền vững, là các báo cáo trình bày chính thức về tình hình và kết quả cuối năm của doanh nghiệp.

3.1.1 Trình bày về Kết quả Tài chính và kết quả Phát triển Bền vững

Báo cáo nên có nội dung trình bày của ban điều hành về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và thiết lập mối quan hệ rõ

ràng giữa kết quả tài chính và các yếu tố chính tác động đến kết quả tài chính, bao gồm thông tin về phát triển bền vững.

Kết quả Tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cần có nội dung phân tích chuyên sâu về kết quả tài chính, bao gồm kết quả đạt được so với các chỉ số hoạt động chính (KPI) và số liệu tài chính chi tiết hơn sử dụng để tính KPI. Mục này cũng cần có nội dung diễn giải về kết quả tài chính tương ứng với chiến lược, mô hình kinh doanh, môi trường kinh doanh và phần khúc kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhu cầu Tài chính

Báo cáo cần có thông tin về nhu cầu, kế hoạch và hoạt động tài chính, bao gồm yêu cầu về tính thanh khoản và chi phí vốn cho năm tiếp theo. Tổng quát hơn, báo cáo sẽ hữu ích hơn khi trình bày cách thức dòng tiền luân chuyển trong toàn tổ chức cũng như đánh giá nguồn tài chính cho các kế hoạch hiện tại, bao gồm việc tăng hay giảm sử dụng nguồn tài trợ bên ngoài.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo của Ban điều hành và KPI

Yêu cầu quốc tế về công bố thông tin nhấn mạnh tầm quan trọng của phần báo cáo bằng lời thể hiện quan điểm của ban điều hành, ví dụ như **Báo cáo Chiến lược** theo quy định tại Vương quốc Anh và **Thảo luận và Phân tích của Ban điều hành** tại Hoa Kỳ.

Luật Doanh nghiệp Anh 2006 quy định rằng mục đánh giá doanh nghiệp “ở mức độ cần thiết để cung cấp thông tin về quá trình phát triển, cần phải thể hiện kết quả hoặc tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- phân tích các chỉ số hoạt động chính về tài chính, và
- nếu phù hợp, phân tích các chỉ số kết quả chính khác, bao gồm thông tin liên quan đến các vấn đề môi trường và người lao động.”

Đầu tư và Các Sáng kiến

Mặc dù các hoạt động kinh doanh và các khoản đầu tư chính thường được giới thiệu trong phần chiến lược của báo cáo, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể cung cấp thông tin sâu hơn, bao gồm cả kết quả đạt được (thực tế và hy vọng) của khoản đầu tư hoặc hoạt động - kết quả hoạt động trong những năm vừa qua, kết quả tại thời điểm hiện tại, và sự phù hợp của kết quả với chiến lược rộng lớn hơn.

Báo cáo kết quả hoạt động sẽ có giá trị hơn khi có nội dung thảo luận về những thách thức hoặc rủi ro liên quan đến đầu tư hoặc hoạt động, và cách thức giải quyết. Đôi khi, nội dung mô tả chi tiết hơn về những dự án hoặc khoản đầu tư quan trọng nhất định có thể được cung cấp cùng các nội dung chung về kết quả hoạt động.

Nguồn lực Vô hình

Phần nhiều kết quả hoạt động của doanh nghiệp có thể phụ thuộc vào những nguồn lực không xuất hiện trong báo cáo tài chính. Trên thực tế, phần lớn giá trị thị trường của doanh nghiệp ngày nay là do nguồn lực vô hình mang lại (Ocean Tomo 2015). Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cần ghi nhận mọi nguồn lực phi tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả hoạt động. Những nguồn lực này có thể bao gồm thương hiệu và danh tiếng của doanh nghiệp, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, vị thế thị trường, và vốn và tài sản trí thức, bao gồm bằng sáng chế, bản quyền và thương hiệu.

Những Thay đổi hoặc Xu hướng Trọng yếu

Báo cáo cần thảo luận về những thay đổi trọng yếu về tình hình tài chính hoặc tác động tài chính của các vấn đề ESG và KPI – nội dung thay đổi, lý do thay đổi, và liệu thay đổi đó xuất phát từ một sự kiện bất thường hay xu hướng dài hạn. Khi thảo luận về kết quả định lượng đáng chú ý, cũng nên cung cấp thông tin định lượng về các yếu tố chính giúp đạt được kết quả đó.

Thông tin Dự báo

Báo cáo cần đưa ra kỳ vọng về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và kế hoạch gia tăng giá trị trong tương lai. Trong ví dụ 3.1, Novo Nordisk, một doanh nghiệp dược phẩm của

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Chuẩn mực Báo cáo Quốc tế

Theo Bộ Nguyên tắc G20/OECD, “nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến những thông tin giúp họ có thể hiểu và đánh giá được hiệu quả kinh tế của công ty trong tương lai.” Bộ nguyên tắc cũng lưu ý rằng mục tiêu của doanh nghiệp cần được công bố cùng với thông tin tài chính, và khuyến khích cung cấp phân thảo luận về thông tin tài chính đó và một số biện pháp đo lường hiệu quả phi tài chính.

Hướng dẫn của Hội đồng Báo cáo Tài chính (Vương quốc Anh) về Báo cáo Chiến lược bao gồm một số yếu tố sau:

- Phân tích kết quả hoạt động hàng năm, hiện trạng, vị thế vào thời điểm cuối năm, KPI, cả tài chính và phi tài chính;
- Mô tả về rủi ro chính và những biến động mà công ty phải đối mặt, xu hướng, và các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động trong tương lai.

Hướng dẫn của ICSA, trong nội dung về báo cáo thường niên của doanh nghiệp Anh, có các mục sau đây:

- **Phân tích về**
 - Phát triển và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm tài chính,
 - Tình hình của công ty tại thời điểm cuối năm;
- **Xu hướng và các yếu tố** có khả năng ảnh hưởng đến phát triển, kết quả hoạt động, hoặc tình hình của doanh nghiệp trong tương lai, ở mức độ cần thiết để hiểu về doanh nghiệp.

Ví dụ 3.1: Kỳ vọng Tương lai - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016

TRIỂN VỌNG 2017

Kỳ vọng hiện tại cho năm 2017 được tóm tắt trong bảng dưới đây:

**NẾU KHÔNG CÓ ĐỀ CẬP KHÁC,
KỲ VỌNG NHƯ BÁO CÁO**

**KỲ VỌNG
02/02/2017**

Tăng trưởng doanh số	
• bằng nội tệ	-1% đến 4%
• theo báo cáo	Cao hơn khoảng 2 điểm phần trăm
Tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	
• bằng nội tệ	-2% đến 3%
• theo báo cáo	Cao hơn khoảng 2 điểm phần trăm
Lợi nhuận ròng	Lỗ khoảng 2,4 tỷ DKK
Thuế suất thực tế	21% - 23%
Chi phí vốn	Khoảng 10,0 tỷ DKK
Khấu hao và lỗ do suy giảm giá trị	Khoảng 3 tỷ DKK
Dòng tiền thuần	29 - 33 tỷ DKK

Nguồn: Novo Nordisk.

Đan Mạch, trình bày triển vọng năm 2017 cho các chỉ số hoạt động chính về tài chính.

Kết quả Phát triển Bền vững

Báo cáo về kết quả phát triển bền vững sẽ cung cấp toàn cảnh về mức độ doanh nghiệp đáp ứng các mục tiêu về phát triển bền vững, bao gồm việc quản lý các cơ hội và rủi ro về môi trường và xã hội và mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan chính.

Báo cáo cần cung cấp thông tin về kết quả quản lý các vấn đề E&S cốt lõi, bao gồm các nỗ lực giảm thiểu tác động của các vấn đề này. Ví dụ, nếu doanh nghiệp tham gia thu hồi đất và tái định cư bắt buộc, báo cáo phải mô tả các bước để không gây khó khăn và nghèo đói cho Cộng đồng bị Ảnh hưởng. Báo cáo cũng cần mô tả những ảnh hưởng về môi trường và tác động kinh tế xã hội bất lợi ở những nơi mà cộng đồng phải di dời.

Nếu doanh nghiệp xác định rằng doanh nghiệp phải đối mặt với các vấn đề phát triển bền vững cụ thể ở các khu vực nhạy cảm về môi trường hoặc xã hội, báo cáo kết quả hoạt động cần có mô tả định tính về các bước doanh nghiệp đã thực hiện để tránh hoặc giảm thiểu những rủi ro cụ thể đó.

Thông tin về kết quả hoạt động phải dựa trên các biện pháp định lượng ở mức tối đa (hoặc sử dụng KPI), về tác động hoặc nỗ lực của doanh nghiệp, để tránh, giảm nhẹ, hoặc giảm thiểu tác động. Nội dung này nên được bổ sung bằng thông tin định tính để giải thích bối cảnh, xu hướng và những thông tin mà con số chưa truyền tải được. Nếu không thể lượng hóa kết quả hoạt động, báo cáo nên mô tả về các nỗ lực và kết quả đạt được.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), Ủy ban kiểm toán hoặc ủy ban E&S/phát triển bền vững thuộc HĐQT cần giám sát việc lập báo cáo và kiểm toán tài chính và phi tài chính, bao gồm thông tin ESG trong báo cáo thường niên.

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) yêu cầu việc công bố thông tin phi tài chính tuân thủ các chuẩn mực quốc tế cao nhất, như chuẩn mực GRI, IIRC và SASB, và thông tin ESG phải được soát xét độc lập.

3.1.2 Chỉ số Hoạt động Chính KPI

Báo cáo kết quả hoạt động cần trình bày kết quả của doanh nghiệp dựa trên các KPI (được giới thiệu trong mục Chiến lược của báo cáo) trong ba năm tài chính gần nhất. Phạm vi của thông tin được báo cáo phải rõ ràng, đặc biệt nếu có khác biệt giữa các năm. Mọi thay đổi về phạm vi thông tin cần được giải thích.

Báo cáo về những KPI được thiết lập trong quá trình xây dựng chiến lược tạo ra một báo cáo kết quả hoạt động duy nhất, có liên quan chặt chẽ với mô hình kinh doanh và bối cảnh của doanh nghiệp, chiến lược và rủi ro trọng yếu mà doanh nghiệp phải đối mặt. (tham khảo “Sử dụng KPI trong Quy trình Xây dựng Chiến lược tại mục 1.2. Mục tiêu Chiến lược, trang 22 của Bộ Công cụ này.)

KPI Tài chính

KPI tài chính là các hệ số và chỉ số đo lường khác về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong quản lý vốn tài chính và tạo ra lợi nhuận cho nhà đầu tư.

KPI tài chính bao gồm một số mục trong báo cáo tài chính, bao gồm doanh thu, EBITDA (lợi nhuận trước lãi vay, thuế,

và khấu hao), dòng tiền thuần và EPS (lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu), cũng như các chỉ số hoặc hệ số tài chính thường dùng khác, như chỉ số P/E (giá trên lợi nhuận một cổ phiếu) và TSR (tổng lợi nhuận của cổ đông).



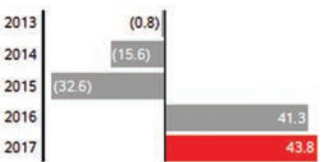
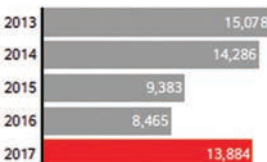
Ví dụ 3.2 thể hiện nội dung báo cáo về KPI tài chính của Rio Tinto, một doanh nghiệp khai thác khoáng sản Anh-Úc, với giải thích chi tiết về phương pháp tính và liên hệ

với chiến lược.

KPI hoạt động

KPI hoạt động đo lường kết quả hoạt động của doanh nghiệp – nghĩa là mức độ hiệu quả trong hoạt động và cung cấp sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp. KPI hoạt động có thể là KPI chung và cụ thể theo ngành. Ví dụ, *năng lực và tỷ lệ sử dụng, sự hài lòng của khách hàng, sự hài lòng của người*

Ví dụ 3.2: KPI Tài chính – Báo cáo Thường niên Rio Tinto 2017

Tổng lợi nhuận cổ đông (5 năm) (TSR) ^(a)	Dòng tiền thuần từ hoạt động ^(b)
%	Triệu Đô la Mỹ
 <p>Phù hợp với chiến lược</p> <p>Mục tiêu của chúng tôi là tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông. KPI này đo lường kết quả về khía cạnh giá trị cổ đông trong một giai đoạn. Chúng tôi cũng đo lường kết quả TSR so với Chỉ số Khai mỏ Toàn cầu Euromoney của các công ty tương đương và Chỉ số Thế giới MSCI của các công ty toàn cầu lớn.</p>	 <p>Phù hợp với chiến lược</p> <p>Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là chỉ số đo lường thể hiện sự chuyển đổi thu nhập thành tiền mặt. Chỉ số này đo lường khả năng hoạt động kinh doanh của công ty tạo ra tiền mặt để tài trợ cho đầu tư, giảm nợ và hoàn lại tiền mặt cho cổ đông.</p>
<p>Kết quả hoạt động</p> 	<p>Kết quả hoạt động</p> 
<p>Kết quả TSR của Rio Tinto từ 2013 đến 2017 chịu tác động chủ yếu của biến động về giá hàng hóa và thay đổi của môi trường vĩ mô toàn cầu. Giá cổ phiếu của Rio Tinto plc và Rio Tinto Limited phục hồi đáng kể vào năm 2017, nhờ mức giá cao hơn của hầu hết các loại hàng hóa và cải thiện vững chắc về triển vọng kinh tế toàn cầu. Tập đoàn đạt kết quả cao hơn Chỉ số Khai mỏ Toàn cầu Euromoney của các công ty tương đương trong giai đoạn 5 năm ở mức 34 điểm phần trăm, nhưng có kết quả thấp hơn đáng kể so với Chỉ số Thế giới MSCI trong cùng giai đoạn.</p>	<p>Dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh đạt 13,9 triệu USD, cao hơn 64% so với năm trước, chủ yếu do mức giá cao hơn, mặc dù có bị giảm một phần vì khoản thuế phải trả cao hơn do lợi nhuận cao hơn.</p>
<p>Định nghĩa</p> <p>TSR kết hợp mức tăng giá cổ phiếu, cổ tức chi trả và lợi nhuận tái đầu tư, để thể hiện tổng lợi nhuận cho cổ đông.</p>	<p>Định nghĩa</p> <p>Dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh là tiền mặt được tạo ra từ hoạt động hợp nhất của Tập đoàn, sau khi nhận cổ tức từ các đơn vị mà Tập đoàn đầu tư và thanh toán lãi vay, thuế, và cổ tức cho các cổ đông thiểu số trong các công ty con.</p>
<p>Rủi ro liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro thị trường, như biến động giá hàng hóa và tỷ giá hối đoái. - Rủi ro các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm hành động của đối tác liên doanh, các bên thứ ba, và chính phủ. 	<p>Rủi ro liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro thị trường, như biến động giá hàng hóa và tỷ giá hối đoái. - Rủi ro vận hành, dự án, và con người, bao gồm việc thực hiện nâng cao năng suất. - Rủi ro các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm hành động của đối tác liên doanh, các bên thứ ba, và chính phủ.
<p>Gắn với lương thưởng của Ban điều hành</p> <p>Chỉ số TSR tương đương trong giai đoạn 5 năm, được so sánh với Chỉ số Khai mỏ Toàn cầu Euromoney và Chỉ số Thế giới MSCI, là các chỉ số đo lường kết quả được tính đến trong kế hoạch lương thưởng dài hạn cho Ban điều hành.</p>	<p>Gắn với lương thưởng của Ban điều hành</p> <p>Dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh là một cấu phần của chỉ số đo lường kết quả tài chính dựa trên dòng tiền tự do, được tính đến trong kế hoạch lương thưởng ngắn hạn dành cho Ban điều hành. Trong dài hạn, chỉ số đo lường này ảnh hưởng đến TSR, được tính đến trong kế hoạch lương thưởng dài hạn cho Ban điều hành. Tham khảo Báo cáo Lương thưởng trang 80.</p>
<p>Kế hoạch tương lai</p> <p>Ban điều hành sẽ tiếp tục tập trung tạo ra dòng tiền tự do từ hoạt động kinh doanh với mục tiêu tối đa hóa giá trị cổ đông, cân đối giữa lợi nhuận trả bằng tiền mặt cho cổ đông và đầu tư vào kinh doanh.</p>	<p>Kế hoạch tương lai</p> <p>Tập đoàn đang hướng đến mục tiêu dòng tiền tự do tăng thêm 5 tỷ USD từ chương trình nâng suất 5 năm 2017-2021.</p>
<p>Để biết thêm thông tin</p> <p>► 94</p>	<p>Để biết thêm thông tin</p> <p>► 114</p>

Nguồn: Rio Tinto.

lao động, và tỷ lệ lao động nghỉ việc là những chỉ số phổ biến về kết quả hoạt động trong hầu hết các ngành. Ví dụ về các chỉ số KPI cụ thể theo ngành bao gồm *tỷ lệ dự trữ thay thế* cho doanh nghiệp dầu khí, *tỷ lệ khách hàng rời bỏ dịch vụ* trong ngành viễn thông, *doanh số trên mỗi mét vuông* trong bán lẻ, và *tài sản đang quản lý* trong tài chính.

Trong Ví dụ 3.3, SAB Miller, một công ty thực phẩm và đồ uống của Anh, trình bày ngắn gọn trong một trang các thông tin về chiến lược, KPI và kết quả hoạt động gần đây của công ty, cung cấp bức tranh rõ ràng về những nội dung trọng yếu. Những mục tiêu cụ thể thể hiện rõ về triển vọng và thách thức trong tương lai. Bức tranh tổng quan này được diễn giải chi tiết ở phần thảo luận mô tả về mô hình và chiến lược kinh doanh hướng đến khu vực của doanh nghiệp.

KPI về Phát triển Bền vững

Báo cáo cân tóm tắt kết quả của các KPI về môi trường và xã hội có liên quan nhất (hoặc “trọng yếu”) đối với doanh nghiệp. Tóm tắt về KPI trong báo cáo kết quả hoạt động phải gắn với - và đưa ra giải thích và bối cảnh cho - báo cáo phát triển bền vững. Báo cáo phát triển bền vững này sẽ cung cấp một bộ chỉ số toàn diện hơn về môi trường, xã hội và quản trị. (Để biết thêm thông tin về cách kết nối phần tóm tắt về KPI trong báo cáo kết quả hoạt động với báo cáo phát triển bền vững, tham khảo mục 3.3. *Báo cáo Phát triển Bền vững*, trang 109 của Bộ Công cụ này, kể cả các bảng thông tin trong mục đó. Để có thêm hướng dẫn về công bố thông tin KPI, tham khảo mục 1.5. *Giới thiệu Chỉ số Hoạt động Chính*, trang 49 của Bộ Công cụ này.)

Ví dụ 3.3: Tổng quan về KPI: Mục tiêu Tài chính, Thương mại và Chiến lược - Báo cáo Thường niên SAB Miller 2016

Kết quả theo tiến độ của chúng tôi				
Nội dung đo lường	Tại sao cần đo lường	Kết quả thực hiện		
Mục tiêu tài chính		2016	2015	2014
Tổng lợi nhuận để lại cao hơn mức trung bình của nhóm doanh nghiệp tương đương trong giai đoạn năm năm	Giám sát giá trị được tạo ra cho cổ đông trong thời gian dài hơn so với các khoản đầu tư khác trong ngành đồ uống, phù hợp với mục tiêu kinh doanh của chúng tôi	13% điểm	36% điểm	98% điểm
Tăng trưởng tỷ lệ thu nhập điều chỉnh trên cổ phiếu	Xác định mức tăng trưởng thu nhập trên cổ phiếu cho cổ đông theo tỷ giá hối đoái báo cáo	-6%	-1%	2%
Tăng trưởng tỷ lệ thu nhập điều chỉnh trên cổ phiếu (tiền tệ không đổi)	Xác định mức tăng trưởng thu nhập trên cổ phiếu cho cổ đông theo tỷ giá hối đoái cố định	12%	5%	9%
Báo cáo dòng tiền tự do	Theo dõi tiền mặt được tạo ra để trả nợ, cổ tức cho đông, và đầu tư cho giao dịch mua	2.969 triệu USD	3.233 triệu USD	2.563 triệu USD
Nội dung đo lường	Tại sao cần đo lường	Kết quả thực hiện		
Mục tiêu thương mại và chiến lược		2016	2015	2014
Tỷ lệ tổng lượng bia lager của chúng tôi từ các thị trường mà chúng tôi có thị phần số 1 hoặc số 2 tại quốc gia đó	Có bức tranh tổng thể về sức mạnh tương đối và vị thế của chúng tôi trên thị trường	94%	94%	95%
Tỷ lệ EBITA từ các nền kinh tế đang phát triển trên tổng EBITA của tập đoàn	Đánh giá tỷ trọng lợi nhuận giữa các khu vực có tiềm năng tăng trưởng cao nhất của nền kinh tế thế giới với các khu vực phát triển hơn	69%	72%	72%
Tăng trưởng tự thân về tổng lượng đồ uống	Theo dõi tăng trưởng từ nội lực hoạt động kinh doanh của chúng tôi	2%	1%	2%
Tăng trưởng doanh thu thuần (tăng trưởng tự thân, tiền tệ không đổi)	Đánh giá tốc độ tăng trưởng doanh thu từ các thương hiệu của chính chúng tôi	5%	5%	3%
Tăng trưởng doanh thu thuần của các thương hiệu cao cấp (tiền tệ không đổi)	Giám sát tiến độ xây dựng danh mục thương hiệu cao cấp trên toàn cầu và tại địa phương	12%	8%	3%
Tăng trưởng EBITA (tăng trưởng tự thân, tiền tệ không đổi)	Theo dõi tăng trưởng lợi nhuận hoạt động cơ bản của chúng tôi	8%	6%	7%
Tăng trưởng biên EBITA (tăng trưởng tự thân, tiền tệ không đổi)	Giám sát tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận hoạt động cơ bản của chúng tôi	60 bps	30 bps	90 bps
Khối lượng nước (hectolitre/hl) sử dụng tại nhà máy bia của chúng tôi trên hl bia lager sản xuất	Đánh giá tiến trình giảm lượng nước sử dụng trong các nhà máy bia của chúng tôi	3,2hl/hl	3,3hl/hl	3,5hl/hl
Phát thải nhiên liệu hóa thạch từ sử dụng năng lượng tại các nhà máy bia của chúng tôi trên hl bia lager sản xuất	Đánh giá tiến trình giảm phát thải nhiên liệu hóa thạch tại các nhà máy bia của chúng tôi	8,9 kgCO₂e/hl	9,4 kgCO ₂ e/hl	10,3 kgCO ₂ e/hl
Lợi ích tài chính lũy kế từ chương trình chi phí và hiệu quả của chúng tôi	Theo dõi tiết kiệm chi phí và hiệu quả từ chương trình để tận dụng kỹ năng và quy mô của chúng tôi	547 tr US\$/năm	221 tr US\$/năm	không áp dụng

Nguồn: SAB Miller.

Ví dụ 3.4 minh họa cách CEMEX, một công ty xây dựng ở Mehico, trình bày về KPI phát triển bền vững trong các báo cáo thường niên.

3.2. Báo cáo Tài chính

Báo cáo tài chính rất quan trọng đối với hoạt động kế toán công chúng và trách nhiệm giải trình. Không như KPI tài chính là những chỉ tiêu riêng theo từng mô hình và bối cảnh kinh doanh của doanh nghiệp, báo cáo tài chính trình bày về kết quả hoạt động theo cách chuẩn hóa hơn theo các chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung và có thể so sánh giữa các doanh nghiệp và các ngành.

Việc chuẩn bị và trình bày báo cáo tài chính thường phải tuân thủ quy định chặt chẽ của quốc gia và do đó cần được lập theo quy định tại luật doanh nghiệp hoặc luật chứng khoán và các chuẩn mực kế toán được công nhận chung tại quốc gia. Các quốc gia thường có thêm các quy định áp dụng đối với doanh nghiệp lớn niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán. Ví dụ: công ty niêm yết có thể phải lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc kế toán được chấp nhận trên toàn quốc - hạn như GAAP ở Hoa Kỳ và phiên bản IFRS riêng ở hầu hết các quốc gia khác.

Ngoài ra còn có Chuẩn mực IFRS cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa với yêu cầu thấp hơn và được điều chỉnh phù hợp

với nhu cầu thông tin của bên cho vay, chủ nợ và các bên có quyền lợi liên quan khác của Doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ yếu chỉ quan tâm đến thông tin về dòng tiền, thanh khoản và khả năng thanh toán.

3.2.1 Hướng dẫn chung

Tất cả các báo cáo tài chính và báo cáo phải được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán được công nhận trên toàn quốc, như Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông thường, báo cáo tài chính được trình bày bằng số liệu tương ứng có thể so sánh trong hai năm tài chính gần nhất của doanh nghiệp.

Theo THÔNG LỆ TỐT NHẤT và quy định, phải có Báo cáo của ban điều hành (thường là giám đốc tài chính hoặc tổng giám đốc) xác nhận trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tài chính của mình và đính kèm báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được thiết kế để đo lường hai khía cạnh chính về kết quả hoạt động của doanh nghiệp: tình hình tài chính (tài sản, nợ phải trả, và vốn chủ sở hữu) và kết quả hoạt động (thu nhập và dòng tiền). Báo cáo tài chính năm thường bao gồm các báo cáo tài chính sau đây và thông tin liên quan:

Ví dụ 3.4: KPI Nòng cốt về Phát triển Bền vững – Báo cáo Tích hợp của Cemex 2016

THÁCH THỨC CẦN GIẢI QUYẾT	MỤC TIÊU CHÍNH	KPI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÒNG CỐT	2016	MỤC TIÊU 2020	MỤC TIÊU HÀNG NĂM
Kinh tế	Cung cấp Giải pháp Xây dựng Hiệu quả Năng lượng và Hạ tầng Bền vững	Doanh số bê-tông trộn sẵn hàng năm từ các sản phẩm có thuộc tính bền vững nổi bật (%)	33.7		≥ 25
Môi trường	Xây dựng ngành với nguồn lực hiệu quả và Các-bon thấp	Tỷ lệ nhiên liệu thay thế (%)	23.3	35	
		Giảm lượng khí thải CO2 trên mỗi tấn sản phẩm xi măng so với mức cơ sở năm 1990 (%)	20	25	
		Clinker được sản xuất dưới sự giám sát liên tục đối với phát thải chính: bụi, NOx, SOx (%)	84	100	
		Giảm phát thải bụi hàng năm trên mỗi tấn clinker so với mức cơ sở năm 2005 (%)	78		≥ 50
		Giảm phát thải NOx hàng năm trên mỗi tấn clinker so với mức cơ sở năm 2005 (%)	26		≥ 30
		Giảm phát thải SOx hàng năm trên mỗi tấn clinker so với mức cơ sở năm 2005 (%)	61		≥ 20
		Các mỏ đá đang hoạt động có độ dạng sinh học cao, nơi BAP được chủ động triển khai (%)	63	100	
Xã hội	Thực hiện Chiến lược có Tác động xã hội cao để Trao quyền cho Cộng đồng	Tổng số cá nhân được hưởng lợi từ các sáng kiến xã hội của chúng tôi (triệu)	12.6		≥ 15
Quản trị	Gắn các giá trị nòng cốt vào mọi hành động	Tổng số ca tử vong (người lao động, nhà thầu và bên thứ ba)	20	0	
		Tấn suất Thời gian Mất do Thương tật (LTI FR), người lao động (trên một triệu giờ làm việc)	0.6	0.3	
		Các quốc gia thực hiện khảo sát thường xuyên về sự hài lòng của khách hàng (%)	88		≥ 90
		Kinh phí mua sắm toàn cầu được đánh giá theo Chương trình Bền vững với Nhà cung cấp (%)	17		≥ 55
		Người lao động nhận thức được họ được tạo điều kiện thực hiện công việc hiệu quả (%)	76		83
		Người lao động gắn bó với công ty (%)	76		80
		Lãnh đạo điều hành và người lao động nhận thức rõ về Bộ Quy tắc Đạo đức (%)	77		≥ 90
		Các quốc gia mục tiêu tham gia Chương trình Tuân thủ Toàn cầu bao gồm chống độc quyền, chống hối lộ và giao dịch nội gián (%)	100		≥ 90
		Các trường hợp đạo đức và tuân thủ được báo cáo trong năm và đã điều tra và kết thúc(%)	68		≥ 90

Nguồn: Cemex.

- Báo cáo kết quả kinh doanh,
- Bảng cân đối kế toán,
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ,
- Báo cáo thay đổi vốn cổ phần,
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ví dụ 3.5 dưới đây và 3.6 ở trang tiếp theo minh họa hai báo cáo đầu tiên trong số những báo cáo này của Novo Nordisk. Ví dụ 3.7 trang 105 minh họa báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Sasol. Và Ví dụ 3.8 trang 106 minh họa báo cáo thay đổi về vốn cổ phần của Liberty Holdings Limited.

Ví dụ 3.5: Báo cáo Thu nhập - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016

Triệu DKK	Chú thích	2016	2015	2014
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần	2.1, 2.2	111,780	107,927	88,806
Giá vốn hàng bán	2.2	17,183	16,188	14,562
Lợi nhuận gộp		94,597	91,739	74,244
Chi phí bán hàng và phân phối	2.2	28,377	28,312	23,223
Chi phí nghiên cứu và phát triển	2.2, 2.3	14,563	13,608	13,762
Chi phí quản lý	2.2	3,962	3,857	3,537
Thu nhập hoạt động khác, ròng	2.2, 2.5	737	3,482	770
- Thu nhập bất thường từ thoái vốn một phần tại NNIT A/S	2.5	-	2,376	-
Thu nhập từ hoạt động		48,432	49,444	34,492
Thu nhập tài chính	4.8	92	85	167
Chi phí tài chính	4.8	726	6,046	563
Lợi nhuận trước thuế		47,798	43,483	34,096
Thuế thu nhập	2.6	9,873	8,623	7,615
Lợi nhuận sau thuế		37,925	34,860	26,481
THU NHẬP TRÊN MỖI CỔ PHẦN				
Thu nhập cơ bản trên cổ phần (DKK)	4.1	14.99	13.56	10.10
Thu nhập pha loãng trên cổ phần (DKK)	4.1	14.96	13.52	10.07
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN				
Lợi nhuận thuần trong năm		37,925	34,860	26,481
<i>Thu nhập tổng hợp khác:</i>				
<i>Các mục không được phân loại lại cho Báo cáo Kết quả kinh doanh:</i>				
Đánh giá lại kế hoạch lợi ích xác định	1.5	(205)	(37)	(247)
<i>Các mục sẽ được phân loại lại cho Báo cáo Kết quả kinh doanh:</i>				
Điều chỉnh tỷ giá của các khoản đầu tư vào công ty con		(7)	(669)	(39)
Nghiệp vụ đảm bảo (hedges), ghi nhận các khoản (lãi)/lỗ hoãn lại trước đó	4.3	682	2,216	(1,229)
Nghiệp vụ đảm bảo (hedges), các khoản lãi/(lỗ) hoãn lại phát sinh trong kỳ	4.3	(1,911)	(681)	(2,225)
Các mục khác		(74)	366	111
Thuế thu nhập trên khoản thu nhập/(chi phí) tổng hợp khác	2.6	324	(87)	977
Thu nhập tổng hợp khác trong năm, trừ thuế		(1,191)	1,108	(2,652)
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm		36,734	35,968	23,829

Nguồn: Novo Nordisk.

Ví dụ 3.6: Bảng Cân đối Kế toán - Báo cáo Thường niên Novo Nordisk 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 59

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI THỜI ĐIỂM 31 THÁNG 12

Triệu DKK	Chú thích	2016	2015
TÀI SẢN			
Tài sản vô hình	3.1	2,714	2,158
Tài sản cố định hữu hình	3.2	30,179	25,545
Đầu tư vào công ty liên kết	5.7	809	811
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.6	2,683	6,806
Tài sản tài chính khác	4.7	1,388	1,339
Tổng tài sản cố định		37,773	36,659
Hàng tồn kho	3.3	14,341	12,758
Phải thu thương mại	3.4, 4.7	20,234	15,485
Thuế phải thu		1,552	3,871
Các khoản phải thu và trả trước khác	4.7	2,411	2,257
Đầu tư ngắn hạn	4.2, 4.4, 4.7	2,009	3,542
Công cụ tài chính phát sinh	4.2, 4.3, 4.7	529	304
Tiền mặt tại ngân hàng	4.2, 4.4, 4.7	18,690	16,923
Tổng tài sản ngắn hạn		59,766	55,140
Tổng tài sản		97,539	91,799
VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ			
Cổ phần phổ thông	4.1	510	520
Cổ phiếu quỹ	4.1	(9)	(10)
Lợi nhuận giữ lại		46,111	46,816
Dự trữ khác		(1,343)	(357)
Tổng vốn chủ sở hữu		45,269	46,969
Thuế thu nhập hoãn lại	2.6	13	6
Quỹ hưu trí	3.5	1,451	1,186
Dự phòng	3.6	3,370	2,765
Tổng nợ dài hạn		4,834	3,957
Nợ ngắn hạn	4.4, 4.7	229	1,073
Các khoản phải trả thương mại	4.7	6,011	4,927
Thuế phải nộp		3,976	3,777
Khoản phải trả khác	3.7, 4.7	14,181	12,655
Công cụ tài chính phải sinh	4.3, 4.7	2,578	1,382
Dự phòng	3.6	20,461	17,059
Tổng nợ ngắn hạn phải trả		47,436	40,873
Tổng nợ phải trả		52,270	44,830
Tổng vốn chủ sở hữu và nợ phải trả		97,539	91,799

Nguồn: Novo Nordisk.

Ví dụ 3.7: Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ - Báo cáo Tích hợp Sasol 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		Nhận xét		
cho năm tài chính kết thúc 30 tháng 6				
	2017 Rm	2016 Rm	2015 Rm	
Tiền mặt nhận từ khách hàng	172 061	175 994	186 839	
Tiền mặt trả cho nhà cung cấp & người lao động	(127 992)	(121 321)	(125 056)	
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	44 069	54 673	61 783	
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	46 236	52 973	56 422	
Giảm/(tăng) vốn lưu động	(2 167)	1 700	5 361	
Cổ tức nhận được từ các đơn vị nhận đầu tư vốn	1 539	887	2 812	
Thu nhập tài chính nhận được	1 464	1 633	1 234	
Chi phí tài chính đã trả	(3 612)	(3 249)	(2 097)	
Thuế đã nộp	(6 352)	(9 329)	(10 057)	
Cổ tức đã trả	(8 628)	(10 680)	(12 739)	
Dòng tiền giữ lại từ hoạt động kinh doanh	28 480	33 935	40 936	
Tổng khoản bổ sung cho tài sản cố định	(56 812)	(70 497)	(42 645)	
Bổ sung cho tài sản cố định	(60 343)	(73 748)	(45 106)	BỔ SUNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH Trong khoản bổ sung tài sản cố định trị giá 60,3 tỷ R có 36,8 tỷ R liên quan đến xây dựng Dự án Hóa chất Lake Charles (LCCP)
Tăng khoản phải trả liên quan đến dự án đầu tư	3 531	3 251	2 461	TIỀN THU ĐƯỢC TỪ NỢ DÀI HẠN Các khoản vay trong năm lên tới 13,3 tỷ R, chủ yếu để tài trợ cho các dự án tăng trưởng. Chúng tôi có đủ thanh khoản để tài trợ LCCP và hoạt động kinh doanh.
Tăng vốn đầu tư	(444)	(548)	(588)	
Tiền thu được từ thanh lý tài sản	788	569	1 210	
Tiền ròng thu được khi bán hoạt động kinh doanh	-	-	(105)	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN Trạng thái tiền mặt ròng giảm 44%, từ 52,2 tỷ R tháng 6/2016 xuống 29,3 tỷ R chủ yếu do tài trợ LCCP và ảnh hưởng của tỷ giá đồng của rand/USD mạnh hơn.
Mua các khoản đầu tư	(96)	(233)	(224)	
Tiền thu được từ bán các khoản đầu tư	28	171	264	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu dài hạn	(141)	(506)	3	
Dòng tiền sử dụng trong hoạt động đầu tư	(56 677)	(71 034)	(42 085)	
Vốn cổ phần phát hành khi thực hiện quyền chọn cổ phiếu	-	54	144	
Cổ tức trả cho cổ đông không có quyền kiểm soát trong các công ty con	(989)	(1 296)	(365)	
Tiền thu được từ nợ dài hạn	9 277	34 008	14 543	
Trả nợ dài hạn	(2 364)	(3 120)	(1 663)	
Tiền thu được từ nợ ngắn hạn	4 033	2 901	2 686	
Trả nợ ngắn hạn	(1 410)	(3 369)	(2 280)	
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	8 547	29 178	13 065	
Ảnh hưởng quy đổi tiền tệ đối với dòng tiền và các khoản tương đương tiền	(3 207)	7 069	3 095	
(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền	(22 857)	(852)	15 011	
Tiền và các khoản tương đương tiền vào đầu năm	52 180	53 032	38 021	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	29 323	52 180	53 032	

Nguồn: Sasol.

Ví dụ 3.8: Báo cáo Thay đổi Vốn chủ sở hữu - Báo cáo Tích hợp của Liberty Holdings 2015

Tóm tắt báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất ^(a)		
	2015 Rm	2014 Rm
Lợi ích cổ đông phổ thông - số dư đầu kỳ ngày 1/1	19 487	17 654
Cổ tức phổ thông	(1 874)	(1 719)
Tổng thu nhập tổng hợp	4 010	3 864
Mua lại cổ phần trừ giá trị đăng ký mua cổ phần ⁽¹⁰⁾	(444)	(355)
Giao dịch thuộc chương trình Trao quyền Kinh tế Đen	520	153
Thanh toán dựa trên cổ phần	140	133
Cổ tức ưu đãi	(2)	(2)
Giao dịch giữa các chủ sở hữu ⁽¹¹⁾	(98)	(230)
Giao dịch giữa các công ty con có chung kiểm soát		(11)
Lợi ích của cổ đông phổ thông	21 739	19 487
Số dư lợi ích của cổ đông thiểu số vào ngày 1/1	4 147	3 702
Thu nhập tổng hợp	339	372
Phân chia ròng tài sản của đối tác chưa thành lập	(144)	(79)
Tỷ lệ cổ phần của cổ đông thiểu số trong việc giảm vốn và chia cổ tức của công ty con	(44)	(38)
Giao dịch giữa các chủ sở hữu	(44)	190
Lợi ích của cổ đông thiểu số	4 254	4 147
Tổng vốn chủ sở hữu	25 993	23 634

Nguồn: Liberty Holdings Limited.

3.2.2. Báo cáo Tài chính Kiểm toán

Báo cáo tài chính năm phải có nội dung xác nhận rằng báo cáo tài chính đã được ban điều hành lập và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập, đủ trình độ và có năng lực. Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT phải giám sát công tác báo cáo và kiểm toán báo cáo tài chính và phi tài chính.

Những công ty lớn và công ty đại chúng niêm yết phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán quốc tế, như Chuẩn mực Kiểm toán được Chấp nhận Chung hoặc Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Ví dụ 3.9 thể hiện một báo cáo kiểm toán điển hình của Liberty Holdings, một công ty dịch vụ tài chính ở Nam Phi.

Ở hầu hết các quốc gia, theo quy định pháp lý, báo cáo tài chính của doanh nghiệp lớn hoặc công ty đại chúng niêm yết phải được kiểm toán.

Theo THÔNG LỆ TỐT NHẤT về kiểm toán, gần đây được luật hóa bằng Chuẩn mực ISA 700 (sửa đổi năm 2015), công ty kiểm toán phải công bố thông tin về các vấn đề kiểm toán trọng yếu phát sinh trong quá trình kiểm toán. Ví dụ 3.10 thể hiện các vấn đề kiểm toán quan trọng phát sinh trong quá trình kiểm toán công ty Akzo Nobel năm 2016.

3.2.3. Báo cáo theo Phân khúc Kinh doanh

Doanh nghiệp phải trình bày thông tin về kết quả theo phân khúc kinh doanh tương ứng với cơ cấu tổ chức nội bộ và việc ra quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp. Báo cáo theo phân khúc trong báo cáo tài chính phải tương ứng với các mục khác của báo cáo có liên quan đến phân khúc kinh doanh,

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Chuẩn mực kiểm toán

ISA 700 (Sửa đổi), Đưa ra Ý kiến và Lập Báo cáo Tài chính: ISA (Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế) này quy định về trách nhiệm của đơn vị kiểm toán trong việc đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (ý kiến ngoại trừ, trái ngược, hoặc từ chối đưa ra ý kiến) cũng như hình thức và nội dung của báo cáo kiểm toán được phát hành là kết quả của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo Thông tin theo Phân khúc

IFRS 8 và bản tương đương tại Hoa Kỳ **FAS 131** quy định doanh nghiệp phải báo cáo thông tin về kết quả theo phân khúc kinh doanh tương ứng với cơ cấu tổ chức nội bộ và việc ra quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp.

Ví dụ 3.9: Báo cáo Kiểm toán Độc lập - Báo cáo Tích hợp Liberty Holdings 2015

Phụ lục B - Báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn và báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi cổ đông của Liberty Holdings Limited

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn của Liberty Holdings Limited cho năm kết thúc ngày 31/12/2014 ở trang 204 đến 209, được lập theo cơ sở giá trị vốn chủ sở hữu nêu tại mục 2 báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn. Báo cáo này phải được đọc cùng với báo cáo tài chính năm kiểm toán trong đó nợ phải trả được xác định theo điều khoản của Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế, được nêu trong báo cáo tài chính năm và thông tin bổ trợ.

Trách nhiệm của thành viên HĐQT đối với báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn

Thành viên HĐQT của công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn theo cơ sở giá trị vốn tập đoàn nêu trong mục 2 của báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn, để xác định rằng cơ sở chuẩn bị báo cáo là chấp nhận được trong hoàn cảnh này và kiểm soát nội bộ như các thành viên HĐQT xác định là cần thiết để cho phép lập báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu không có sai sót trọng yếu, dù là do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Tiêu chuẩn đó yêu cầu chúng tôi tuân thủ kế hoạch và yêu cầu và đạo đức và thực hiện kiểm toán để có bảo đảm hợp lý về việc báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn không có sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện thu thập bằng chứng kiểm toán về số tiền và công bố thông tin trong báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn.

Thủ tục được chọn phụ thuộc vào nhận định của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu của

báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn, dù là do gian lận hay sai sót. Khi thực hiện đánh giá, kiểm toán viên xem xét chất kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày chính xác báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn để thiết kế quy trình kiểm toán phù hợp, chứ không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của tập đoàn. Việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá sự phù hợp của các nguyên tắc về giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn được sử dụng và tính hợp lý của dự toán của thành viên HĐQT, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đủ và phù hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, tất cả các khía cạnh trọng yếu của báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn đã được lập theo đúng cơ sở được nêu trong mục 2 của báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn.

Cơ sở kế toán và hạn chế sử dụng

Tuy không dẫn tới ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến mục 2 của báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn về cơ sở kế toán. Báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn được lập để thể hiện giá trị kết hợp của các cấu phần khác nhau trong hoạt động kinh doanh của Liberty. Do đó, báo cáo giá trị vốn chủ sở hữu tập đoàn có thể không phù hợp cho mục đích khác. Báo cáo của chúng tôi chỉ dành cho các thành viên HĐQT của Liberty Holdings Limited và không nên được sử dụng bởi bất kỳ bên nào khác. Chúng tôi chấp thuận công bố báo cáo với điều kiện người nhận báo cáo hiểu rõ việc nhận báo cáo chỉ nhằm mục đích thông tin và chúng tôi không chịu trách nhiệm cần trọng liên quan đến báo cáo của chúng tôi.


PricewaterhouseCoopers Inc.
Giám đốc: **J Goncalves**
Kiểm toán viên đăng ký

Johannesburg
Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Nguồn: Liberty Holdings Limited.

Ví dụ 3.10: Báo cáo Kiểm toán Độc lập - Báo cáo AkzoNobel 2016

Vấn đề kiểm toán chính

Đánh giá sự giảm giá trị của lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác có thời gian sử dụng vô hạn
Thuyết minh số 8 - trang 148

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác của công ty có thời gian sử dụng vô hạn được định giá 3,5 tỷ Euro. Các giả định chính và phân tích độ nhạy được trình bày tại Thuyết minh số 8 của Báo cáo tài chính hợp nhất. Đánh giá sự giảm giá trị hàng năm của lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác có vai trò quan trọng đối với việc kiểm toán vì quy trình đánh giá phức tạp, cần có nhận định của ban điều hành và dựa trên các giả định chịu ảnh hưởng của thị trường và điều kiện kinh tế, tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng biên lợi nhuận, tỷ lệ chiết khấu, và tốc độ tăng trưởng dài hạn dự kiến trong tương lai. Dựa trên việc đánh giá giảm giá trị hàng năm, bao gồm kiểm tra độ nhạy, Ban Điều hành kết luận rằng không cần điều chỉnh giảm giá trị lợi thế thương mại và tài sản vô hình khác có thời gian sử dụng vô hạn.

Kiểm toán của chúng tôi giải quyết vấn đề như thế nào

Quy trình kiểm toán của chúng tôi bao gồm, ngoài những nội dung khác, đánh giá sự chính xác trong tính toán và đối chiếu với kế hoạch 5 năm từ năm 2017 do Ban Điều hành phê duyệt. Chúng tôi đánh giá các giả định và phương pháp luận sử dụng trong việc đánh giá sự giảm giá trị hàng năm do công ty thực hiện. Chúng tôi đã đặt câu hỏi với ban điều hành, chủ yếu về các giả định được sử dụng đối với những kết quả có độ nhạy cao nhất, đặc biệt là tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng biên lợi nhuận, tỷ lệ chiết khấu và tốc độ tăng trưởng dài hạn dự kiến. Chúng tôi thực hiện kiểm tra và phân tích độc lập về thành phần nhóm tương đồng cơ bản, ngoài những nội dung khác, và đặt câu hỏi với ban điều hành khi so sánh giả định với kết quả hoạt động trong quá khứ của công ty và tình hình phát triển kinh tế địa phương, có tính đến kiểm tra độ nhạy của giá trị lợi thế thương mại đối với mọi thay đổi trong các giả định tương ứng. Chúng tôi cũng tập trung vào sự đầy đủ của các thông tin được công bố trong Thuyết minh số 8 của Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các giả định chính được sử dụng đối với những kết quả có độ nhạy cao nhất về sự giảm giá.

Nguồn: AkzoNobel.

bao gồm mô hình và môi trường kinh doanh và báo cáo kết quả hoạt động. (Xem Ví dụ 3.11 và 3.12.)

3.2.4 Công bố Thông tin về Kết quả trên Cổ phần, Cổ tức và Thuế

Kết quả trên cổ phần là chỉ số tài chính đơn giản nhưng có ý nghĩa quan trọng mà cổ đông hiện tại và nhà đầu tư tiềm năng có thể sử dụng để so sánh các khoản đầu tư khác nhau, theo dõi kết quả hoạt động theo thời gian và ước tính mức tăng giá trong tương lai. Chỉ số này thường được thể hiện bằng thu nhập trên cổ phần, được tính bằng tổng thu nhập hàng năm (lợi nhuận) của doanh nghiệp thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ thuế và cổ tức của cổ phần ưu đãi), chia cho số cổ phần phổ thông đang lưu hành (thường lấy số bình quân trong năm). Kết quả trên cổ phần phải được tính nhất quán theo thời gian để có thể so sánh với nhau. (Xem Ví dụ 3.13.)

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) khuyến nghị doanh nghiệp công bố chính sách cổ tức trong báo cáo thường niên. Chính sách cổ tức thường quy định tỷ lệ phần trăm thu nhập sẽ được phân phối cho cổ đông, tương ứng với tỷ lệ năm giữ cổ phần. Doanh nghiệp đang tăng trưởng thường chọn không phân phối cổ tức, trong khi doanh nghiệp đã

thành lập lâu và ổn định hơn sử dụng cổ tức như một điểm để thu hút những nhà đầu tư quan tâm đến thu nhập.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Báo cáo về các Vấn đề Thuế

Báo cáo King IV về Quản trị Công ty ở Nam Phi 2016: “Thuế trở thành một vấn đề phức tạp ở nhiều khía cạnh khác nhau. Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm xây dựng chính sách thuế tuân thủ các quy định luật pháp hiện hành, đồng thời cũng phải phù hợp với trách nhiệm công dân của doanh nghiệp và có tính đến hậu quả tổn hại danh tiếng. Do đó, chính sách thuế có trách nhiệm và minh bạch được coi là một yếu tố thể hiện trách nhiệm công dân của doanh nghiệp trong King IV.”

PRI: Khuyến nghị của các Nhà đầu tư về Công bố Thông tin Thuế Thu nhập Doanh nghiệp 2017 trình bày khuyến nghị của các nhà đầu tư toàn cầu theo Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm về công bố các thông tin liên quan đến thuế doanh nghiệp, bao gồm chính sách thuế, cách tiếp cận của công ty về thuế, sự phù hợp của chính sách thuế với chiến lược kinh doanh và phát triển bền vững của doanh nghiệp, quản trị thuế, và quản lý chính sách thuế và rủi ro liên quan, quản lý rủi ro liên quan đến thuế, và hoạt động theo từng quốc gia.

Ví dụ 3.11: Báo cáo theo Phân khúc - Báo cáo Tích hợp Liberty Holdings 2015

2015 (Rm)	Sắp xếp Sắp xếp riêng	Sắp xếp theo tập đoàn	Quản lý tài sản	Khác	Tổng	Điều chỉnh báo cáo	Báo cáo IFRS
Tổng doanh thu	57 694	18 527	3 436	2 169	81 826	(7 831)	73 995
Lợi nhuận trước thuế	3 427	499	842	1 599	6 367	223	6 590
Thuế	(1 737)	(193)	(205)	(168)	(2 303)		(2 303)
Tổng lợi nhuận	1 690	306	637	1 431	4 064	223	4 287
Thu nhập/(tổn thất) tổng hợp khác	(136)	138	44	16	62		62
Tổng thu nhập toàn diện	1 554	444	681	1 447	4 126	223	4 349
Lợi ích của cổ đông thiểu số		(106)	(10)		(116)	(223)	(339)
Cổ đông	1 554	338	671	1 447	4 010		4 010

Nguồn: Liberty Holdings Limited.

Ví dụ 3.12: Báo cáo theo Phân khúc - Báo cáo Tích hợp BASF 2017

Đóng góp cho tổng doanh số theo phân khúc			Đóng góp cho EBITDA theo phân khúc		
Hóa chất	25%		Hóa chất	42%	
Sản phẩm cải thiện hiệu quả	25%		Sản phẩm cải thiện hiệu quả	19%	
Vật liệu & dung dịch chức năng	32%		Vật liệu & dung dịch chức năng	18%	
Nông dược	9%		Nông dược	10%	
Dầu và khí đốt	5%		Dầu và khí đốt	16%	
Khác	4%		Khác	(5%)	

Nguồn: BASF.

Ví dụ 3.13: Kết quả trên Cổ phần - Báo cáo Thường niên Tích hợp Santova Limited 2016

	2016 R'000	2015 R'000
4. THU NHẬP TRÊN CỔ PHẦN		
<i>Đối chiếu giữa thu nhập cơ bản, thu nhập chủ đạo, thu nhập chủ đạo chuẩn hóa</i>		
Lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu của công ty mẹ	48 713	38 525
<i>Điều chỉnh:</i>		
Lỗ ròng/(lợi nhuận) do bán nhà máy và thiết bị	255	(130)
Giảm giá lợi thế thương mại	-	3 892
Ảnh hưởng của thuế	(84)	19
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(51)	-
Thu nhập chủ đạo	48 833	42 306
<i>Điều chỉnh:</i>		
Ảnh hưởng của tăng giá trị hợp lý do đánh giá lại khoản nợ tài chính	(1 024)	(5 896)
Ảnh hưởng của thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê	(467)	(2 359)
Chi phí giao dịch bất thường	929	394
Ảnh hưởng của thuế	131	661
Thu nhập chủ đạo chuẩn hóa (chưa kiểm toán)	48 402	35 106
Thu nhập cơ bản trên cổ phần	(xu) 34,50	28,23
Thu nhập chủ đạo trên cổ phần	(xu) 34,58	31,00
Thu nhập chủ đạo chuẩn hóa trên cổ phần (chưa kiểm toán)	(xu) 34,28	25,73
Số cổ phiếu bình quân gia quyền	(000) 141 211	136 459
Số cổ phiếu bình quân gia quyền pha loãng	(000) 144 648	138 939
Sự khác biệt giữa thu nhập trên cổ phần và thu nhập pha loãng trên cổ phần là do tác động của các quyền chọn cổ phần chưa đến hạn theo chương trình quyền chọn cổ phần của Tập đoàn.		

Nguồn: Santova.

THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4) khuyến nghị doanh nghiệp công bố báo cáo minh bạch thuế. Báo cáo này thường mô tả chiến lược và chính sách của doanh nghiệp về thuế doanh nghiệp và số tiền thuế thực tế phải trả ở các quốc gia và phân khúc khác nhau mà doanh nghiệp hoạt động. Ví dụ 3.14 trang tiếp theo thể hiện cách thức công ty viễn thông Tây Ban Nha, Telefonica, công bố chính sách và số tiền thuế thực tế đã nộp của doanh nghiệp.

3.3. Báo cáo Phát triển Bền vững

Báo cáo phát triển bền vững (cũng như báo cáo tài chính) có vai trò rất quan trọng đối với kế toán công chúng và trách nhiệm giải trình. Không như KPI về phát triển bền vững là những chỉ tiêu riêng cho từng mô hình và bối cảnh kinh doanh của doanh nghiệp, báo cáo phát triển bền vững phải trình bày về kết quả hoạt động theo cách chuẩn hóa hơn bằng các chỉ số đo lường được sử dụng chung để có thể so sánh giữa các doanh nghiệp và các ngành.

Hầu hết việc công bố thông tin phát triển bền vững là tự nguyện. Tuy nhiên, cơ quan quản lý và cơ quan chức năng tương đương (sàn giao dịch chứng khoán, cơ quan thiết lập tiêu chuẩn, và các cơ quan khác) đang có xu hướng yêu cầu hoặc khuyến khích công bố thông tin phát triển bền vững bên cạnh các thông tin tài chính.

Mục này của Bộ Công cụ hướng dẫn cách thức chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững, bao gồm các chỉ số về môi trường và xã hội được khuyến nghị sử dụng.

3.3.1. Hướng dẫn Chung

Báo cáo phát triển bền vững bao gồm phần trình bày theo dạng bảng về ma trận hoặc chỉ số kết quả hoạt động mà doanh nghiệp theo dõi trong khuôn khổ quản lý các vấn đề quan trọng về phát triển bền vững. Tương tự như việc đánh giá cơ hội và rủi ro chính về phát triển bền vững (tham khảo **1.4. Cơ hội và Rủi ro về Phát triển Bền vững**, trang 26 của Bộ Công cụ này), báo cáo phát triển bền vững phải công bố các chỉ số đặc thù về kết quả hoạt động của doanh nghiệp đối với một loạt các vấn đề mà doanh nghiệp xác định là trọng yếu, ví dụ:

- Các vấn đề môi trường và xã hội cốt lõi áp dụng cho hầu hết các ngành;
- Các vấn đề về phát triển bền vững liên quan đến công nghệ, mô hình kinh doanh, hoặc ngành cụ thể của doanh nghiệp, và liên quan đến sản phẩm và dịch vụ, đạo đức, và đóng góp cho phát triển kinh tế và xã hội của doanh nghiệp.

Khi lập báo cáo phát triển bền vững, doanh nghiệp phải cân bằng giữa việc chỉ sử dụng KPI (mang tính đặc thù để phản ánh chiến lược và đóng vai trò mục tiêu thực hiện) hay sử dụng một tập hợp bao gồm nhiều chỉ số được chấp nhận chung để có thể so sánh với doanh nghiệp khác và so sánh theo thời gian.

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo phát triển bền vững cần được trình bày bằng số liệu tương ứng có thể so sánh trong hai năm tài chính gần nhất của doanh nghiệp và lý tưởng nhất là được một đơn vị độc lập đánh giá và đảm bảo

Ví dụ 3.14: Báo cáo Thuế - Báo cáo Tích hợp Telefonica 2016

THUẾ NĂM 2016

Đóng góp kinh tế và xã hội của chúng tôi không chỉ được định lượng thông qua việc chi trả Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, mà còn thông qua các đóng góp cụ thể khác ở các quốc gia chúng tôi hoạt động, như các khoản phí (để Sử dụng Tên miền Công cộng, Tài trợ Công ty Phát thanh và Truyền hình, v.v.), thuế địa phương, và các khoản thanh toán An sinh Xã hội, cũng như các khoản đóng góp tương tự khác ở các quốc gia còn lại.

Ngoài các khoản thuế trực tiếp này, chúng tôi còn chi trả cho các kho bạc nhà nước, từ kết quả hoạt động của chúng tôi và thay mặt những người nộp thuế khác, những khoản tiền khác cũng cần được tính trong tổng đóng góp thuế mà Công ty thực hiện, như thuế gián thu, thuế thu nhập giữ lại của người lao động và các khoản thuế thu hộ khác.

Trong bối cảnh này và trong năm 2016, tổng đóng góp thuế của chúng tôi lên tới 11.365 triệu Euro (2.887 triệu Euro cho các loại thuế phải trả và 8.478 triệu Euro cho các khoản thuế thu hộ), chiếm 49% giá trị do Telefónica phân phối. Braxin và Tây

Ban Nha, các thị trường nơi chúng tôi tạo ra nhiều lợi nhuận hoạt động nhất, là các quốc gia đóng góp nhiều nhất cho thuế.

Tổng số tiền tuyệt đối đóng góp thuế của Telefonica cho năm tính thuế 2016 đã giảm nhẹ so với năm 2015 do biến động tiền tệ ở các nước Mỹ Latinh liên quan.

Do đó, cứ 100 Euro doanh thu của Công ty, 21,8 euro được dành để trả thuế (5,5 để thanh toán các khoản thuế phải trả và 16,3 để thanh toán các khoản thuế thu hộ).

Mọi thông tin về hoạt động thuế của chúng tôi được cung cấp trên website công ty.

Cứ 100 Euro doanh thu của Công ty, **21,8 Euro** được dành để trả thuế

Nguồn: Telefonica.

chất lượng hàng năm. Ví dụ 3.15 minh họa việc AkzoNobel sử dụng một vài bộ chỉ số KPI cho báo cáo phát triển bền vững, và Ví dụ 3.16 và 3.17 ở trang 111 và 112, minh họa cách tiếp cận toàn diện, đầy đủ hơn.

Theo thông lệ quốc tế tốt (Ma trận Cấp 3), ủy ban kiểm toán hoặc ủy ban E&S/bền vững thuộc HĐQT phải giám sát thông tin về phát triển bền vững trong báo cáo thường niên.

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Định nghĩa, Phạm vi, Thu thập, và Đảm bảo Chất lượng Dữ liệu về Phát triển Bền vững

Theo thông lệ tiên phong, thông tin và chỉ số về phát triển bền vững phải được xác minh (hoặc đảm bảo) độc lập, do đó doanh nghiệp phải xác định phạm vi, định nghĩa, và quy trình thu thập dữ liệu nội bộ rõ ràng. Việc đảm bảo chất lượng của thông tin phát triển bền vững có vai trò rất quan trọng để đảm bảo sự tin cậy của thông tin - cho cả mục đích quản lý nội bộ hay báo cáo ra bên ngoài.

Theo THÔNG LỆ TIÊN PHONG (Ma trận Cấp 4), dữ liệu ESG phải được một đơn vị độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm.

3.3.2. Chỉ số Khuyến nghị cho KPI và Báo cáo Phát triển Bền vững

Phần này trình bày một tập hợp nhiều chỉ số ESG có thể được sử dụng để xác định KPI cũng như chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững. Những chỉ số được đề xuất này bao gồm các vấn đề cốt lõi về phát triển bền vững cũng như các vấn đề đặc thù hơn theo ngành hoặc bối cảnh. Những chỉ số này được trích dẫn từ các chuẩn mực được chấp nhận chung về kết quả hoạt động bền vững, kế toán và báo cáo của doanh nghiệp.

Theo THÔNG LỆ TỐT NHẤT, doanh nghiệp chọn những chỉ số quan trọng nhất và tùy chỉnh để xây dựng các KPI phản ánh chiến lược của doanh nghiệp và đồng thời là mục tiêu hoạt động. Báo cáo phát triển bền vững có thể bao gồm nhiều chỉ số hơn và, cũng như báo cáo tài chính, sẽ có lợi nếu sử dụng các chỉ số được chấp nhận chung để có thể so sánh với các doanh nghiệp khác và so sánh theo thời gian.

Ví dụ 3.15: Báo cáo Phát triển Bền vững Hợp nhất - Báo cáo AkzoNobel 2016

Báo cáo phát triển bền vững hợp nhất						
	Chú thích	2013	2014	2015	2016	Mục tiêu 2020
Kinh tế						
Giải pháp sinh thái cao cấp mang lại lợi ích trực tiếp cho người tiêu dùng (% doanh thu)	4	18	19	19	20	20
Chỉ số hiệu quả tài nguyên (REI) (năm cơ sở 2012 = 100)	5	98	96	113	112	-
Chỉ số hiệu quả giao hàng cho khách hàng	6	92	93	94	96	-
Kinh phí PR ¹ quan trọng thuộc khung quản lý nhà cung cấp (% kinh phí)	7	80	83	87	91	90(2018)
Môi trường						
Tổng dấu chân carbon/tấn sản phẩm bán được (% giảm so với năm 2012)	8	2	-4	3	6	25-30
Hoạt động sử dụng năng lượng tái tạo (%)	8	31	34	38	40	45
Nguyên vật liệu thô tái tạo (% hữu cơ)	8	13	13	11	12	-
Chỉ số dấu chân hiệu quả sinh thái vận hành (% giảm so với năm 2009)	9	24	24	23	28	40(2017)
Xã hội						
Điểm số tương tác với người lao động (thang điểm 0-5)	11	3.88	3.97	4.03	4.17	>4.20
Lãnh đạo điều hành nữ (%)	11	16	17	19	19	25
Tổng tỉ lệ thương tật được ghi nhận trong người lao động/nhà thầu (mỗi triệu giờ)	12	2.3	1.8	1.8	1.4	<1.0
Thất thoát do rò rỉ (Cấp 1)	13	-	-	-	16	-
Các chất ưu tiên có kế hoạch quản lý (%)	14	62	82	100	33 ²	100 ²
Tham gia Chương trình Cộng đồng Tích lũy (số lượng dự án)	17	2,108	2,260	2,385	2,531	-

Lưu ý: Một số dự báo năm 2020 ở mức tham vọng
¹ PR: liên quan đến sản phẩm (nguyên liệu và bao bì)
² Giai đoạn 2 bắt đầu năm 2016

Nguồn: AkzoNobel.

Ví dụ 3.16: Chỉ số Người lao động - Tóm tắt Phát triển Bền vững Standard Chartered 2015

Con người				Số năm làm việc	2015 %	2014 %	2013 %
Quốc gia	2015	2014	2013	0-5 năm	59	61	58
Toàn cầu	67	71	71	5-10 năm	23	22	25
				>10 năm	18	17	17
Hỗ trợ lực lượng lao động				Độ tuổi của người lao động	2015 %	2014 %	2013 %
Số lao động	2015	2014	2013	<30 tuổi	29	32	33
Tổng số trên toàn cầu	84,076	90,940	86,640	30-50 tuổi	65	62	61
trong đó: kinh doanh	42,036	49,638	46,892	>50 tuổi	6	6	6
trong đó: dịch vụ hỗ trợ	42,042	41,302	39,748				
(Giảm)/Tăng trưởng	(6,864)	4,300	(2,418)	Giới tính	2015 %	2014 %	2013 %
Phần trăm (Giảm)/Tăng trưởng	(8.0)%	5.0%	(2.7)%	Đại diện nữ	47	47	47
Địa điểm làm việc của người lao động (theo vùng)	2015 %	2014 %	2013 %	Nữ lãnh đạo cấp cao ¹	12	15	16
Trung Quốc Đại lục	20	21	22	Thành viên HĐQT nữ điều hành và không điều hành ²	23	11	14
Đông Bắc Á	5	6	7				
Nam Á	27	25	24				
ASEAN	25	25	25				
MENAP	9	9	9				
Châu Phi	10	10	9				
Châu Mỹ	1	1	1				
Châu Âu	3	3	3				
Tỷ lệ nghỉ việc	2015 %	2014 %	2013 %	Giới tính theo vùng (nữ)	2015 %	2014 %	2013 %
Tỷ lệ nhân sự nghỉ việc	21.7	18.5	19.5	Trung Quốc	64	63	63
Tỷ lệ nhân sự nghỉ việc tự nguyện	16.7	15.1	15.9	Đông Bắc Á	57	50	50
				Nam Á	30	30	30
				ASEAN	54	54	54
				MENAP	30	30	30
				Châu Phi	50	50	50
				Châu Mỹ	44	43	42
				Châu Âu	44	44	44

¹ Thành viên HĐQT, dòng 1 và 2
² Đến 31/12/2015, HĐQT có 23% nữ
Đến 23/12/2016, HĐQT có 20% nữ

Nguồn: Standard Chartered.

Ví dụ 3.17: Tóm tắt Thông tin Phi tài chính - Báo cáo Thường niên Tập đoàn Westpac 2016

Tóm tắt thông tin phi tài chính 5 năm¹

Xu hướng chính của một loạt các lĩnh vực hoạt động phi tài chính được cung cấp trong bản tóm tắt thông tin phi tài chính 5 năm dưới đây, và hiệu quả phát triển bền vững chi tiết hơn được cung cấp trong Báo cáo Bền vững và Đánh giá Hàng năm và Báo cáo Hiệu quả Phát triển Bền vững của chúng tôi.

	2016	2015	2014	2013	2012
Khách hàng					
Tổng số khách hàng (triệu) ²	13,4	13,1	12,8	12,2	11,8
Số khách hàng đang sử dụng dịch vụ điện tử (triệu) ³	4,9	4,9	4,7	4,2	4,0
Chi nhánh	1.309	1.429	1.534	1.544	1.538
Chi nhánh hoạt động 24/7 (%) ⁴	27	22	15	-	-
ATM	3.757	3.850	3.890	3.814	3.639
ATM thông minh (%) ⁵	37	31	24	17	-
Thay đổi về số lượng khiếu nại của người tiêu dùng (%) - Úc	(31)	(31)	(27)	(15)	-
Thay đổi về số lượng khiếu nại của người tiêu dùng (%) - New Zealand ⁶	(7)	(18)	(16)	19	-
Thâm nhập khách hàng thịnh vượng (%) ⁷	19,1	19,7	20,0	18,7	18,4
Người lao động					
Tổng số nhân viên tương đương toàn thời gian (dài hạn)	32.190	32.620	33.586	33.045	33.418
Tỷ lệ nhân sự nghỉ việc tự nguyện (%) ⁸	10,6	10,6	9,8	9,8	9,9
Tỷ lệ giữ chân nhân viên mới (%) ⁹	85,5	85,3	88,0	86,7	84,8
Tỷ lệ giữ chân nhân viên có hiệu quả cao (%) ¹⁰	94,8	95,0	95,8	95,7	95,9
Chỉ số tương tác của người lao động (%) ¹¹	69	-	-	-	-
Tấn suất Thời gian Mất do Thương tật (LTIFR) ¹²	0,8	0,8	1,1	1,5	1,9
Lao động nữ tính theo phần trăm của tổng lực lượng lao động (%)	58	59	59	60	61
Nữ lãnh đạo (%) ¹³	48	46	44	42	40
Môi trường					
Tổng phát thải Phạm vi 1 và 2 - Úc và New Zealand (tấn CO ₂ -e) ¹⁴	154.339	173.437	175.855	180.862	183.937
Tổng phát thải Phạm vi 3 - Úc và New Zealand (tấn CO ₂ -e) ¹⁵	63.016	67.899	73.871	85.013	91.855
Tiêu thụ giấy - Úc và New Zealand (tấn) ¹⁶	3.304	4.857	5.334	5.762	-
Cho vay và đầu tư bền vững					
Tỷ lệ tài trợ sản xuất điện trong năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện - Úc và New Zealand (%) ¹⁷	59	61	59	55	52
Cường độ Phát thải danh mục đầu tư phát điện (tấn CO ₂ -e/MWh) ¹⁸	0,38	0,38	0,41	0,44	-
Tài trợ được đánh giá theo Nguyên tắc Xích đạo - Tập đoàn (triệu USD) ¹⁹	617	1.065	851	268	1.140
Các quỹ đầu tư có trách nhiệm đang quản lý (triệu USD) ²⁰	18.723	15.017	-	-	-
Tác động xã hội					
Đầu tư cộng đồng (triệu USD) ^{21,22}	148	149	217	131	133
Đầu tư cộng đồng theo % lợi nhuận trước thuế - Nhóm (%) ²²	1,39	1,30	2,02	1,33	1,50
Đầu tư cộng đồng theo % lợi nhuận hoạt động trước thuế (cơ sở thu nhập tiền mặt) ²²	1,32	1,33	1,99	1,28	1,41
Giáo dục tài chính (số học viên) ^{23,24}	59.596	65.538	49.812	32.577	36.182
Chuỗi cung ứng					
Nhà cung cấp hàng đầu tự đánh giá - Úc (%) ²⁵	100	100	100	98	94
Chỉ tiêu với các nhà cung cấp bản địa Úc - Úc (triệu USD) ²⁶	1,6	1,2	-	-	-

Nguồn: Westpac.

Chỉ số Khuyến nghị cho các Vấn đề Cốt lõi và Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC

Bảng 3.1 ở trang 113 trình bày các chỉ số mẫu liên quan đến các vấn đề cốt lõi về môi trường và xã hội nêu trong Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC và được sử dụng chung ở tất cả hoặc hầu hết doanh nghiệp và ngành hoạt động ở các thị trường mới nổi.

Bảng 3.1: Chỉ số Cốt lõi về Phát triển Bền vững - Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ
Tiêu chuẩn Hoạt động 1: Đánh giá và Quản lý Rủi ro và Tác động môi trường và xã hội	
Kế hoạch hoặc quy trình ứng phó khẩn cấp	Kế hoạch hoặc quy trình ứng phó khẩn cấp (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Tuyên bố về kế hoạch liên quan đến E&S	Chính sách môi trường và xã hội do ban điều hành phê duyệt (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Kiến thức chung và yêu cầu	Cơ chế truyền thông ra bên ngoài mà công chúng có thể tiếp cận (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Kiến thức của Cộng đồng bị Ảnh hưởng về các tác động và cơ hội	Thông tin được công bố cho Cộng đồng bị Ảnh hưởng (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Phản hồi và yêu cầu của Cộng đồng bị Ảnh hưởng	Cơ chế khiếu nại của Cộng đồng bị Ảnh hưởng (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Quy trình một cách hệ thống để nhận dạng và quản lý rủi ro/tác động và cơ hội	Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn đến tài liệu.
Tiêu chuẩn Hoạt động 2: Điều kiện Làm việc và Lao động	
Bảo vệ người lao động	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về điều kiện làm việc (hiệp hội, thỏa ước lao động tập thể, luật lao động) (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Cơ hội và công bằng cho mọi người lao động	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về phân biệt đối xử hoặc lương thưởng công bằng (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Bảo vệ người lao động theo hợp đồng	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về bên thứ ba hoặc người lao động theo hợp đồng (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Sức khỏe và an toàn của người lao động	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về tình trạng yếu kém liên quan đến hoạt động an toàn và sức khỏe người lao động (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Thương tật và tử vong	Số trường hợp tử vong liên quan đến công việc của người lao động trực tiếp và theo hợp đồng. Tỷ lệ sự cố gây thiệt hại về thời gian cho người lao động trực tiếp và theo hợp đồng.
Thành phần lực lượng lao động	Thành phần lực lượng lao động theo giới tính và dân tộc (#).
Điều kiện làm việc minh bạch	Chính sách về Nguồn Nhân lực (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Phản hồi và đề nghị hỗ trợ của người lao động	Cơ chế khiếu nại của người lao động (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Rủi ro cụ thể theo ngành: Hoạt động hoặc chuỗi cung ứng ở các quốc gia hoặc ngành có rủi ro lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em (ví dụ: nông nghiệp, dệt may, xây dựng, kinh doanh nông nghiệp)	
Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong công ty	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong hoạt động của công ty (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của công ty (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Chỗ ở an toàn cho người lao động	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến nơi ở (lán trại, nhà ở tập thể...) như các vấn đề về sức khỏe và an toàn (vd: hỏa hoạn, nước, vệ sinh, quá tải) (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Chủ động quản lý lao động cưỡng bức và lao động trẻ em và lao động nhập cư	Chính sách, tuyên bố, hoặc bộ nguyên tắc về lao động hoặc E&S, về quản lý lao động cưỡng bức và lao động trẻ em và lao động nhập cư (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.

(tiếp theo trang sau)

BẢNG 3.1: Chi số Cốt lõi về Phát triển Bền vững - Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ
Tiêu chuẩn Hoạt động 3: Hiệu quả Nguồn lực và Phòng ngừa Ô nhiễm	
Tác động đối với nước do người khác sử dụng	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai về tác động trong quá khứ hoặc hiện tại đối với nước do người khác sử dụng (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Rủi ro ô nhiễm	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai về rủi ro ô nhiễm trong quá khứ hoặc hiện tại (vd: phát thải khí hoặc nước, ô nhiễm đất hoặc nước ngầm, xử lý chất thải) từ công ty/dự án (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Phát thải KNK	Phát thải KNK: Cường độ ở Phạm vi 1 và 2 (t), Phạm vi 3 nếu phù hợp (KNK giải phóng trong tiêu thụ năng lượng cho sản xuất/hệ số chuẩn hóa [thường là sản lượng hoặc doanh số]).
Hiệu quả nguồn lực	Hiệu quả nguồn lực: cường độ tài nguyên, tức là tài nguyên (vd: nguyên vật liệu, năng lượng và nước) cần thiết để cung cấp một đơn vị hàng hóa hoặc dịch vụ; % năng lượng tái tạo trong tập hợp năng lượng, % nước tái chế trong sản xuất.
Phòng tránh ô nhiễm	Chính sách và kế hoạch quản lý phòng tránh ô nhiễm (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn. Sự sẵn có của hệ thống giám sát khí thải (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Tiêu chuẩn Hoạt động 4: Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng	
Tác động của lực lượng an ninh đối với cộng đồng	Báo cáo, chính sách, hoặc bộ nguyên tắc về lực lượng an ninh và tương tác với cộng đồng địa phương (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn. Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai về sự cố an ninh lớn liên quan đến cộng đồng địa phương (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Góp phần gây tác động về sức khỏe đối với cộng đồng	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai về việc góp phần làm gia tăng bệnh tật (HIV/Aids, sốt rét...) trong cộng đồng (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Tác động của người lao động đối với cộng đồng	Báo cáo, chính sách, hoặc bộ quy tắc ứng xử của người lao động và tương tác với cộng đồng địa phương (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Rủi ro cụ thể theo ngành: Công ty/dự án xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà và công trình công cộng hoặc có thể đe dọa an toàn của cộng đồng (cầu, đập, vv...).	
Sự cố cơ sở hạ tầng gây thiệt hại cho người dân	Nếu công ty xây dựng hoặc vận hành hạ tầng (cầu, đập, đập thải hoặc bãi tro xỉ), số lượng khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng hoặc tranh cãi công khai về thiệt hại đối với người dân. Hãy mô tả hành động khắc phục.
Hòa hoãn hoặc thiệt hại đối với công trình gây thiệt hại cho người dân	Nếu công ty xây dựng hoặc vận hành các tòa nhà hoặc công trình công cộng, số lượng các khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng hoặc tranh cãi công khai về thiệt hại đối với người dân. Hãy mô tả hành động khắc phục.
Tiêu chuẩn Hoạt động 5: Thu hồi đất và Tái định cư Bất buộc	
Người dân/cộng đồng không tự nguyện tái định cư hoặc bị buộc di dời bằng vũ lực	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai về tái định cư không tự nguyện hoặc bị buộc di dời bằng vũ lực (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Tác động tiêu cực đến sinh kế của người dân	Khiếu nại của cộng đồng hoặc tranh cãi công khai về nơi công ty/dự án có ảnh hưởng tiêu cực đối với sinh kế của người dân (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.

(tiếp theo trang sau)

BẢNG 3.1: Chi số Cốt lõi về Phát triển Bền vững - Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ
Tiêu chuẩn thực hiện 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững	
Tác động đối với các dịch vụ hệ sinh thái	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến việc người dân không có đủ nước hoặc thực phẩm, hoặc chịu tác động của các sự kiện mưa bão lớn hơn (lũ lụt, mất đất, đất/nước bị nhiễm mặn, v.v...) do công ty/dự án (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Tác động đối với các khu vực được bảo vệ, công viên hoặc khu bảo tồn	Công ty/dự án nằm trong hoặc gần khu vực được bảo vệ, công viên hoặc khu bảo tồn (c/k). Hãy mô tả.
Tác động đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng, dễ bị tổn thương hoặc các loài quý hiếm	Công ty/dự án nằm trong hoặc gần một khu vực có các loài có nguy cơ tuyệt chủng, dễ bị tổn thương hoặc các loài quý hiếm (c/k). Hãy mô tả.
Bảo vệ môi trường sống và quản lý đa dạng sinh học	Tuyên bố, bộ quy tắc, hoặc chính sách quản lý đa dạng sinh học (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Tác động đối với nguồn nước, sông, hồ hoặc vùng đất ngập nước	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến tác động lớn đối với nguồn nước, sông, hồ hoặc vùng đất ngập nước, do xây dựng, thay đổi vĩnh viễn sử dụng đất, hoặc do lượng nước cần thiết cho hoạt động của công ty (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Rủi ro cụ thể theo ngành: Công ty kinh doanh nông nghiệp và công ty có hoạt động kinh doanh chính là thu mua nông sản.	
Chứng nhận nông sản	% nông sản được cấp chứng nhận (vd: FSC, RSPO, MSC, RTRS, BCI, GRAB, Chứng nhận Bonsucro, v.v...).
Chủ động quản lý chuỗi cung ứng để bảo vệ môi trường sống quan trọng	Tuyên bố, chính sách hoặc bộ quy tắc về quản lý chuỗi cung ứng có rủi ro làm chuyển đổi đáng kể môi trường sống quan trọng (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Tiêu chuẩn Hoạt động 7: Người Bản địa	
Tác động đối với người bản địa	Công ty/dự án ở khu vực mà người bản địa có thể sinh sống, di cư qua hoặc sử dụng (c/k). Hãy mô tả.
Tác động đối với người bản địa do thu hồi đất	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến tổn hại đối với người bản địa (thông qua tái định cư, tác động đối với sinh kế, khai thác tri thức truyền thống, v.v...) (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.
Chủ động tương tác với người bản địa	Tuyên bố, bộ quy tắc hoặc chính sách đối với người bản địa (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.
Tiêu chuẩn Hoạt động 8: Di sản Văn hóa	
Tác động đối với Di sản Văn hóa	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến tác động của công ty/dự án đối với di sản văn hóa hoặc việc công ty/dự án sử dụng di sản văn hóa (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.

Nguồn: IFC.

Các Chỉ số Khuyến nghị cho Quản trị Công ty

Bảng 3.2 trình bày các chỉ số mẫu liên quan đến các thông lệ quản trị công ty tốt (Cấp 3) theo khuyến nghị của Ma trận.

Cột bên phải biểu thị tần suất sử dụng chỉ số trong các khung, tiêu chuẩn công bố thông tin được sử dụng rộng rãi, và đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin.¹¹

Bảng 3.2: Các Chỉ số Quản trị Mẫu

A. Cam kết về ESG		Tần suất
Khung QTCT	Công ty có cả bộ nguyên tắc QTCT và bộ quy tắc đạo đức/ứng xử (c/k)	38%
Cán bộ phụ trách QTCT	Công ty có cán bộ/bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm giám sát chính sách và hoạt động QTCT (c/k)	11%
B. Cơ cấu và Chức năng HĐQT		Tần suất
Sự độc lập của HĐQT	% thành viên HĐQT độc lập đáp ứng định nghĩa chặt chẽ về tính độc lập, như Định nghĩa mang tính Chỉ dẫn của IFC.	78%
Sự đa dạng của HĐQT	% nữ giới (không phải thành viên sáng lập/thành viên cấp vốn) trong HĐQT.	78%
Ủy ban Kiểm toán	Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT có bao gồm thành viên có chuyên môn về tài chính, tất cả đều là thành viên HĐQT không điều hành và có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập? (c/k)	44%
Vai trò và trách nhiệm	HĐQT có phê duyệt cả chiến lược và các chính sách quan trọng? (c/k)	22%
C. Môi trường Kiểm soát		Tần suất
Kiểm toán Nội bộ	Chức năng kiểm toán nội bộ có điều lệ/quy định riêng thiết lập vai trò, trách nhiệm và tuyển báo cáo của kiểm toán nội bộ không? (c/k)	1%
Quản trị rủi ro	Giám đốc rủi ro có được tiếp cận HĐQT và báo cáo lên HĐQT/ủy ban rủi ro? (c/k)	1%
Tuân thủ	Bộ phận tuân thủ có báo cáo lên ủy ban kiểm toán? (c/k)	1%
D. Công bố thông tin và minh bạch		Tần suất
Báo cáo Thường niên	Báo cáo thường niên hoặc báo cáo bền vững có thông tin ESG không? (c/k)	33%
Công bố Thông tin Rủi ro	Báo cáo thường niên có mô tả về rủi ro và khẩu vị rủi ro không? (c/k)	11%
E. Đối xử với cổ đông thiểu số		Tần suất
Biểu quyết Công bằng	Tất cả cổ đông cùng loại có: 1) quyền biểu quyết; 2) quyền đăng ký mua; và 3) quyền chuyển nhượng công bằng? (c/k)	50%
Đối xử công bằng với cổ đông	Có 100% quyền cùng bán đối với giao dịch làm thay đổi kiểm soát? (c/k)	6%
Công bố thông tin về sở hữu	Chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng có được công bố công khai? (c/k)	11%
GDBLQ	Có chính sách giao dịch bên liên quan bao gồm cơ chế báo cáo để xin phê duyệt của cổ đông đối với giao dịch có quy mô nhất định không? (c/k)	0%
Chính sách cổ tức	Chính sách cổ tức có được công bố công khai? (c/k)	11%
Lương thưởng cho lãnh đạo cấp cao	Chính sách lương thưởng cho lãnh đạo cấp cao có phải tham khảo ý kiến và được sự phê duyệt của cổ đông không? (c/k)	43%
F. Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan		Tần suất
Truyền thông ra bên ngoài và cơ chế khiếu nại	HĐQT có giám sát cơ chế khiếu nại không? (c/k)	0%
Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan	Có quy trình tham khảo ý kiến giữa các bên có quyền lợi liên quan và HĐQT về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội? (c/k)	11%

Nguồn: IFC.

¹¹ Các khung và chuẩn mực được phân tích bao gồm khung báo cáo (GRI), khung phân tích tài chính (DJSI), và nhà cung cấp dịch vụ thông tin (Asset4, BBG, MSCI, Sustainalytics).

Các Chỉ số E&S được Báo cáo Phổ biến Nhất

Bảng 3.3 trình bày tóm tắt về các chỉ số E&S được báo cáo và theo dõi phổ biến nhất, dựa trên phân tích 12 khung, chuẩn mực công bố thông tin và nhà cung cấp dịch vụ thông tin được sử dụng rộng rãi.¹²

Các chỉ số được liệt kê đều có tính minh họa và dựa trên công thức chung hoặc kết hợp các công thức khác nhau. Cột bên phải cho biết tần suất sử dụng chỉ số trong các khung và tiêu chuẩn được phân tích.

Bảng 3.3: Chỉ số E&S được Báo cáo Phổ biến Nhất

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ MINH HỌA	TẦN SUẤT
HỆ THỐNG QUẢN LÝ		
Hệ thống quản lý môi trường & xã hội	Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.	46%
MÔI TRƯỜNG		
Hiệu quả Nguồn lực		
Phát thải KNK	Phát thải KNK: Cường độ ở Phạm vi 1 và 2 (t), Phạm vi 3 nếu phù hợp (phát thải KNK/tạo ra doanh số)	92%
Sử dụng nước	Lượng nước sử dụng (m ³), % tái chế, % ở khu vực khan hiếm nước, cường độ (sử dụng nước/doanh số)	92%
Hiệu quả năng lượng và tổng hợp	Năng lượng tiêu thụ (GW), % điện lưới, % năng lượng tái tạo, cường độ (năng lượng/doanh số)	85%
Phòng ngừa Ô nhiễm		
Chất thải (nước, rắn, độc hại)	Chất thải từ hoạt động (t), % độc hại, % tái chế, cường độ (chất thải/doanh số)	73%
Chất gây ô nhiễm không khí	Các chất ô nhiễm không khí (Tn): NOx (không bao gồm N2O), SOx, các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, bụi mịn	62%
Rủi ro ô nhiễm	Khiếu kiện, khiếu nại của cộng đồng, hoặc tranh cãi công khai liên quan đến rủi ro ô nhiễm trong quá khứ hoặc đang diễn ra (ví dụ: phát thải khí hoặc nước, ô nhiễm đất hoặc nước ngầm, xử lý chất thải) từ công ty/dự án (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.	42%
Tràn dầu	Số lượng và khối lượng tràn đáng kể	25%
Bảo tồn Đa dạng Sinh học		
Bảo vệ môi trường sống và quản lý đa dạng sinh học	Tuyên bố, bộ quy tắc, hoặc chính sách quản lý đa dạng sinh học (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.	46%
Tác động đến các loài có nguy cơ tuyệt chủng, dễ bị tổn thương hoặc các loài quý hiếm	Công ty/dự án nằm trong hoặc gần một khu vực có các loài có nguy cơ tuyệt chủng, dễ bị tổn thương hoặc các loài quý hiếm (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.	23%
Thích ứng với Khí hậu		
Ngăn ngừa hoặc thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bước để ngăn ngừa và (nếu không thể ngăn ngừa) thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu đối với khả năng hoạt động có lợi nhuận hoặc chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp	38%

(Tiếp theo trang sau)

¹² Các khung và chuẩn mực được phân tích bao gồm khung báo cáo (GRI, SASB), khung phân tích tài chính (EFFAS/DVFA, DJSI), nhà cung cấp dịch vụ thông tin (Asset4, BBG, Sustainalytics), quy định và văn bản dưới luật (Liên minh Châu Âu, BM&F Bovespa, Liên đoàn các Sàn giao dịch Thế giới, Sáng kiến Sàn giao dịch Giao dịch Bền vững) và các sáng kiến của nhà đầu tư (CERES).

BẢNG 3.3: Chi số E&S được Báo cáo Phổ biến Nhất (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ MINH HỌA	TẦN SUẤT
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG VÀ LÀM VIỆC		
Đối xử với Người lao động		
Lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong công ty	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong hoạt động của công ty (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.	54%
Tiền lương	Mức lương bình quân mỗi giờ và % người lao động hưởng mức lương tối thiểu	31%
Đào tạo	Số giờ đào tạo mỗi năm/người lao động, theo giới tính	25%
Lao động tạm thời	Tỷ lệ lao động tạm thời	23%
Quan hệ Người lao động		
Thỏa ước lao động tập thể	% lực lượng lao động đang làm việc tham gia thỏa ước lao động tập thể	69%
Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ người lao động nghỉ việc tự nguyện và không tự nguyện theo các nhóm nhân sự chính	69%
Phản hồi và đề nghị hỗ trợ của người lao động	Cơ chế khiếu nại của người lao động (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.	23%
Đa dạng		
Thành phần lực lượng lao động	Thành phần lực lượng lao động theo giới tính và dân tộc (#)	69%
Cơ hội và công bằng cho mọi người lao động	Khiếu kiện, khiếu nại của người lao động, hoặc tranh cãi công khai về phân biệt đối xử hoặc lương thưởng công bằng (#). Hãy mô tả hành động khắc phục.	35%
Tỷ lệ mức lương theo giới	Tỷ lệ mức lương nữ giới/nam giới	23%
Sức khỏe và an toàn		
Thương tật và tử vong	Tỷ lệ thương tật (TRIR) và tỷ lệ tử vong đối với người lao động trực tiếp và theo hợp đồng	100%
Tỷ lệ sự cố mất thời gian	Tỷ lệ sự cố gây thiệt hại về thời gian cho người lao động trực tiếp và theo hợp đồng (trên 200.000 giờ làm việc hoặc trên 100 người lao động toàn thời gian tương đương)	42%
CỘNG ĐỒNG		
Đánh giá và quản lý nhân quyền	Quản lý nhân quyền trong chuỗi giá trị (bộ quy tắc, chính sách, phòng ngừa và xử lý)	50%
Tác động của lực lượng an ninh đối với cộng đồng	Báo cáo, chính sách, hoặc bộ quy tắc về lực lượng an ninh và tương tác với cộng đồng địa phương (c/k). Hãy mô tả và cung cấp đường dẫn.	46%
Hoạt động gắn người bản địa	Công ty/dự án ở khu vực mà người bản địa có thể sinh sống, di cư qua hoặc sử dụng (c/k)	31%
Vi phạm nhân quyền	Có liên quan đến vi phạm nhân quyền	25%
Tác động đến người bản địa	Công ty/dự án ở khu vực mà người bản địa có thể sinh sống, di cư qua hoặc sử dụng (c/k)	23%

(Tiếp theo trang sau)

BẢNG 3.3: Chi số E&S được Báo cáo Phổ biến Nhất (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ MINH HỌA	TẦN SUẤT
SẢN PHẨM		
Cân nhắc về tác động trong thiết kế sản phẩm	Tích hợp việc cân nhắc các yếu tố môi trường và xã hội trong sản phẩm và dịch vụ	38%
Cường độ năng lượng/KNK của sản phẩm	Hiệu quả năng lượng/nhiên liệu/KNK của sản phẩm trong giai đoạn sử dụng	38%
Chính sách bảo mật dữ liệu	Chính sách và hoạt động thu thập, sử dụng, và lưu giữ thông tin khách hàng	38%
Bao bì	Trọng lượng bao bì (Tn), % từ vật liệu tái chế hoặc tái tạo, % có thể tái chế hoặc có thể phân hủy	31%
Thu hồi	Thu hồi sản phẩm: số lần thu hồi; tổng số đơn vị thu hồi	31%
Vật liệu và hóa chất gây lo ngại	Quy trình xác định và quản lý các vật liệu và hóa chất mới và gây lo ngại trong các sản phẩm	31%
Sự cố	Tiền phạt và tiền dàn xếp liên quan đến an toàn sản phẩm (US\$)	23%
ĐẠO ĐỨC (và QUAN HỆ CHÍNH PHỦ)		
Chống tham nhũng (quản lý)	Quản lý hoạt động chống tham nhũng trong chuỗi giá trị (bộ quy tắc, chính sách, phòng ngừa và xử lý)	69%
Kinh phí chính trị	Kinh phí chính trị, kinh phí vận động hành lang (kể cả các hiệp hội thương mại) (US\$)	38%
Chống tham nhũng (sự cố/tiền phạt)	Tiền phạt và tiền dàn xếp cho tham nhũng hoặc hối lộ (US\$), mô tả các khoản phạt lớn và hành động khắc phục	31%
Hành vi cạnh tranh	Khoản tiền phạt và tiền dàn xếp về pháp lý và quy định quản lý gắn với hoạt động chống cạnh tranh	25%
NGUỒN CUNG ỨNG		
Nhà cung cấp	% số nhà cung cấp được chọn và theo dõi theo tiêu chí xã hội và môi trường	85%
Nguyên liệu thô (tái chế/tái tạo)	% nguyên liệu thô từ 1) hàm lượng tái chế và 2) tài nguyên tái tạo	46%
Khoáng sản xung đột	% lò đúc vonfram, thiếc, tantali và vàng trong chuỗi cung ứng được xác minh là không có xung đột	38%
Vật liệu quan trọng	Vật liệu quan trọng: % chi phí vật liệu	23%
<p>Lưu ý: Một số chỉ số trong bảng này trùng với các Chi số Cốt lõi về Phát triển Bền vững - Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC trong Bảng 3.1.</p>		

Nguồn: IFC.

Các Chỉ số Khuyến nghị cho Phát triển Kinh tế và xã hội

được báo cáo và tương ứng với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (SDG) và các chỉ số liên quan.

Bảng 3.4 cung cấp ví dụ về các KPI kinh tế và xã hội thường

Bảng 3.4: Liên kết giữa các Chỉ số ESG và SDG

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ KHUYẾN NGHỊ	SDG	CHỈ SỐ SDG
MÔI TRƯỜNG			
Các chất ô nhiễm không khí	NOx (không bao gồm N2O), SOx, các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, bụi mịn (Tn)	SDG 11 (Thành phố bền vững)	11.6.2: Mức bụi mịn bình quân hàng năm (vd: PM2.5 và PM10) ở thành phố (có tính đến quy mô dân số)
Chất thải	Chất thải từ hoạt động (t), % độc hại, % tái chế, cường độ (chất thải/ doanh số)	SDG 12 (Chất thải)	12.4.2: Chất thải độc hại tạo ra trên đầu người và tỷ lệ chất thải độc hại được xử lý, theo loại xử lý 12.5.1: Tỷ lệ tái chế quốc gia, tấn vật liệu được tái chế
Năng lượng	Năng lượng tiêu thụ (GW), % tái chế, % năng lượng tái tạo, cường độ (năng lượng/doanh số)	SDG 7 (Năng lượng)	7.2.1: Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng 7.3.1: Cường độ năng lượng được đo bằng năng lượng sơ cấp và GDP
Sử dụng Nước	Lượng nước sử dụng (m3), % tái chế, % lượng nước sử dụng ở khu vực khan hiếm nước, cường độ (sử dụng nước/ doanh số)	SDG 6 (Hiệu quả nước)	6.3. Cải thiện chất lượng nước bằng cách giảm ô nhiễm, chấm dứt thải bỏ rác bừa bãi, và giảm thiểu giải phóng hóa chất và vật liệu nguy hiểm, giảm mạnh tỷ lệ nước thải chưa được xử lý và tăng đáng kể tái chế và tái sử dụng nước an toàn trên toàn cầu 6.3.1: Tỷ lệ nước thải được xử lý an toàn 6.4: Tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trên tất cả các lĩnh vực và đảm bảo khai thác và cung cấp nước ngọt bền vững 6.4.1: Thay đổi hiệu quả sử dụng nước theo thời gian 6.4.2: Tình trạng khan hiếm nước: khai thác nước ngọt theo tỷ lệ tài nguyên nước ngọt có sẵn 6. b: Hỗ trợ và tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương để cải thiện quản lý nước và vệ sinh 6.b.1: Tỷ lệ đơn vị hành chính địa phương thiết lập được chính sách và quy trình hiệu quả để thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quản lý nước và vệ sinh

(Tiếp theo trang sau)

BẢNG 3.4: Liên kết giữa các Chỉ số ESG và SDG (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ KHUYẾN NGHỊ	SDG	CHỈ SỐ SDG
MÔI TRƯỜNG			
Nguyên vật liệu thô	% từ 1) hàm lượng tái chế và 2) tài nguyên tái tạo	SDG 12 (Tài nguyên)	12.2: Đến năm 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên 12.2.1: Nguyên vật liệu, Nguyên vật liệu trên đầu người, và Nguyên vật liệu trên GDP 12.2.2: Tiêu thụ nguyên liệu trong nước, tiêu thụ nguyên liệu trong nước trên đầu người và tiêu thụ nguyên liệu trong nước trên GDP
Biến đổi Khí hậu	Các bước để ngăn ngừa và (nếu không thể ngăn ngừa) thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu đối với khả năng hoạt động có lợi nhuận hoặc chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp	SDG 13 (Ứng phó với biến đổi khí hậu)	13.1: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu và thiên tai
Đa dạng sinh học	Tác động đối với các dịch vụ hệ sinh thái; tác động đối với các khu vực được bảo vệ, công viên hoặc khu bảo tồn; tác động đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng, dễ bị tổn thương hoặc các loài quý hiếm; bảo vệ môi trường sống và quản lý đa dạng sinh học; tác động đối với nguồn nước, sông, hồ hoặc vùng đất ngập nước	SDG 15 (Đất đai)	15.3/15.5: Hành động để ngăn chặn suy thoái của môi trường sống tự nhiên, ngăn chặn mất đa dạng sinh học và nỗ lực hướng tới một thế giới không suy thoái đất 15.3.1: Tỷ lệ đất bị suy thoái trên tổng diện tích đất 15.5.1: Chỉ số Danh sách Đỏ
NGƯỜI LAO ĐỘNG			
Đối xử	Tiền lương trung bình mỗi giờ và % người lao động đạt được mức tiền lương tối thiểu	SDG 8 (Việc làm tốt và Tăng trưởng Kinh tế)	8.5: Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau 8.5.1: Thu nhập theo giờ bình quân của người lao động nam và nữ, theo ngành nghề, độ tuổi và người khuyết tật
	Lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em trong công ty và chuỗi cung ứng	SDG 8	8.7.1: Tỷ lệ và số lượng trẻ em 5-17 tuổi tham gia lao động trẻ em, theo giới tính và độ tuổi
Quan hệ	% lực lượng lao động đang làm việc tham gia thỏa ước lao động tập thể	SDG 8	8.8.2: Mức độ tuân thủ của quốc gia về quyền lao động (tự do thành lập hiệp hội và thỏa ước tập thể) dựa trên nguồn văn bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và luật pháp quốc gia, theo giới tính và tình trạng di cư.

(Tiếp theo trang sau)

BẢNG 3.4: Liên kết giữa các Chỉ số ESG và SDG (Tiếp theo trang trước)

CHỦ ĐỀ	CHỈ SỐ KHUYẾN NGHỊ	SDG	CHỈ SỐ SDG
NGƯỜI LAO ĐỘNG			
Không phân biệt đối xử	Thành phần lực lượng lao động theo giới tính và dân tộc (#)	SDG 8	8.5: Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật, và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau 8.5.2: Tỷ lệ thất nghiệp, theo giới tính, độ tuổi và người khuyết tật
An toàn	Tỷ lệ thương tật (TRIR) và tỷ lệ tử vong đối với người lao động trực tiếp và theo hợp đồng	SDG 8	8.8.1: Tần suất tử vong và chấn thương nghề nghiệp không gây tử vong, theo giới tính và tình trạng di cư
ĐẠO ĐỨC			
Chống tham nhũng	Quản lý hoạt động chống tham nhũng trong chuỗi giá trị (bộ quy tắc, chính sách, phòng ngừa và xử lý)	SDG 16	16.5: Giảm mọi loại hình tham nhũng và hối lộ 16.5.2: Tỷ lệ doanh nghiệp có ít nhất một liên hệ với quan chức nhà nước và đã trả một khoản hối lộ cho một quan chức nhà nước, hoặc được các quan chức nhà nước để nghị hối lộ trong 12 tháng qua
QUẢN TRỊ			
Sự Đa dạng của HĐQT	% nữ giới (không phải thành viên sáng lập/thành viên cấp vốn) trong HĐQT.	SDG 5 (Bình đẳng Giới) SDG 10 (Giảm Bất bình đẳng)	5.1: Chấm dứt mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái ở mọi nơi 10.2: Đến năm 2030, trao quyền và đẩy mạnh sự tham gia chính trị, kinh tế và xã hội của tất cả mọi người, không kể tuổi tác, giới tính, khuyết tật, sắc tộc, dân tộc, nguồn gốc, tôn giáo, điều kiện kinh tế hoặc điều kiện khác
Báo cáo Thường niên	Báo cáo thường niên hoặc báo cáo phát triển bền vững có thông tin ESG không? (c/k)	SDG 12 (Tiêu dùng và Sản xuất Bền vững) SDG 17 (Triển khai và Quan hệ đối tác)	12.6: Khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp lớn và đa quốc gia, áp dụng các thông lệ bền vững và tích hợp các thông tin về phát triển bền vững vào báo cáo định kỳ 17.5: Khuyến khích và triển khai các cơ chế xúc tiến đầu tư cho những quốc gia kém phát triển nhất Mục tiêu 17.19: Đến năm 2030, dựa trên những sáng kiến hiện tại để xây dựng cách thức đo lường tiến bộ về phát triển bền vững bổ sung cho tổng sản phẩm quốc nội, và hỗ trợ xây dựng năng lực thống kê ở các nước đang phát triển

Nguồn: IFC

Phần II: Hướng dẫn Báo cáo

Phần II: Hướng dẫn Báo cáo

Phần này của Bộ Công cụ hướng dẫn chuẩn bị thông tin công bố trong báo cáo thường niên, bao gồm hướng dẫn về tính trọng yếu của thông tin được báo cáo cũng như chất lượng thông tin - độ tin cậy, đầy đủ, súc tích, nhất quán, và khả năng so sánh. Phần này cũng hướng dẫn về phạm vi thông tin cần báo cáo, tính chất vừa bắt buộc vừa tự nguyện của việc báo cáo, và những nội dung đặc biệt cần cân nhắc của doanh nghiệp không niêm yết.

Công tác báo cáo của doanh nghiệp, cũng như mọi hoạt động kinh doanh, cần theo sát thực tế phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu của nhiều bên có quyền lợi liên quan. Doanh nghiệp nên xem công tác báo cáo là hoạt động góp phần truyền thông tốt hơn và là phương thức để cải thiện trách nhiệm giải trình.

LƯU Ý: Nên chuẩn bị báo cáo thường niên bằng tiếng Anh khi doanh nghiệp muốn thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

Tính Trọng yếu

Khái niệm về tính trọng yếu đóng vai trò như một bài đánh giá những nội dung cần báo cáo bằng cách cân bằng những mục tiêu khác nhau trong báo cáo doanh nghiệp:

- Đảm bảo nhà đầu tư có đủ thông tin để đưa ra những quyết định sáng suốt;
- Đảm bảo cân đối lợi ích - chi phí của việc công bố thông tin cho doanh nghiệp và xã hội;
- Tránh thông tin không cần thiết có thể làm mờ nhạt kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hầu hết các quốc gia sử dụng tính trọng yếu để làm phép thử về những nội dung cần báo cáo. Quy định của các quốc gia thường tập trung vào cổ đông hoặc nhà đầu tư hiện hữu và khả năng nhà đầu tư hiểu được hoạt động hiện tại và tương lai của doanh nghiệp; nếu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của doanh nghiệp hoặc quyết định mua hoặc

bán chứng khoán của doanh nghiệp, thông tin đó thường được coi là trọng yếu.

Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế của IASB định nghĩa thông tin trọng yếu như sau: “Thông tin được coi là thông tin trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc báo cáo sai lệch thông tin đó có thể ảnh hưởng đến quyết định mà người sử dụng thông tin đưa ra trên cơ sở thông tin tài chính về một doanh nghiệp cụ thể. Nói cách khác, trọng yếu là khía cạnh liên quan mang tính đặc thù của đơn vị báo cáo, dựa trên bản chất hoặc mức độ, hoặc cả hai, của những hạng mục mà thông tin có liên quan trong bối cảnh báo cáo tài chính của đơn vị đó.”

Những nội dung cụ thể nào cần được công bố? Trong một số trường hợp, quy định chỉ đưa ra yêu cầu chung chung về việc phải công bố thông tin “trọng yếu” về một chủ đề cụ thể, do đó doanh nghiệp hầu như có thể tự quyết định xem thế nào là trọng yếu. Trong những trường hợp khác, nội dung của báo cáo lại được quy định rõ ràng theo luật pháp hoặc theo thông lệ tốt. Ví dụ, quyền tự quyết của doanh nghiệp bị hạn chế hơn trong lĩnh vực quản trị và HĐQT, giao dịch với bên liên quan, và quyền sở hữu. Các quy định và tiêu chuẩn quốc gia có xu hướng hướng dẫn cụ thể hơn về thông tin cần công bố trong những lĩnh vực này.

Tuy nhiên, việc xác định tính trọng yếu lại rất quan trọng trong các lĩnh vực chiến lược và kết quả hoạt động, rủi ro, và phát triển bền vững. Đây là những lĩnh vực mang tính chất rất đặc thù của doanh nghiệp, và những gì doanh nghiệp sẽ trình bày có thể khác nhau đáng kể - về bản chất và hình thức. (Để biết thêm thông tin về mức độ trọng yếu áp dụng cho các vấn đề phát triển bền vững, xem **1.4.1. Đánh giá Cơ hội và Rủi ro Chính về Phát triển Bền vững**, trang 28 của Bộ Công cụ này.)

Khái niệm về tính trọng yếu rất hữu ích trong việc xác định mức độ chi tiết cần công bố cho một nội dung cụ thể. Ví dụ, báo cáo có thể cung cấp thông tin về trình độ chuyên môn của từng thành viên HĐQT; tuy nhiên, chỉ những trình độ chuyên môn chính - ví dụ như học vấn, trong một số trường hợp - mới có tính trọng yếu.

Tính trọng yếu đôi khi cần tiếp cận ở góc nhìn dự báo, giúp người đọc hiểu về triển vọng tương lai của doanh nghiệp. Đối với rủi ro trọng yếu, phương thức phổ biến là thể hiện khả năng xảy ra sự kiện so với mức độ ảnh hưởng của sự kiện trên bản đồ “nhiệt”. Đối với rủi ro và tác động của các vấn đề phát triển bền vững, bản đồ hoặc đánh giá về tính trọng yếu có thể giúp doanh nghiệp xác định những nội dung quan trọng đối với hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp và những nội dung quan trọng đối với các bên có quyền lợi liên quan.

Những thông tin gì không nên công bố? Cũng như yêu cầu công bố thông tin trọng yếu, quy định và thông lệ tốt nhất mạnh sự cần thiết phải tránh công bố những thông tin không trọng yếu có thể làm mờ nhạt hoặc hiểu sai lệch về kết quả hoạt động của doanh nghiệp. (Thảo luận chi tiết hơn về đánh giá tính trọng yếu được trình bày tại **Phụ lục A** của Bộ Công cụ.)

Chất lượng Thông tin

Để có báo cáo tốt, cần cân nhắc kỹ tính cân đối giữa các ưu tiên có tính cạnh tranh:

- Trình bày đầy đủ tất cả những thông tin trọng yếu;
- Đảm bảo báo cáo đủ súc tích, có trọng tâm và dễ đọc;
- Điều chỉnh báo cáo phù hợp với doanh nghiệp để người đọc có thể hiểu rõ về doanh nghiệp và môi trường mà doanh nghiệp hoạt động;
- Trình bày theo cách thức có thể so sánh - với báo cáo của doanh nghiệp trong các giai đoạn trước và báo cáo của doanh nghiệp khác trong ngành tương tự - để nhà đầu tư và những đối tượng khác dễ sử dụng.

Rõ ràng, việc chuẩn bị báo cáo thường niên cần có sự đánh đổi. Việc hướng tới đầy đủ và toàn diện có thể dẫn tới báo cáo quá dài và dễ trở nên rời rạc. Mặt khác, quá chú trọng vào súc tích có thể tạo ra báo cáo dễ đọc, nhưng có thể bỏ sót thông tin quan trọng.

Tương tự, báo cáo cần có tính đặc thù của doanh nghiệp phát hành báo cáo. Độc giả cần hiểu được kết quả hoạt động, sản phẩm chính, thị trường, rủi ro và kế hoạch tương lai của chính doanh nghiệp – chứ không phải những vấn đề có thể áp dụng cho bất kỳ doanh nghiệp nào. Cơ quan quản lý ngày càng khuyến khích doanh nghiệp chủ động điều chỉnh báo cáo để kể lại tốt nhất câu chuyện của mình với nhà đầu tư

NGUỒN TÀI LIỆU THÔNG LỆ TỐT NHẤT: Chất lượng Thông tin Phi tài chính

Thông tin phi tài chính quan trọng đối với doanh nghiệp, bao gồm thông tin về phát triển bền vững, phải có chất lượng tương đương với báo cáo tài chính.

và những người khác. Tuy nhiên, các nhà đầu tư thường bày tỏ sự thất vọng về việc không thể so sánh thông tin giữa các báo cáo – rất khó tìm các mục cụ thể trong một báo cáo và so sánh chúng với báo cáo của doanh nghiệp khác. Đây là mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư tổ chức khi phân tích và đầu tư vào số lượng lớn doanh nghiệp.

Phạm vi Công bố Thông tin

Báo cáo phải đề cập hoạt động và kết quả của bản thân doanh nghiệp và mọi thực thể mà doanh nghiệp có quyền kiểm soát (thường được định nghĩa là sở hữu từ 50% trở lên). Báo cáo tài chính thường được hợp nhất giữa đơn vị báo cáo và các thực thể thuộc quyền kiểm soát. Số liệu đo lường kết quả hợp nhất về tài chính và hoạt động bao gồm số liệu tổng của đơn vị thuộc kiểm soát, bất kể quy mô của lợi ích thiếu số, và giá trị của lợi ích thiếu số được tính riêng trong báo cáo Kết quả kinh doanh và Bảng cân đối kế toán.

Thông tin về công ty liên kết nhưng không hợp nhất được cung cấp ở mức độ cần thiết để giải thích về chiến lược, quản trị và kết quả hoạt động của doanh nghiệp và các thực thể hợp nhất. Tuy nhiên, kết quả của thực thể không hợp nhất không được tính trong kết quả tài chính, hoạt động và phát triển bền vững hợp nhất.

Cho mục đích báo cáo tài chính, lợi ích của cổ đông thiểu số trong các thực thể không hợp nhất được hạch toán bằng phương pháp vốn chủ sở hữu (lợi nhuận theo tỷ lệ với lợi ích của cổ đông thiểu số) hoặc giá trị thị trường hợp lý của khoản đầu tư.

Yêu cầu về Công bố Thông tin

Công ty niêm yết và không niêm yết có yêu cầu công bố khác nhau. Tùy từng quốc gia, *nội dung báo cáo* và mức độ *công bố khuyến nghị* có thể mang tính bắt buộc theo luật pháp, tự nguyện, hoặc không được đề cập.

Công ty Niêm yết

Công ty phát hành chứng khoán ra công chúng cần nắm vững các loại yêu cầu đối với báo cáo thường niên và công bố thông tin khác, bao gồm luật chứng khoán, luật doanh nghiệp, yêu cầu niêm yết của các sở giao dịch chứng khoán, và bộ nguyên tắc quản trị công ty của doanh nghiệp. Ngoài ra, cơ quan quản lý hoặc các sở giao dịch thường có hướng dẫn bổ sung về cách thức chuẩn bị báo cáo thường niên, bao gồm hướng dẫn về báo cáo phát triển bền vững và báo cáo tích hợp.

Những thách thức cụ thể có thể phát sinh từ việc kết hợp thông tin bắt buộc và tự nguyện, và thông tin tài chính kiểm toán (chuẩn bị theo các chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung) và thông tin dự báo (thường không được chuẩn bị kỹ lưỡng). Do đó, các quy định thường có yêu cầu cụ thể đối với công bố thông tin tự nguyện và dự báo trong báo cáo tài chính hoặc báo cáo nhà đầu tư.

Doanh nghiệp Không niêm yết

Ở một số quốc gia, như Ấn Độ và Vương quốc Anh, doanh nghiệp lớn không niêm yết có một loạt các yêu cầu báo cáo. Ngay cả khi yêu cầu chỉ ở mức tối thiểu, việc báo cáo công khai vẫn quan trọng đối với doanh nghiệp tư nhân. Trong quá trình tăng trưởng và mở rộng, để tiếp cận nguồn vốn mới, thu hút các bên có quyền lợi liên quan mới và đáp ứng nhu cầu của các bên có quyền lợi liên quan hiện tại doanh nghiệp vẫn cần phải công bố thông tin phù hợp. Doanh nghiệp không niêm yết có thể dễ dàng điều chỉnh báo cáo phù hợp với các nhà đầu tư và bên có quyền lợi liên quan cụ thể.

Ai Nên Tham gia Chuẩn bị Báo cáo Thường niên?

Quá trình lập và nộp báo cáo thường niên phải được Ban điều hành doanh nghiệp chỉ đạo (phù hợp nhất là thư ký công ty) và chịu sự giám sát của HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT (kiểm toán, quản trị, bền vững).

Cuối cùng, Ban điều hành (thường là giám đốc điều hành như TGD và CFO) và HĐQT chịu trách nhiệm về việc ban hành các báo cáo bắt buộc và tự nguyện một cách kịp thời và chính xác.

Việc chuẩn bị báo cáo cần có sự tham gia của một nhóm với chuyên môn khác nhau từ một số phòng ban trong doanh nghiệp, bao gồm:

- Chiến lược
- Bộ phận chức năng (bán hàng, tiếp thị, sản xuất)
- Vận hành
- Phát triển bền vững hoặc môi trường, sức khỏe và an toàn (EH&S)
- Nguồn nhân lực
- Quản lý rủi ro, kiểm soát và kiểm toán nội bộ
- Pháp chế và tuân thủ
- Tài chính và kế toán
- Quan hệ nhà đầu tư
- Công nghệ thông tin

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính và một số thông tin phi tài chính nhất định. Đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo lên HĐQT (thường là ủy ban kiểm toán), đại diện cho các cổ đông.

Định dạng Báo cáo

Bản định dạng kỹ thuật số của báo cáo thường niên thường là kênh tiếp cận chính dành cho nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác. Mặc dù một số doanh nghiệp tạo phiên bản báo cáo dựa trên web, nhưng báo cáo thường niên nên được cung cấp bằng định dạng PDF (định dạng tài liệu di động), kết hợp được nhiều ưu điểm của báo cáo in và sự linh hoạt của định dạng kỹ thuật số.

Dự án Phòng Thí nghiệm của Hội đồng Báo cáo Tài chính (FRC) lưu ý rằng tập tin PDF của báo cáo thường niên cần có các thuộc tính được các nhà đầu tư đánh giá cao (FRC 2015) sau đây:

- **Có phạm vi rõ ràng:** Cho phép nhà đầu tư hiểu rõ về tài liệu, phạm vi và nội dung của tài liệu.
- **Được đảm bảo:** Đối với nhà đầu tư, bản PDF có cùng mức độ đảm bảo như báo cáo thường niên bản giấy.
- **Cho một khoảng thời gian xác định:** thể hiện nội dung báo cáo tại một thời điểm không đổi, khác với các trang web có thể được cập nhật.
- **Có thể tải xuống:** Để nhà đầu tư yên tâm rằng bản sao của mình sẽ không bị sửa đổi hay xóa.
- **Có thể tìm kiếm:** Giúp nhà đầu tư tin tưởng hơn rằng kết quả là phù hợp, vì việc tìm kiếm được thực hiện trong phạm vi của một tài liệu có mục đích rõ ràng. Điều này cũng cho phép nhà đầu tư nhanh chóng xác định được các lĩnh vực quan tâm trong báo cáo.
- **(Khả) kịp thời:** Bản PDF được cung cấp trực tuyến trước khi bản giấy được gửi qua bưu điện, và nhà đầu tư có thể tiếp cận ngay sau khi phát hành.
- **Có thể mang theo:** PDF có thể dễ dàng được lưu trữ và truy cập trên hầu hết các thiết bị.
- **Phổ biến rộng rãi:** Việc doanh nghiệp áp dụng rộng rãi định dạng PDF đồng nghĩa với việc nhà đầu tư có thể tiếp cận và phân tích các tập tin giữa các doanh nghiệp và qua các năm.

FRC khuyến nghị sử dụng bản PDF đơn giản - tránh sách điện tử và PDF tương tác, vốn không được nhà đầu tư đánh giá cao. Hội đồng cũng khuyến nghị lưu trữ báo cáo thường niên các năm trước của doanh nghiệp và thông tin bổ sung khác trong 5 đến 10 năm trên website của doanh nghiệp (FRC 2015).

Công nghệ và Báo cáo

Công nghệ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc chuẩn bị báo cáo doanh nghiệp. Đặc biệt là công nghệ kỹ thuật, như trí tuệ nhân tạo và blockchain, là yếu tố hỗ trợ cũng như động lực của sự thay đổi này. Công nghệ mới đã phá vỡ các mô hình kinh doanh truyền thống và hiện hữu, và mọi doanh nghiệp đều sử dụng ngày càng nhiều công nghệ mới để tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch, trao đổi thông tin hoặc kết nối con người.

Rõ ràng, công nghệ cũng sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến cách thức chuẩn bị và gửi báo cáo doanh nghiệp tới các bên có quyền lợi liên quan của doanh nghiệp. Ví dụ: các cơ quan quản lý đang xem xét vai trò tiềm năng của các giải pháp dựa trên blockchain trong việc tổ chức tốt hơn quy trình báo cáo - nghĩa là việc chuẩn bị, công bố và sử dụng thông tin tài chính và thông tin doanh nghiệp khác.

Phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo là những ví dụ khác về cách công nghệ kỹ thuật số đang biến đổi mạnh mẽ hoạt động báo cáo của doanh nghiệp. Những công nghệ này có thể đóng vai trò quan trọng trong cải thiện năng lực thu thập và quản lý thông tin của doanh nghiệp, cũng như truyền đạt thông tin đó.

Điều này cũng sẽ cho phép “báo cáo liên tục”, và thay vì được thực hiện định kỳ “hàng năm” hoặc một thời hạn cố định khác, báo cáo sẽ liên tục được cập nhật và phổ biến trực tuyến. Việc báo cáo liên tục sẽ tạo ra kênh đối thoại gắn kết và linh hoạt hơn giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Doanh nghiệp được khuyến khích đổi mới, sử dụng công nghệ để hỗ trợ báo cáo doanh nghiệp, cả đối với báo cáo bắt buộc và tự nguyện (Kriz và Blomme 2016).

Phát hành Báo cáo Thường niên

Báo cáo thường niên và các nguồn thông tin liên quan có đối tượng sử dụng khác nhau và phục vụ các mục đích khác nhau, bao gồm tuân thủ yêu cầu về công bố thông tin, truyền thông mang tính chiến lược về doanh nghiệp và sự tham gia của các cổ đông nhỏ và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Yêu cầu về Công bố Thông tin

Cơ quan quản lý thị trường hoặc sở giao dịch chứng khoán thường có yêu cầu về công bố thông tin và minh bạch đối với công ty đại chúng niêm yết quy mô lớn, bao gồm công bố công khai báo cáo thường niên. Đối với công ty đại chúng niêm yết, yêu cầu công bố thông tin rất nghiêm ngặt, dựa trên nhu cầu công bố mọi thông tin trọng yếu một cách công bằng và bình đẳng cho toàn bộ cổ đông, để tránh thông tin bất cân xứng và thông tin nội gián.

Công ty đại chúng cũng phải công bố thông tin trọng yếu một cách kịp thời, bao gồm yêu cầu công bố báo cáo tài chính quý chưa kiểm toán và báo cáo định kỳ hoặc cập nhật các sự kiện trọng yếu xảy ra giữa các chu kỳ báo cáo.

Vì lý do này, báo cáo thường niên, cũng như báo cáo quý và định kỳ, thường phải nộp cho cơ quan quản lý thị trường và sở giao dịch liên quan. Ngoài ra, cũng phải công bố những báo cáo này qua các kênh truyền thông chính của doanh nghiệp, bao gồm website của doanh nghiệp.

Để thông tin tài chính được tiếp cận dễ dàng và nâng cao hiệu quả thị trường, cơ quan quản lý thị trường cũng có thể yêu cầu hoặc khuyến khích công bố thông tin tài chính bằng định dạng điện tử, như XBRL (một định dạng chuẩn, đọc được bằng máy để gắn thẻ thông tin tài chính và kinh doanh).

Truyền thông mang tính chiến lược

Ngoài đáp ứng yêu cầu công bố thông tin, báo cáo thường niên là công cụ tuyệt vời để quảng bá doanh nghiệp tới các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm nhà đầu tư, người lao động, đối tác kinh doanh, khách hàng và cộng đồng, cũng như để chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, kết quả hoạt động và tác động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nên tối đa hóa việc phổ biến báo cáo thường niên và thông tin liên quan rộng hơn so với mức độ yêu cầu của cơ quan quản lý. Ví dụ, công ty đại chúng thường tổ chức họp nhà đầu tư tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm và quý, và lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp trình bày những điểm nổi bật nhất của báo cáo. Tương tự, thông tin trong báo cáo thường niên có thể được sử dụng trong các hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư (roadshow) để thúc đẩy cơ hội tiếp cận vốn mới của doanh nghiệp.

Một kênh quan trọng khác để truyền thông những thông tin chiến lược, quản trị, và kết quả hoạt động là Thông điệp của Tổng giám đốc giới thiệu báo cáo thường niên. Ví dụ II.1 cung cấp một đoạn trích từ Thông điệp của TGD Amazon gửi cho cổ đông của công ty, nhấn mạnh hiệu quả hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thông điệp giới thiệu báo cáo thường niên của doanh nghiệp và Mẫu 10-K trình nộp lên Ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Hoa Kỳ.

Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng các kênh kỹ thuật số khác, như mạng xã hội, để mở rộng phạm vi phổ biến báo cáo. Bản in (và PDF) của báo cáo có thể được bổ sung bằng bản trực tuyến (microsite). Ngoài ra, mặc dù tiếng Anh thường là ngôn ngữ bắt buộc đối với doanh nghiệp toàn cầu khi tiếp cận thị trường vốn toàn cầu, doanh nghiệp cần chuẩn bị báo cáo bằng ngôn ngữ của đối tượng sử dụng báo cáo chính.

Sự tham gia của Cổ đông Thiểu số và các Bên có quyền lợi liên quan

Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp cần đảm bảo thông tin được chia sẻ công bằng và bình đẳng với toàn bộ cổ đông, bao gồm cổ đông cá nhân và thiểu số. Trên thực tế, việc truyền thông báo cáo thường niên có thể là công cụ để tương tác tích cực với cổ đông nhỏ và thiểu số.

Tương tự, việc truyền thông báo cáo thường niên tích hợp, trong đó có thông tin phát triển bền vững quan trọng, có thể là công cụ để tăng khả năng gắn kết với các bên có quyền lợi liên quan và truyền thông tới các cộng đồng bị ảnh hưởng của doanh nghiệp.

Ví dụ II.1: Thông điệp của TGD Amazon gửi Cổ đông năm 2017 - Đoạn trích

Thông điệp gửi Cổ đông 2017

Jeffrey p. Bezos, Sáng lập viên kiêm Tổng Giám đốc, Amazon.com, Inc.

Phát triển bền vững - Chúng tôi cam kết giảm thiểu lượng phát thải các-bon bằng cách tối ưu hóa mạng lưới vận chuyển, cải thiện bao bì sản phẩm, và tăng cường hiệu quả năng lượng trong hoạt động của chúng tôi, và chúng tôi đặt ra mục tiêu lâu dài là cung cấp 100% năng lượng tái tạo cho cơ sở hạ tầng trên toàn cầu của công ty. Gần đây, chúng tôi đã khai trương Amazon Wind Farm Texas, trang trại điện gió lớn nhất của công ty, sản xuất được trên 1.000.000 megawatt giờ năng lượng sạch hàng năm với thiện đơn hàng vào năm 2020, và đã bắt đầu 24 dự án năng lượng mặt trời và gió trên khắp Hoa Kỳ, và sắp tới sẽ có thêm 29 dự án. Các dự án năng lượng tái tạo của Amazon hiện sản xuất đủ năng lượng bao bì tiết kiệm (Frustration-Free Packaging), sáng kiến đầu tiên trong bộ sáng kiến bao bì bền vững, đã giúp loại bỏ trên 244.000 tấn vật liệu bao bì trong 10 năm qua. Ngoài ra, chỉ trong năm 2017, các chương trình của chúng tôi đã giảm đáng kể chất thải bao bì, loại bỏ tương đương 305 triệu vỏ hộp vận chuyển. Trên toàn thế giới, Amazon đang ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ để triển khai đội xe giao hàng chặng cuối ô nhiễm thấp. Đến nay, một phần của đội xe giao hàng tại châu Âu của chúng tôi sử dụng xe tải nhỏ và xe hơi chạy điện hoặc khí tự nhiên có mức ô nhiễm thấp và chúng tôi đã có trên 40 xe tay ga chạy điện và xe đạp giao hàng chạy điện để hoàn thiện việc giao hàng ở khu vực

Nguồn: Amazon.

Phụ lục

- Phụ lục A:** Đánh giá Tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững
- Phụ lục B:** Câu hỏi HĐQT nên Đặt ra về Quản lý và Công bố Thông tin ESG
- Phụ lục C:** Lập kế hoạch Nội bộ để Chuẩn bị Báo cáo Thường niên
- Phụ lục D:** Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty của IFC cho Công ty Niêm yết (Lồng ghép các Vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty)
- Phụ lục E:** Các Khung chính cho Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững
- Phụ lục F:** Các Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững Sử dụng trong Bộ công cụ

Phụ lục A: Đánh giá Tính Trọng yếu của các Vấn đề Phát triển Bền vững

Hiện đang có tranh luận về định nghĩa tính trọng yếu và ứng dụng của định nghĩa này đối với các vấn đề phát triển bền vững. Các mẫu báo cáo và khung báo cáo khác nhau (IFRS, GRI, IIRC, SASB) đưa ra các định nghĩa khác nhau đôi chút, do có sự ưu tiên đối với nhu cầu thông tin của các đối tượng liên quan khác nhau. (Xem **Hộp 1.2**, trang 30 của Bộ Công cụ này để tham khảo định nghĩa về tính trọng yếu.)

Mục 1.4 của Bộ Công cụ này cung cấp cơ sở chung cho các quan điểm và sáng kiến khác nhau và Mục II đưa ra cách tiếp cận tổng quát hơn về tính trọng yếu khi liên hệ tới toàn bộ tập hợp thông tin, chứ không chỉ thông tin về phát triển bền vững.

Tuy nhiên, mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau về tính trọng yếu, doanh nghiệp có thể thực hiện một số bước thực tế để đánh giá tính trọng yếu của các chủ đề phát triển bền vững, dựa trên các tiêu chuẩn được chấp nhận chung và kinh nghiệm của nhiều doanh nghiệp.

Bước một: Xác định các vấn đề liên quan.

Để xác định các vấn đề liên quan, tổ chức thực hiện báo cáo phải xác định định nghĩa cụ thể về tính trọng yếu sẽ được sử dụng trong khi báo cáo. Quyết định này có thể được đưa ra khi tổ chức báo cáo cam kết sử dụng một khung báo cáo cụ thể. Định nghĩa về tính trọng yếu tập trung vào nhu cầu thông tin quan trọng của đối tượng có liên quan chính đối với một báo cáo cụ thể mà doanh nghiệp đang phát hành (IIRC 2016).

Đối với báo cáo phát triển bền vững, GRI định nghĩa chủ đề trọng yếu là “chủ đề phản ánh tác động kinh tế, môi trường, và xã hội quan trọng của tổ chức báo cáo; hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với đánh giá và quyết định của các bên có quyền lợi liên quan. (GRI 2016b). Những vấn đề thường được coi là có liên quan cho toàn ngành.

Đối với báo cáo tích hợp, những vấn đề được coi là có liên quan dựa trên việc liệu vấn đề đó có ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của tổ chức báo cáo theo thời gian. Các vấn đề có liên quan thường gắn với chiến lược hoặc mô hình kinh doanh của tổ chức báo cáo - hoặc đầu vào hoặc đầu ra cụ thể của mô hình kinh doanh - do đó mang tính đặc thù đối với tổ chức hay tối thiểu là đặc thù đối với ngành.

Khung <IR> của IIRC định nghĩa thông tin trọng yếu là “những vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đối với khả năng tạo ra giá trị của tổ chức trong ngắn, trung, và dài hạn,” theo đó

việc tạo ra giá trị được định nghĩa liên quan đến nhiều loại vốn: tài chính, sản xuất, trí tuệ, nhân lực, xã hội và mối quan hệ, và tự nhiên (IIRC 2013).

SASB hướng dẫn công bố thông tin phát triển bền vững trọng yếu cho công ty niêm yết của Hoa Kỳ dựa trên định nghĩa về tính trọng yếu do Tòa án Tối cao Hoa Kỳ áp dụng và diễn giải của Ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Hoa Kỳ (SEC 1989; SEC 2003). Theo SEC, thông tin trọng yếu bao gồm (SASB 2018):

- Thông tin cần thiết để hiểu được điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, cũng như triển vọng của doanh nghiệp trong tương lai;
- Xu hướng, sự kiện, và biến động đã biết có khả năng sẽ gây tác động trọng yếu đối với tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến kinh doanh, hoạt động, ngành, hoặc tình hình tài chính, hoặc kết quả tài chính trong tương lai của doanh nghiệp.

Theo thông lệ tốt nhất, doanh nghiệp cần công bố định nghĩa về tính trọng yếu mà doanh nghiệp sử dụng để xác định các vấn đề trọng yếu và cấu trúc báo cáo.

Bước hai: Đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề liên quan và thiết lập ưu tiên cho những vấn đề này.

Dưới đây là các phương pháp khác nhau để thiết lập thứ tự ưu tiên cho các vấn đề liên quan để xác định đâu là vấn đề trọng yếu.

Ma trận trọng yếu. Đánh giá những vấn đề quan trọng đối với tổ chức báo cáo trong mối tương quan với những vấn đề quan trọng đối với các bên có quyền lợi liên quan của tổ chức - sử dụng mỗi trục của đồ thị cho một khía cạnh đánh giá và vẽ ma trận. Không cần thiết phải cung cấp ma trận trọng yếu trong báo cáo, nhưng nếu đây là quy trình mà tổ chức sử dụng để thiết lập ưu tiên, một số bên có quyền lợi liên quan có thể thấy ma trận đó hữu ích (GRI 2016b).

Đánh giá rủi ro và cơ hội. Tích hợp việc thiết lập ưu tiên vào quy trình đánh giá rủi ro và cơ hội thường xuyên (IIRC 2013). Sử dụng phương pháp thiết lập ưu tiên này, doanh nghiệp đảm bảo rằng các vấn đề được xác định là trọng yếu được giải quyết một cách phù hợp trong các cơ cấu quản trị liên quan, trong xây dựng chiến lược và giảm thiểu rủi ro và trong các quy trình quản lý.

Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan. Lợi ích và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan là yếu tố quan trọng khi xác định các vấn đề liên quan để xem xét đưa vào báo cáo. Một số doanh nghiệp đánh giá lợi ích đặc thù của các bên có quyền lợi liên quan cho mục đích báo cáo, trong khi những doanh nghiệp khác tương tác với các bên có quyền lợi liên quan trên cơ sở liên tục và sử dụng những thông tin, hiểu biết từ sự tương tác liên tục này để xác định các vấn đề trọng yếu. Do lợi ích và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan thay đổi, việc xác định các vấn đề gắn với các bên có quyền lợi liên quan nên được thực hiện hàng năm.

Kiểm tra khả năng xảy ra-mức độ ảnh hưởng: Mức độ ảnh hưởng của một vấn đề và khả năng xảy ra cần được xem xét khi đánh giá và thiết lập thứ tự ưu tiên cho các vấn đề liên quan. Những vấn đề có xác suất xảy ra lớn hơn hoặc có khả năng tác động đáng kể hơn đối với tổ chức báo cáo hoặc các bên có quyền lợi liên quan nên được xác định là có tầm quan trọng lớn hơn.

Để giúp doanh nghiệp áp dụng khái niệm tính trọng yếu trong phát triển bền vững, IIRC và SASB có hướng dẫn cụ thể về cách xác định các vấn đề trọng yếu trong bối cảnh tích hợp thông tin tài chính và bền vững. (Xem Hộp A.1 và A.2.)

Bước ba: Giải quyết các vấn đề trọng yếu.

Cần phải quản lý các vấn đề được xác định là rất trọng yếu. Quy trình phù hợp phụ thuộc vào đặc thù của vấn đề trọng yếu, nhưng việc chỉ xác định các nội dung trọng yếu là chưa đủ. Nhìn chung, các vấn đề trọng yếu có thể được giải quyết thông qua việc thực hiện chiến lược, quản lý rủi ro, hay các chính sách cụ thể hoặc mục tiêu chiến lược liên quan đến vấn đề đang xem xét. Ví dụ, đối với biến đổi khí hậu, doanh nghiệp có thể thiết lập chính sách và mục tiêu cụ thể liên quan đến khí thải. Nếu một vấn đề không yêu cầu quản lý chủ động, có thể vấn đề đó không có tính trọng yếu (GRI 2016b).

Bước bốn: Sử dụng các vấn đề trọng yếu để định hướng công bố thông tin

Khi tổ chức báo cáo xác định các vấn đề trọng yếu, những vấn đề này cần được đưa vào báo cáo. Thông tin trọng yếu là thông tin có khả năng tạo sự khác biệt đối với việc đánh giá đúng vấn đề đang xem xét, các thông tin không trọng yếu không tạo ra sự khác biệt như vậy (IIRC 2016).

Nói cách khác, thông tin trọng yếu về các chủ đề trọng yếu sẽ hữu ích đối với người đọc báo cáo, còn thông tin không trọng yếu thì không hữu ích. Đơn vị báo cáo cần nỗ lực báo cáo thông tin hữu ích và chứng minh rằng báo cáo được cấu trúc dựa trên tính trọng yếu để chỉ tập trung vào những nội dung quan trọng.

Hộp A.1: Nguyên tắc Hướng dẫn của Khung <IR> về Tính trọng yếu

Khung <IR> Quốc tế cung cấp hướng dẫn sau đây để đánh giá tầm quan trọng của một vấn đề.	3.26	Xác định mức độ ảnh hưởng của vấn đề không đồng nghĩa với việc cần phải lượng hóa các ảnh hưởng. Tùy theo bản chất của vấn đề, đánh giá định tính có thể sẽ phù hợp hơn.
3.24 Không phải tất cả các vấn đề có liên quan đều được coi là trọng yếu. Để được đưa vào Báo cáo Tích hợp, một vấn đề cần có đủ tầm quan trọng trên khía cạnh ảnh hưởng hiện hữu hay tiềm tàng đến việc tạo giá trị. Điều này cần sự đánh giá về độ quan trọng của ảnh hưởng của vấn đề, và nếu không chắc chắn vấn đề sẽ xảy ra thì đánh giá thêm về khả năng xảy ra của vấn đề.	3.27	Khi đánh giá mức độ ảnh hưởng, tổ chức nên cân nhắc: <ul style="list-style-type: none"> • Các yếu tố định tính và định lượng. • Các bối cảnh về tài chính, hoạt động, chiến lược, danh tiếng và pháp lý. • Khu vực bị ảnh hưởng, bên trong hay bên ngoài. • Khung thời gian.
3.25 Mức độ quan trọng được đánh giá dựa trên ảnh hưởng của vấn đề đến chiến lược, quản trị, tình hình hoạt động và triển vọng của tổ chức, khi nó có tiềm năng gây ra ảnh hưởng trọng yếu lên việc tạo giá trị theo thời gian. Việc này đòi hỏi sự đánh giá và phụ thuộc vào bản chất của vấn đề đang được xem xét. Vấn đề có thể được coi là trọng yếu một cách độc lập hoặc trong một tổng thể.		

Nguồn: IIRC.

Hộp A.2: Bài Kiểm tra Tính Trọng yếu bao gồm Năm Yếu tố của SASB

SASB đã thiết kế cách tiếp cận dựa trên bằng chứng để giúp lựa chọn các chủ đề bền vững nhằm xây dựng một chuẩn tương ứng. Bài kiểm tra bao gồm năm yếu tố này cũng giúp ban điều hành lựa chọn các chủ đề bền vững cần báo cáo.

Yếu tố đầu tiên đề cập đến tác động tài chính trực tiếp và rủi ro liên quan đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp ở mỗi chủ đề. Mỗi trong ba yếu tố tiếp theo đề cập các động lực và xu hướng có khả năng tác động gián tiếp đến kết quả tài chính của doanh nghiệp. Yếu tố thứ năm liên quan đến những cơ hội tích cực có thể ảnh hưởng đến kết quả tài chính của doanh nghiệp.

- **TÁC ĐỘNG & RỦI RO TÀI CHÍNH TRỰC TIẾP:** Yếu tố này đánh giá khả năng mà kết quả hoạt động của doanh nghiệp ở chủ đề này có tác động trực tiếp và có thể đo lường đối với kết quả tài chính trong ngắn hoặc trung hạn.
- **ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY VỀ PHÁP LÝ, QUY ĐỊNH, & CHÍNH SÁCH:** Quy định hiện hành, đang phát triển hoặc mới nổi có thể ảnh hưởng đến hành động của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến kết quả tài chính khi buộc doanh nghiệp phải nội bộ hóa một số chi phí nhất định và/hoặc tạo cơ hội tích cực gắn với các yếu tố bên ngoài liên quan đến bền vững.
- **TIÊU CHUẨN NGÀNH, THÔNG LỆ TỐT NHẤT, & ĐỘNG LỰC CẠNH TRANH:** Hành động của các đơn vị trong ngành và công bố thông tin về các vấn đề trong ngành có thể tạo áp lực phải đạt chuẩn mực cao liên quan đến kết quả hoạt động đối với ban điều hành và công bố thông tin về các chủ đề bền vững nhằm duy trì tính cạnh tranh và làm hài lòng các nhà đầu tư.
- **LO NGẠI CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN & XU HƯỚNG XÃ HỘI:** Các bên có quyền lợi liên quan có thể nêu ra những lo ngại có thể ảnh hưởng đến kết quả tài chính hoặc hoạt động trong trung hoặc dài hạn hoặc tạo ra tác động tài chính ngắn hạn thông qua thay đổi về nhu cầu của khách hàng, ảnh hưởng đến quy định mới, và làm gián đoạn khả năng tồn tại của doanh nghiệp.
- **CƠ HỘI ĐỔI MỚI:** Các sản phẩm và mô hình kinh doanh mới có thể thúc đẩy mở rộng thị trường hoặc có tiềm năng tạo ra thay đổi đột phá, cung cấp lợi thế cạnh tranh mới. Tác động tài chính và rủi ro liên quan đến những đổi mới này có thể được các nhà đầu tư quan tâm.

Nguồn: Phỏng theo SASB (2015).

Phụ lục B: Câu hỏi HĐQT nên Đặt ra về Quản lý và Công bố Thông tin ESG

Dưới đây là một bộ câu hỏi mà HĐQT nên đặt ra khi thực hiện vai trò giám sát đối với Ban điều hành và đối với việc công bố thông tin về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.

Chiến lược

- Doanh nghiệp đã có chiến lược tích hợp bao gồm các mục tiêu và chỉ tiêu về kết quả tài chính và E&S chưa? Nếu chưa tích hợp mà vẫn để hai chiến lược riêng biệt, những chiến lược này liên kết với nhau thế nào trong nội bộ doanh nghiệp? Liên kết này được giải thích thế nào trong báo cáo doanh nghiệp?
- Những yếu tố phát triển bền vững hoặc E&S quan trọng nào ảnh hưởng đến chiến lược của doanh nghiệp trên khía cạnh rủi ro và cơ hội? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến kết quả tài chính trong ngắn hạn của doanh nghiệp? Công ty đã có quy trình tạo ra giá trị dài hạn chưa?
- Doanh nghiệp có văn bản hóa quy trình và phương pháp đánh giá các vấn đề E&S trọng yếu không?
- Chiến lược có nhất quán với thông tin mà doanh nghiệp xác định là trọng yếu - bao gồm thông tin E&S? Chiến lược có bao gồm các mục tiêu và KPI có thể đo lường? Các mục tiêu về phát triển bền vững có được HĐQT soát xét không?
- Thông tin E&S có được tích hợp vào khung quản lý rủi ro không? Nội dung E&S này có cung cấp thông tin toàn diện về các rủi ro mới nổi mà chưa được đề cập trong các nội dung quản lý rủi ro truyền thống (hoạt động, tài chính, v.v.)?

Quản trị

- Các nội dung chính về quản trị công ty có được đề cập trong báo cáo, bao gồm cam kết về quản trị công ty, văn hóa và lãnh đạo, cơ cấu và chức năng của HĐQT, tuân thủ, khẩu vị rủi ro, lương thưởng ban điều hành, cổ đông nắm quyền chi phối, và sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan?
- Các vấn đề E&S được tích hợp như thế nào vào cơ cấu và quy trình quản trị, bao gồm quản lý rủi ro, môi trường kiểm soát, tuân thủ, cơ cấu HĐQT, công bố thông tin?

- Có chức năng kiểm toán nội bộ và có quy trình để đảm bảo tính chính xác của thông tin tài chính không? Báo cáo có bao gồm thông tin E&S không?

Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

- Các bên có quyền lợi liên quan chính của doanh nghiệp bao gồm những bên nào? Quy trình xác định là gì? HĐQT có công nhận trách nhiệm đối với các bên có quyền lợi liên quan ngoài cổ đông không?
- Có cơ chế cho việc tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và giải quyết khiếu nại không?
- Quy trình và kết quả của sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan có được công bố công khai? Thông tin liên quan có được công bố cho Cộng đồng bị Ảnh hưởng bằng định dạng và ngôn ngữ dễ hiểu?

Kết quả hoạt động

- Kết quả hoạt động của doanh nghiệp so sánh như thế nào với doanh nghiệp tương đương, kể cả việc quản lý các vấn đề ESG quan trọng?
- Kết quả được báo cáo có mức độ như thế nào so với các chỉ số quản lý nội bộ của doanh nghiệp?
- Thông tin ESG được báo cáo có phù hợp với các vấn đề trọng yếu và các ưu tiên của doanh nghiệp không?
- Sự liên quan giữa ESG và kết quả tài chính có được giải thích không?

Công bố Thông tin và Minh bạch

- Đối tượng chính của báo cáo là ai? Họ cần thông tin gì? Việc công bố thông tin của công ty có đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng này không?
- Khung báo cáo nào nên được sử dụng (và tại sao) để báo cáo về nội dung phát triển bền vững: GRI, IIRC, SASB? Thông tin này có được báo cáo cùng với thông tin tài chính?

Phụ lục C: Lập Kế hoạch Nội bộ để Chuẩn bị Báo cáo Thường niên

Thư ký công ty có vai trò chính trong việc chuẩn bị báo cáo thường niên và tất cả các khía cạnh của báo cáo. Các phòng ban khác trong công ty cũng cung cấp nguồn lực quý giá để chuẩn bị báo cáo. Bảng C.1 gợi ý về các bộ phận trong công ty có thể là nguồn cung cấp tài liệu quan trọng cho các cấu phần của báo cáo, và cung cấp ví dụ về các câu hỏi chính cần đặt ra khi chuẩn bị báo cáo thường niên. (Bảng tiếp theo báo cáo thường niên mẫu được trình bày tại **Bảng 1.1: Cấu trúc Mẫu của Báo cáo Thường niên**, trang 15 của Bộ Công cụ này.)

Bảng C.1: Nguồn lực Nội bộ cho Báo cáo Thường niên, và những Câu hỏi Chính cần Đặt ra

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Chiến lược		
Mô hình kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp làm gì, điều gì tạo ra sự khác biệt cho doanh nghiệp? Khách hàng, sản phẩm hoặc dịch vụ, hoặc quy trình kinh doanh của doanh nghiệp? Doanh nghiệp có mô hình kinh doanh rõ ràng không? Mô hình này có thể được mô tả và/hoặc trình bày rõ ràng trong một sơ đồ? Đầu vào, đầu ra và kết quả của các hoạt động của doanh nghiệp là gì? Các mối quan hệ chính của doanh nghiệp?
Môi trường kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Hoạt động Phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp hoạt động ở đâu? Môi trường hoạt động nội bộ là gì? Môi trường bên ngoài là gì, và các xu hướng trong môi trường? Cấu trúc doanh nghiệp có liên quan thế nào đến môi trường của doanh nghiệp?
Mục tiêu chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Ban điều hành HĐQT Phát triển Bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp hướng đến mục tiêu gì và dự định làm thế nào để đạt được điều đó? Doanh nghiệp làm thế nào để bảo tồn và tạo ra giá trị? Các mục tiêu ngắn và dài hạn là gì? KPI tài chính và phi tài chính nào được sử dụng để đảm bảo doanh nghiệp đang thực hiện chiến lược? Chiến lược đó đáp ứng môi trường kinh doanh như thế nào? Nói cách khác, tại sao chiến lược này là đúng đắn? Quản trị chiến lược là gì? HĐQT có liên quan như thế nào?
Phân tích và ứng phó với rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý rủi ro Ban điều hành HĐQT 	<ul style="list-style-type: none"> Những rủi ro cụ thể nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn? Tại sao ban điều hành tin rằng đây là những rủi ro chính? Những rủi ro này được đánh giá như thế nào? Những rủi ro này được quản lý hoặc giảm thiểu như thế nào? Làm thế nào để doanh nghiệp thấy những rủi ro này thay đổi theo thời gian? Những rủi ro mới hoặc mới nổi được nhận dạng thế nào?
Cơ hội và rủi ro về phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển Bền vững Chiến lược Quản lý rủi ro Ban điều hành HĐQT 	<ul style="list-style-type: none"> Những vấn đề nào có ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, tác động xã hội/phát triển, danh tiếng, và giấy phép hoạt động? Những vấn đề nào có ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của doanh nghiệp? Có quy trình để xác định những vấn đề này không? Nếu có, quy trình này nằm ở đâu trong danh mục các ưu tiên của ban điều hành?

(Tiếp theo trang sau)

BẢNG C.1: Nguồn lực Nội bộ cho Báo cáo Thường niên, và những Câu hỏi Chính cần Đặt ra (Tiếp theo trang trước)

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Quản lý rủi ro Hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> KPI được chọn như thế nào? KPI có liên quan đến chiến lược của doanh nghiệp không? KPI có được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động? KPI có cho phép so sánh kết quả hoạt động theo thời gian và với doanh nghiệp tương tự không?
Quản trị công ty		
Lãnh đạo và Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> Ban điều hành HĐQT Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch các Ủy ban 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp đại diện cho điều gì? Văn hóa doanh nghiệp được định nghĩa và tích hợp thế nào trong toàn doanh nghiệp? Giá trị của doanh nghiệp là gì? Công ty có những chính sách quản trị nào có liên quan? Những chính sách này được thực hiện như thế nào trên thực tế? Những lĩnh vực quản trị trọng tâm chính trong năm là lĩnh vực nào?
Cơ cấu và hoạt động của HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT Chủ tịch HĐQT và các Ủy ban, bao gồm Ủy ban Để cử 	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình bầu thành viên HĐQT như thế nào? Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp như thế nào? Các ủy ban khác nhau của HĐQT bao gồm những ủy ban nào? Hiệu quả quản trị (hoặc hiệu quả hoạt động của HĐQT) có được đánh giá trong năm? HĐQT giám sát phát triển bền vững như thế nào?
Môi trường kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Pháp chế và Tuân thủ Quản lý Rủi ro Kiểm soát Nội bộ Kiểm toán Nội bộ Ủy ban Kiểm toán hoặc Rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> Khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp là gì? Có những hệ thống nào để đảm bảo tuân thủ? Môi trường kiểm soát trông như thế nào? Doanh nghiệp có sử dụng mô hình ba tuyến phòng vệ cho quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, và kiểm toán nội bộ không? HĐQT giám sát mô hình này như thế nào và có trách nhiệm giải trình thế nào? Các đơn vị kiểm toán độc lập có đề xuất gì để cải thiện môi trường kiểm soát?
Đối xử với cổ đông thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> Tài chính và Kế toán Pháp chế và Tuân thủ Ủy ban Lương thưởng 	<ul style="list-style-type: none"> Ai sở hữu doanh nghiệp? Doanh nghiệp được kiểm soát như thế nào? Có quan hệ sở hữu gián tiếp đáng kể nào không? Có cổ đông nào nắm quyền kiểm soát chi phối không? Những cổ đông đó là ai và có vai trò gì? Có chính sách kế nhiệm không? Cổ đông thiểu số có những quyền gì, bao gồm quyền trong quá trình thay đổi kiểm soát? Chính sách thù lao như thế nào? Thù lao dành cho HĐQT và lãnh đạo cấp cao trong năm vừa qua? Thù lao có gắn với chiến lược không? Có gắn với kết quả hoạt động không? Chính sách về giao dịch với bên liên quan như thế nào? Có những giao dịch đáng kể nào đã được ký kết hoặc vẫn còn hiệu lực trong kỳ báo cáo?

(Tiếp theo trang sau)

BẢNG C.1: Nguồn lực Nội bộ cho Báo cáo Thường niên, và những Câu hỏi Chính cần Đặt ra (Tiếp theo trang trước)

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển Bền vững • HĐQT • Chiến lược 	<ul style="list-style-type: none"> • Các bên có quyền lợi liên quan của doanh nghiệp bao gồm những đối tượng nào và hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng gì đến họ? • Các vấn đề lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan được tích hợp như thế nào trong chiến lược? • Quy trình quản lý các vấn đề lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan là quy trình gì, kể cả cơ chế khiếu nại và truyền thông ra bên ngoài? • Vai trò của HĐQT là gì?
Tình hình tài chính và kết quả hoạt động		
Kết quả hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Ban điều hành • HĐQT • Chiến lược • Tài chính và Kế toán • Phát triển Bền vững • Quản lý rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả hoạt động và tài chính của công ty là gì? • Có những xu hướng quan trọng nào thúc đẩy kết quả hoạt động và tài chính, bao gồm nhu cầu đầu tư, tài sản vô hình và phát triển bền vững? • Kết quả phi tài chính của công ty là gì, kể cả kết quả về quản lý rủi ro và cơ hội phát triển bền vững? • Các khía cạnh khác nhau của kết quả hoạt động (tài chính, hoạt động, phát triển bền vững) có liên kết thế nào với nhau? • Mục tiêu kết quả hoạt động trong tương lai và triển vọng cho kết quả hoạt động trong tương lai là gì?
Báo cáo Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> • Kế toán và Tài chính • Pháp chế và Tuân thủ • Ủy ban Kiểm toán và/hoặc Tài chính • Đơn vị Kiểm toán Độc lập 	<ul style="list-style-type: none"> • Có những yêu cầu nào trong nước đối với báo cáo tài chính và kiểm toán? • Chuẩn mực kế toán nào cần được tuân thủ, cả trong nước và quốc tế? • Những thông tin tài chính bổ sung nào cần có hoặc được khuyến nghị cho ngành? • Hoạt động kinh doanh được phân đoạn thế nào? • Kết quả của kiểm toán độc lập là gì?
Báo cáo Phát triển Bền vững	<ul style="list-style-type: none"> • Ban điều hành • HĐQT • Phát triển Bền vững • Chiến lược • Tài chính và Kế toán 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh nghiệp theo dõi hàng năm đối với những chỉ số xuyên suốt, chỉ số cụ thể theo ngành, và chỉ số cụ thể theo doanh nghiệp nào? • Có thể trình bày dữ liệu có giá trị nhiều hơn một năm để so sánh không? • Những chuẩn mực báo cáo/kế toán nào nên được sử dụng? Liệu có thể thực hiện kiểm toán không? • Cần những chú thích nào để đảm bảo rằng dữ liệu dễ hiểu và có thể so sánh?

Phụ lục D: Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty của IFC cho Công ty Niêm yết (Lồng ghép các Vấn đề Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty)

Nòng cốt của Bộ Công cụ này là Ma trận Tiến trình Quản trị Công ty của IFC cho Công ty Niêm yết, nhưng bất kỳ tổ chức nào – dù niêm yết hay không, và trên tất cả các ngành - đều có thể áp dụng những khái niệm này. Ma trận này là cơ sở của Bộ Công cụ, vì Ma trận này là công cụ toàn diện nhất. Các bản điều chỉnh của Ma trận - cho các định chế tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp thuộc sở hữu gia đình, và các quỹ - sẽ được cung cấp trên website của chúng tôi: www.ifc.org/corporategovernance.

A. Cam kết về Môi trường, Xã hội và Quản trị (Lãnh đạo và Văn hóa)

1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>Hình thức thể hiện</p> <ol style="list-style-type: none"> Chính sách/bộ nguyên tắc quản trị công ty (QTCT) bằng văn bản quy định tối thiểu về vai trò của HĐQT, quyền và đối xử với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác, tuân thủ luật pháp và các yêu cầu về minh bạch và công bố thông tin, và nêu rõ các mục tiêu và nguyên tắc định hướng của công ty. Chính sách bằng văn bản quy định tối thiểu về việc tuân thủ luật pháp và quy định về E&S. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ nguyên tắc QTCT, có đề cập đến các vấn đề E&S. Công bố định kỳ cho cổ đông về quy tắc và thực hành QTCT, và việc tuân thủ bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của quốc gia sở tại. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin về tính đầy đủ của các chính sách và quy trình ESG. 	
<p>Quy tắc đạo đức và Văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử được HĐQT phê duyệt. Bộ Quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử có tích hợp đầy đủ thông lệ ESG trong hoạt động kinh doanh. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ quy tắc đạo đức được đưa vào nội dung chương trình giới thiệu cho người lao động mới gia nhập công ty. 	<ol style="list-style-type: none"> Văn hóa tổ chức đã bao gồm nhận thức về ESG và ý thức về kiểm soát nội bộ trong toàn tổ chức. 	
<p>Cán bộ / Bộ phận chuyên trách</p> <ol style="list-style-type: none"> Có cán bộ công ty đóng vai trò thư ký công ty. Có cán bộ QTCT và/hoặc thư ký công ty chuyên trách toàn thời gian. 	<ol style="list-style-type: none"> Có chức năng tuân thủ chuyên trách, nhằm đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy trình ESG, bộ quy tắc đạo đức và/hoặc ứng xử. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với việc thực hiện các chính sách và quy trình ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu khu vực trong hoạt động ESG. 	
<p>Mức độ được</p> <ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu quốc gia trong hoạt động ESG Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong hoạt động ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu khu vực trong hoạt động ESG. 	<ol style="list-style-type: none"> Được công nhận rộng rãi là doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong hoạt động ESG. 	

B. Cơ cấu và Hoạt động của HĐQT

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Vai trò, Bầu cử và Kế nhiệm	<ol style="list-style-type: none"> 1. HĐQT phê duyệt chiến lược. 2. Thành viên HĐQT có đủ thời gian và thông tin để thực hiện nhiệm vụ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vị trí trong HĐQT được bầu đầy đủ hàng năm. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch nhân sự kế cận do HĐQT xây dựng cho các thành viên HĐQT và thành viên ban điều hành 	
Thành phần	<ol style="list-style-type: none"> 3. HĐQT có một số thành viên HĐQT độc lập theo luật pháp và quy định. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 1/5 số thành viên HĐQT trở lên độc lập với ban điều hành và cổ đông có quyền kiểm soát. 3. Cơ cấu thành viên HĐQT được thiết lập dựa trên ma trận về kỹ năng chuyên môn. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 1/3 số thành viên HĐQT trở lên được xác định là độc lập theo thông lệ quốc tế tốt nhất.¹³ 3. Đạt được sự đa dạng của HĐQT về mọi khía cạnh, bao gồm nhưng không giới hạn ở khía cạnh về giới tính. 4. Tách biệt vai trò chủ tịch HĐQT và TGD. Chủ tịch HĐQT là độc lập, hoặc một thành viên HĐQT độc lập đứng đầu được chỉ định. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. 1/2 số thành viên HĐQT trở lên được xác định là độc lập theo thông lệ quốc tế tốt nhất.
Các Ủy ban	<ol style="list-style-type: none"> 4. Ủy ban kiểm toán do HĐQT thành lập. 	<ol style="list-style-type: none"> 5. Đa số thành viên ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập. 6. Các ủy ban chuyên môn giải quyết các vấn đề chuyên môn đặc thù hoặc xung đột lợi ích tiềm tàng (ví dụ: để cử, lương thưởng, công nghệ/an ninh mạng, E&S/phát triển bền vững, quản lý rủi ro, vv.), nếu cần thiết. 7. Ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập phê duyệt tất cả các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan. 	<ol style="list-style-type: none"> 2. 100% thành viên ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập. 3. Thành lập ủy ban chuyên môn về QTCT ở cấp HĐQT. 4. Các ủy ban chuyên môn (quản trị, để cử, E&S/phát triển bền vững và lương thưởng) bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập, kể cả chủ tịch ủy ban. 5. Ủy ban lương thưởng đảm bảo rằng chế độ lương thưởng cho lãnh đạo cấp cao được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động và ưu đãi dài hạn (và được điều chỉnh theo tất cả các loại rủi ro hiện tại và tương lai), dựa trên kết quả hoạt động tài chính và phi tài chính của công ty. 6. Ủy ban quản lý rủi ro hoặc ủy ban chuyên môn khác có đa số thành viên HĐQT độc lập, và đa số có kinh nghiệm quản lý rủi ro. 	

(Tiếp theo trang sau)

¹³ Ví dụ, Định nghĩa mang tính Chi dẫn về Thành viên HĐQT Độc lập của IFC

B. Cơ cấu và hoạt động của HĐQT (Tiếp theo trang trước)

1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>4. HĐQT họp tối thiểu hàng quý và chịu trách nhiệm giám sát khách quan hoạt động của ban điều hành.</p>	<p>5. Kết quả hoạt động của toàn thể HĐQT được đánh giá định kỳ.</p> <p>6. Kết quả hoạt động của Ban điều hành được đánh giá hàng năm.</p>	<p>8. Thành viên HĐQT không điều hành họp riêng tối thiểu một lần mỗi năm.</p>	<p>7. Thành viên HĐQT độc lập họp riêng định kỳ.</p>
<p>Đánh giá và Kết quả hoạt động</p>	<p>9. HĐQT, các ủy ban và thành viên HĐQT được đánh giá hàng năm.</p>	<p>9. HĐQT được đào tạo về vấn đề rủi ro E&S của ngành.</p> <p>10. HĐQT được đào tạo về vấn đề rủi ro E&S nói chung.</p>	<p>8. Bên thứ ba độc lập thực hiện đánh giá HĐQT và các ủy ban.</p>
<p>Giám sát E&S</p>	<p>7. HĐQT được đào tạo về các vấn đề rủi ro E&S nói chung.</p>	<p>10. HĐQT được đào tạo về vấn đề rủi ro E&S của ngành.</p> <p>11. Chiến lược và khẩu vị rủi ro có tích hợp các vấn đề/rủi ro E&S.</p> <p>12. Tối thiểu 1 thành viên HĐQT có kinh nghiệm phân tích và diễn giải các rủi ro E&S.</p> <p>13. Trong các ngành nhạy cảm¹⁴, từ 1 thành viên HĐQT trở lên có kiến thức chuyên sâu về rủi ro E&S.</p> <p>14. Các vấn đề E&S là nội dung thường xuyên được đưa vào trong chương trình làm việc của HĐQT; HĐQT phê duyệt chiến lược ESG và chính sách E&S, định kỳ rà soát kết quả E&S; bảo đảm đối thoại phù hợp giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan chính; và bảo đảm hiệu quả của Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài (ECM).</p> <p>15. HĐQT bảo đảm có các hệ thống quản lý để xác định và quản lý rủi ro và tác động E&S.</p>	<p>9. Ủy ban chuyên môn ở cấp HĐQT được thành lập để rà soát các vấn đề E&S.</p> <p>10. HĐQT rà soát công tác kiểm toán độc lập về hiệu quả của Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS), bao gồm quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và cơ chế giải quyết khiếu nại.</p>

¹⁴ Ví dụ về “ngành nhạy cảm” bao gồm dầu khí, khai thác mỏ, công nghiệp nặng (sắt thép, xi măng), và sản xuất hoặc chế biến hàng nông sản quy mô lớn.

C. Môi trường Kiểm soát (Hệ thống kiểm soát nội bộ, Bộ phận kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Tuân thủ)

	1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
Kiểm soát Nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> Công ty đã thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát nội bộ bằng văn bản. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban Kiểm toán bảo đảm rằng Thư Quản lý nêu rõ các biện pháp khác phục các điểm yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ. 	<ol style="list-style-type: none"> Áp dụng mô hình “Ba tuyến phòng vệ” cho quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.¹⁵ 	<ol style="list-style-type: none"> Môi trường Kiểm soát tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, bao gồm nhưng không giới hạn IIA,¹⁶ COSO, ISO 31000, 19600, 37001 và 27001. Cơ cấu tổ chức do Ban điều hành áp dụng có tác động tích cực đối với kết quả hoạt động, năng suất, và hiệu quả của công tác lãnh đạo.
Kiểm toán Nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận kiểm toán nội bộ thường xuyên tương tác với kiểm toán độc lập và chịu trách nhiệm giải trình trước HĐQT. 	<ol style="list-style-type: none"> Bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập, khách quan, hoạt động theo định hướng rủi ro, và có phạm vi hoạt động không giới hạn. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp cho ủy ban kiểm toán, và báo cáo về hành chính cho ban điều hành. Ủy ban kiểm toán đảm bảo rằng bộ phận kiểm toán nội bộ được một bên thứ ba thực hiện đánh giá chất lượng định kỳ. 		
Quản trị Rủi ro	<ol style="list-style-type: none"> HĐQT phê duyệt khẩu vị rủi ro. Công ty đã thiết lập khung quản lý rủi ro và có vị trí Giám đốc Quản lý Rủi ro (CRO) hoặc tương đương, được quyền tiếp cận không giới hạn với HĐQT. 	<ol style="list-style-type: none"> HĐQT thường xuyên giám sát công tác quản lý rủi ro và việc tuân thủ chính sách và quy trình. Giám đốc Quản lý Rủi ro (CRO) báo cáo lên ủy ban quản lý rủi ro cấp HĐQT hoặc tương đương. 		
Tuân thủ	<ol style="list-style-type: none"> Chương trình tuân thủ toàn diện được rà soát hàng năm, và có cơ chế báo cáo các hành vi sai trái và vi phạm. 	<ol style="list-style-type: none"> Giám đốc tuân thủ báo cáo trực tiếp cho ủy ban kiểm toán hoặc tương đương và báo cáo về hành chính cho ban điều hành. 		
Kiểm toán Độc lập	<ol style="list-style-type: none"> Thư Quản lý bằng văn bản do kiểm toán độc lập cung cấp. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm trực tiếp làm việc kiểm toán độc lập; thống nhất với kiểm toán độc lập về phạm vi và phi kiểm toán, và thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng của kiểm toán độc lập, sử dụng Chỉ số Chất lượng Kiểm toán liên quan. Công ty đã thiết lập chức năng nhiệm vụ cho vị trí CFO. 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban kiểm toán rà soát các mối quan hệ lâu dài của kiểm toán độc lập. 	

(Tiếp theo trang sau)

¹⁵ Cụ thể, các cấp điều hành là tuyến phòng vệ thứ nhất, bộ phận quản lý rủi ro và tuân thủ là tuyến phòng vệ thứ hai, và kiểm toán độc lập trong vai trò bảo đảm độc lập là tuyến phòng vệ thứ ba.

¹⁶ Chuẩn mực và quy định liên quan của Viện Kiểm toán viên Nội bộ.

C. Môi trường Kiểm soát (Hệ thống kiểm soát nội bộ, Bộ phận kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Tuân thủ) (Tiếp theo trang trước)

1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản



2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình



3. Thông lệ quốc tế tốt



4. Thông lệ tiên phong

Tích hợp E&S	Thông lệ
5. Công ty đã tích hợp thông lệ của ngành vào trong chính sách quản lý rủi ro E&S của công ty.	9. Hoạt động ESG có tính tích hợp cao, có hiệu lực, và hiệu quả và hỗ trợ các mục tiêu kinh doanh chiến lược và hoạt động, cũng như các mục tiêu hỗ trợ kiểm soát.
	10. Thực hiện kiểm toán nội bộ định kỳ đối với ESG, CNTT và Bảo mật Thông tin.
	11. ESMS toàn diện được tích hợp trong khung quản lý rủi ro, và các rủi ro E&S cũng được tính đến trong quá trình xác định khẩu vị rủi ro.
	12. Trưởng bộ phận E&S/phát triển bền vững được tiếp cận không giới hạn với ban điều hành và CRO.
	5. HĐQT hoặc ủy ban phát triển bền vững bảo đảm việc thực hiện các biện pháp khắc phục về các vấn đề E&S.
	6. Trưởng bộ phận ESG báo cáo trực tiếp cho Ủy ban E&S/phát triển bền vững thuộc HĐQT.
	7. ESMS tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: ISO 14001).

Quản trị Công ty con	Thông lệ
4. Công ty có thể xác định công ty con.	13. Công ty có một bộ phận tập trung thực hiện quản trị công ty con và công ty con được phân nhóm dựa trên mức độ phức tạp và áp dụng khung quản trị phù hợp cho từng nhóm.
	6. Công ty có chính sách và quy trình để kiểm soát việc thành lập và giải thể công ty con.
	8. HĐQT thực hiện giám sát đối với cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty con.

D. Công bố Thông tin và Minh bạch

<p>1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản</p>	<p>2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình</p>	<p>3. Thông lệ quốc tế tốt</p>	<p>4. Thông lệ tiên phong</p>
<p>Báo cáo Tài chính</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập được công nhận. 	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) hoặc tương đương. Báo cáo tài chính được kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA). 	<ol style="list-style-type: none"> Ủy ban kiểm toán giám sát báo cáo tài chính, phi tài chính và báo cáo kiểm toán. Có ban hành chính sách công bố thông tin. 	
<p>Khẩu vị rủi ro</p>		<ol style="list-style-type: none"> Công ty công bố khẩu vị rủi ro. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố khẩu vị rủi ro bao gồm thông tin định tính và định lượng
<p>Công bố về doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ tất cả các yêu cầu công bố thông tin và quy định niêm yết. Nhà đầu tư và chuyên gia phân tích tài chính được tiếp cận thông tin như nhau. Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác và kịp thời về số lượng cổ phần của tất cả các loại do cổ đông có quyền kiểm soát và công ty con của cổ đông có quyền kiểm soát nắm giữ (tập trung sở hữu). 	<ol style="list-style-type: none"> Công ty công bố bộ quy tắc đạo đức/ ứng xử. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin về cổ đông có lợi ích đáng kể trong công ty. Mọi công bố thông tin và liên lạc với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan được cung cấp trực tuyến một cách kịp thời và phù hợp. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin và minh bạch về thuế. Công bố thông tin về lương thưởng của lãnh đạo cấp cao. Công bố thông tin về chính sách cổ tức.
<p>Công bố về ESG</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo ESG/phát triển bền vững, nếu có, tuân thủ yêu cầu tối thiểu của quốc gia. 		<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo thường niên có cung cấp thông tin ESG. Ủy ban E&S/Phát triển bền vững soát xét thông tin ESG trong báo cáo thường niên. Dữ liệu về Thông tin ESG phải được soát xét độc lập. Thông tin công bố cho Cộng đồng bị ảnh hưởng phải được thực hiện theo định dạng và ngôn ngữ dễ hiểu. Cập nhật hàng năm cho Cộng đồng bị ảnh hưởng tại địa phương. 	<ol style="list-style-type: none"> Công bố thông tin phi tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất (ví dụ: GRI, IIRC, SASB). Định kỳ báo cáo thông tin phi tài chính về các vấn đề ESG mà các bên có quyền lợi liên quan quan tâm. Thông tin ESG phải được một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm.

E. Đối xử với Cổ đông Thiểu số

1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản

1. Mọi cổ đông cùng loại đều có quyền biểu quyết, mua và chuyển nhượng như nhau.
2. Cổ đông thiểu số được thông báo đầy đủ và được nhận nội dung chương trình nghị sự của tất cả các đại hội cổ đông; và được phép tham gia và biểu quyết tại đại hội cổ đông.

Quyền Biểu quyết

2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình

1. Đại diện hiệu quả cho cổ đông thiểu số thông qua bầu dồn phiếu hoặc cơ chế tương tự; và các quyền kinh tế như quyền thanh tra, quyền “thoái vốn” (exit rights) và quyền cùng bán (tag-along rights).
2. Công ty có chính sách cổ tức.
3. Công ty có chính sách rõ ràng và được thực thi về đối xử với cổ đông thiểu số trong trường hợp có thay đổi về mặt kiểm soát.

3. Cổ đông nắm giữ mọi chứng khoán cùng loại có quyền tiếp cận thông tin như nhau (bình đẳng trong công bố thông tin).

Quyền Bảo vệ

4. Có chính sách và thông lệ rõ ràng về việc công bố đầy đủ và kịp thời cho cổ đông tất cả các giao dịch trọng yếu của bên liên quan và thỏa thuận cổ đông.

3. Có chính sách và thông lệ rõ ràng về giao dịch trong yếu tố của công ty có thể ảnh hưởng tiềm tàng đến quyền của cổ đông thiểu số.
4. Báo cáo thường niên công bố rủi ro trọng yếu đối với cổ đông thiểu số liên quan đến cổ đông có quyền kiểm soát, sở hữu tập trung, sở hữu chéo, và mất cân bằng về quyền biểu quyết.

4. Bộ phận quan hệ nhà đầu tư được thành lập.

Quan hệ Nhà đầu tư

5. Bộ phận quan hệ nhà đầu tư có chương trình tương tác với cổ đông thiểu số.



4. Thông lệ tiên phong

1. Đối xử với cổ đông theo đúng thông lệ thị trường quốc tế tốt nhất.
2. Lương thưởng của lãnh đạo cấp cao được cổ đông phê duyệt.
3. Mọi cổ phần có một quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
4. Giao dịch của bên liên quan (trên 2,5% tài sản ròng hoặc 150.000 USD) phải được cổ đông phê duyệt hoặc tuân thủ yêu cầu khắt khe hơn.¹⁷

¹⁷ Thông thường, các giới hạn cần thiết sẽ do luật pháp/ủy định của quốc gia niêm yết quyết định; tuy nhiên, OECD có đưa ra khuyến nghị về các giới hạn để tham khảo. Xem OECD, *Hướng dẫn Công Giae dịch Bên liên quan có tính Lợi dụng ở Châu Á* (2009), 31.

F. Quản trị sự Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan



1. Thông lệ ở Cấp độ Cơ bản	2. Thông lệ ở Cấp độ Trung bình	3. Thông lệ quốc tế tốt	4. Thông lệ tiên phong
<p>Xác định các bên có quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận diện các bên có quyền lợi liên quan khi cần thiết, bao gồm người lao động, khách hàng, cơ quan quản lý và Cộng đồng bị Ảnh hưởng tại địa phương. 	<ol style="list-style-type: none"> Các bên có quyền lợi liên quan chính được xác định cũng bao gồm các tổ chức phi chính phủ (NGO) và tổ chức xã hội dân sự (CSO) trong nước. 	<ol style="list-style-type: none"> Quy trình chính thức để lập bản đồ các bên có quyền lợi liên quan và định nghĩa mở rộng về các bên có quyền lợi liên quan bao gồm người lao động theo hợp đồng, người lao động của các chuỗi cung ứng cơ bản, và NGO và CSO quốc tế. 	<ol style="list-style-type: none"> Lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan, kể cả việc tích hợp nội dung này với chiến lược và việc thiết lập mục tiêu.
<p>Chính sách Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan</p> <ol style="list-style-type: none"> Có chính sách và quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan (SE). 	<ol style="list-style-type: none"> Chính sách và chiến lược SE bao gồm quy trình phân tích các bên có quyền lợi liên quan, áp dụng phương pháp cách tiếp cận khác biệt đối với các nhóm ưu tiên, yêu cầu công bố thông tin và tham vấn hai chiều, và báo cáo.¹⁸ 	<ol style="list-style-type: none"> Chính sách và chiến lược SE bao gồm quy trình phân tích các bên có quyền lợi liên quan, áp dụng phương pháp cách tiếp cận khác biệt đối với các nhóm ưu tiên, yêu cầu công bố thông tin và tham vấn hai chiều, và báo cáo.¹⁸ 	<ol style="list-style-type: none"> Cam kết đối với SE phải được công bố rõ ràng cho nhà đầu tư, nhà cung cấp và cộng tác viên thông qua bộ quy tắc ứng xử, nêu rõ kỳ vọng về tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và nhân quyền. Hoạt động SE được đưa vào yêu cầu đối với các nhà cung cấp chính. Hoạt động và kết quả SE được tính đến trong quy trình ra quyết định của HĐQT và báo cáo ra bên ngoài.
<p>Cơ chế Giải quyết Khiếu nại của Người lao động</p> <ol style="list-style-type: none"> Chính sách và quy trình nhân sự về tương tác với người lao động. 	<ol style="list-style-type: none"> Cơ chế khiếu nại cơ bản cho người lao động. 	<ol style="list-style-type: none"> Ban điều hành thường xuyên trả lời khiếu nại của người lao động và lao động hợp đồng. 	<ol style="list-style-type: none"> Các vấn đề được nêu thông qua cơ chế khiếu nại đối với người lao động được phân tích và giải quyết với sự tham gia của đại diện người lao động. HĐQT thường xuyên được thông báo về kết quả và xu hướng khiếu nại.
<p>Cơ chế Giải quyết Khiếu nại của Cộng đồng bị Ảnh hưởng</p> <ol style="list-style-type: none"> Phản hồi không chính thức đối với yêu cầu và quan ngại của các bên có quyền lợi liên quan. 	<ol style="list-style-type: none"> Có Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài để phản hồi các câu hỏi và phản nản của các bên có quyền lợi liên quan, và có cơ chế khiếu nại nếu có các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng. 	<ol style="list-style-type: none"> Quy trình truyền thông được công bố và các bên liên quan có thể tiếp cận rộng rãi.¹⁹ Cơ chế khiếu nại tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết quan ngại của các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng. Nhân sự chuyên trách quản lý tương tác với các nhóm Cộng đồng bị Ảnh hưởng có trách nhiệm rõ ràng, được đào tạo, và có tuyên bố cáo trực tiếp cho ban điều hành và HĐQT. Chính sách SE được đưa vào yêu cầu đối với nhà đầu tư. Những vấn đề của các bên có quyền lợi liên quan chưa được giải quyết cần có kế hoạch hành động ở cấp Ban điều hành. 	<ol style="list-style-type: none"> Ban điều hành thực hiện phân tích định kỳ đối với các khiếu nại để xác định xu hướng và nguyên nhân gốc rễ. Lãnh đạo cấp cao chủ động tham gia thảo luận quốc tế trong ngành về các chủ đề có liên quan. SE và báo cáo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (Chuẩn mực AA 1000 về Nguyên tắc Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan và Trách nhiệm giải trình và ISO 26000).

¹⁸ Tham vấn với Chuyên gia Xã hội để quyết định chất lượng của chính sách, chiến lược, và quy trình SE, nếu phù hợp.


¹⁹ Tham vấn với Chuyên gia Xã hội để đánh giá liệu quy trình truyền thông có đầy đủ để (a) tiếp nhận và ghi nhận các tương tác với công chúng; (b) đánh giá các vấn đề được nêu và quyết định phương án phản hồi; (c) cung cấp và ghi nhận phản hồi, nếu có; và (d) điều chỉnh chương trình quản lý, nếu cần thiết và thích hợp.

Phụ lục E: Các Khung chính cho Quản lý và Công bố Thông tin Phát triển Bền vững

KHUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHUNG

Nguyên tắc/ Khung	Mục tiêu	Điểm mạnh	Hạn chế	Sử dụng Tốt nhất
 United Nations Global Compact	<p>Các công ty cam kết tuân thủ 10 nguyên tắc của Hiệp ước Toàn cầu Liên Hiệp Quốc phải thực hiện báo cáo hàng năm về tiến độ và kết quả phát triển bền vững</p>	<p>Bao gồm các vấn đề môi trường và xã hội và nhân quyền</p>	<p>Khung dựa trên nguyên tắc này không cung cấp các chỉ số hoạt động chính (KPI) cụ thể để đo lường kết quả, khả năng so sánh.</p>	<p>Tạo ra trách nhiệm giải trình để duy trì các chuẩn mực quốc tế chung.</p> <p>Các chủ đề trong Khung và tính linh hoạt của Khung phù hợp cho các thị trường mới nổi và các công ty nhỏ.</p>
	<p>Hướng dẫn để tối đa hóa đóng góp cho phát triển bền vững.</p> <p>Bao gồm truyền thông ra bên ngoài về cải thiện kết quả hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội.</p>	<p>Hướng dẫn về các chủ đề trách nhiệm xã hội cốt lõi.</p> <p>Hướng dẫn tích hợp trách nhiệm xã hội trong toàn tổ chức.</p>	<p>Hướng dẫn lập báo cáo còn hạn chế.</p>	<p>Tổ chức báo cáo muốn sử dụng thông lệ tốt nhất trên toàn cầu nhưng cũng muốn có sự linh hoạt cao về cách thức báo cáo.</p> <p>Các chủ đề trong Khung và tính linh hoạt của Khung phù hợp cho các thị trường mới nổi; tính toàn diện hạn chế các công ty nhỏ.</p>


KHUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHUNG

Nguyên tắc/ Khung	Mục tiêu	Điểm mạnh	Hạn chế	Sử dụng Tốt nhất
	<p>Để cải thiện tính bền vững của các tổ chức và hỗ trợ phát triển bền vững.</p> <p>Nguyên tắc được xây dựng với phương pháp tiếp cận đa bên</p>	<p>Các chỉ số cụ thể dành cho mọi công ty. Chỉ số cụ thể theo ngành cho một số ngành.</p>	<p>Được sử dụng cho các báo cáo độc lập về phát triển bền vững.</p> <p>Thông tin chi tiết hơn không phải lúc nào cũng phù hợp cho quản lý và đầu tư chiến lược.</p>	<p>Truyền thông một loạt các thông lệ phát triển bền vững/ quản lý phi tài chính cho nhiều bên có quyền lợi liên quan khác nhau.</p> <p>Các chủ đề phù hợp cho các thị trường mới nổi; tính toàn diện hạn chế các công ty nhỏ.</p>

(Tiếp theo trang sau)

(Tiếp theo trang trước)

KHUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHUNG

Nguyên tắc/ Khung	Mục tiêu	Điểm mạnh	Hạn chế	Sử dụng Tốt nhất
	<p>Khuyến khích tư duy dài hạn, tích hợp trong doanh nghiệp và cải thiện việc phân bổ vốn tài chính.</p> <p>Ưu tiên nhà đầu tư.</p>	<p>Có thể giúp thúc đẩy thay đổi nội bộ, tích hợp các cân nhắc về môi trường và xã hội trong các hoạt động cốt lõi.</p>	<p>Khung dựa trên nguyên tắc này không cung cấp KPI cụ thể để đo lường và báo cáo kết quả hoạt động.</p>	<p>Báo cáo về quá trình tạo giá trị và giải trình về cách thức quản lý các vấn đề phát triển bền vững một cách chiến lược.</p> <p>Cách tiếp cận phù hợp cho các thị trường mới nổi; sự phức tạp hạn chế các công ty nhỏ.</p>




<p>Các đơn vị có lợi ích công chúng lớn (> 500 người lao động) phải công bố các thông tin về chính sách, rủi ro và kết quả liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội và người lao động, nhân quyền và chống tham nhũng, và sự đa dạng trong hội đồng quản trị.</p>	<p>Báo cáo bắt buộc (hoặc giải trình) và được linh hoạt lựa chọn trong số các khung báo cáo được sử dụng rộng rãi nhất.</p>	<p>Chỉ áp dụng đối với các công ty có trụ sở hoạt động tại EU.</p>	<p>Tổ chức báo cáo có hoạt động quan trọng hoặc thị trường tại EU.</p>
---	---	--	--



<p>Cải thiện sự minh bạch của công ty - và trên hết là kết quả công việc - đối với các vấn đề ESG và khuyến khích đầu tư bền vững.</p>	<p>Được thiết kế cho cả thị trường mới nổi và phát triển.</p> <p>Mặc dù được thiết kế cho công ty đại chúng, hướng dẫn này có thể được doanh nghiệp tư nhân sử dụng.</p>	<p>Hướng dẫn này chủ yếu hướng đến các sàn giao dịch chứng khoán khi phát hành hướng dẫn báo cáo cho các thành viên (gián tiếp).</p>	<p>Các chủ đề trong Khung và tính linh hoạt của Khung phù hợp cho các thị trường mới nổi.</p>
--	--	--	---




KHUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO VẤN ĐỀ

Guidelines/ Framework	Mục tiêu	Điểm mạnh	Hạn chế	Sử dụng Tốt nhất
	<p>Cung cấp rộng rãi thông tin về phát triển bền vững có lợi cho việc ra quyết định.</p> <p>Đối tượng chính là nhà đầu tư.</p>	<p>Cụ thể cho từng ngành và tiểu ngành.</p> <p>Được tích hợp hoàn toàn trong báo cáo tài chính.</p>	<p>Dành cho công ty niêm yết ở Hoa Kỳ.</p> <p>Tích hợp thông tin phát triển bền vững và hồ sơ tài chính theo quy định; mẫu báo cáo không dễ sử dụng.</p>	<p>Giải trình về quản lý phát triển bền vững và kết quả hoạt động cho nhà đầu tư.</p> <p>Trọng tâm giới hạn ở công ty niêm yết Hoa Kỳ.</p>

(Tiếp theo trang sau)

(Tiếp theo trang trước)

KHUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHUNG

Nguyên tắc/ Khung	Mục tiêu	Điểm mạnh	Hạn chế	Sử dụng Tốt nhất
	Cải thiện sự minh bạch của việc thực hiện nhân quyền và áp dụng các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền.	Tập trung vào quản trị và quản lý các vấn đề nhân quyền nổi bật. Có thể được sử dụng với các hướng dẫn hoặc khung khác.	Rất hướng vào quá trình. Các chỉ số là định tính.	Truyền thông chi tiết về quản lý nhân quyền, áp dụng Bộ Nguyên tắc định hướng về Thương mại và Nhân quyền của Liên Hợp Quốc (“Ruggie Khuôn khổ”). Chủ đề phù hợp cho các thị trường mới nổi; sự phức tạp hạn chế các công ty nhỏ.
	CDP yêu cầu thông tin chuẩn hóa về biến đổi khí hậu, nước và rừng thông qua bảng câu hỏi hàng năm được gửi đi nhân danh các nhà đầu tư tổ chức.	Cung cấp thông tin so sánh và tổng hợp về các biện pháp chính liên quan đến khí hậu để cải thiện kết quả hoạt động doanh nghiệp.	Công bố độc lập, không được tích hợp trong báo cáo thường niên. Sự phức tạp và toàn diện hạn chế việc áp dụng ở các công ty rất lớn.	Công bố riêng cho nhà đầu tư. Những ngành có tác động biến đổi khí hậu đáng kể và/hoặc những ngành phải báo cáo về biến đổi khí hậu theo quy định pháp luật. Tập trung vào các công ty niêm yết lớn.
	Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về cách thức biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng đến chiến lược, kết quả hoạt động và triển vọng trong tương lai. Để sử dụng với báo cáo tài chính.	Làm hài hòa việc công bố thông tin liên quan đến khí hậu và bổ sung cho báo cáo tài chính, đưa các thông tin khí hậu vào phần mô tả bối cảnh cho nhà đầu tư.	Định dạng có thể không dễ sử dụng đối với các bên có quyền lợi liên quan khác ngoài các nhà đầu tư.	Báo cáo tích hợp. Những ngành có tác động biến đổi khí hậu đáng kể và/hoặc những ngành phải báo cáo về biến đổi khí hậu theo quy định pháp luật. Tập trung vào các công ty niêm yết lớn.
	Xây dựng khung công bố thông tin về rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu mang tính tự nguyện, nhất quán để các công ty sử dụng trong việc cung cấp thông tin cho các bên có quyền lợi liên quan.	Công bố thông tin một cách toàn diện và tích hợp về các rủi ro khí hậu, bao gồm quản trị, chiến lược, rủi ro và kết quả hoạt động. Bao gồm phân tích tình huống và chỉ số đo lường cụ thể theo ngành.	Sự phức tạp và toàn diện hạn chế việc áp dụng ở các công ty rất lớn.	Báo cáo tích hợp. Những ngành có tác động biến đổi khí hậu đáng kể và/hoặc những ngành phải báo cáo về biến đổi khí hậu theo quy định pháp luật. Tập trung vào các công ty niêm yết lớn.

Phụ lục F: Các Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững Sử dụng trong Bộ công cụ

Tên Doanh nghiệp	Quốc gia	Ngành	Niêm yết	Báo cáo	Năm
Absa Group (formerly BarclaysAfrica)	Nam Phi	Tài chính	JSE	Báo cáo Tích hợp	2015
Absa Group (formerly BarclaysAfrica)	Nam Phi	Tài chính	JSE	Báo cáo Tích hợp	2017
Aggreko	Anh	Năng lượng	LSE	Báo cáo Thường niên	2015
AkzoNobel	Anh	Hóa chất	Euronext	Báo cáo	2016
Apple	Mỹ	Phần cứng	APPL	Báo cáo Trách nhiệm Môi trường	2016
Astellas Pharma	Nhật Bản	Dược phẩm	TYO	Báo cáo thường niên	2016
BASF	Đức	Hóa chất	Borse Frankfurt	Báo cáo Tích hợp	2017
BHP Billiton	Anh- Úc	Khai mỏ	NYSE	Báo cáo Thường niên	2016
CEMEX	Mehico	Vật liệu xây dựng	NYSE	Báo cáo Tích hợp	2016
CEMEX	Mehico	Vật liệu xây dựng	NYSE	Báo cáo Tích hợp	2017
Chugai Pharmaceutical Co	Nhật Bản	Dược phẩm	TYO	Báo cáo thường niên	2016
Commercial Bank of Ceylon	Sri Lanka	Tài chính	Private	Báo cáo thường niên	2016
Deutsche Bank	Đức	Tài chính	ETR	Báo cáo Trách nhiệm Doanh nghiệp	2016
EnBW	Đức	Điện lực	Borse Frankfurt	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2017
Eskom	Nam Phi	Điện lực	JSE	Báo cáo Tích hợp Eskom	2016
Exxaro	Nam Phi	Than đá và Khai khoáng nặng	JSE	Tích hợp	2015
Ford	Mỹ	Ô tô	NYSE	Báo cáo Bền vững	2014-2015
Fresnillo	Mehico	Khai thác kim loại quý	LON	Báo cáo thường niên	2015
Gold Fields	Nam Phi	Chiết tách	NYSE	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2015
Gold Fields	Nam Phi	Chiết tách	NYSE	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2016
Impahla Clothing	Nam Phi	May mặc	Tư nhân	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2013
Itau Unibanco	Braxin	Tài chính	NYSE	Báo cáo thường niên	2014
Kumba Iron Ore Limited	Nam Phi	Khai thác quặng sắt	JSE	Báo cáo Tích hợp	2017
Li & Fung Limited	Trung Quốc	Kho vận Hậu cần	HKG	Báo cáo thường niên	2015
Liberty Holdings	Nam Phi	Tài chính	JSE	Kết quả Tài chính	2015
Liberty Holdings	Nam Phi	Tài chính	JSE	Báo cáo Tích hợp	2015
Natura	Braxin	Mỹ phẩm	BVMF	Báo cáo thường niên	2016
Nedbank Group	Nam Phi	Tài chính	JSE	Báo cáo Tích hợp	2015
Nestlé	Thụy Sĩ	Thực phẩm và đồ uống	VTX	Nestlé trong Xã hội	2016
Novo Nordisk	Đan Mạch	Dược phẩm	CPH	Báo cáo thường niên	2016

(Tiếp theo trang sau)

(Tiếp theo trang trước)

Tên Doanh nghiệp	Quốc gia	Ngành	Niêm yết	Báo cáo	Năm
Prudential	Mỹ	Tài chính	NYSE	Proxy Statement	2016
Reliance Industries Limited	Ấn Độ	Tập đoàn đa ngành	NSE	Báo cáo Thường niên	2015
RioTinto	Úc và Anh	Kim loại và Khai mỏ	LSE	Báo cáo Thường niên	2017
Roche	Thụy Sĩ	Dược phẩm	VTX	Báo cáo Thường niên	2016
Siam Commercial Bank	Thái Lan	Tài chính	BKK	Báo cáo Thường niên	2016
SABMiller (InBev)	Bỉ	Thực phẩm và đồ uống	EBR	Báo cáo Thường niên	2016
Santova Limited	Nam Phi	Kho vận Hậu cần	JSE	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2016
Sappi Group	Nam Phi	Giấy và Bột giấy	JSE	Báo cáo Tài chính Thường niên	2016
Sasol	Nam Phi	Năng lượng và Hóa chất	NYSE	Báo cáo Thường niên Tích hợp	2017
Standard Chartered	Anh	Tài chính	LON	Tóm tắt Bền vững	2015
Takeda	Nhật Bản	Dược phẩm	TYO	Báo cáo Thường niên	2016
Tata Motor	Ấn Độ	Ô tô	NYSE	Báo cáo Bền vững	2014-2015
Telefonica	Tây Ban Nha	Viễn thông	BME	Báo cáo Tích hợp	2016
Telekom Malaysia	Malaysia	Viễn thông	KLSE	Báo cáo Thường niên	2015
The CLP Group	Trung Quốc	Tiện ích	HKG	Báo cáo Thường niên	2015
The CLP Group	Trung Quốc	Tiện ích	HKG	Báo cáo Bền vững	2015
The Coca-Cola Company	Mỹ	Thực phẩm và đồ uống	NYSE	Proxy Statement	2016
True Group	Thái Lan	Viễn thông	SET	Báo cáo Thường niên	2015
Türk Telekom	Thổ Nhĩ Kỳ	Viễn thông	Tư nhân	Báo cáo Thường niên	2015
Unilever	Mỹ	Thực phẩm và đồ uống	NYSE	Báo cáo Thường niên	2015
Vopak	Hà Lan	Vận tải biển	Euronext	Báo cáo Thường niên	2016
Westpac Group	Úc	Tài chính	ASX	Báo cáo Thường niên	2016

Thuật ngữ

Trong các định nghĩa sau đây, “dự án” và “khách hàng” được sử dụng để chỉ các doanh nghiệp hoặc dự án cụ thể mà doanh nghiệp đang thực hiện. Sau mỗi định nghĩa là nguồn trích dẫn.

Cộng đồng bị Ảnh hưởng. Cộng đồng địa phương trực tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 2012, đoạn 1 (IFC).*

Kiểm toán. Việc soát xét báo cáo tài chính trong quá khứ nhằm cải thiện mức độ tin cậy của báo cáo. Đơn vị kiểm toán bên ngoài có năng lực, trình độ, chuyên môn, và độc lập thực hiện kiểm tra và xác minh hồ sơ tài chính kế toán và chứng từ kèm theo của doanh nghiệp để đảm bảo với người đọc rằng những hồ sơ đó tuân thủ các yêu cầu kế toán và báo cáo hiện hành, báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót, và thể hiện trung thực và chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp. - *Ai đang Điều hành Công ty: Hướng dẫn Báo cáo Quản trị Công ty (IFC).*

Ủy ban kiểm toán. Là ủy ban do HĐQT thành lập, thường chịu trách nhiệm giám sát công tác báo cáo và công bố cả thông tin tài chính và phi tài chính của doanh nghiệp cho các bên có quyền lợi liên quan. Ủy ban này thường có trách nhiệm lựa chọn và giới thiệu công ty kiểm toán cho doanh nghiệp để HĐQT/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ủy ban kiểm toán cũng thường chịu trách nhiệm về môi trường kiểm soát của doanh nghiệp và quản lý rủi ro, nếu không có ủy ban quản lý rủi ro riêng thuộc HĐQT. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

Ý kiến kiểm toán. Là chứng nhận đi kèm với báo cáo tài chính, do đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và hồ sơ của doanh nghiệp phát hành. Ý kiến này cho biết về tổng thể báo cáo tài chính có phản ánh chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp hay không. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

Đa dạng sinh học. Công ước về Đa dạng Sinh học định nghĩa đa dạng sinh học là “sự đa dạng của cuộc sống trong mọi hình thức, bao gồm giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, sinh thái trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần trong đó; đa dạng sinh học có thể gồm cả đa dạng trong cùng một loài, giữa các loài và của các hệ sinh thái.” - *Tiêu chuẩn Hoạt động 6 năm 2012, đoạn 1 (IFC).*

Hội đồng quản trị (hoặc HĐQT). Là cơ quan bao gồm các thành viên được bầu hoặc bổ nhiệm, cùng giám sát hoạt động của một công ty hoặc tổ chức. Ở một số quốc gia sử dụng hệ thống hai cấp, “HĐQT” được sử dụng để chỉ “Ban Kiểm Soát” trong khi “cán bộ quản lý chủ chốt” chỉ “ban điều hành” - *Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD.*

Mô hình kinh doanh. Là hệ thống của tổ chức để chuyển đổi đầu vào thông qua các hoạt động kinh doanh thành đầu ra và kết quả nhằm hoàn thành các mục tiêu chiến lược của tổ chức và tạo ra giá trị trong ngắn, trung và dài hạn. - *Khung Báo cáo Tích hợp (IIRC).*

Vốn. Là nguồn giá trị mà tất cả các tổ chức phải dựa vào để có thể thành công, là đầu vào cho mô hình kinh doanh, và sẽ tăng, giảm hoặc chuyển đổi thông qua hoạt động kinh doanh và đầu ra của tổ chức. Khung <IR> IIRC phân loại vốn thành vốn tài chính, sản xuất, trí tuệ, nhân lực, xã hội và mối quan hệ, và tự nhiên. - *Khung Báo cáo Tích hợp (IIRC).*

Tổng giám đốc (TGD). Là lãnh đạo điều hành cao nhất của doanh nghiệp, báo cáo lên HĐQT. TGD chịu trách nhiệm ra các quyết định ngắn hạn và quản lý người lao động, thực hiện chiến lược, quản lý rủi ro và giám sát ban điều hành. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

Lao động trẻ em. Tiêu chuẩn Hoạt động về Môi trường và Xã hội của IFC phân loại trẻ em là người dưới 18 tuổi. Theo Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC, khách hàng không được sử dụng trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào cho mục đích kinh tế, hoặc có khả năng gây nguy hiểm, làm ảnh hưởng đến giáo dục của trẻ, hoặc gây hại cho sức khỏe hay khả năng phát triển tinh thần, trí tuệ, thể chất, đạo đức, hay xã hội của trẻ em. - *Thuật ngữ 2006; Tiêu chuẩn Hoạt động 2, đoạn 21; và Hướng dẫn 2, đoạn 61 (IFC).*

HĐQT phân loại. Cơ cấu của một hội đồng quản trị, trong đó một tỷ lệ các thành viên HĐQT được bầu hàng năm, mỗi thành viên được bầu một nhiệm kỳ nhiều năm. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

Thích ứng với biến đổi khí hậu. Giảm mức độ dễ bị tổn thương của con người hoặc tự nhiên trước tác động của

biến đổi khí hậu và rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu bằng cách duy trì hoặc tăng khả năng thích ứng và phục hồi. - *Định nghĩa và Chỉ số cho các Hoạt động Liên quan đến Khí hậu, phiên bản 3.1, tháng 6/2017 (IFC).*

giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Giảm khí thải nhà kính (KNK) vào khí quyển hoặc hấp thụ KNK từ khí quyển. Có thể bao gồm 1) giảm mức phát thải KNK hiện tại, 2) phát thải thấp hơn so với phương án hoạt động kinh doanh thông thường, hoặc 3) hấp thụ khí thải hiện có trong khí quyển. - *Định nghĩa và Chỉ số cho các Hoạt động Liên quan đến Khí hậu, phiên bản 3.1, tháng 6/2017 (IFC).*

bộ quy tắc ứng xử/đạo đức. Là bộ quy tắc được các tổ chức xây dựng và áp dụng để xác định những hành vi và hành động phù hợp với các chủ đề liên quan và các vấn đề nhạy cảm. Đây là chỉ số đo lường cách thức doanh nghiệp đạt được mục tiêu đề ra và thực hiện hoạt động kinh doanh. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

thương lượng tập thể. Là thảo luận và đàm phán giữa người sử dụng lao động và đại diện của các tổ chức lao động với mục đích xác định điều kiện làm việc và điều khoản lao động thông qua thỏa thuận chung. Thỏa ước tập thể cũng bao gồm việc áp dụng và quản lý mọi thỏa thuận phát sinh từ thỏa ước tập thể và giải quyết các vấn đề khác phát sinh trong mối quan hệ lao động liên quan tới người lao động được tổ chức lao động đại diện. - *Hướng dẫn 2 năm 2012, đoạn 34 (IFC).*

các ủy ban thuộc HĐQT. Các ủy ban (chỉ bao gồm thành viên HĐQT) được thành lập để hỗ trợ HĐQT phân tích các nội dung cụ thể ngoài các cuộc họp HĐQT định kỳ. Những ủy ban phổ biến bao gồm ủy ban kiểm toán, ủy ban lương thưởng và đề cử. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

cổ phiếu phổ thông. Là chứng khoán vốn chủ sở hữu đại diện sở hữu trong một công ty và cho phép người sở hữu có quyền biểu quyết và quyền chia sẻ lợi nhuận còn lại của công ty thông qua cổ tức và/hoặc tăng trị giá vốn. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

tuân thủ. Đồng ý và tuân thủ các quy tắc và quy định. Nhìn chung, tuân thủ có nghĩa là tuân theo tiêu chí kỹ thuật hoặc chính sách (nội bộ hoặc bên ngoài), tiêu chuẩn, hoặc luật được xác định rõ ràng. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

sở hữu tập trung. Là một hình thức sở hữu trong đó một cổ đông (hoặc một nhóm nhỏ cổ đông) nắm giữ đa số

cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

công ty bị kiểm soát. Là công ty trong đó một cá nhân hoặc một số cá nhân có liên quan hay một pháp nhân nắm giữ đa số quyền biểu quyết. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

cổ đông có quyền kiểm soát chi phối. Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu đủ số vốn có quyền biểu quyết của công ty (thường từ 30% trở lên) để kiểm soát thành phần HĐQT - thường là một gia đình hoặc cổ đông nhà nước. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

quản trị công ty. Bao gồm một tập hợp các mối quan hệ giữa ban điều hành, HĐQT, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác của một tổ chức. Quản trị công ty cũng thiết lập cơ cấu và quy trình để qua đó xây dựng mục tiêu, theo dõi tiến độ, và đánh giá hiệu quả thực hiện mục tiêu của công ty. - *Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD.* Quản trị công ty được định nghĩa là các cơ cấu và quy trình để định hướng và kiểm soát công ty. IFC.

tham nhũng. Là việc lạm dụng quyền lực được trao cho lợi ích cá nhân. Tham nhũng có thể được phân loại là lớn, nhỏ, hoặc chính trị, tùy thuộc vào số tiền bị mất và lĩnh vực xảy ra tham nhũng. - *Minh bạch quốc tế.*

môi trường sống quan trọng. Là khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, bao gồm 1) môi trường sống cần thiết cho sự sống còn của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng; 2) các khu vực có ý nghĩa đặc biệt đối với các loài đặc hữu hoặc có phạm vi sống hạn chế; 3) môi trường sống của các loài di cư và/hoặc các loài sinh sống theo đàn lớn có mật độ đáng kể trên toàn cầu; 4) hệ sinh thái độc đáo và/hoặc bị đe dọa nghiêm trọng; và 5) khu vực liên quan đến các quá trình tiến hóa quan trọng. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 6 năm 2012, đoạn 16 (IFC).*

di sản văn hóa. Là 1) vật thể hữu hình cố định và lưu động, tài sản cố định, địa điểm, các kết cấu, hoặc nhóm kết cấu có giá trị khảo cổ (tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, hoặc tôn giáo; 2) các đặc tính tự nhiên độc đáo hoặc vật thể hữu hình chứa đựng giá trị văn hóa, như rừng, đá, hồ, và thác nước là nơi linh thiêng; và 3) một số dạng phi vật thể của văn hóa được đề xuất sử dụng cho mục đích thương mại, như kiến thức văn hóa, sáng kiến, và thông lệ của các cộng đồng có lối sống truyền thống. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 8 năm 2012, đoạn 3 (IFC).*

bầu đôn phiếu. Là hệ thống trao nhiều quyền hơn cho cổ đông thiểu số bằng cách cho phép cổ đông thiểu số tập trung tất cả phiếu bầu thành viên HĐQT cho một ứng viên, trái với biểu quyết thông thường hoặc theo luật định theo đó cổ đông phải bầu cho một ứng viên khác nhau cho mỗi vị trí trống hoặc phân chia phiếu bầu cho một số ứng viên. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

công bố thông tin. Là nghĩa vụ của công ty trong việc cung cấp thông tin trọng yếu, có ảnh hưởng đến thị trường theo yêu cầu của một số bên, bao gồm các cơ quan quản lý và công chúng, hoặc theo các tiêu chuẩn như chuẩn mực kế toán và hợp đồng tự quản lý. Công bố thông tin góp phần vào cải thiện sự minh bạch của công ty, một trong những nguyên tắc quản trị công ty chính. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

phân biệt đối xử trong công việc. Là bất kỳ sự phân biệt, tách biệt, hoặc ưu tiên nào liên quan đến tuyển dụng, thuê tuyển, điều kiện làm việc, hoặc điều khoản lao động – được thực hiện trên cơ sở các đặc điểm cá nhân không liên quan đến các tiêu chuẩn vốn có đối với công việc – làm vô hiệu hóa hoặc ảnh hưởng tới cơ hội bình đẳng về cơ hội hoặc hành vi đối xử trong lao động hoặc nghề nghiệp. “Các tiêu chuẩn vốn có đối với công việc” là những năng lực cơ bản cần thiết để thực hiện công việc liên quan. - *Hướng dẫn 2, năm 2012, Đoạn 41 (IFC).*

dịch vụ hệ sinh thái. Lợi ích mà con người, bao gồm cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái: 1) dịch vụ cung cấp - sản phẩm từ hệ sinh thái, như thực phẩm, nước ngọt, gỗ, sợi, cây dược liệu; 2) dịch vụ điều hành – lợi ích từ những quy định về quy trình của hệ sinh thái, như lọc nước mặt, lưu trữ và cô lập các-bon, điều hòa khí hậu, bảo vệ trước hiểm họa thiên nhiên; 3) dịch vụ văn hóa - lợi ích phi vật chất từ các hệ sinh thái, như các khu vực tự nhiên là các địa điểm linh thiêng và các khu vực quan trọng cho giải trí và thẩm mỹ; và 4) dịch vụ hỗ trợ - *các quy trình tự nhiên duy trì các dịch vụ*

cơ chế khiếu nại của người lao động. Là phương tiện để người lao động (và các tổ chức của người lao động, nếu có) nêu lên các vấn đề họ quan tâm tại nơi làm việc. Khách hàng sẽ thông báo cho người lao động về cơ chế khiếu nại tại thời điểm tuyển dụng và tạo điều kiện để người lao động dễ dàng tiếp cận. Cơ chế này cần có sự tham gia của cấp quản lý phù hợp và giải quyết kịp thời các vấn đề gây lo ngại, sử dụng quy trình dễ hiểu và minh bạch để phản hồi kịp thời cho những người liên quan, mà không có bất kỳ trừng phạt nào. Cơ chế này cũng cho phép đưa ra và giải quyết khiếu nại nặc danh.

Cơ chế này không ngăn cản việc tiếp cận bằng các giải pháp hành chính và pháp lý nào đang có trong luật hoặc bất kỳ một thủ tục trọng tài nào, hoặc các cơ chế khiếu nại hoặc thay thế khác thông qua thỏa ước lao động tập thể. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 2, năm 2012, đoạn 20 (IFC).*

Đánh giá Tác động Môi trường và Xã hội (ESIA). Khách hàng cần tiến hành ESIA toàn diện cho một số dự án nhất định – đặc biệt là đối với các dự án và đầu tư từ ban đầu (bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi các dự án mở rộng đang kế hoạch chuyển đổi – hoán cải) liên quan đến các yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có thể tạo ra các rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng đáng kể đối với môi trường và xã hội. Nhìn chung, các cấu phần chính của quy trình ESIA là 1) sàng lọc sơ bộ đối với dự án và quy mô đánh giá; 2) nghiên cứu các phương án thay thế; 3) xác định các bên có quyền lợi liên quan (tập trung vào các bên bị ảnh hưởng trực tiếp) và thu thập dữ liệu kỳ gốc về môi trường và xã hội; 4) xác định, dự báo, và phân tích tác động; 5) xây dựng các biện pháp và hành động giảm nhẹ hoặc quản lý; 6) mức độ tác động và đánh giá tác động tồn dư; và 7) lưu hồ sơ quá trình đánh giá (báo cáo ESIA). Quy mô, chiều sâu, và loại hình phân tích phải tương xứng với đặc điểm, tính chất và quy mô của tác động tiềm tàng của dự án để xuất như đã xác định trong quá trình đánh giá. ESIA phải tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và quy định đánh giá môi trường của nước sở tại, bao gồm các yêu cầu về công bố thông tin liên quan và tham vấn công chúng, và phải được xây dựng theo các nguyên tắc thông lệ quốc tế tốt của ngành. - *Hướng dẫn 1, năm 2012, đoạn 23 (IFC).*

Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS). Là một tập hợp các chính sách, quy trình, công cụ, và năng lực nội bộ để xác định và quản lý mức độ rủi ro của một tổ chức tài chính trước rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng/ đơn vị tiếp nhận đầu tư. ESMS hiệu quả là một quá trình năng động và liên tục do ban điều hành khởi xướng và hỗ trợ, và có liên quan đến tương tác giữa công ty và người lao động, cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp của dự án (Cộng đồng bị Ảnh hưởng), và, trong một số trường hợp có cả các bên có quyền lợi liên quan khác. Dựa trên các yếu tố của quy trình quản lý kinh doanh đã thiết lập bao gồm “lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, và hành động”, ESMS yêu cầu việc đánh giá có phương pháp để quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội một cách có hệ thống trên cơ sở liên tục. ESMS tốt và phù hợp với tính chất và quy mô của dự án sẽ thúc đẩy hiệu quả xã hội, môi trường chắc chắn và bền vững và có thể góp phần nâng cao hiệu quả tài chính, môi trường và xã hội. - *Ban đầu cho website Bên vững và Tiêu chuẩn Hoạt động 1, đoạn 1 (IFC).*

rủi ro môi trường và xã hội. Rủi ro ảnh hưởng bất lợi đến con người hoặc môi trường do quy trình nội bộ, con người và hệ thống không đầy đủ hoặc không hiệu quả hoặc do các sự kiện bên ngoài. Rủi ro môi trường và xã hội là sự kết hợp giữa xác suất xảy ra sự cố nào đó và mức độ thiệt hại nếu sự cố đó xảy ra. Các tác động môi trường và xã hội là 1) mọi thay đổi, tiềm tàng hoặc thực tế, đối với môi trường vật chất, tự nhiên, hoặc văn hóa và 2) tác động đối với người lao động và cộng đồng xung quanh, xuất phát từ hoạt động kinh doanh được hỗ trợ. - *IFC*; và *Tiêu chuẩn Hoạt động 1, năm 2012, đoạn 1, chú thích 2 và 3 (IFC)*.

Cơ chế Truyền thông ra Bên ngoài (ECM). Là quy trình bao gồm các phương thức để 1) thu nhận và ghi nhận thông tin bên ngoài từ công chúng; 2) sàng lọc và đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định cách giải quyết những vấn đề đó; 3) cung cấp, theo dõi và ghi nhận phản hồi, nếu có; và 4) điều chỉnh chương trình quản lý, khi cần thiết. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 1, năm 2012, đoạn 34 (IFC)*.

báo cáo tài chính. Là tập hợp hoàn chỉnh các báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và chú thích, cùng truyền đạt tập hợp thông tin về nguồn lực hoặc nghĩa vụ kinh tế của một thực thể tại một thời điểm hoặc những thay đổi trong một khoảng thời gian theo khung báo cáo tài chính. - *Ái đang Điều hành Công ty (IFC)*.

lao động cưỡng bức. Là mọi công việc hoặc dịch vụ không tự nguyện, do một cá nhân bị đe dọa bằng vũ lực hoặc hình phạt buộc phải thực hiện, bao gồm mọi loại hình lao động không tự nguyện hoặc bắt buộc, như giao kèo lao động, lao động do ràng buộc, hoặc các thỏa thuận lao động tương tự. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 2, năm 2012, đoạn 22 (IFC)*.

Đồng thuận Trước trên Cơ sở Hiểu rõ và Không bị ép buộc (FPIC). Mặc dù không có định nghĩa được chấp nhận chung, cho mục đích của Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC, FPIC dựa trên và mở rộng quy trình Tham vấn và Tham gia có Đầy đủ Thông tin và được thiết lập thông qua đàm phán thiện chí giữa khách hàng và Cộng đồng Dân tộc Thiếu số bị Ảnh hưởng. FPIC không nhất thiết phải có thống nhất hoàn toàn và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hoặc nhóm trong cộng đồng có ý kiến khác nhau. - *Thuật ngữ 2006; Tiêu chuẩn Hoạt động 7, năm 2012, đoạn 12 (IFC)*

tự do thành lập hiệp hội. Quyền của người lao động và người sử dụng lao động được thành lập và tham gia các

tổ chức do chính họ lựa chọn là một phần không thể thiếu của một xã hội tự do và cởi mở. - *Tổ chức Lao động Quốc tế*.

Nguyên tắc Kế toán được Chấp nhận Chung (GAAP).

Là các quy tắc, quy ước và chuẩn mực kế toán cho doanh nghiệp, được xây dựng bởi cơ quan thiết lập các yêu cầu báo cáo và các chuẩn mực kế toán ở một quốc gia cụ thể. Mỗi quốc gia đều có thể có GAAP, và ít có khả năng sẽ giống hệt với GAAP của bất kỳ quốc gia nào khác. Ví dụ: GAAP của Hoa Kỳ là tập hợp các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty đăng ký tại Hoa Kỳ, và các quy tắc GAAP do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FASB) ban hành. Những quy tắc này không giống với chuẩn mực IFRS do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành và được áp dụng ở Châu Âu và nhiều quốc gia khác. - *Ái đang Điều hành Công ty (IFC)*.

khí thải khí nhà kính (KNK). Các mức phạm vi: Phạm vi 1 – toàn bộ lượng phát thải KNK trực tiếp; Phạm vi 2 – phát thải KNK gián tiếp từ tiêu thụ điện, nhiệt, hoặc hơi nước được mua; và Phạm vi 3 - phát thải gián tiếp khác, không thuộc Phạm vi 2, phát sinh trong chuỗi giá trị của công ty, bao gồm cả phát thải phía trên và phía dưới chuỗi giá trị. Phát thải thuộc Phạm vi 3 có thể bao gồm việc khai thác và sản xuất các vật liệu và nhiên liệu đã mua, các hoạt động liên quan đến vận tải bằng phương tiện không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của đơn vị báo cáo, hoạt động liên quan đến điện (như tổn thất truyền tải và phân phối), hoạt động thuê ngoài, và thải bỏ chất thải. - *Quy tắc Khí Nhà kính (WRI)*.

cơ chế khiếu nại. Là phương thức để doanh nghiệp tiếp nhận và tạo điều kiện giải quyết các khiếu nại và lo lắng của Cộng đồng bị Ảnh hưởng về các hoạt động xã hội và môi trường của doanh nghiệp. Cơ chế khiếu nại cần có quy mô phù hợp với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án và coi Cộng đồng bị Ảnh hưởng là đối tượng chính cần phục vụ. Cơ chế này cần nỗ lực giải quyết các lo ngại một cách kịp thời, bằng cách sử dụng quy trình tham vấn dễ hiểu và minh bạch, và phù hợp về mặt văn hóa và dễ dàng tiếp cận, và không có chi phí và không có sự trừng phạt đến đối tượng đưa ra khiếu nại. (Tham khảo cơ chế khiếu nại của người lao động.) - *Tiêu chuẩn Hoạt động 1, năm 2012, đoạn 35 (IFC)*.

chất thải độc hại. Các chất được phân loại là chất thải độc hại có tối thiểu một trong bốn đặc điểm - dễ bắt lửa, ăn mòn, phản ứng, hoặc độc tính - hoặc xuất hiện trong các danh sách đặc biệt. - *Thuật ngữ 2006 (IFC)*.

kiểm toán viên độc lập. (Các) chuyên viên của một công ty kiểm toán độc lập chịu trách nhiệm thực hiện kiểm

toán báo cáo tài chính. Việc kiểm toán có thể phải được thực hiện hàng năm, nửa năm hoặc hàng quý. Ở hầu hết các quốc gia, kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm. Kiểm toán viên độc lập không được có lợi ích cá nhân trong báo cáo tài chính và không được đóng vai trò nào trong việc xây dựng báo cáo tài chính. Kiểm toán viên độc lập phải đưa ra nhận định khách quan về việc báo cáo tài chính và hồ sơ kế toán của doanh nghiệp có khả năng không có sai sót trọng yếu và phản ánh chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

thành viên HĐQT độc lập. Là thành viên HĐQT mà không có quan hệ chuyên môn, gia đình, cá nhân hoặc tài chính đáng kể với công ty, chủ tịch, TGD, hoặc bất kỳ thành viên điều hành nào khác của công ty. Thành viên HĐQT độc lập cần có khả năng đưa ra nhận định khách quan về tất cả các quyết định của công ty. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Là thành viên HĐQT 1) Không phải là nhân viên của công ty hay nhân viên của các bên liên quan của công ty trong 5 năm gần nhất; 2) Không phải là, và không liên quan tới doanh nghiệp đóng vai trò tư vấn cho công ty hoặc các bên liên quan của công ty; 3) Không liên quan tới một khách hàng hoặc một nhà cung cấp quan trọng của công ty hoặc các bên liên quan của công ty; 4) Không có hợp đồng dịch vụ cá nhân với công ty, các bên liên quan của công ty hoặc các chức năng quản lý cấp cao của công ty; 5) Không liên quan tới một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ công ty hoặc các bên liên quan của công ty; 6) Không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác nơi có một Giám đốc nào đó của công ty có chân trong Hội đồng quản trị của công ty đó; 7) Không phải là thành viên trong gia đình trực hệ của một cá nhân đang là, hoặc trong 5 năm gần nhất đã là, một cán bộ điều hành của công ty hoặc các bên liên quan của công ty; 8) Hiện tại, và trong 5 năm gần nhất, không có liên quan tới và không phải là nhân viên của một công ty kiểm toán hiện nay hay trước kia của công ty hoặc của các bên liên quan của công ty; 9) Không phải là cá nhân kiểm soát của công ty (hoặc là thành viên của một nhóm các cá nhân và/hoặc các pháp nhân kiểm soát công ty) hoặc là anh chị em, cha mẹ, ông bà, con cái, cô, dì, chú, bác, anh chị em họ, cháu của cá nhân đó hoặc là vợ, chồng, vợ góa, chồng góa, người thừa kế, những người có quan hệ hôn nhân hoặc người thừa kế của những người kể trên (hoặc một ủy thác hay dàn xếp mà những cá nhân đã kể trên là người thụ hưởng duy nhất) hoặc là nhà điều hành, nhà quản lý hoặc đại diện cá nhân của bất kỳ cá nhân nào được nói đến trong mục này hiện đã chết hoặc mất năng lực hành vi. Trong định

nghĩa này, một cá nhân được xem là “có liên quan” với một bên nào đó nếu cá nhân ấy: (i) có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với bên đó; hoặc (ii) là nhân viên của bên đó. - *IFC*.

người dân tộc thiểu số (người bản địa). Nhìn chung thường chỉ một nhóm xã hội và văn hóa khác biệt có những đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau: 1) tự xác định mình là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được người khác công nhận danh tính này; 2) gắn bó tập thể với môi trường sống khác biệt về địa lý hoặc lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và với tài nguyên thiên nhiên ở môi trường sống và vùng lãnh thổ này; 3) các thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội, hoặc chính trị theo phong tục tách biệt với các thể chế của xã hội hoặc văn hóa chính thống; hoặc 4) có ngôn ngữ bản địa hoặc phương ngữ, thường khác với ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ của quốc gia hoặc khu vực nơi họ cư trú. - *Tiêu chuẩn thực hiện 7, đoạn 5 (IFC)*.

Tham vấn toàn diện (ICP). Đối với những dự án có ảnh hưởng bất lợi rõ rệt đến Cộng đồng bị Ảnh hưởng, ICP yêu cầu khách hàng cho phép Cộng đồng bị Ảnh hưởng (cả nam và nữ) tham gia vào quá trình ra quyết định có ảnh hưởng trực tiếp đến họ, như đề xuất các biện pháp giảm thiểu, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và các vấn đề trong khi triển khai. Khách hàng sẽ lưu tài liệu về quá trình này, đặc biệt là các biện pháp được thực hiện để tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động bất lợi đến Cộng đồng bị Ảnh hưởng và sẽ thông báo cho những người bị ảnh hưởng về các mối quan tâm của họ đã được xem xét. - *Tiêu chuẩn Hoạt động số 1, đoạn 31 (IFC)*.

báo cáo tích hợp. Là truyền thông ngắn gọn về cách thức mà chiến lược, quản trị, kết quả hoạt động và triển vọng của tổ chức - trong điều kiện môi trường bên ngoài - tạo ra giá trị trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. - *Khung Báo cáo Tích hợp (IIRC)*.

kiểm toán nội bộ. Là hoạt động tư vấn và đảm bảo độc lập và khách quan được thiết kế để gia tăng giá trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của một tổ chức. Kiểm toán nội bộ giúp tổ chức đạt được mục tiêu bằng cách áp dụng cách tiếp cận có hệ thống, có kỷ luật vào đánh giá và cải thiện hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

kiểm soát nội bộ. Là quy trình, do HĐQT, ban điều hành, và nhân sự khác thực hiện, được thiết kế nhằm cung cấp những đảm bảo hợp lý việc đạt được các mục tiêu về 1) hiệu lực và hiệu quả hoạt động; 2) độ tin cậy của báo cáo tài chính; và 3) tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành. - *IFC*.

trọng yếu/tính trọng yếu. Thông tin là trọng yếu nếu việc bỏ sót, công bố sai hoặc che giấu thông tin đó có thể ảnh hưởng đến quyết định mà người sử dụng chính của báo cáo tài chính của một doanh nghiệp cụ thể đưa ra trên cơ sở báo cáo tài chính đó. Tính trọng yếu phụ thuộc vào tính chất hoặc mức độ quan trọng của thông tin, hoặc cả hai. Việc đánh giá xem liệu thông tin có phải là trọng yếu hay không yêu cầu phải đặt trong hoàn cảnh của doanh nghiệp. - *Dự thảo Tham vấn, 14/9/2012 (IFRS).*

cổ đông thiểu số. Là một cá nhân hoặc tổ chức có cổ phần thiểu số trong một công ty do một cổ đông lớn kiểm soát. Cổ phần thiểu số thường là mức dưới 5% cổ phần, nhưng mỗi quốc gia có thể xác định các ngưỡng khác nhau áp dụng cho thuật ngữ “cổ đông thiểu số”. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

thành viên HĐQT không điều hành. Là thành viên HĐQT không có trách nhiệm quản lý điều hành trong tổ chức. - *IFC.*

cổ phiếu không có quyền biểu quyết. Chủ sở hữu cổ phiếu loại này thường không có quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông thường niên, ngoại trừ một số vấn đề có tầm quan trọng cao nhất. Cổ đông không có quyền biểu quyết thường có quyền ưu đãi cổ tức. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

HĐQT một cấp. Là HĐQT bao gồm cả thành viên điều hành và không điều hành. HĐQT này ủy quyền hoạt động kinh doanh hàng ngày cho ban điều hành. Loại hình HĐQT này phổ biến ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và các quốc gia Khối thịnh vượng chung. (Xem HĐQT hai cấp.) - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

rủi ro hoạt động. Rủi ro làm phát sinh tổn thất do quy trình nội bộ, con người và hệ thống không đầy đủ hoặc có sai sót hoặc do các sự kiện bên ngoài. Định nghĩa này bao gồm rủi ro pháp lý, nhưng không bao gồm rủi ro chiến lược và danh tiếng. - *IFC.*

cơ cấu sở hữu. Cách thức cổ phiếu công ty được phân phối cho cổ đông. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

Hiệp định Paris. Để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, các quốc gia đã thông qua Hiệp định Paris tại Hội nghị các Bên (COP) 21 tại Paris ngày 12/12/2015. Trong Hiệp định, có hiệu lực chưa đầy một năm sau đó, các quốc gia đồng ý phối hợp để giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức dưới 2 độ C, và với những rủi ro nghiêm trọng do biến đổi khí hậu gây ra, phấn đấu đạt mức tăng 1,5 độ C. - *Liên Hiệp Quốc.*

ô nhiễm. Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC sử dụng thuật ngữ này để chỉ các chất hóa học độc hại và không độc hại ở thể rắn, lỏng, hoặc khí và bao gồm cả các hình thức khác như sâu bọ, mầm bệnh, thải nhiệt vào nước, thải khí nhà kính, mùi gây khó chịu, tiếng ồn, độ rung, bức xạ, năng lượng điện từ, và việc tạo ra các tác động tiềm tàng về thị giác, bao gồm ánh sáng. - *Tiêu chuẩn Hoạt động 3, đoạn 1, chú thích 1 (IFC).*

bên liên quan. Một bên có liên quan đến một doanh nghiệp nếu bên đó có thể trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc thực hiện quyền kiểm soát thông qua các bên khác; cũng có thể là trường hợp các bên chịu kiểm soát chung của cùng một nguồn. Các bên liên quan có xu hướng có ảnh hưởng đến các chính sách tài chính hoặc hoạt động của một doanh nghiệp hoặc có quyền lực để ảnh hưởng đến hành động của một bên khác. Một bên liên quan có thể là thành viên gia đình gần (bao gồm người cùng chung sống, vợ, chồng, con, họ hàng khác), người quản lý chính trong doanh nghiệp (và thành viên gia đình gần của người đó), hoặc các thực thể như công ty con, công ty mẹ, liên doanh, và công ty liên kết của doanh nghiệp. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC).*

năng lượng tái tạo. Các nguồn năng lượng lấy từ năng lượng mặt trời, thủy điện, gió, một số loại địa nhiệt và sinh khối. - *Thuật ngữ 2006 (IFC).*

tài nguyên tái tạo. Tài nguyên thiên nhiên mà, sau khi khai thác, có thể trở lại mức dự trữ trước đó thông qua các quá trình tăng trưởng hoặc bổ sung tự nhiên. Tài nguyên tái tạo có điều kiện là những tài nguyên mà việc khai thác sẽ dẫn đến mức độ vượt quá một ngưỡng mà sau đó tài nguyên không còn khả năng tái tạo, như chặt phá rừng nhiệt đới. - *Thuật ngữ (OECD).*

rủi ro. Bất kỳ điều gì có thể ảnh hưởng đến khả năng doanh nghiệp đạt được mục tiêu. - *IFC.*

phân tích rủi ro. Là quy trình nhằm xác định bản chất của rủi ro tiềm ẩn và đánh giá mức độ rủi ro. - *IFC.*

khẩu vị rủi ro. Mức độ rủi ro chung mà doanh nghiệp sẵn sàng tìm kiếm hoặc chấp nhận để theo đuổi các mục tiêu dài hạn. - *IFC.*

đánh giá rủi ro. Là quy trình nhận dạng rủi ro, đánh giá các bộ phận quan trọng cần thiết để tiếp tục hoạt động kinh doanh, xác định các biện pháp kiểm soát đã có để giảm mức độ rủi ro, và đánh giá chi phí của các biện pháp kiểm soát đó. Đánh giá rủi ro thường bao gồm việc đánh giá xác suất xảy ra của một sự kiện cụ thể. - *IFC.*

quản trị rủi ro. Các nguyên tắc quản trị tốt, áp dụng để nhận dạng, đánh giá, quản lý và truyền thông về rủi ro. Công tác quản trị rủi ro tích hợp các nguyên tắc về trách nhiệm giải trình, sự tham gia, và minh bạch trong việc thiết lập các chính sách và cơ cấu để đưa ra và thực hiện các quyết định liên quan đến rủi ro. - *IFC*.

quản lý rủi ro. Các hoạt động phối hợp để định hướng và kiểm soát rủi ro. - *IFC*.

khung quản lý rủi ro. Tập hợp đầy đủ các cấu phần tạo thành nền tảng và cơ cấu tổ chức để thiết kế, triển khai, giám sát, đánh giá và liên tục cải thiện quản lý rủi ro trên toàn tổ chức. - *IFC*.

quyền chọn cổ phiếu. Là thỏa thuận, hoặc đặc quyền, cho phép mua hoặc bán một chứng khoán hoặc tài sản cụ thể ở một mức giá xác định, tại một ngày cụ thể. Các quyền chọn cổ phiếu phổ biến nhất là quyền chọn mua (quyền mua một lượng chứng khoán xác định ở mức giá định sẵn tại hoặc trước thời điểm hết hạn) và quyền chọn bán (quyền bán một lượng chứng khoán xác định ở mức giá định sẵn tại hoặc trước thời điểm hết hạn). - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

cổ đông. Là một người hoặc tổ chức sở hữu cổ phiếu do doanh nghiệp phát hành. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

quyền cổ đông. Là các quyền phát sinh do sở hữu cổ phần, có thể dựa trên quyền theo pháp luật hoặc các quyền khác theo hợp đồng ký với doanh nghiệp. Các quyền cổ đông cơ bản bao gồm quyền tiếp cận thông tin về doanh nghiệp, tham dự họp đại hội đồng cổ đông, bầu thành viên HĐQT, và bổ nhiệm đơn vị kiểm toán độc lập, và quyền biểu quyết và quyền sở hữu. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

thỏa ước cổ đông. Là văn bản quản lý mối quan hệ giữa các cổ đông và xác định cách thức công ty sẽ được quản lý và kiểm soát. Thỏa ước giúp cân bằng mục tiêu của cổ đông kiểm soát nhằm đảm bảo các lợi ích chung và bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

HĐQT xen kẽ. Là cơ cấu của một HĐQT, trong đó mỗi năm một tỷ lệ các thành viên HĐQT được bầu, mỗi người được bầu một nhiệm kỳ nhiều năm. Còn được gọi là HĐQT phân loại. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

tham gia của các bên có quyền lợi liên quan. Là việc thiết lập và duy trì quan hệ mang tính xây dựng với nhiều bên có quyền lợi liên quan bên ngoài trong suốt vòng đời của dự án. Quy trình này là cấu phần không tách rời của Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội hiệu quả và có khả năng thích ứng. Quy trình tương tác hiệu quả cho phép quan điểm, lợi ích, và lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan khác nhau, đặc biệt là các cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án (Cộng đồng bị Ảnh hưởng), được lắng nghe, hiểu rõ, và tính đến trong các quyết định của dự án và tạo ra lợi ích phát triển. - *Hướng dẫn 1, năm 2012, đoạn 6 (IFC)*.

chuỗi cung ứng. Nguyên vật liệu, linh kiện, hàng hóa hoặc sản phẩm để sử dụng trong hoạt động đang tiếp diễn. - *Hướng dẫn 2, năm 2012, đoạn 93 (IFC)*.

người lao động trong chuỗi cung ứng. Những người lao động được tuyển dụng bởi các nhà cung cấp hiện đang cung cấp hàng hóa và nguyên vật liệu cho công ty. Không có quan hệ hợp đồng hoặc quan hệ lao động trực tiếp giữa khách hàng và người lao động ở cấp độ nhà cung cấp, và chi phí và lợi ích là do nhà cung cấp chi trả. - *Hướng dẫn 2, năm 2012, đoạn 12 (IFC)*.

Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) hoặc Mục tiêu Toàn cầu. 17 mục tiêu SDG trong Chương trình nghị sự 2030 cho Phát triển Bền vững đã được thông qua vào tháng 9/2015 để “xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh, và đảm bảo thịnh vượng cho mọi người”. Các Mục tiêu có hiệu lực vào ngày 1/1/2016. - *Liên Hợp Quốc*.

phát triển bền vững/bền vững. Là phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. - *Ủy ban Brundtland*.

quyền cùng bán. Nếu một cổ đông lớn bán cổ phần của mình, cổ đông thiểu số có quyền tham gia và bán cổ phần của họ theo cùng điều khoản và điều kiện như cổ đông lớn. Quyền này bảo vệ cổ đông thiểu số và là một điều khoản chuẩn trong thỏa ước cổ đông. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

minh bạch. Nguyên tắc quản trị công ty về cung cấp và công bố thông tin liên quan đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan và cho cổ đông về tất cả các vấn đề trọng yếu có tính nhạy cảm về giá cổ phiếu. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

tạo ra giá trị. Quá trình dẫn đến tăng, giảm hoặc biến đổi vốn do hoạt động và đầu ra kinh doanh của tổ chức gây ra. - *Khung Báo cáo Tích hợp (IIRC)*.

quyền biểu quyết. Quyền thực hiện biểu quyết tại đại hội cổ đông về các vấn đề có tầm quan trọng đối với công ty. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

cổ phiếu có quyền biểu quyết. Cổ phiếu cho phép cổ đông có quyền biểu quyết về các vấn đề liên quan đến chính sách công ty, bao gồm bầu cử cho HĐQT. - *Ai đang Điều hành Công ty (IFC)*.

điều kiện làm việc. Là điều kiện tại nơi làm việc (bao gồm các biện pháp phòng ngừa về môi trường, sức khỏe và an toàn, và cơ hội sử dụng công trình vệ sinh) và đối xử với người lao động (bao gồm các biện pháp kỷ luật, lý do và quy trình chấm dứt lao động, và tôn trọng nhân phẩm của người lao động). - *Thuật ngữ của Điều khoản 2006 (IFC)*.

Tài liệu tham khảo

- Abdo, A., and G. Fisher. 2007. The impact of reported corporate governance disclosure on the financial performance of companies listed on the JSE. *Investment Analysts Journal* 36 (66): 43–56.
- ACCA. 2009. *Disclosures on Corporate Governance*. Reporting trilogy—Research on reporting disclosures: Part 2. Sydney, Australia: The Association of Chartered Certified Accountants.
- ACCA. 2013. *Understanding Investors: Directions for Corporate Reporting*. London: The Association of Chartered Certified Accountants.
- ACCA and Eurosif. 2013. What do investors expect from non-financial reporting? Survey Paper (June). London and Brussels: The Association of Chartered Certified Accountants and Eurosif.
- Aggarwal, R., L. Klapper, and P. Wysocki. 2005. Portfolio preferences of foreign institutional investors. *Journal of Banking and Finance* 29 (12): 2919–46.
- Amel-Zadeh, A., and G. Serafeim. 2017. Why and how investors use ESG information: Evidence from a global survey. Harvard Business School Accounting & Management Unit Working Paper (July 16). Available at SSRN: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2925310.
- ASB. 2006. *Reporting Statement: Operating and Financial Review*. Surrey, England: Accounting Standards Board. <https://www.frc.org.uk/getattachment/4aeb44dd-0c04-479d-9592-d1a503834216/Reporting-Statement-The-Operating-and-Financial-Review-January-2006.pdf>.
- Basel Committee on Banking Supervision. 2015. Guidelines—Corporate governance principles for banks. Consultative Document. Basel, Switzerland: Bank for International Settlements.
- Bebczuk, R. 2005. Corporate governance and ownership: Measurement and impact on corporate performance and dividend policies in Argentina. Working Paper 59 (June). Buenos Aires, Argentina: Universidad Nacional de La Plata.
- Black, B., A. G. de Carvalho, V. Khanna, W. Kim, and B. Yurtoglu. 2015. Which aspects of corporate governance matter in emerging markets: Evidence from Brazil, India, Korea, and Turkey. Columbia Law School: The CLS Blue Sky Blog. <http://clsbluesky.law.columbia.edu/2015/07/14/which-aspects-of-corporate-governance-matter-in-emerging-markets-evidence-from-brazil-india-korea-and-turkey/>.
- BlackRock and Ceres. 2015. *21st Century Engagement: Investor Strategies for Incorporating ESG Considerations into Corporate Interactions*. New York: BlackRock, Inc., and Ceres, Inc.
- Black Sun Plc. 2014. *Realizing the Benefits: The Impact of Integrated Reporting*. London: Black Sun Plc and the International Integrated Reporting Council.
- Black Sun Plc. 2015. *The Integrated Reporting Journey: The Inside Story*. London: Black Sun Plc and the International Integrated Reporting Council.
- Bloomberg. 2016. *Environmental, Social and Governance Methodology KPIs*. New York: Bloomberg.
- BM&F Bovespa. 2016. *New Value—Corporate Sustainability: How to Begin, Who to Involve, and What to Prioritize*, 2nd edition. São Paulo, Brazil: BM&F Bovespa.
- Boston College and EY. 2013. Value of sustainability reporting. Survey paper. Boston College Center for Corporate Citizenship and Ernst & Young.
- Buckby, S., G. Gallery, and J. Ma. 2015. An analysis of risk management disclosures: Australian evidence. *Managerial Auditing Journal* 30 (8/9): 812–69.
- Bursa Malaysia. 2015. *Sustainability Reporting Guide*. Kuala Lumpur, Malaysia: Bursa Malaysia.
- Bushman, R., and A. Smith. 2003. Transparency, financial accounting information, and corporate governance. *Federal Reserve Bank of New York Economic Policy Review* 9 (1): 65–87.
- Cambridge Associates. 2016. The value of ESG data: Early evidence for emerging markets equities. Research Note (October). Cambridge, Massachusetts: Cambridge Associates, LLC.
- Capital Alberto. 2011. *Corporate Governance Annual Report*. São Paulo, Brazil: Capital Alberto.
- Center for Audit Quality. 2016. *Non-GAAP Financial Measures: Continuing the Conversation*. Washington, D.C.: Center for Audit Quality.
- Ceres. 2014. *Investor Listing Standards Proposal: Recommendations for Stock Exchange Requirements on Corporate Sustainability Reporting*. Boston, Massachusetts: Ceres.
- CFA. 2017. Global perceptions of environmental, social, and governance (ESG) investing. Survey results. Charlottesville, Virginia: CFA Institute. https://www.cfainstitute.org/learning/future/Documents/RGB_Digital%20brochure.pdf.
- Chandler, Alfred. 1962. *Strategy and Structure: Chapters in the History of the Industrial Enterprise*. Cambridge, Massachusetts: The M.I.T. Press.
- CIMA, PwC, and RY. 2015. *Corporate Governance: Simple, Practical Proposals for Better Reporting of Corporate Governance*. United Kingdom: Chartered Institute of Management Accountants, PricewaterhouseCoopers LLP, and Radley Yeldar, publishing as Report Leadership.
- COSO. 2013. *Internal Controls—Integrated Framework*. New York: Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission. www.coso.org.
- COSO. 2017. *Enterprise Risk Management—Integration with Strategy and Performance*. New York: Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission. www.coso.org.
- Davila, M. A. T., and A. G. Vasquez. 2015. Disclosure of Information and Value of Companies in Latin America: Brazil, Mexico, Peru, Argentina, and Chile. Washington, D.C.: The World Bank.
- Deutsche Bank Group. 2012. *Sustainable Investing: Establishing Long-Term Value and Performance*. New York: DB Climate Change Advisors.
- Dhaliwal, D., A. Tsang, O. Li, and Y. Yang. 2011. Voluntary nonfinancial disclosure and the cost of equity capital: The

- initiation of corporate social responsibility reporting. *The Accounting Review* 86 (1): 59–100.
- Doran, G. T. 1981. There's a S.M.A.R.T. way to write management's goals and objectives. *Management Review (AMA Forum)* 70 (11): 35–36.
- Durnev, A., and E. Han Kim. 2005. To steal or not to steal: Firm attributes, legal environment, and valuation. *Journal of Finance* 60 (3): 1461–93.
- DVFA and EFFAS. 2010. *KPIs for ESG: A Guideline for the Integration of ESG into Financial Analysis and Corporate Valuation*, Version 3.0. Frankfurt, Germany: Society of Investment Professionals in Germany (DVFA) and The European Federation of Financial Analysts Societies.
- EABIS. 2009. *Corporate Responsibility, Market Valuation and Measuring the Financial and Non-Financial Performance of the Firm*. EABIS Sustainable Value Research Project Final Report. Berlin: European Academy for Business in Society.
- Eccles, R. G., and M. P. Krzus. 2014. *The Integrated Reporting Movement: Meaning, Momentum, Motives, and Materiality*. Hoboken, New Jersey: Wiley.
- Eccles, R. G., M. P. Krzus, and G. Serafeim. 2011. Market interest in nonfinancial information. Harvard Business School Working Paper 12-018.
- ECGI. 2017. Index of all corporate governance codes. Brussels, Belgium: European Corporate Governance Institute. <http://www.ecgi.global/content/codes>.
- El Ghoul, S., O. Guedhami, H. Kim, and K. Park. 2014. Corporate environmental responsibility and the cost of capital: International evidence. SSRN. Published in *Journal of Business Ethics* (September 2, 2016).
- El Ghoul, S., O. Guedhami, C. Y. Kwok, and D. R. Mishra. 2010. Does corporate social responsibility affect the cost of capital? *Journal of Banking & Finance* 35 (9): 2388–2406.
- Equilar. 2017. *Executive Compensation & Governance Outlook 2017*. Redwood City, California: Equilar.
- European Commission. 2013. Directive 2013/34/EU of the European Parliament and of the Council of 26 June 2013 on the annual financial statements, consolidated financial statements and related reports of certain types of undertakings, amending Directive 2006/43/EC of the European Parliament and of the Council and repealing Council Directives 78/660/EEC and 83/349/EEC (Directive 2013/34/EU) as amended by Directive 2014/95/EU of the European Parliament and of the Council of 22 October 2014 amending Directive 2013/34/EU as regards disclosure of non-financial and diversity information by certain large undertakings and groups (Directive 2014/95/EU). Brussels: European Commission.
- European Commission. 2017. Commission guidelines on non-financial reporting. Brussels: European Commission.
- European Commission. 2018. *Financing a Sustainable European Economy: Final Report 2018 by the High-Level Expert Group on Sustainable Finance*. Brussels: European Commission. https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/180131-sustainable-finance-final-report_en.pdf.
- Fenwick, M., and E. Vermeulen. 2016. *Focus 14: Disclosure of Beneficial Ownership after the Panama Papers*. Washington, D.C.: IFC Corporate Governance Knowledge Publication.
- Francis, J. R., I. Khurana, and R. Pereira. 2005. Disclosure incentives and effects on cost of capital around the world. *The Accounting Review* 80 (4): 1125–62.
- FRC. 2014. *The UK Corporate Governance Code*. London: Financial Reporting Council.
- FRC. 2015. *Lab Project Report: Digital Present—Current Use of Digital Media in Corporate Reporting*. London: Financial Reporting Council.
- FRC. 2016. *Lab Implementation Study: Disclosure of Dividends—Policy and Practice*. London: Financial Reporting Council.
- Friede, G., T. Busch, and A. Bassen. 2015. ESG and financial performance: Aggregated evidence from more than 2000 empirical studies. *Journal of Sustainable Finance & Investment* 5 (4): 210–33.
- Garay, U., M. Gonzalez, A. Guzman, and M. Trujillo. 2013. Internet-based corporate disclosure and market value: Evidence from Latin America. *Emerging Markets Review* 17 (1): 150–68.
- German Council for Sustainable Development. 2017. *The Sustainability Code: An Established Standard for Reports with Non-Financial Parameters*. Berlin: German Council for Sustainable Development.
- Goldman Sachs. 2007. *Global Investment Research: Introducing GS SUSTAIN*. New York: The Goldman Sachs Group, Inc.
- Goss, A., and G. S. Roberts. 2011. The impact of corporate social responsibility on the cost of bank loans. *Journal of Banking & Finance* (July) 35 (7): 1794–1810.
- Grewal, J., C. Hauptmann, and G. Serafeim. 2017. Stock price synchronicity and material sustainability information. Working Paper (June). Boston: Harvard Business School.
- GRI. 2016a. *Consolidated Set of GRI Sustainability Reporting Standards 2016*. Amsterdam: Global Reporting Initiative of the Global Sustainability Standards Board.
- GRI. 2016b. *GRI 101: Foundation*. Amsterdam: Global Reporting Initiative of the Global Sustainability Standards Board.
- GRI. 2016c. *Guidelines for Sustainability Reporting and Sustainability Reporting Standards (version G4)*. Amsterdam: Global Reporting Initiative of the Global Sustainability Standards Board.
- GRI, UN Global Compact, and WBCSD. 2015. *SDG Compass: The Guide for Business Action on the SDGs*. Amsterdam: Global Reporting Initiative, UN Global Compact, and World Business Council for Sustainable Development. <http://sdgcompass.org/>.
- GSIA. 2014. *Global Sustainable Investment Review*. Washington, D.C.: Global Sustainable Investment Alliance.
- GSIA. 2016. *Global Sustainable Investment Review*. Washington, D.C.: Global Sustainable Investment Alliance.
- Hart, O. 1995. *Firms, Contracts, and Financial Structures*. Gloucestershire, England: Clarendon Press.
- HSBC. 2017. Growing investor appetite for green assets puts pressure on companies to explain their climate strategies. Press Release (September 12). London: HSBC Group.
- IBE. 2016. Culture by committee: The pros and cons. Report of a survey of sustainability and ethics committees. London: Institute of Business Ethics, with ICSA and MAZARS.

- ICGN. 2014. *ICGN Global Governance Principles*. London: International Corporate Governance Network.
- IFAC. 2015. *International Standard on Auditing (ISA) 700 (Revised): Forming an Opinion and Reporting on Financial Statements*. New York: International Federation of Accountants.
- IFC. 2012a. *IFC Performance Standards on Environmental and Social Sustainability*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFC. 2012b. *Integrated Reporting: Lessons from the South African Experience*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFC. 2012c. *International Finance Corporation's Guidance Notes: Performance Standards on Environmental and Social Sustainability*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFC. 2013. *Sustainability Reporting Handbook for Vietnamese Companies*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFC. 2016a. *Climate Investment Opportunities in Emerging Markets: An IFC Analysis*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFC. 2016b. *From Companies to Markets—Global Developments in Corporate Governance*. Washington, D.C.: International Finance Corporation.
- IFRS. 2010. *The Conceptual Framework for Financial Reporting 2010* (September). London: International Financial Reporting Standards and International Accounting Standards Board.
- IFRS. 2017a. *Definition of Material: Proposed Amendments to IAS 1 and IAS 8* (September). London: International Financial Reporting Standards and International Accounting Standards Board.
- IFRS. 2017b. *Making Materiality Judgements: Practice Statement 2* (September). London: International Financial Reporting Standards and International Accounting Standards Board.
- IIRC. 2013. *The International <IR> Framework*. London: International Integrated Reporting Council.
- IIRC. 2016. *Statement of common principles of materiality. Corporate Reporting Dialogue* (March). London: International Integrated Reporting Council, with CDP, CDSB, GRI, IFRS, ISO, and SASB. <http://corporatereportingdialogue.com/>.
- IIRC and AICPA. 2013. *Materiality. Background Paper for <IR>*. London: International Integrated Reporting Council, with American Institute of Certified Public Accountants. <https://integratedreporting.org/wp-content/uploads/2013/03/IR-Background-Paper-Materiality.pdf>.
- IIRC and EY. 2013. *Value creation. Background Paper* (July). London: International Integrated Reporting Council, with Ernst & Young LLP. <http://integratedreporting.org/wp-content/uploads/2013/08/Background-Paper-Value-Creation.pdf>.
- INSEAD. 2014. *ESG in Private Equity: A Fast-Evolving Standard*. Fontainebleau, France: INSEAD's Global Private Equity Initiative.
- Ioannou, I., and G. Serafeim. 2011. *The consequences of mandatory corporate sustainability reporting*. Working Paper 11-100. Boston, Massachusetts: Harvard Business School.
- IoDSA. 2016. *King IV Report on Corporate Governance for South Africa 2016*. Johannesburg: Institute of Directors in Southern Africa.
- ISE. 2010. *Compliance with the Combined Code on Corporate Governance by Irish listed companies*. Report commissioned by the Irish Stock Exchange and the Irish Association of Investment Managers.
- ISS. 2017. *Quality Score: Data-driven insights for a complete ESG risk evaluation*. Website of Institutional Shareholder Services. <https://www.issgovernance.com/solutions/qualityscore/environmental-social/>.
- Jensen, M. C., and W. H. Meckling. 1976. *Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure*. *Journal of Financial Economics* (October) 3 (4): 305–60.
- Khan, M., G. Serafeim, and A. Yoon. 2015. *Corporate sustainability: First evidence on materiality*. Working Paper 15-073. Boston: Harvard Business School.
- Khurana, K. I., R. Pereira, and X. Martin. 2006. *Firm growth and disclosure: An empirical analysis*. *The Journal of Financial and Quantitative Analysis* 41 (2): 357–80.
- Kriz, P., and H. Blomme. 2016. *The future of corporate reporting—Creating dynamics for change*. International Federation of Accountants website (February 23): <https://www.ifac.org/global-knowledge-gateway/viewpoints/future-corporate-reporting-creating-dynamics-change>.
- Klapper, L. F., and I. Love. 2004. *Corporate governance, investor protection and performance in emerging markets*. *Journal of Corporate Finance* 10 (5): 703–28.
- Kowalewski, O., I. Stetsyuk, and O. Talavera. 2008. *Does corporate governance determine dividend payouts in Poland? Post-Communist Economies* 20 (2): 203–18.
- KPMG. 2013. *The KPMG Survey of Corporate Responsibility Reporting*. Amsterdam: KPMG.
- KPMG. 2014. *The KPMG Survey of Better Business Reporting*. Amsterdam: KPMG.
- Kramer, M., and M. Porter. 2011. *Creating shared value: How to reinvent capitalism—and unleash a wave of innovation and growth*. *Harvard Business Review* (January/February): 63–70.
- Lang, M., and R. Lundholm. 1993. *Cross-sectional determinants of analyst ratings of corporate disclosures*. *Journal of Accounting Research* 31 (2): 246–71.
- Leuz, C., K. V. Lins, and F. E. Warnock. 2009. *Do foreigners invest less in poorly governed firms? Review of Financial Studies* 22 (8): 3245–85.
- Leuz, C., and R. Verrecchia. 2000. *The economic consequences of increased disclosure*. *Journal of Accounting Research* 38: 91–124.
- Leuz, C., and P. Wysocki. 2008. *Economic consequences of financial reporting and disclosure regulation: A review and suggestions for future research*. Working Paper. Chicago: University of Chicago.
- London Stock Exchange Group. 2017. *Revealing the Full Picture: Your Guide to ESG Reporting—Guidance for Issuers on the Integration of ESG into Investor Reporting and Communication*. London: London Stock Exchange Group (LSE.L).
- Min, G. 2014. *The SEC and the courts' cooperative policing of related party transactions*. *Columbia Business Law Review* 2014 (3): 663–746.

- Moloi, T. 2014. Disclosure of risk management practices in the top South Africa's mining companies: An annual/integrated report disclosure analysis. *African Journal of Business Management* 8 (17): 681–88.
- MSCI. 2017a. *Foundations of ESG Investing—Part 1: How ESG Affects Equity Valuation, Risk and Performance*. New York: Morgan Stanley Capital International.
- MSCI. 2017b. *Keep it Broad: An Approach to ESG Strategic Tilting* (February). New York: Morgan Stanley Capital International.
- MSCI. 2018. *ESG Ratings Methodology—Executive Summary*. New York: Morgan Stanley Capital International. <https://www.msci.com/documents/10199/123a2b2b-1395-4aa2-a121-ea14de6d708a>.
- Myers, S., and N. Majluf. 1984. Corporate financing and investment decisions when firms have information that investors do not have. *Journal of Financial Economics* 13 (2): 187–221.
- NACD. 2017. *Governance Challenges 2017: Board Oversight of ESG*. Arlington, Virginia: National Association of Corporate Directors.
- Nag, R., D. C. Hambrick, and M.-J. Chen. 2007. What is strategic management, really? Inductive derivation of a consensus definition of the field. *Strategic Management Journal* 28 (9): 935–55.
- Ocean Tomo. 2010. Components of S&P 500 market value. Chart. Chicago: Ocean Tomo, LLC. <http://www.oceantomo.com/2013/12/09/Intangible-Asset-Market-Value-Study-Release/>.
- Ocean Tomo. 2015. *Annual Study of Intangible Asset Market Value*. Chicago: Ocean Tomo, LLC.
- OECD. 2011. *OECD Guidelines for Multinational Enterprises, 2011 Edition*. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development, OECD Publishing. <http://dx.doi.org/10.1787/9789264115415-en>.
- OECD. 2013. Who cares? Corporate governance in today's equity markets. OECD Corporate Governance Working Paper 8. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development, OECD Publishing.
- OECD. 2015. *G20/OECD Principles of Corporate Governance*, OECD Report to G20 Finance Ministers and Central Bank Governors. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development, OECD Publishing.
- OSC. 2015. Report on staff's review of related party transaction disclosure and guidance on best practices. OSC Staff Notice 51-723. Toronto: Ontario Securities Commission.
- PRI. 2012. *Integrating ESG Issues into Executive Pay: Guidance for Investors and Companies*. London: Principles for Responsible Investment, with The Global Compact and UNEP Finance Initiative. http://www.unglobalcompact.org/docs/issues_doc/lead/ESG_Executive_Pay.pdf.
- PRI. 2017a. Investors' recommendations on corporate income tax disclosure. London: Principles for Responsible Investment. https://www.unpri.org/download_report/28015.
- PRI. 2017b. *Shifting Perceptions: ESG, Credit Risk and Ratings*. London: Principles for Responsible Investment. https://www.unpri.org/download_report/36678.
- PwC. 2012a. Corporate governance—Towards best-practice corporate reporting. In *Corporate Governance for Main Market and AIM Companies*. London: White Page Ltd, in association with the London Stock Exchange. 177–86.
- PwC. 2012b. Sustainability goals 2.0: The evolving landscape. Paper. New York: PricewaterhouseCoopers.
- PwC. 2015a. Bridging the gap: Aligning the responsible investment interests of limited partners and general partners. Report. New York: PricewaterhouseCoopers.
- PwC. 2015b. Searching for buried treasure: A review of corporate reporting in the FTSE 350 for 2015. Report. New York: PricewaterhouseCoopers.
- PwC. 2016a. *Guide to Key Performance Indicators*. New York: PricewaterhouseCoopers.
- PwC. 2016b. Investors, corporates, and ESG: Bridging the gap. Report. New York: PricewaterhouseCoopers.
- PwC. 2016c. *Streamlining Remuneration Reporting*. New York: PricewaterhouseCoopers.
- Rasmusen, E. 1989. *Games and Information: An Introduction to Game Theory*. United Kingdom: Basil Blackwell.
- Rumelt, R. 2011. *Good Strategy/Bad Strategy*. Redfern, New South Wales, Australia: Currency.
- S&P Dow Jones and RobecoSAM. 2017. *Measuring Intangibles: RobecoSAM's Corporate Sustainability Assessment Methodology*. Dow Jones Sustainability Indexes. http://www.robecosam.com/images/Measuring_Intangibles_CSA_methodology.pdf.
- SASB. 2015. *Does Using the Term "Materiality" in Your CSR Report Create Risk?* Stockholm, Sweden: Sustainability Accounting Standards Board.
- SASB. 2017. Exposure draft for SASB Sustainability Accounting Standards. Sustainability Accounting Standards Board. <https://www.sasb.org/download-the-standards/>.
- SASB. 2018. Materiality: Why is it important? Website. Stockholm, Sweden: Sustainability Accounting Standards Board. <https://www.sasb.org/materiality/important/>.
- SBV, IFC, FMO, and DCG. 2015. *Vietnam Guidebook for Banks: Related Party Transactions*. Washington, D.C.: The State Bank of Vietnam, International Finance Corporation, The Netherlands Development Finance Company (FMO), and Dragon Capital Group Limited.
- Schoenbaum, T. J. 1972. The relationship between corporate disclosure and corporate responsibility. *Fordham Law Review* 40 (3): 565–94.
- SD-M. 2016. *SD-KPI Standard 2016–2021: A Standard of Standards for Sector-Specific and Material Sustainable Development Key Performance Indicators (SD-KPIs) Used in Annual Reports and Institutional Investments*. Hannover, Germany: Sustainable Development Management (SD-M GmbH).
- SEC. 1989. Interpretation: Management's discussion and analysis of financial condition and results of operations; Certain investment company disclosures. Release No. 33-6835 (May 18). Washington, D.C.: U.S. Securities and Exchange Commission. <https://www.sec.gov/rules/interp/33-6835.htm>.

- SEC. 2003. Interpretation: Commission guidance regarding management's discussion and analysis of financial condition and results of operations. Release Nos. 33-8350; 34-48960; FR-72 (December 29). Washington, D.C.: U.S. Securities and Exchange Commission. <https://www.sec.gov/rules/interp/33-8350.htm>.
- Stein, J. 2003. Agency costs, information, and capital investment. Chapter 2 in *Handbook of the Economics of Finance*. G. Constantinides, M. Harris, and R. Stulz, eds. Boston, Massachusetts: Elsevier/North-Holland. 111–163.
- Stern, Nicholas. 2007. *Stern Review on the Economics of Climate Change*. London: British Government. www.sternreview.org.uk.
- Sustainable Stock Exchanges Initiative. 2014. Sustainable Stock Exchanges 2014 Report on Progress. Prepared by UNCTAD, PRI, The Global Compact, and UNEP Finance Initiative.
- Sustainable Stock Exchanges Initiative. 2016a. *Model Guidance on Reporting ESG Information to Investors: A Voluntary Tool for Stock Exchanges to Guide Issuers*. New York: Sustainable Stock Exchanges Initiative.
- Sustainable Stock Exchanges Initiative. 2016b. Sustainable Stock Exchanges 2016 Report on Progress. Prepared by UNCTAD, PRI, The Global Compact, and UNEP Finance Initiative.
- TCFD. 2017. *Final Report: Recommendations of the Task Force on Climate-related Financial Disclosures*. (June). Basel, Switzerland: Financial Stability Board Task Force on Climate-related Financial Disclosures.
- Thomson Reuters. 2018. *Thomson Reuters ESG Scores*. New York: Thomson Reuters EIKON. <https://financial.thomsonreuters.com/content/dam/openweb/documents/pdf/financial/esg-scores-methodology.pdf>.
- TMX and CPA Canada. 2015. *A Primer for Environmental & Social Disclosure*. Toronto: Toronto Stock Exchange and Chartered Professional Accountants of Canada.
- UNCTAD. 2013. *Best Practice Guidance for Policymakers and Stock Exchanges on Sustainability Reporting Initiatives*. Geneva: UN Conference on Trade and Development.
- UNEP, GRI, KPMG, CCGA. 2013. *Carrots and Sticks: Sustainability Reporting Policies Worldwide—Today's Best Practice, Tomorrow's Trends*. The Centre for Corporate Governance in Africa, The Global Reporting Initiative, KPMG, and the United Nations Environment Programme. <https://www.globalreporting.org/resource/library/Carrots-and-Sticks.pdf>.
- Unruh, G., D. Kiron, N. Kruschwitz, M. Reeves, H. Rubel, and A. M. zum Felde. 2016. Investing for a sustainable future: Investors care more about sustainability than many executives believe. *MIT Sloan Management Review* (May).
- Verrecchia, R. 2001. Essays on disclosure. *Journal of Accounting and Economics* 32 (1–3): 97–180.
- WBCSD. 2014. *Reporting Matters*. Geneva: World Business Council on Sustainable Development.
- WFE. 2016. Exchanges and Sustainability: Results of the 2016 survey of the WFE membership. Report. London: World Federation of Exchanges.
- World Bank. 2008. *Report on the Observance of Standards and Codes (ROSC) Kingdom of Thailand: Accounting and Auditing*. Washington, D.C.: The World Bank.
- World Bank. 2012. *Report on the Observance of Standards and Codes (ROSC): Corporate Governance Country Assessment: Malaysia*. Washington, D.C.: The World Bank.
- World Bank. 2013. *Report on the Observance of Standards and Codes (ROSC): Corporate Governance Country Assessment: Thailand*. Washington, D.C.: The World Bank.
- World Bank Group. 2013. *South Africa—Report on the Observance of Standards and Codes: Accounting and Auditing*. Washington, D.C.: The World Bank Group.

2121 Pennsylvania Avenue,
NW Washington, DC 20433 USA
Tel: +1 (202) 458-8097
www.ifc.org/corporategovernance
www.ifc.org/sustainability

THÁNG 9, 2018